CỎ THƠM

MÙA ĐÔNG 2015

CHỦ NHIỆM
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ
PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ
PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT
TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE
PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY
DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP
HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.
ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TẰNG GIAO. VŨ HỐI.
NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.
HUY LÃM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
ĐĂNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN
TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
NGUYÊN BẠCH: Lake Wood, WA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyên Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,
Ô.B. Phạm Hữu Bính, Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung,
B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung,
Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Phấy,
Ô.B. Nguyễn Lân, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga,
Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thi Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng, Ô.B. Lưu Quang,
B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. B. Đèo Văn Sách,
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường,
Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO **Trang**

NGUYỄN VĂN THÀNH và BÙI KHÁNH: Đi Chùa Hương 10
TRẦN BÍCH SAN: Tự Lực Văn Đoàn 21
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Quê Hương Và Con Người … 34
PHẠM VĂN TUẤN: Jean Patrick Modiano 42
PHẠM TRỌNG LỆ: Mầu Thời Gian… 49
HẢI BẰNG HDB: Công Đức Hai Bà Trưng 58
PHẠM THỊ NHUNG: Nguồn Gốc Và Mỹ Tục… 65
TRƯƠNG MINH CHÂU: Chinese Brush Painting 95
PHAM TRỌNG LÊ: Tranh mực tàu vẽ bằng bút lông (dịch) 99
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG: Sơ Lược Về Hát Bội 127
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Nghệ Thuật Nhiếp Trắng 134

VĂN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Xuân Tưởng Niệm 7
TRẦN TAM NGUYÊN: Nhận Thức Về Thiền 71
NGUYỄN XUÂN HOÀNG: Tự Truyện Của Một Người… 79
PHẠM HỮU BÍNH: Bên Phải, Bên Trái 88
NGÔ TẰNG GIAO: Xuân Hoài Hương 103
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Hai Lúa Đi Mỹ 107
PHẠM BÁ: Chuyện Bên Đường 116
ĐỖ BÌNH: Chặng Đường 140
Ỷ NGUYÊN: Một Ngày Tháng Tư 145
NGUYỄN MÂY THU: Mùa Xuân Ngân Giang 152
DIỆM TRÂN: 40 Năm Nhớ Lại 158
TÔN NỮ MẶC GIAO: Làm Sao Quên 163
DIỄM CHÂU CÁT ĐƠN SA: Làm Đẹp 167
VĂN QUANG: Ngày Cuối Năm Với Bạn Bè 173
PHAN ANH DŨNG: "Em Tôi" và Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu 178
NGUYỄN T. N. DUNG: Vài Kỷ Niệm Với NS Lê Trạch Lựu 181
TIỂU THU: Cơn Mưa Bất Chợt 182
PHÁT VŨ: Về Bài Hát "Tôi Đang Mơ Giấc Mộng Dài" 188
PHƯƠNG DUY TDC: Joyeux Valentin 189
NGUYỄN T. N. DUNG Bán Sách Chợ Tết Ất Mùi 195

THƠ

VI KHUÊ: Đừng Nói Năng Gì 20
TUỆ NGA: Thơ Xuân 41
THANH THANH LXN: Giữa Xuân 48
LÝ HIẾU: Tết Tha Hương 48
BÙI THANH TIÊN: Nét Hằn Cằn Cỗi 57
NGUYỄN PHÚ LONG: Xem Tờ Gia Phả 57
PHAN KHÂM: Sài Gòn-Paris 64
NGUYỄN VÔ CÙNG: Đợi Xuân. Chiêu Niệm Tháng Tư 64
ĐĂNG NGUYÊN: Tôi với Mùa Xuân 73
MOTTHOI: Thiệp Xuân 90
LÊ MAI LĨNH: Áo Lụa Vàng 78
NS VÂN NƯƠNG LÊ NGỌC CHẤN 93
PHẠM THỊ NHUNG: 94
Tết Về Nhớ Chị Vân Nương 94
TUỆ NGA: Xuân Chiều Lạc Phố 106
NGÔ TẰNG GIAO: Xuân Viễn Xứ 106
Ý ANH: Lưu Vong 115
LÝ HIẾU: Dâng Người Lục Bát 115
MẠC LY HƯƠNG: Xâun Về Nhớ Cha 115
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Mặc Niệm Chiều Xuân 124
NGÔ ĐÌNH CHƯƠNG: Xuân Tết Tha Hương 126

HỒ CÔNG TÂM: Đám Cưới Xuân Xưa 126
NGUYỄN PHÚ LONG:
Buổi Sáng Ngày Xuân 126
PHAN KHÂM: Xuân Xuân 126
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:
Con Kể Cha Nghe 151
Ý ANH: Huyết Nguyệt 157
THU LÊ: Tấm Lòng Bà 166
HOÀNG SONG LIÊM:
Xuân Trên Đất Khách 186

NHẠC
LÊ TRẠCH LỰU: Em Tôi 180
NGUYỄN ÁNH 9 & HỒNG THỦY
Xuân Viễn Xứ 193

TIỂU SỬ TÁC GIẢ
TRƯƠNG MINH CHÂU 102
VĂN QUANG 177

GIỚI THIỆU
HÀ NGUYỄN &ASSOCIATES 002
DVD MÙA CỔ TÍCH 33
DVD ƯỚC MƠ: Phan Khâm 56
TUYỂN TẬP THƠ LÊ MAI LĨNH 96
WASHINGTON MUSIC: 162
Văn Phòng
BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG 172
Văn Phòng BS NGUYỄN QUỐC QUÂN 192
SOVEREIGN REALTY, INC. 194
DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ
TẬP 1 và 2 202
TỦ SÁCH CỔ THƠM 203
HARVEST MOON RESTAURANT 204
Văn Phòng LS IVAN M. WALDMAN & 205
ASSOCIATES

TRANH ẢNH
TRƯƠNG MINH CHÂU: 001
Đôi Bạn – Tranh bìa trước
BÀN SÁCH BÁO CHỢ TẾT 200
TRƯƠNG MINH CHÂU:
Hoa Mẫu Đơn - Bìa sau 206

BÀN SÁCH BÁO CỔ THƠM - CHỢ TẾT ẤT MÙI



XUÂN TƯỞNG NIỆM

Hơn 40 năm trên đất Mỹ, tôi chưa bao giờ cảm thấy mùa đông nghiệt ngã như mùa đông vừa qua. Tổng cộng tuyết chỉ rơi khoảng 50", nhưng hàn thử biểu nhiều khi xuống dưới không 0°F. Có lần gió thổi với tốc độ 60mph (60 dặm một giờ.) Đêm nằm mất ngủ vì gió thổi vù vù qua vườn cây như Đỉnh Gió Hú, Wuthering Heights, Sinh hoạt trong vùng bị hủy bỏ hoài. Học trò nghỉ liên miên ở nhà đến chán ngấy cả chơi băng tuyết. Vùng Bắc Đông Bắc Mỹ (Boston) mới là khổ cực. Bão tuyết liên tiếp chưa từng thấy trong mấy chục năm. Tuyết chất cao như núi, vài độc giả cứ tưởng vùng của tòa soạn Cỏ Thơm, phiá Nam Đông Bắc Virginia, nên thăm hỏi ân cần. Thật cảm động.

Bước sang mùa Xuân 2015, người Việt khắp nơi đều ngậm ngùi tưởng niệm 40 năm ngày Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm Miền Nam, 30 tháng 4, 1975. Không riêng gì người tị nạn bỏ nước ra đi, tất cả những người lớn lên thời điểm đó còn ở lại Việt Nam đều không thể quên được ngày đen tối này. Hai bản nhạc đã ra đời trong thời điểm đó là "*Vĩnh Biệt Sài Gòn"* của NS Nam Lộc và "*Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên"* của NS Nguyễn Đình Toàn đã làm nhức nhối, lịm hồn và đổ bao nhiêu nước mắt của người Miền Nam mỗi khi nghe. Hàng ngàn quyển sách, hàng triệu dòng chữ uất nghẹn đã ghi lại cái ngày đau thương kia của chúng ta. Người của Chính Phủ Miền Nam Cộng Hòa ở lại bị tù đầy khổ ải, bị cướp bóc tài sản, gia đình bị đối xử tàn tệ. Người ra đi chết sông, chìm biển oan nghiệt. Người sống sót cập bến bờ tự do, lập lại cuộc đời ở xứ người, học hỏi, nuôi dậy con cái nên người có giáo dục, tài năng, đạo đức và là công dân tốt ở các quốc gia đã bao dung họ. Nhiều con cháu thành danh làm vẻ vang dân Việt.

Chúng ta không khỏi thương xót, buồn cho quê hương cũ vẫn còn những áp bức, tù đầy, tham nhũng, bóc lột. Đời sống giới bình dân vẫn không hơn gì nửa thế kỷ trước. Đất nước bị giặc Tầu tràn lan, cắt xén dần mòn. Nhà cầm quyền vô tâm, vô tình với đồng bào cùng dòng huyết sử, nói chi tới giặc tầu phương Bắc?! *Mấy đời bánh đúc có xương, Mấy đời Trung Quốc có thương dân mình!*

Báo Cỏ Thơm số xuân này cũng có nhiều bài viết, bài thơ tưởng niệm ngày 30 tháng tư đau thương, tâm sự trên bước đường tị nạn, hội nhập quốc gia cứu nhận và lập nghiệp để thấy người Việt chúng ta thông minh, chịu khó học hỏi xây dựng cuộc đời trên các nước văn minh, tân tiến.

Trong những tháng cuối năm vừa qua có vài tin buồn đã đến với Cỏ Thơm. Nữ sĩ Vân Nương, Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu và độc giả Lê Thuý Hà đã từ biệt cõi trần. Cỏ Thơm buồn hơn vì chỉ được biết tin vài tuần, vài tháng sau khi ba vị trên ra đi vĩnh viễn.

- Bà Lê Thuý Hà là cảm hứng của Nguyễn Thị Ngọc Dung viết một truyện trong tập "*Một Thoáng Mây Bay"* cách nay mười mấy năm. Thúy Hà như con mọt sách, gậm nhấm hết tập báo này đến quyển sách kia. Đọc sách, đọc báo là giải trí duy nhất của Thuý Hà. Bà đã mua báo Cỏ Thơm đều đặn từ nhiều năm nay, dù tài chánh không được dồi dào, dù

Cỏ Thơm thông cảm muốn tặng báo. Mùa thu năm ngoái Ngọc Dung gọi tới Thuý Hà mời tham dự Picnic Cỏ Thơm. Giọng Thuý Hà có vẻ yếu, nói rằng đang đau mệt và cũng không có phương tiện di chuyển. Tôi tưởng bạn cảm cúm thường thôi. Ai ngờ!... Thuý Hà là cựu nữ sinh Trưng Vương dưới tôi vài lớp, Còn trẻ hơn Ngọc Dung, sao bạn đã vội ra đi? Báo Cỏ Thơm số mùa đông vừa qua được gửi đến địa chỉ Thuý Hà và đã bị trả lại. Cũng may bạn Tâm Đạt, hội viên Cỏ Thơm, đi chùa thấy ảnh Thuý Hà trên bàn thờ, mới kêu gọi các bạn Trưng Vương, kể cả chủ nhiệm Cỏ Thơm, lên chùa xin một lễ cầu nguyện cho bạn Lê Thuý Hà. Cầu mong ở chốn Vĩnh Hằng bạn vẫn có thể theo dõi đọc được các sách báo và sinh hoạt Cỏ Thơm qua một luồng viễn thông huyền bí, thiêng liêng nào đó.

- Nữ sĩ Vân Nương, khuê danh Trần Thị Vân Chung, pháp danh Tuệ Nguyệt, sinh ngày 01/01/1919 tại Thanh Hóa, mãn phần ngày 11/01/2015, tại Sarlat vùng Dordogne, miền Nam nước Pháp, hưởng thọ 96 tuổi. Bà là phu nhân Luật sư Lê Ngọc Chấn, (một chiến sĩ Cách Mạng VNQĐD, từng là Bộ trưởng Quốc phòng thời Đệ nhất Cộng Hòa Miền Nam, từng bị tù ba năm thời chế độ Ngô Đình Diệm vì tham gia nhóm Caravelle, từng là Đại sứ VNCH tại Anh quốc, từng bị tù Cộng sản năm năm, được cho ra khỏi tù thì năm sau qua đời tại Sài-Gòn). Chồng mất rồi, năm sau, Nữ sĩ Vân Nương mới được Nhà nước Cộng sản chấp thuận cho phép sang Pháp, đoàn tụ với gia đình người con ở Sarlat. Bà là hội viên của Thi đàn Quỳnh Dao, Hội Thơ phái nữ đầu tiên thành lập năm 1962 tại Sài-Gòn, với cụ Cao Ngọc Anh (con quan đại thần Cao Xuân Dục) làm niên trưởng kỳ I, quy tụ bao nhà thơ nữ trổi vượt như Đào Vân Khanh (thân mẫu nhạc sĩ Vũ Thành), rồi Mộng Tuyết, Tôn Nữ Hỷ Khương, Uyển Hương, Vân Nương, Tuệ Nga, Cao Mỵ Nhân…, hầu hết đều theo Phật giáo*. Bà cộng tác với đôi báo chí người Việt hải ngoại, đặc biệt với Tam Cá nguyệt san Viên Giác ở Đức. (Trích bài bình thơ, "Nhà Thơ và Tình Đạo" của Giáo sư Nguyễn Thuỵ viết về thơ Nữ Sĩ Vân Nương sẽ đăng báo Cỏ Thơm số sau.) Nữ Sĩ Vân Nương cũng cộng tác với Tam Cá Nguyệt San từ số 7 năm 1998 đến số 45 năm 2008 và tham dự tuyển tập thơ xướng họa "Hoài Cảm" do Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản năm 2003. Xin xem trang 93.

- Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu mất ngày 6-2-2015, hưởng thọ 84 tuổi. Trong dịp Đại Hội Thu Tao Ngộ, Paris do Văn Thi sĩ Đỗ Bình tổ chức, ngày 4 tháng 10, 2009, tôi đã gặp Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu, tác giả bản nhạc "Em Tôi" mà những người yêu ca nhạc ở thế hệ Nguyễn Thị Ngọc Dung đều yêu thích. Sau đó tôi mời Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu gửi cho chúng tôi tiểu sử cùng những bản nhạc và bài viết của ông để đăng lên Website Cỏ Thơm. Chúng tôi hân hạnh có một vài kỷ niệm rất đáng ghi nhớ dù nhỏ, dù ngắn ngủi với ông nhưng không bao giờ quên. Xin xem bài viết của Phan Anh Dũng và Nguyễn Thị Ngọc Dung trang 178-181.

Băng tuyết mùa đông qua đã không làm lịm tắt sự phẫn nộ phản đối sự khủng bố của bọn Isis. Chúng không xâm lăng được các cường quốc Âu Mỹ, nhưng cũng làm chúng ta cảm thấy mất an ninh. Bọn Isis đã chém đầu, đốt sống con tin, đã giết hại 12 nhà báo Pháp Charlie Hebdo, 4 thường dân, và một cảnh sát viên tại Paris ngày 01/09/2015. Cả

triệu dân Paris đã xuống đường biểu tình phản đối quân khủng bố. Chúng cũng bắt cóc và giết hại hằng trăm người lớn, trẻ con Thiên Chúa Giáo và Jewish. Không cần xuống âm ty, địa ngục chúng ta cũng nhìn thấy quỷ sứ ngay trên trái đất này. Hoa Kỳ và nhiều nước trên thế giới đang hô hào cùng nhau tận diệt nạn khủng bố Isis.

Năm 2015 này cũng là năm Cỏ Thơm bước vào tuổi 20. Thật là một thời gian không tưởng ở bước khởi đầu. Cỏ Thơm xin chân thành cảm tạ quý độc giả, quý vị ân nhân ủng hộ mua báo dài hạn, cho quảng cáo từ bao nhiêu năm qua, Xin cảm tạ quý văn, thi, họa, nhạc sĩ tác giả đã tín nhiệm Cỏ Thơm, chọn mặt gửi vàng. Dù giới văn học cho rằng tình hình sách báo, sáng tác văn chương yếu kém đi, Cỏ Thơm vẫn có thêm độc giả và tác giả, dù trong mấy năm qua đã có nhiều khuôn mặt khuất bóng. Nhưng tre già măng mọc. Khi còn trẻ, những cây viết bận công việc mưu sinh, không viết nhiều, khi về hưu có thời giờ thả hồn trên màn ảnh điện tính, tung hoành mười ngón tay trên keyboard. Chúng tôi rất vui mừng nhận được những suy tư, tâm sự, biên khảo, thi, họa, nhạc của các tác giả gửi tới. Nhưng vì số trang có hạn, Cỏ Thơm bắt buộc phải cắt một nửa vài bài viết dài và gác lại những bài được gửi đến muộn và sẽ đăng vào số báo tới. Chúng tôi thành thực xin lỗi và mong quý tác giả thông cảm.

Tết Ất Mùi vừa mới qua được hơn một tháng nên quý vị để ý thấy rằng dư âm ngày Tết vẫn còn vang trong số báo Xuân này của Cỏ Thơm. Xin mời quý vị đọc Bàn Sách Báo Chợ Tết trang 195 và rất nhiều bài thơ, văn, nhạc về Tết. Nhưng khi báo Cỏ Thơm số 70 này đến tay quý vị, sẽ không còn mưa tuyết, thời tiết đã ấm áp và thực sự là mùa xuân Tây phương có hoa nở trong công viên, vườn nhà. Cỏ Thơm chào mừng mùa xuân của đất trời với bìa trước và bìa sau là tranh hoa sumi-e, loại tranh vẽ bằng bút lông và mực màu, rất đẹp của Họa sĩ Trương Minh Châu. (Xin xem trang 95).

Đặc biệt nội dung báo còn có giai thoại rất đẹp về Nhà thơ tiến chiến Nguyễn Nhược Pháp do Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành và Bùi Khánh biên soạn, trang 10. Biên khảo gia Trần Bích San cũng cho chúng ta tìm thấy nhiều tài liệu giá trị về Tự Lực Văn Đoàn, trang 21.

Sau cùng, xin thông báo cùng quý vị, Lễ Kỷ Niệm sinh nhật Cỏ Thơm năm nay sẽ được tổ chức vào Chủ Nhật 21 tháng 6, 2015 tại một nhà hàng ở Falls Church, Virginia. Chương trình có trưng bày sách báo, ăn trưa, tri ân Ban Trị Sự, giới thiệu các tác giả ở xa về và có văn nghệ với thơ nhạc của các tác giả và nghệ sĩ Cỏ Thơm. Xin quý vị tác giả và độc giả gần xa để dành ngày giờ này tham dự buổi Đại Hội thứ 20 của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Giá vé rất khiêm nhượng US$30. Các tác giả ở xa sẽ được mời.

Chúc quý vị một mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, một mùa xuân cuộc đời yên vui, hạnh phúc. Chúc Thế giới hòa bình và hết nạn khủng bố.

Hẹn tái ngộ cùng quý vị.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

ĐI CHÙA HƯƠNG

Nguyên Văn Thành và B.K.

sưu tầm hợp soạn

Đi Chùa Hương

Hôm nay đi Chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy me em dậy,
Em vấn đầu soi gương.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào;
Quần lĩnh, áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.

Me cười: "Thầy nó trông!
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá!
Bao giờ cô lấy chồng?"

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm,
Nhờ mối mai đưa tiếng,
Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm!
(Ý đợi người tài trai).

Em đi cùng với me.
Me em ngồi cáng tre,
Thầy theo sau cưỡi ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoe.

Thầy me ra đi đò,
Thuyền mấp mênh bên bờ.
Em nhìn sông nước chảy
Đưa cánh buồm lô nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.

Người đâu thanh lạ thường!
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương?

Chàng ngồi bên me em,
Me hỏi chuyện làm quen:
"Thưa thầy đi chùa ạ?
Thuyền đông, trời ôi, chen!"

Chàng thưa: "Vâng, thuyền đông!"
Rồi ngắm trời mênh mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn phớt áng mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ.
Ngâm nga chàng đọc thơ.
Thầy khen: "Hay! Hay quá!"
Em nghe rồi ngẩn ngơ.

Thuyền đi. Bến Đục qua.
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói:
"Nam vô A-Di-Đà!"

Réo rắt suối đưa quanh.
Ven bờ, ngọn núi xanh,
Nhịp cầu xa nho nhỏ.
Cảnh đẹp gần như tranh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngồi.
Tới núi con Voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây.
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.

Em đi, chàng theo sau.
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Số gian nan không giàu.

Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lô nhô.

Chen vào thật lắm công.
Thầy me em lễ xong,
Quay về nhà ngang bảo:
"Mai mới vào chùa trong."

Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
"Mai ta vào chùa trong!"

Đêm hôm ấy em mừng.
Mùi trầm hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.

Em mơ, em yêu đời!
Mơ nhiều... Viết thế thôi!
Kẻo ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nực cười!

Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.

Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
Vì thương me quá mệt,
Săn sóc chàng đi theo.

Me bảo: "Đường còn lâu,
Cứ vừa đi ta cầu
Quan-Thế-âm-bồ-tát
Là tha hồ đi mau!"

Em ư? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau.
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu).

Khi qua chùa Giải-oan,
Trông thấy bức tường ngang,
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm tắc thầy khen: "Hay!
Chữ đẹp như rồng bay."
(Bài thơ này em nhớ,
Nên chả chép vào đây).

Ô! Chùa trong đây rồi!
Động thắm bóng xanh ngời.
Gấm thêu trần thạch nhũ,
Ngọc nhuốm hương trầm rơi.

Me vui mừng hả hê:
"Tặc! Con đường mà ghê!"
Thầy kêu: "Mau lên nhé!
Chiều hôm nay ta về."

Em nghe bỗng rụng rời
Nhìn ai luống nghẹn lời!
Giờ vui đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi!

Làn gió thổi hây hây,
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thở.
Chàng ôi, chàng có hay?

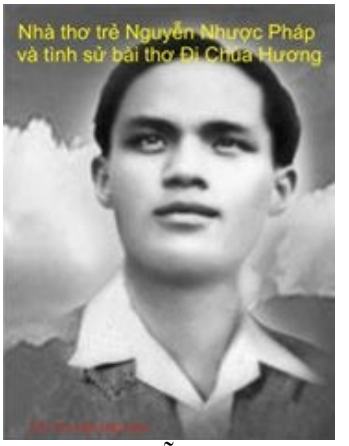
Đường đây kia lên trời,
Ta bước tựa vai cười.
Yêu nhau, yêu nhau mãi!
Đi, ta đi, chàng ôi!

Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng.

Chúng ta thường biết đến nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp qua bài thơ: Đi chùa Hương, nhưng ít người biết đến đời sống và tình yêu của nhà thơ này. Bài này gồm 2 phần:

Phần 1: Tuổi thơ Nguyễn Nhược Pháp, chuyện ít người biết

- Hai tuổi mồ côi mẹ, hưởng dương tròn hai Giáp (24 năm), người con trai của học giả Nguyễn Văn Vĩnh thật là điển hình của sự bất công tạo hóa. Thế nhưng tạo hóa đã bù lại, ban cho con người những thiên bẩm, tài hoa đặc biệt. Đó là một trang nam nhi tuấn tú, đa tài, gắn trên bầu trời thi ca nước Việt những ánh sao lung linh



Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp

Nguyễn Nhược Pháp là kết quả mối tình sét đánh giữa học giả Nguyễn Văn Vĩnh, một người đa tài, đa tình đất Hà thành và cô gái Lạng Sơn, Phan Thị Lựu.

Năm 1913 ông Vĩnh có khách sạn Trung Bắc ở nhà 50 phố Hàng Trống, gần hồ Gươm - Hà Nội… Cô Lựu thường qua lại trọ ở khách sạn, nên quen biết ông Vĩnh. Rồi do duyên số, họ nên vợ nên chồng. Khách sạn Trung Bắc nằm trong khuôn viên rộng mấy nghìn mét vuông. Mặt trước quay chính phố Hàng Trống, mặt sau quay ra phố Lý Quốc Sư. Cả hai mặt đều có cổng lớn, bên trong xung quanh có vườn, cây cối xanh tươi và cổ thụ. Giữa khuôn viên này là một biệt thự ba tầng, trang bị hiện đại để làm nhà khách sạn.

Bà Phan Thị Lựu ở tầng hai. Tại mảnh đất thơ mộng này, ngày 12-12-1914, Nguyễn Nhược Pháp ra đời, sau này tên tuổi in đậm trong "Thi nhân Việt Nam". Ông Vĩnh đi làm, đến trưa thì nghỉ lại khách sạn với người vợ hai, tối mới về phố Mã Mây với vợ cả và các con. Tưởng thế cũng là yên ổn, nhưng số phận con người đa tài, đa tình lại vướng bận thêm nhiều và không thể dừng ở đó. Vừa tuổi lên 2 (năm 1916), Nguyễn Nhược Pháp mồ côi mẹ. Khi biết tin ông Vĩnh có thêm một người đàn bà khác, mà là một cô đầm lai đẹp như thiên thần, thì Phan Thị Lựu không làm chủ được tình cảm của mình. Nỗi ghen tuông đã trào lên và bà đã tìm cái chết để giải thoát. Chập chững những bước chân trên đường đời, Nguyễn Nhược Pháp được bà Đinh Thị Tính - vợ cả ông Vĩnh - mẹ cả đón về nuôi như con đẻ, với một câu thở than: Cái bà Lựu ghen ngược. Người ghen phải là tôi…

Từ đó cho đến lúc lìa đời, suốt 22 năm (1916- 1938), Nguyễn Nhược Pháp đều sống với những người anh em cùng cha khác mẹ, trong một đại gia đình, thật vui vẻ và nhiều kỷ niệm sâu sắc. Đọc những trang hồi ức của những người thân trong gia đình phần nói về tuổi thơ Nguyễn Nhược Pháp, mới thấy rằng đây là một con người có nhiều phẩm chất cao quý, khi còn ấu thơ.

Năm 1923, gia đình Nguyễn Văn Vĩnh đã chuyển từ phố Mã Mây về phố Thụy Khuê, trước trường Bưởi (trường Chu Văn An bây giờ) gần hồ Tây. Đây là một trong những tài sản lớn của ông F.H Schneider- một người Pháp, vốn là đồng nghiệp làm nhà in, xuất bản báo, vì yêu mến ông Vĩnh đã chuyển nhượng cho trước khi ông này về hưu ở cố quốc. Nhà ông Vĩnh đông người, nhiều con, lại thêm bạn các con ở tỉnh lẻ về ở nhờ để tiện bề ăn học… vậy mà vẫn rất thoải mái. Gia sản đất đai của Schneider là một khu đất rộng hơn ba nghìn mét vuông. Trong này có biệt thự hai tầng, có xưởng máy giấy mái vòm, bê tông cốt thép, không cột. Ông Vĩnh sửa lại thành nhà thờ và nhiều phòng để ở. Có mười gian nhà ngang, có bếp, nhà để xe, các phòng cho người nhà sinh hoạt…

Bấy giờ hai người con lớn của bà Vĩnh là Nguyễn Hải và Nguyễn Giang đang đi học ở nước ngoài. Còn ba người con gái: Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Nội, Nguyễn Thị Vân đã lớn, được ở khu biệt thự với bà Vĩnh và một người cô ruột là bà Nguyễn Thị Tý, làm dược sỹ ở nhà thương Phủ Doãn… Nguyễn Nhược Pháp được ở chung với 7 anh chị em còn nhỏ tuổi ở khu nhà ngang. Trong đó có Nguyễn Thị Mười, Nguyễn Dực, Nguyễn Hồ còn quá nhỏ, không tự lực được trong sinh hoạt, nên có một u già trông nom… Họ sống rất thoải mái, tự do và khép kín, tự quản, dường như người lớn không ai để ý đến… Buổi sáng hằng ngày, Nhược Pháp cùng anh chị em học chữ nho khoảng nửa giờ do ông tú tài Phùng Năng Tĩnh người Bát Tràng làm gia sư, dạy dỗ. Rồi họ đạp xe đi học trường tư. Mọi sinh hoạt khác như giặt quần áo, cơm nước đã có người lo hết. Trong số 7 anh em, Nhược Pháp là con bà hai, được coi là anh, mặc dù sinh sau Nguyễn Dương (con mẹ cả) mấy tháng.

Thời xưa xã hội coi những người con vợ bé, chỉ là con thêm vợ nhặt. Nhưng nhà ông Vĩnh không hành xử theo lối ấy. Theo kể lại, Nguyễn Nhược Pháp thông minh, đẹp trai, học giỏi có đầu óc tổ chức, nhiều sáng kiến, làm đầu tầu cho các em trong các hoạt động, sinh hoạt thể thao, vui chơi rất

văn hóa. Nhược Pháp có sáng kiến làm một bản hợp đồng nội bộ, cấm nói nhảm nhí. Cậu soạn ra khoảng 50 câu thông dụng hằng ngày mọi người cần tránh, ví như những từ ngữ: đếch, bỏ mẹ, bỏ xừ…, hoặc những câu chửi thề không ai được nói… Ai lỡ lời nói, người nào nghe thấy, có quyền cốc vào đầu, véo tai, coi như một hình thức phạt. Nhược Pháp bày trò tập bơi. Khi thì hồ Tây, khi thì ra ao đình làng Thụy Khuê, lúc đến hồ Trúc Bạch. Bảy anh em đều biết bơi kể cả con gái. Nhược Pháp yêu môn bơi lội nhất. Cho tới những ngày mới bị bệnh, anh vẫn chưa chịu bỏ bơi. Ngày chủ nhật, Nhược Pháp tổ chức đua xe quanh Hồ Tây, có giải thưởng, thu hút các bạn học cùng tham gia. Lại tổ chức trượt pa-tanh. Ban đầu chơi trên đường Hoàng Hoa Thám, sau đường đua dài đến Quần Ngựa, vòng trở về lối Thụy Khuê… Rồi tổ chức tham quan du lịch bằng xe đạp, quanh Hồ Tây, rồi quanh Hà Nội và đi xa hơn.

Mỗi tuần, cha thường cho các con tiền đi xem chiếu bóng, Nhược Pháp rủ rê mấy anh chị lớn hơn, để dành tiền ấy, làm vốn in báo Tuổi Cười. Nhược Pháp làm chủ nhiệm, Nguyễn Phổ làm chủ bút, Nguyễn Kỳ quản lý nhà in. Báo in thạch, hai màu đỏ và tím. Mỗi tháng một số, có 16 trang, khổ 15x20 cm. Nội dung tờ báo là thông báo những tin tức gia đình, nêu tên ai học giỏi, phê phán những việc xấu. Lại có trang thể thao, biểu dương kỷ lục mới(trong gia đình), có quảng cáo các buổi diễn kịch, diễn xiếc do anh chị em tổ chức trong nhà. Trang cuối có in thơ của Nhược Pháp sáng tác. Mỗi số ra 10 tờ, bán 5 xu cho người lớn và các anh chị lớn. Báo phát hành được mấy năm. Sau này lớn lên, Nhược Pháp đã chọn những bài thơ trong báo Tuổi Cười, thành tập thơ Ngày Xanh. Nhược Pháp còn tổ chức một đội kịch gia đình, mà chính anh viết kịch bản và đạo diễn… Các anh chị em làm diễn viên. Nhà có xưởng in rộng, họ kê bàn ghế thành sân khấu, tạm dùng câu đối nhà thờ trang trí, lại làm phông màn, chăng điện… nghĩa là như sân khấu thật. Giá vé 5 xu một chỗ ngồi. Những người lớn trong nhà cũng mua vé và ngồi xem cổ vũ con em mình… Có buổi ông Vĩnh cũng ngồi xem các con diễn, ông thấy lòng tràn ngập niềm vui… Nhược Pháp còn hướng dẫn thành lập đội xiếc, phân vai diễn: Người diễn xiếc xe đạp, người làm ảo thuật,, người dậy thú, người thổi kèn. Nguyễn Nhược Pháp có những thú vui thật giản dị, không giống bất cứ một thiếu gia nào thời bấy giờ. Chăm chỉ học hành, yêu quý mọi người, và biết tự lập. Viết xong một bài thơ, một truyện ngắn, vở kịch…khi có tiền nhuận bút thì rủ một hai em, hay vài bạn bè đi ăn phở xách Nghi Xuân bang thất ở phố Hàng Đàn, giá 5 xu một bát… Nhược Pháp đã viết được một số vở kịch, và có một ước mơ, là cùng với Phạm Huy Thông, bạn học thời ở Trung học Albert Saraut, tri kỷ văn chương, cùng nhau tổ chức một Đoàn kịch không chuyên, đưa lên sân khấu vở kịch Người học vẽ của mình.

Nhược Pháp như một trang giấy trắng thơm, một bông hoa thanh khiết. Vào những năm cuối đời, trái tim chàng thi sỹ, tác giả bài thơ Chùa Hương đã xôn xang trước một cô gái áo đen, phố Hàng Đẫy, như một lời tỏ tình. Đó là một tiểu thư, một trong tứ mỹ Hà thành bấy giờ. Hằng ngày đạp xe qua nhà, đứng bên này đường nhìn vào vườn nhà em, ngắm nhìn bóng em thấp

thoáng. Rồi hình ảnh cô gái áo đen trong vườn của nhà họ Đỗ ở phố Hàng Đẫy, cứ sống mãi trong tim Nhược Pháp... Nhược Pháp chưa tường mặt thân mẫu của mình, nhưng được mẹ cả hết lòng yêu thương, như con đẻ. Trước khi nhắm mắt ra đi về cõi vĩnh hằng, bà dặn lại Hãy đặt mộ của tôi nằm bên cạnh Nhược Pháp.

Nguyễn Nhược Pháp sinh ra là hoạt động, cả đến khi nhuốm bệnh vẫn không ngừng ý chí vươn lên vượt qua số mệnh. Từ 2 tuổi Nhược pháp sống với mẹ cả ở Mã Mây rồi đi học vỡ lòng. 6 năm tiếp theo học phổ thông trường Trí Tri (phố Hàng Đàn và Trung Bắc học hiệu- phố Lý Quốc Sư). 14 tuổi thi đỗ lớp 6 Trường trung học Albert Saraut. 20 tuổi đỗ tú tài phần nhất, 1935 đỗ tú tài phần hai, vào Đại học luật. Nhược Pháp luôn học giỏi, xứng đáng cho các em noi theo. Từ năm 1930 trở đi, kinh tế gia đình Nguyễn Văn Vĩnh bắt đầu khó khăn trầm trọng. Nguyễn Nhược Pháp vừa đi học để thi tú tài, thi đại học Luật, vừa làm ở tòa báo An Nam mới, viết thơ… để có tiền nhuận bút, giảm bớt chi tiêu của gia đình cho mình… Từ sau khi chị Nội đang đi học Luật năm thứ ba mắc bệnh mất (1933), rồi cha mất(1936), chị Vân mất (1938), và tin anh Hải mất trong Nam… Nhược Pháp buồn đau, nhuốm bệnh lao hạch…

Ngày 19-11-1938 ông trút hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Đồn Thủy, h**ưởng dương 24 tuổi. Ông để lại ba bức thư.** Một bức viết bằng chữ Pháp, cám ơn các thầy thuốc đã hết lòng cứu chữa. Một bức thư vĩnh biệt mẹ cả và gia đình(khi ấy ông Vĩnh mất được hai năm). Một bức gửi cho người anh là nhà thơ Nguyễn Giang, với tâm nguyện, hãy chăm sóc mẹ cả và các em nhỏ tốt hơn nữa. Ban đầu, thi hài Nhược Pháp được mai táng ở nghĩa trang Hợp Thiện, Quỳnh Lôi, Mai Động, Hà Nội, sau được bốc mộ về làng Phượng Dực, quê cha.

Người đẹp áo đen

Phần 2: Giai nhân áo đen của Nguyễn Nhược Pháp

Bà Đỗ Thị Bính, người đẹp phố Hàng Đẫy lâu nay vẫn được xem là bóng hồng mà thi sĩ tài hoa Nguyễn Nhược Pháp "thầm thương trộm nhớ". Để rồi trong những bài thơ: Đi chùa Hương, Tay Ngà, Sơn Tinh – Thủy Tinh... thấp thoáng hình bóng của một "tuyệt sắc giai nhân"...



Nếu như cuộc đời của người đẹp Vương Thị Phượng phố Hàng Ngang đúng là "hồng nhan bạc phận" thì cuộc đời của người đẹp thứ hai trong "Hà thành tứ mĩ" lại bình lặng hơn nhiều. Bây giờ, ngồi trong căn nhà biệt thự Pháp ở số 3A, phố Yên Thế bà Đỗ Thị Quyên, em gái bà Bính đã ngấp nghé tuổi 90 nhưng trên khuôn mặt lẫn nụ cười dáng vóc vẫn phần nào cho thấy vẻ đẹp của người chị gái từng được mệnh danh là "giai nhân Hà thành" khi xưa.

Nhấp chén nước, giọng sang mà ấm, bà Quyên nhớ lại: Đỗ Thị Bính sinh năm 1915, là kiều nữ của cụ Đỗ Lợi, nhà tư sản thầu khoán lớn nhất Hà Thành khi đó. Cụ Đỗ Lợi

thuộc dòng họ Đỗ thôn Tiên Lữ (Lập Thạch, Vĩnh Phúc). Vốn làm việc trong sở Lục lộ, vừa giàu có lại tài năng, lên Hà Nội, ông lấy bà Nguyễn Thị Quỹ, một người con gái xinh đẹp, sắc sảo làm nghề buôn bán tại Phà Đen làm lẽ. Đỗ Thị Bính là người con đầu trong ba người con của ông Lợi và bà Quỹ.

Những năm 1930, ông Đỗ Lợi là nhà tư sản có tiếng ở Hà thành. Những người già cả ở Ngõ Văn Hương bây giờ hẳn vẫn còn nhớ ngõ Đỗ Lợi, hồ Đỗ Lợi và trại sản xuất gạch hoa Vạn Cẩm, nơi ông sản xuất gạch hoa, đúc cống xi măng cung cấp cho các công trình xây dựng của người Pháp. Công việc kinh doanh phát đạt, ông Đỗ Lợi chuyển sang lĩnh vực thầu khoán. Gần hai mươi công trình lớn ở Hà Nội khi đó đều do Đỗ Lợi làm chủ thầu. Giàu có, trại gạch hoa Vạn Cẩm khi đó còn là nơi nhà tư sản nuôi hàng chục con ngựa đua, một thú chơi công phu và thuộc vào hàng xa xỉ lúc bấy giờ. Đang học lớp nhì tại trường Brieux, tên thông thường là trường Hàng Cót, một buổi chiều tan học, trong lúc mải ríu rít với bè bạn, Đỗ Thị Bính bị một chiếc xe hơi cán phải. Lo lắng cho cô con gái rượu, cụ Đỗ Lợi đã không cho người đẹp đến trường mà mời thầy về nhà để dạy riêng. Với tư chất thông minh và sự ham học, bà Bính vừa thông thạo tiếng Pháp lại có thể chơi được đàn thập lục hay dương cầm.

Trong số hơn chục nhà biệt thự ở rải rác ở khắp Hà Nội, gia đình bà Bính sinh sống ở căn nhà số 30 Nguyễn Thái Học, ngày xưa là phố Hàng Đẫy. "Chị tôi có thói quen mặc đồ đen nên người đương thời thường gọi là "người đẹp áo đen". Nếu được ông bà mua cho quần áo khác màu thì cất đi hoặc cho em chứ tuyệt nhiên không mặc màu gì khác ngoài màu đen. Màu đen đã làm cho vẻ đẹp của giai nhân thêm vẻ huyền bí, tôn thêm làn da trắng, sự sang trọng, nghiêm trang của người đẹp", bà Đỗ Thị Quyên cho biết. Mặc dù là người có vẻ đẹp nhất nhì Hà thành khi đó, thế nhưng, người đẹp không hề có tính kiêu sa của những tiểu thư khuê các. Trái lại, bà Bính nhất mực hoà đồng, giản dị và gần gũi với mọi người. Trong trí nhớ của người em gái thì bà Bính có một khuôn mặt trái xoan, đặc biệt là tính tình hiền hậu, nhân từ, dịu dàng. "Chị tôi ăn chay, không ăn thịt cá bao giờ. Xuân về gia đình lại đi chùa Hương cầu kinh niệm Phật. Mỗi khi đi nghỉ ở Sầm Sơn, thấy trẻ con xách lồng chim đi bán, chị tôi gọi lại mua hết rồi mở cửa lồng cho chim bay đi".

"Bóng hồng" trong thơ

Trong bao nhiêu trái tim mê đắm người đẹp có chàng thi sĩ tài hoa Nguyễn Nhược Pháp – con trai của Nguyễn Văn Vĩnh, ông chủ nhà in Trung Bắc Tân Văn lớn nhất Bắc Kỳ lúc bấy giờ. Ngang tàng hay bình dân chả biết, nhưng cụ Vĩnh sau lần đi Pháp đã đặt luôn cái tên ấy cho cậu con trai sinh cuối năm 1914. Sau khi đậu tú tài rồi vào trường Cao đẳng Luật Đông Dương, Nguyễn Nhược Pháp không sung vào bất kỳ ngạch quan lại lẫn công chức nào mà đi làm văn, làm báo...

So về tuổi tác, Nguyễn Nhược Pháp hơn người đẹp Bính một tuổi. Chàng thư sinh nhỏ bé, với sự yếu đuối thư sinh, với cái bẽn lẽn của một hồn thơ mộng mơ đã thầm thương nhớ trộm cô tiểu thư Đỗ Thị Bính tự bao giờ. Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ. Cho nên, để biết cái vẻ "sắc nước hương trời" của một trong bốn "mỹ nhân Hà thành" xưa, chỉ cần đọc tập thơ Ngày xưa cũng đủ để hình dung chân dung Đỗ

Thị Bính "Tóc xanh viền má hây hây đỏ/Miệng nàng bé thắm như san-hô/Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ".

Đó là sự hồn nhiên của cô gái đi trây hội Chùa Hương: "Cùng thầy me em dậy/ em vấn đầu soi gương/ Khăn nhỏ đuôi gà cao/ Lưng đeo dải yếm đào/ Quần lĩnh áo the mới/ Tay cầm nón quai thao …". Là "Cúi đầu nàng tha thướt/Yêu kiều như mây qua/Mắt xanh nhìn man mác/ mỉm cười về cành hoa…" Trước hiên nhà ở phố Nguyễn Thái Học có hai giò phong lan và đặc biệt ba rặng hoa hồng nở hương thơm ngát. Chiều chiều, người đẹp lại ngồi nhởn nha trên ghế đá đọc sách, ngắm hoa. Khi ấy, Nguyễn Nhược Pháp đang làm việc tại tòa báo L' Annam nouveau. Ngày nào chàng thi sĩ cũng kiếm cớ đi qua đi lại ngôi nhà có người đẹp ở, để được nhìn thấy nàng cho khuây nỗi nhớ. "Ta lặng nhìn hơi lâu/Nhưng thì giờ đi mau...Nàng chợt nghiêng thân ngà/Thoáng bóng người xa xa...Ta mơ chưa lại hồn/Nàng lẹ gót lầu son/Vừa toan nhìn nét phượng/Giấy thẹn bay thu tròn..." Chuyện này kéo dài và cả hai gia đình đều biết. Gia đình cô Bính cho là chuyện phải lòng của anh chàng nhà thơ trẻ cũng như nhiều chàng trai khác si mê người đẹp mà thôi. Bằng cớ là mỗi dịp xuân tới, người đẹp Đỗ Thị Bính vẫn nhận được rất nhiều hoa từ những địa chỉ vô danh.

Mỗi bài thơ của chàng thi sĩ là một nét đẹp của người con gái khuê các áo đen, là chất chứa bao niềm thương nhớ. Nhưng năm 1938, căn bệnh lao đã cướp đi sinh mệnh của nhà thơ tài hoa ở tuổi hai tư. Để rồi, tình yêu của tài tử, giai nhân được lưu giữ trong tập thơ mang tên "Ngày xưa" tha thiết ấy…

Cuộc đời bình dị

Sau khi Nguyễn Nhược Pháp mất được một năm, gia đình thuyết phục cô Bính lấy một chàng trai du học bên Pháp về. Đó chính là Bùi Tường Viên, em trai út của Luật sư nổi tiếng Bùi Tường Chiểu. Mười sáu tuổi, Bùi Tường Viên sang Pháp học về ngành silicat và là một trong những kỹ sư đầu tiên của Việt Nam. Đám cưới giữa người đẹp phố hàng Đẫy và nhà trai ở phố Quán Thánh với hàng chục xe ô tô rước dâu hạng sang được xem là một trong những đám cưới lớn nhất ở Hà thành thời bấy giờ.



Ảnh cưới của người đẹp áo đen với ông Bùi Tường Viên

Chiến tranh nổ ra, bà Bính hoạt động trong phong trào bình dân học vụ, rồi cả gia đi tản cư lên mãi huyện Sơn Dương, Tuyên Quang. Mặc dù sống giữa cảnh núi đồi heo hút nhưng hai ông bà đi đâu cũng vẫn khoác tay nhau theo phong cách châu Âu khiến cho không ít người ngưỡng mộ. Bằng những kiến thức cơ bản, bà đã cứu sống cho rất nhiều người thoát khỏi căn bệnh sốt rét hiểm nghèo, trong đó có cả những người

con của chính mình. Đất nước hòa bình. Trở về Hà Nội, bà Bính lại cùng chồng, con sống cuộc sống bình thường trong một ngôi nhà giản dị. Tất cả mười tám ngôi biệt thự khang trang của nhà tư sản Đỗ Lợi lúc bấy giờ đã hiến tặng cho Chính phủ. Bà tích cực tham gia phong trào bình dân học vụ, chống giặc dốt. Từ đó cho đến khi về hưu, bà công tác tại Phòng Giáo Dục khu Hai Bà Trưng. Trong ký ức của những người con, người đẹp Đỗ Thị Bính là một giai nhân tài sắc vẹn toàn. "Ngay đến bữa ăn cùng gia đình chồng, khi nào mẹ tôi cũng là người ăn sau cùng, phục vụ cho bố mẹ chồng, chồng con ăn trước… Cho đến những ngày tháng cuối đời, bà vẫn giữ thói quen không bao giờ đến ăn ở các hàng quán, mà nhất mực trung thành với những món ăn do tự tay mình chế biến", ông Bùi Tường Quân, con trai Bà Bính cho biết.

Người đẹp Đỗ Thị Bính đã cùng chồng đi qua cuộc chiến tranh, sống cuộc sống bình dị như biết bao người Hà Nội khác.

Trở về với đất, gia đình, người thân khoác cho bà bộ quần áo nhiễu đen quen thuộc, như là một sự trân trọng với vẻ đẹp của người phụ nữ Hà Nội một thời.



Ông Bùi Tường Quân, con trai út của người đẹp Đỗ Thị Bính và bức ảnh của người đẹp được "truyền thần" sang chiếc đĩa sứ.



Khác với vẻ tấp nập "vui như trẩy hội" vào mùa xuân, mùa thu ở chùa Hương tĩnh lặng, thanh bình để đón những du khách tới đây thưởng ngoạn vẻ đẹp của những bông hoa súng vào mùa nở rộ.



Chùa Hương thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Tây cũ (nay thuộc Hà Nội), cách Hà Nội khoảng 60 km. Bạn đi theo đường Ba La, qua huyện Thanh Oai, thị trấn Vân Đình là tới huyện Mỹ Đức. Đường đi không khó khăn nên có thể sử dụng phương tiện xe máy hoặc ôtô đều được.

Nếu chỉ vào vãn cảnh và chụp ảnh suối Yến thì bạn không phải mua vé, còn nếu muốn vãn cảnh chùa thì vẫn phải mua vé như ngày thường.

Mùa này, suối Yến - chùa Hương đón lượng khách khá đông, phần lớn là dân mê chụp ảnh, tới đây để tranh thủ ghi lại khoảnh khắc sắc hồng của hoa hòa vào thiên nhiên vùng rừng núi thanh tịnh.

Hoa súng thường nở rộ vào mùa thu, khoảng tháng 9-10-11 và đặc biệt rực rỡ vào buổi sáng. Khi gặp ánh nắng mặt trời nó sẽ cụp lại.

Do đó, nếu tới đây để chụp ảnh, bạn nên tới từ sáng sớm, vừa hưởng không khí trong lành buổi sáng, ngắm bình minh trên cánh đồng lúa mờ ảo trong sương sớm, vừa có thể chụp được những bức ảnh hoa súng đang khoe sắc hồng tươi thắm nhất.

Sắc hồng của hoa súng nổi bật trên mặt nước xanh thẳm, tĩnh lặng, thanh tịnh làm say lòng biết bao du khách.

Ngoài chụp ảnh hoa súng, du khách còn bị mê hoặc bởi cảnh sắc yên bình của nông thôn Việt Nam, bởi cuộc sống thường nhật giản dị của những người dân địa phương. Đâu đó trên mặt hồ là những chú vịt tung tăng bơi lội.



Nếu đi chụp ảnh theo nhóm, bạn có thể thuê thuyền người dân chở với giá khoảng 300.000 đồng. Họ sẽ chở bạn đi dọc theo những cung đường có hoa súng nở đẹp nhất.

Virginia Xuân 2015

ĐỪNG NÓI NĂNG GÌ

Chúng tôi cùng im lặng rất là lâu
Nghe len lén xuân về trong mạch máu
Nghe thầm thì dưới chân chim vừa mới đậu
Nỗi vui mừng thơ dại của ngàn lau

Bởi nín thở nên không nghe tiếng động
Ở trong hồn bãi rộng đất hoang liêu
Mà nguy nga mà lộng lẫy trăm chiều
Tòa cổ tự đứng chờ chuông vỗ sóng

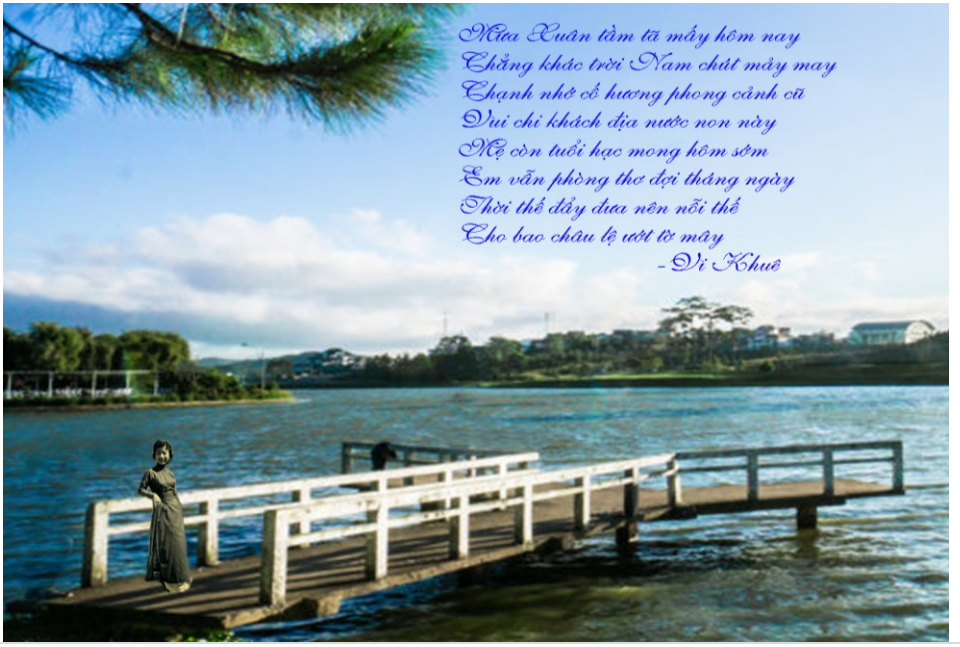
Sao anh biết cõi đi về em náo động
Nở tưng bừng hoa với bướm nguy nga
Khi ôm mặt để tóc lùa trong gió lộng
Em ngồi im bất động dưới trăng tà

Chúng ta hãy ngồi im như thế nữa
Ngồi im thôi, đừng có nói năng gì
Để trong lúc chim khuya về với tổ
Sỏi trên đường sẽ lịm dưới chân đi

Im lặng thế để đón mừng xuân tới
Xuân trong hồn trên lá với trên hoa
Xuân rất đẹp của một mùa hôn phối
Rất thiêng liêng không tiếng nhạc lời ca

Im lặng qúa bởi vì ta nín thở
Trong phút giây trang trọng của tâm hồn
Em qúa sợ trăng sao này vỡ lở
Khi xuân về lá động dưới môi hôn.

VI KHUÊ



TỰ LỰC VĂN ĐOÀN TẬP ĐẠI THÀNH CHỮ VĂN QUỐC NGỮ

Trần Bích San

KHÁI QUÁT BỐI CẢNH GIAI ĐOẠN 1932-1945

Sau khi đặt nền đô hộ ở Việt Nam, nhìn thấy quá khứ của ta nặng về Hán học, người Pháp muốn cắt đứt liên lạc văn hóa giữa Việt Nam và Trung Hoa. Để hướng tinh thần người Việt về với Pháp, chữ Hán cũng như chữ Nôm cần phải triệt bỏ. Do đó, Pháp cấp bách hủy diệt nền Nho học và thay thế bằng một hệ thống giáo dục mới phục vụ cho guồng máy cai trị.

Năm 1864 là kỳ thi Hương cuối cùng ở trong Nam (tổ chức ở ba tỉnh miền Tây trước khi bị Pháp chiếm). Kể từ khi Nam Kỳ hoàn toàn trở thành thuộc địa của Pháp, từ 1878 chữ Hán trong giấy tờ công văn các cơ quan hành chánh được thay thế bằng chữ Pháp và chữ Quốc Ngữ. Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, dưới quy chế bảo hộ, sự thay đổi về giáo dục chậm chạp hơn. Kỳ thi Hương chót ở ngoài Bắc vào năm Ất Mão 1915, ở Huế năm Mậu Ngọ 1918. Chế độ giáo dục và khoa cử Nho học thực sự cáo chung với kỳ thi Hội cuối cùng năm Kỷ Mùi 1919 ở Huế. Tuy vậy mãi đến năm 1932 bộ máy quan lại của triều đình Huế mới bãi bỏ việc dùng chữ Hán và thay thế bằng chữ Pháp hay Quốc Ngữ [01]. Qua việc sử dụng tiếng Pháp trong việc giảng dạy, Tây học ngày một phát triển dần dà tạo ra lớp trí thức mới trong xã hội.

Từ 1930 các trường cao đẳng, đại học Pháp Việt với những niên khóa liên tiếp sản xuất khá đông đảo giới trí thức mới. Họ không còn là những nhà Nho lỡ thời của giai đoạn trước như Phan Khôi, Tản Đà, Lê Dư, Phan Kế Bính, Dương Bá Trạc, Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Đôn Phúc, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Ngô Tất Tố, Ngô Văn Triện… Họ là những thanh niên trẻ trung không thấm nhuần hoặc biết rất ít Hán học, nhưng lại thâm nhiễm tư tưởng Tây phương qua giáo dục học đường, sách báo, văn học Pháp, hoặc trực tiếp sống, sinh hoạt, thở hút không khí xã hội một nước văn minh khi du học ngoại quốc. Các nhà trí thức mới ý thức được sự tự do bình đẳng, trên con đường canh tân đất nước họ là những thành phần tiến bộ.

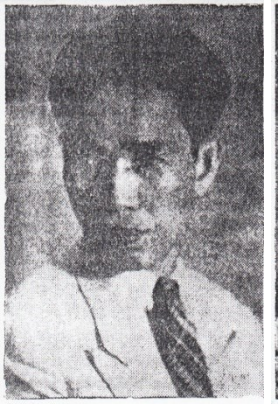
Tự Lực Văn Đoàn ra đời vào thời điểm này đáp ứng đúng lúc nhu cầu của xã hội, đứng lên tấn công vào thành trì luân lý, phong tục, văn hóa cũ để giải quyết băn khoăn về tư tưởng, thỏa mãn khát vọng tình cảm…Về phương diện văn học, cách viết còn nặng phần biền ngẫu của thời Nam Phong Tạp Chí được Tự Lực Văn Đoàn thay thế bằng lối văn mới đơn giản, trong sáng, mạch lạc.

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Năm 1930 Nguyễn Tường Tam tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học (Vật Lý) du học ở Pháp về nước với một quan niệm mới về xã hội, văn chương, nghề báo, xuất bản. Năm 1932 chủ trương tờ *Phong Hóa* (tục bản/đổi mới), và năm sau, thành lập Tự Lực Văn Đoàn. Tự lực mang ý nghĩa tự lập, tự sức mình gây dựng nên cơ sở báo chí, không dựa vào chính phủ hay một thế lực tài chánh nào để giữ tư cách độc lập [02]. Tự Lực Văn Đoàn có 7 người (thất tinh) [03], thời gian đầu văn đoàn có 6 người là Nhất Linh [04], Khái Hưng [05], Hoàng Đạo [06], Thạch Lam [07], Thế Lữ [08], Tú Mỡ [09], năm 1938 kết nạp thêm Xuân Diệu [10]. Cơ quan ngôn luận của Tự Lực Văn Đoàn là tuần báo *Phong Hóa* và *Ngày Nay*. Tôn chỉ [11] của văn đoàn gồm 10 điều mà chủ đích được thu gọn vào những điểm quan trọng sau:

1. *Loại văn*: để chống lại giai đoạn trước chuyên về học thuật, dịch thuật, văn đoàn chú trọng đến sáng tác, tự lực mình sáng tạo không đi phiên dịch hay mô phỏng của ngoại quốc.
2. *Hình thức*: chủ trương viết giản dị, trong sáng, dễ hiểu, dùng ít chữ Nho để thay đổi lối hành văn còn nặng về biền ngẫu dài lê thê của lớp nhà văn, nhà báo đi trước.
3. *Nội dung*: một số tư tưởng nòng cốt mà nhà văn, nếu không chuyên chở được trong tác phẩm của mình, cũng không được đi ngược lại gồm có:
   - Chống lại Nho giáo vì đã lỗi thời
   - Diễn đạt tư tưởng xã hội và chủ nghĩa bình dân để chống lại khuynh hướng quan liêu, phong kiến.
   - Đề cao tự do cá nhân, chống lại luân lý gia đình độc đoán.
   - Khuyến khích thanh niên yêu đời, vui sống, trẻ trung, mới mẻ, có ý chí phấn đấu để xóa tan già nua, thảm sầu, chán nản, than mây khóc gió của giai đoạn Giọt Mưa Thu, Tuyết Hồng Lệ Sử.
   - Diễn tả những vẻ đẹp của đất nước để gợi lòng yêu nước, không vọng ngoại.
   - Ứng dụng phương pháp khoa học vào văn chương để đạt được sự rõ ràng, mạch lạc.


Nhất Linh


Khái Hưng


Thế Lữ


Thạch Lam


Hoàng Đạo


Tú Mỡ


Xuân Diệu

TUẦN BÁO *PHONG HÓA*

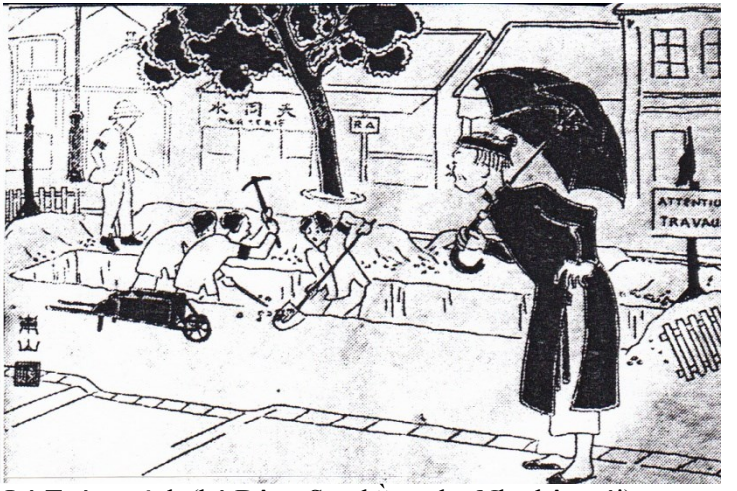
Phong Hóa từ số 1 đến 13 do một số giáo sư trường Thăng Long chủ trương, Nguyễn Xuân Mai đứng tên giấy phép, Phạm Hữu Ninh [12] làm quản lý, Trần Khánh Giư (Khái Hưng), giáo sư Thăng Long là chủ bút. Với tôn chỉ dung hòa "*xét trong hai nền văn hóa cái gì tốt đẹp thì thâu góp làm văn hóa của nước nhà*" chỉ được dư luận chú ý lúc đầu, sau vì không đem lại điều gì mới mẻ nên đi xuống. Nguyễn Tường Tam thấy cơ hội tốt nên điều đình mua với giá rẻ (mua tên và giấp phép ra báo Phong Hóa), đứng ra làm lại tờ báo. Ngày 22 tháng 09, 1932, *Phong Hóa* số 14 đổi mới ra mắt độc giả với Nhất Linh, Khái Hưng, Tứ Ly, Tú Mỡ, Thế Lữ, Nhị Linh, Đông Sơn.

Chỉ trong vài tháng số in tăng từ 3,000 lên 10,000. Sau số Xuân 1933, thấy được độc giả hoan nghênh nồng nhiệt, Nhất Linh cùng các cộng tác viên thành lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn. *Phong Hóa* số tháng 3, 1933 văn đoàn ra mắt với bản tuyên ngôn ngắn và giới thiệu dấu hiệu của đoàn (logo) là hình con ó bằng mấy nét vẽ kỷ hà.

Tờ *Phong Hóa* ngay từ khi đổi mới đã như một trái bom nổ ra trong làng báo, mang lại sự trẻ trung, yêu đời [13] bằng tiếng cười cho độc giả xã hội Việt Nam qua lối văn trào phúng, hí họa các nhân vật, tranh hài hước Lý Toét, Xã Xệ, Bang Bạnh…*Phong Hóa* đã khéo học hỏi từ các báo Pháp cùng thời như tờ Rire, Canard Enchainé, Gringoire, Marianne trở thành tờ báo trào phúng đầu tiên trong lịch sử báo chí nước ta. Cái cười chinh phục được độc giả và nhờ đó thực hiện được, dù dưới khía cạnh tiêu cực, việc đả phá những tục lệ cổ hủ, các nhân vật thời danh bằng cách khoác cho họ một biệt danh châm biếm, bằng nét vẽ hài hước. *Phong Hóa* sau khi đã chế diễu hầu hết các người có tiếng tăm, năm 1935, trong loạt bài hoạt kê *Đi Xem Mũ Cánh Chuồn* đả kích gay gắt bọn phong kiến quan liêu, nhất là đám quan lại Nam Triều chạy theo Pháp, đụng chạm tới Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu nên bị đóng cửa 3 tháng kể từ ngày 24 tháng 05, 1935 (tháng 6,7,8). Sau khi ra lại được hơn một năm thì bị đóng cửa vĩnh viễn sau số 190 ngày 05 tháng 06, 1936.



Mụ Kiểm Duyệt (ký GTRÍ góc phải)



Lý Toét ra tỉnh (ký Đông Sơn bằng chữ Nho bên trái)
Lý Toét lẩm bẩm: "Quái! Người ta chôn ai mà đào dài vậy???

TUẦN BÁO *NGÀY NAY*

Trước khi *Phong Hóa* bị đóng cửa, tờ *Ngày Nay* đã có mặt. Vào thời điểm *Phong Hóa* hoạt động được hơn 2 năm, thấy đã gây được ảnh hưởng trong quần chúng, nhóm Tự Lực Văn Đoàn quyết định ra thêm một tờ báo nữa do Nguyễn Tường Cẩm, anh của Nhất Linh đứng tên giấy phép. *Ngày Nay* ra đời ngày 31 tháng 01, 1935 vẫn theo đuổi tôn chỉ nhìn đời bằng con mắt vui tươi và phấn đấu nhưng thay đổi phương pháp [14]. *Ngày Nay* loại bỏ mục trào phúng và chuyên về phóng sự điều tra [15] với nhiều hình ảnh có tính cách mỹ thuật giống như các tạp chí ngoại quốc Paris Match, Life… Đây là lối làm báo mới lạ với độc giả thời đó nên được đón nhận nồng nhiệt không kém gì tờ Phong Hóa. Tuy nhiên, vì nhân lực giới hạn bị chia sẻ, thêm nữa ấn loát tốn kém nên sau khi ra được 13 số phải tự tạm đình bản để dồn nỗ lực vào tờ *Phong Hóa*.

Phong Hóa bị đình bản giữa năm 1936, tờ *Ngày Nay* ra lại với phần trào phúng bị loại bỏ để tránh bị rút giấy phép, chỉ còn 2 phần tiểu thuyết và trông tìm. Nhưng đến cuối năm 1936 vì thời cuộc chính trị sôi nổi [16], báo cho sống lại phần trào phúng, nhưng giảm bớt mức độ so với *Phong Hóa* lúc trước, gọi là "*Cười Nửa Miệng*". Tờ báo trong những năm từ 1937 đến 1939 là diễn đàn thời sự của cây viết sắc bén Hoàng Đạo đòi hỏi chính quyền bảo hộ Pháp giải quyết các vấn đề tự do nghiệp đoàn, báo chí, đời sống dân quê, công lý…[17]. Trong thời gian này Tự Lực Văn Đoàn cổ động cho sáng kiến *Nhà Ánh Sáng* của họ (với sự tham gia của kiến trúc sư Võ Đức Diên). Đó là một tổ chức xã hội nhằm giải quyết vấn đề nhà ổ chuột của người nghèo ở thành thị.

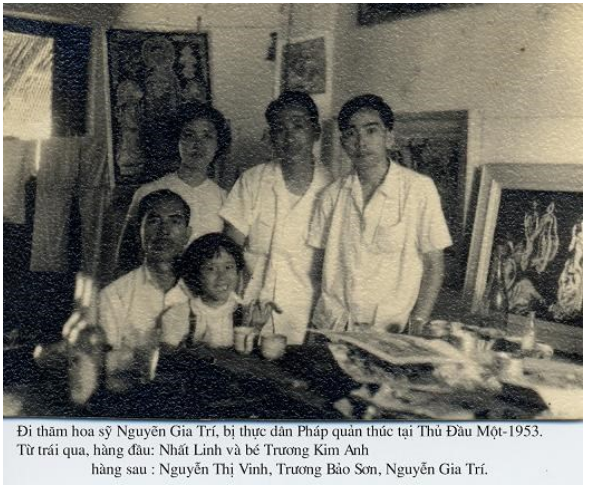
Tờ *Ngày Nay* bị chính quyền Pháp cảnh cáo vì bức tranh hí họa của Nguyễn Gia Trí trên bìa số 144 ra ngày 07 tháng 01, 1939. Đến số 206 ra ngày 06 tháng 04, 1940, báo bị đình bản 1 tháng vì bức biếm họa cũng của Nguyễn Gia Trí. Ba tháng sau, Pháp rút giấp

phép, *Ngày Nay* đình bản vĩnh viễn sau số 224 ra ngày 07 tháng 09, 1940 (trong hồ sơ mật vụ Pháp ở Aix en Provence không thấy nêu rõ lý do).

NHÀ XUẤT BẢN ĐỜI NAY

Lúc đầu một số tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn như *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933), *Nửa Chừng Xuân* (1934) của Khái Hưng, *Vàng và Máu* (1934) của Thế Lữ được xuất bản dưới tên *An Nam Xuất Bản Cục (Société Anamite d'Edition)*. Từ 1934 Nhất Linh đổi tên nhà xuất bản của Tự Lực Văn Đoàn là Đời Nay. Sách bán rất chạy (trung bình mỗi cuốn ấn hành 5,000 bản), ngoài tập thơ của Thế Lữ và Tú Mỡ, phần lớn là tiểu thuyết. Lúc đầu chỉ có các tác phẩm trong nhóm, sau xuất bản cả những sách được giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn và sách giá trị của các nhà văn bên ngoài như tiểu thuyết của Nguyên Hồng, Nguyễn Khắc Mẫn, Vũ Trọng Phụng, thơ của Tế Hanh, Anh Thơ, Vũ Hoàng Chương... Để văn phẩm được phổ cập rộng rãi, lúc sau nhà xuất bản Đời Nay cho ra loại *Lá Mạ* và *Nắng Mới* phẩm chất kém hơn nhưng phí tổn thấp, bán với giá rẻ nên mỗi lần sách ra đều bán hết ngay.





Đi thăm hoa sỹ Nguyễn Gia Trí, bị thực dân Pháp quản thúc tại Thủ Dầu Một-1953.
Từ trái qua, hàng đầu: Nhất Linh và bé Trương Kim Anh
hàng sau : Nguyễn Thị Vinh, Trương Bảo Sơn, Nguyễn Gia Trí.

Ấn phẩm của nhà xuất bản Đời Nay trình bày sáng sủa, mỹ thuật từ trong ruột ra ngoài bìa, khác hẳn với những sách của các nhà xuất bản thương mại trong thời kỳ trước vừa luộm thuộm, vừa cổ lỗ xấu xí. Đời Nay là nhà xuất bản duy nhất chia tiền lời bán sách cho tác giả, đã mở một kỷ nguyên mới và là nhà xuất bản thuần túy văn học đầu tiên ở nước ta. Đến năm 1940, tờ *Ngày Nay* đóng cửa nhưng nhà xuất bản Đời Nay vẫn tiếp tục hoạt động do Thạch Lam phụ trách, phổ biến các sách của văn đoàn. Đến tháng 07, 1942 Thạch Lam từ trần, Nguyễn Tường Bách, em út trong gia đình Nguyễn Tường, tiếp tục duy trì nhà xuất bản. Từ 1940 nhà Đời Nay xuất bản thơ, tiểu thuyết nhiều hơn trước và thêm loại *Sách Hồng* cho thiếu nhi. Nhờ vậy có tiền lời chia cho thành viên, tuy thất thường nhưng cũng giúp gia đình họ phần nào trong lúc khó khăn báo bị đóng cửa. Tháng 04, 1945 tập thơ *Hoa Niên* (tức *Nghẹn*

Ngào) của Tế Hanh là ấn phẩm cuối cùng của nhà xuất bản Đời Nay.

NHÀ IN NGÀY NAY

Hai tờ *Phong Hóa, Ngày Nay* và các sách của nhà xuất bản Đời Nay đều thuê in ở ngoài, do đó Nhất Linh nghĩ đến chuyện mở nhà in riêng tiết kiệm phí tổn. Để có tiền Tự Lực Văn Đoàn gọi cổ phần, mỗi cổ phần $500 [18]. Nhà in Ngày Nay bắt đầu hoạt động từ tháng 5, 1940, có máy in lớn, chữ mới, thợ làm suốt ngày đêm. Báo Ngày Nay bắt đầu in ở nhà in nhà từ số 209 ra ngày 25 tháng 05, 1940 [19]. Hoàng Đạo phụ trách nhà in, ngoài báo nhà còn in sách của nhà xuất bản Đời Nay và in thuê lấy lời. Tính đến số báo cuối cùng trước khi bị đóng cửa, tờ Ngày Nay in được ở nhà in nhà tổng cộng 16 số báo. Sau khi bán nhà in năm 1946 mỗi thành viên có cổ phần được chia $6,000.

CÁC TÁC PHẨM CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Các tác phẩm của thành viên Tự Lực Văn Đoàn được liệt kê dưới đây là trong khoảng thời gian từ 1933 đến 1940 (tuy có vài nhan sách xuất bản sau 1940 nhưng các tác phẩm này đã đến với độc giả trên *Phong Hóa*, *Ngày Nay*). Những sách xuất bản về sau không góp phần vào ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn.

Nhất Linh:

Truyện dài: *Nắng Thu* (1934), *Gánh Hàng Hoa* (viết chung với Khái Hưng-1934), *Đoạn Tuyệt* (1936), *Lạnh Lùng* (1937), *Đôi Bạn* (1938), *Bướm Trắng* (1939).

Truyện ngắn: *Đời Mưa Gió* (viết chung với Khái Hưng - 1934), *Tối Tăm* (1936), *Anh Phải Sống* (viết chung với Khái Hưng-1937), *Hai Buổi Chiều Vàng* (1937).

Khái Hưng: Truyện dài: *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933), *Nửa Chừng Xuân* (1934), *Gánh Hàng Hoa* (viết chung với Nhất Linh-1934), *Trống Mái* (1936), *Gia Đình* (1938), *Thừa Tự* (1940), *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* (1940), *Thoát Ly* (1940), *Hạnh* (1940), *Những Ngày Vui* (1941), *Đẹp* (1941) *Thanh Đức (hay Tội Lỗi, Băn Khoăn* -1942), *Cái Ve* (1944).

Truyện ngắn: *Đời Mưa Gió* (viết chung với Nhất Linh - 1934), *Giọc Đường Gió Bụi* (1936), *Anh Phải Sống* (viết chung với Nhất Linh-1937), *Tiếng Suối Reo* (1937), *Đợi Chờ* (1939), *Cái Ấm Đất* (1940), *Đội Mũ Lệch* (1941).

Kịch: *Tục Lụy* (1937), Cóc Tía (1940), *Đồng Bệnh* (1942).

Loại Sách Hồng: *Ông Đồ Bể, Quyển Sách Ước, Cây Tre Trăm Đốt, Bông Cúc Huyền*.

Thế Lữ:

Trinh thám: *Vàng và Máu* (1934), *Bên Đường Thiên Lôi* (1936), *Ba Hồi Kinh Dị* (1936), *Mai Hương và Lê Phong* (1937), *Lê Phong Phóng Viên* (1937), *Đòn Hẹn* (1939), *Gói Thuốc Lá* (1940), *Gió Trăng Ngàn* (1941), *Trại Bồ Tùng Linh* (1941),

Tiểu Thuyết: *Thoa* (1942).

Thơ: *Mấy Vần Thơ* (1935), *Mấy Vần Thơ*, tập mới (1941).

Thạch Lam:

Truyện dài: *Ngày Mới* (1939).

Truyện ngắn: *Gió Đầu Mùa* (1937), *Nắng Trong Vườn* (1938), *Sợi Tóc* (1942).

Tùy Bút: *Hà Nội 36 Phố Phường* (1942).

Tiểu luận văn học: *Theo Giòng* (1941).

Loại Sách Hồng (ký Thiện Sĩ): *Quyển Sách, Hạt Ngọc, Hai Chị Em, Lên Chùa*.

Hoàng Đạo:

Tiểu Luận: *Bùn Lầy Nước Đọng* (1936), *Mười Điều Tâm Niệm* (1939).

Phóng Sự: *Trước Vành Móng Ngựa* (1938).

Truyện Dài: *Con Đường Sáng* (1940)

Truyện Ngắn: *Tiếng Đàn* (1941).

Loại Sách Hồng: *Con Cá Thần, Lan và Huệ, Con Chim Di Sừng, Sơn Tinh, Lên Cung Trăng*.

Tú Mỡ: Thơ: *Giòng Nước Ngược I* (1934), *II* (1941), *III* (1946).
Xuân Diệu: *Thơ Thơ* (1938), *Phấn Thông Vàng* (1939), *Trường Ca* (1944), *Gửi Hương Cho Gió* (1944).

TỔNG LUẬN VỀ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Tuy chỉ hoạt động trong thời gian 8 năm ngắn ngủi nhưng thành tựu của Tự Lực Văn Đoàn thật lớn lao. Với 2 tờ tuần báo và một nhà xuất bản, nhóm đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam về cả 2 phương diện tư tưởng và văn học.

- *Ảnh hưởng về Tư Tưởng*:

Chủ trương bỏ cũ theo mới qua phương tiện tiểu thuyết và trào phúng đã như một cơn lốc thổi vào xã hội Việt Nam trì trệ trước năm 1932. Sau 3 năm *Phong Hóa* ra đời, các đối tượng mà văn đoàn nhắm vào đều không thể đứng vững [21]. Những sáng tác văn chương, thơ, tiểu thuyết đã ngấm sâu vào tâm hồn người đọc làm thay đổi lối suy nghĩ của cả một thế hệ thời đó. Hình ảnh hoạt kê Lý Toét, Xã Xệ, Bang Bạnh phổ cập khắp nước đưa đến sự so sánh giữa quê mùa hủ lậu với văn minh tân tiến, thúc đẩy trút bỏ tập tục cũ để mạnh dạn theo con đường âu hóa, đổi mới và cấp tiến [22].

- *Ảnh hưởng trong lãnh vực Văn Học*:

Địa hạt báo chí, xuất bản: văn đoàn đã đem lại tiến bộ cho 2 địa hạt này, thay đổi bộ mặt sách báo từ hình thức đến nội dung.

Về hình thức, với cách trình bày sáng sủa nghệ thuật cộng thêm những nét vẽ tài hoa của các họa sĩ xuất thân từ trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương như Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Cát Tường, Trần Bình Lộc, Tô Ngọc Vân, bắt mọi người phải để ý đến cái đẹp. Những nét tranh thiên nhiên lãng mạn, những bóng dáng thiếu nữ thướt tha, mơ mộng trên trang thơ của Thế Lữ, Xuân Diệu, tiểu thuyết của Khái Hưng, Nhất Linh khiến độc giả trở nên nhạy cảm với cái đẹp. Mỹ thuật thay đổi cách sống, con người tiếp xúc với cái đẹp thì cuộc đời thêm thanh lịch [22].

Về nội dung, hai tờ báo của nhóm đã chuyên chở những bài viết đi vào quần chúng, săn sóc dư luận, đặt ra và tranh đấu giải quyết các vấn đề liên quan đến số đông, bênh vực người cô thế, bài bác bất công, tố cáo những thối nát của chính quyền, lầm than của dân chúng, cổ võ cho việc cải cách xã hội, cổ động cho phong trào truyền bá chữ Quốc Ngữ…là những điều mà báo chí nước ta trước đó chưa làm.

- *Địa hạt văn chương*: tiểu thuyết thuần túy Việt Nam chỉ bắt đầu có với các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Từ 1932 trở về trước đa số là các truyện dịch của ngoại quốc, phần còn lại là mô phỏng của Tây hoặc của Tầu, nếu không mô phỏng cốt truyện thì cũng mô phỏng nhân vật. Ngược lại, các nhân vật và khung cảnh trong truyện ngắn, truyện dài của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam là người và cảnh Việt Nam, rất gần gũi với cuộc sống. Cốt truyện là những chuyện có thể xảy ra chung quanh mọi người ngay ngoài đường phố Hà Nội, trên đê Yên Phụ, hay trong đồn điền trà Phú Thọ, ngay cả tiểu thuyết lịch sử *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* của Khái Hưng cũng rất Việt Nam. Những cái "thật" đó trong tác phẩm Tự Lực Văn Đoàn hoàn toàn không có trong tiểu thuyết ở thời kỳ trước.

Tự Lực Văn Đoàn xuất phát, lãnh đạo và đưa đến toàn thắng phong trào thơ mới mà người dẫn đầu là Thế Lữ với góp sức tích cực của những nhà thơ tài hoa khác…Đồng thời văn đoàn trở thành trung tâm trào lưu văn nghệ lãng mạn bằng các tiểu thuyết của Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ, Thanh Tịnh, Tế Hanh.

Ngoài ra, Tự Lực Văn Đoàn còn kích thích sáng tác và khuyến khích các tài năng mới hàng năm bằng Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn. Nhờ hoạt động văn học có giá trị này mà làng văn có thêm những cây viết mới, một số nổi tiếng sau khi được giải của văn đoàn [23].

Tự Lực Văn Đoàn chỉ có 7 người mà tập hợp được một lực lượng cộng tác đông đảo nhà văn nhà thơ, gây được phong trào văn học rộng lớn trên toàn quốc. *Phong Hóa*, *Ngày Nay* là trung tâm quan trọng trong công cuộc đổi mới văn học, của phong trào thơ mới, trào lưu văn chương lãng mạn, là nơi nâng đỡ giới thiệu nhiều tài năng mới như Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh, Nguyên Hồng, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, Mạnh Phú Tứ, Bùi Hiển, Vi Huyền Đắc, Anh Thơ, Nguyễn Bính, Tế Hanh…

KẾT LUẬN

Từ thời thượng cổ nước ta đã có văn tự riêng trước khi bị người Tàu xâm chiếm. Chữ Lạc Việt xuất hiện vào đầu thời đại "*đồ đá mới*" và hình thành vào thời kỳ đỉnh cao của "*văn hóa xẻng đá lớn*" (TK40 TTL - TK20 TTL). Thứ chữ tối cổ đó còn đang phát triển trong thời kỳ "*Tự*" thì phải bỏ dở vì ách thống trị của Tàu hơn 1000 năm. Người Tàu đã dùng thứ chữ khắc trên *Giáp Cốt Văn* và *Chung Đỉnh Văn* của ta làm cơ sở phát triển và kiện toàn để trở thành chữ Hán của họ sau này [24].

Từ khi bị Tàu đô hộ, dù bị bắt buộc phải dùng chữ Hán, ông cha chúng ta luôn luôn tìm kiếm một thứ chữ riêng cho dân tộc Việt. Chữ Nôm, được biến cải từ chữ Hán, dù chưa được hoàn chỉnh và nhiều khiếm khuyết [25], là một cố gắng trong mục đích này. Vua Quang Trung khi lên ngôi hoàng đế, người anh hùng áo vải đất Tây Sơn muốn người Việt phải dùng chữ Việt nên bãi bỏ Hán tự, bắt dùng chữ Nôm trong việc cai trị và thi cử.

Chữ Quốc Ngữ do các mẫu tự La Tinh ghép thành xuất phát từ nhu cầu truyền đạo Thiên Chúa của các giáo sĩ người Âu Châu sang Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ 16. Các giáo sĩ có công trong việc sáng chế ra chữ Quốc Ngữ là các cố Gaspard de Amaral, Antanio de Barbosa (người Bồ Đào Nha), và Alexandre de Rhodes (người Pháp). Do cơ duyên lịch sử, tâm huyết tiền nhân không còn là mong ước, chữ Quốc Ngữ dùng diễn tả tiếng nói của chúng ta trở thành quốc tự Việt Nam [26].

Đi vào văn chương với tất cả nhiệt tình và lý tưởng, góp phần quan trọng vào việc đổi mới văn chương, xây dựng một nền văn học hiện đại, Tự Lực Văn Đoàn thực sự đã đóng góp lớn lao cho nền văn học Việt Nam. Trải qua gần một thế kỷ, với biến chuyển không ngừng của xã hội, nhiều tác phẩm của văn đoàn bị lỗi thời chỉ còn giá trị lịch sử của một giai đoạn, nhưng có những sáng tác với nghệ thuật cao đã vượt qua được sự thử thách nghiệt ngã của thời gian. *Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn, Bướm Trắng* của Nhất Linh, *Hồn Bướm Mơ Tiên, Tiêu Sơn Tráng Sĩ* của Khái Hưng, *Gió Đầu Mùa*, *Nắng Trong Vườn*, *Sợi Tóc* của Thạch Lam trở thành những tác phẩm cổ điển bất tử vượt thời gian và không gian trong văn học sử.

Giai đoạn 1932-1940 đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử chữ Quốc Ngữ. Bằng những sáng tác của các thành viên qua 2 tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* Tự Lực Văn Đoàn đã kiện toàn gần như hoàn chỉnh việc sử dụng chữ văn tiếng Việt. Ngôn ngữ văn chương trở nên giản dị, trong sáng, giàu khả năng diễn đạt, và gần gũi với tâm hồn dân tộc. Cách hành văn mới mẻ, nhẹ nhàng, lưu loát trong các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn đã là mẫu mực cho sinh viên học sinh noi theo. Chữ văn Quốc Ngữ từ đây trở nên trong sáng, gọn gàng, đơn giản.

Hành trình tiến triển của văn Quốc Ngữ từ lúc sơ khai đến hiện tại là nhờ sự đóng góp của nhiều người. Thuở ban đầu gồm các giáo sĩ truyền đạo Thiên Chúa, kế đến Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, nhóm Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong Tạp Chí và các nhà văn, nhà báo thời cận đại. Tuy nhiên, các văn gia Tự Lực Văn Đoàn mới đích thực là những người đã tập đại thành được chữ văn Quốc Ngữ vậy.

TRẦN BÍCH SAN

CHÚ THÍCH

[01] *Giáo Dục Thời Pháp Thuộc* (Trần Bích San, *Văn Khảo Toàn Tập*, chương 14).

[02] Mỗi tháng Pháp cấp cho *Nam Phong Tạp Chí* 600 frs., *Trung Bắc Tân Văn* 500 frs. (lúc đó giá vàng 30 frs.1 lượng).

[03] Trong cuộc đi chơi Lạng Sơn đầu năm 1932, Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ bàn chuyện thành lập Tự Lực Văn Đoàn gồm 7 người như một thứ Pleiades với bảy vì sao. (Nhật Thịnh, *Chân Dung Nhất Linh* trang 127). "*Năm 1939 cái thất tinh hội ấy bắt đầu lu mờ, thất tinh hội TLVĐ tan tác, thất tinh hội rơi rụng mất ba*" (Tú Mỡ, *Tiếng Cười*).

[04] **Nhất Linh (1905-1963)**: tên thật Nguyễn Tường Tam, còn có bút hiệu Bảo Sơn (văn), Đông Sơn (vẽ), Tần Việt (thơ), gốc ở Cẩm Phô, tỉnh Quảng Nam, sinh ở Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 25 tháng 07, 1905. 1926 học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. 1930 du học Pháp đỗ Cử Nhân Khoa Học, và nghiên cứu thêm về báo chí, xuất bản. 1931 về nước dạy trung học tư thục Thăng Long. 1932 chủ trương tuần báo *Phong Hóa* rồi thành lập Tự Lực Văn Đoàn. 1934 ra thêm tờ tuần báo *Ngày Nay*. 1936 *Phong Hóa* bị đình bản, ông tiếp tục tờ *Ngày Nay*. Từ 1940 hoạt động chính trị, lãnh tụ đảng Đại Việt Dân Chính. 1946 giữ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến, trưởng phái đoàn Hội Nghị Đà Lạt đàm phán với Pháp. 1946 sau thất bại của các đảng phái quốc gia với Việt Minh, lưu vong sang Tàu một thời gian rồi trở về Việt Nam, ở Đà Lat 1951. 1958 chủ trương tập san *Văn Hóa Ngày Nay*. 1963 uống thuốc độc tự vẫn để phản đối việc chính phủ Ngô Đình Diệm đem ông ra toà xét xử.

[05] **Khái Hưng (1896-1947)**: còn có bút hiệu Nhị Linh, cây bút nòng cốt của *Phong Hóa, Ngày Nay*, tên thật Trần Khánh Giư, quê làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương thuộc gia đình quan lại, thân phụ là Trần Vỹ, Tuần Phủ Phú Thọ, bố vợ là Lê Văn Đính, Tổng Đốc tỉnh Bắc Ninh, em ruột là nhà văn Trần Tiêu, thâm hiểu chữ Nho, theo học trường Albert Sarraut, đậu Tú Tài phần I ban Cổ Điển, thành lập Tự Lực Văn Đoàn với Nhất Linh. 1940 tham gia đảng Đại Việt Dân Chính, bị Pháp bắt giam ở Hà Nội năm 1941, đưa đi giam ở nhà lao Vụ Bản. 1943 được thả, bị quản thúc ở Hà Nội. 1946 tản cư về quê vợ ở làng Lịch Diệp, đầu năm 1947 bị Việt Minh bắt đưa đi thủ tiêu tại bến đò Cựa Gà, làng Ngọc Cục, huyện Xuân Trương, tỉnh Nam Định.

[06] **Thế Lữ (1907-1989)**: còn có bút hiệu Lê Ta, cây bút cột trụ của *Phong Hoá* và *Ngày Nay*, kiện tướng dẫn đầu phong trào thơ mới, tên thật Nguyễn Thứ Lễ, sinh tại Thái Hà Ấp, Hà Nội, nguyên quán làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Học ở Hải Phòng, bỏ học năm thứ 3 trung học, lên Hà Nội dự thính trường Cao Đẳng Mỹ Thuật một năm. Từng giữ các chức vụ: Ủy Viên Thường Vụ Hội Văn Nghệ VN, Chủ Tịch Hội Nghệ Sĩ Sân Khấu VN.

[07] **Thạch Lam (1910-1942)**: còn có bút hiệu Việt Sinh (phóng sự), Thiện Sĩ (Sách Hồng), tên thật là Nguyễn Tường Lân, em Nhất Linh, Hoàng Đạo, gốc ở Cẩm Phô, tỉnh Quảng Nam, cha là Nguyễn Tường Nhu, mẹ là Lê Thị Sâm, ông nội làm tri huyện Cẩm

Giàng, sinh ở ấp Thái Hà, Hà Nội ngày 07/07/1910, học trường huyện Cẩm Giàng, lúc đầu khai sinh tên Nguyễn Tường Vinh, sau tăng tuổi để học vượt lớp nên làm lại giấy khai sinh đổi thành Nguyễn Tường Lân. Ông thân sinh làm việc tại tòa Khâm Sứ ở Lào mất năm Thạch Lam mới 7 tuổi. Năm 15 đỗ bằng Cơ Thủy, tăng 4 tuổi để được học ban Thành Chung, đậu bằng Cao Đẳng Tiểu Học năm 17 tuổi (1927). Học trường Cao Đẳng Canh Nông được 1 năm rồi xin nghỉ qua học trường Albert Sarraut. Sau khi đỗ Tú Tài phần I, ở nhà học với mấy người anh. Viết cho *Phong Hoá, Ngày Nay* đủ các thể loại từ phóng sự, phỏng vấn, tới tiểu luận, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài, riêng về thể truyện ngắn đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật. Thạch Lam cùng nhóm TLVĐ khởi xướng *Đoàn Ánh Sáng* với mục đích cải tạo nếp sống tối tăm, bùn lầy nước đọng của tầng lớp những người nghèo khổ. Mất ngày 27 tháng 06, 1942 trong cảnh thanh bạch vì bệnh lao phổi tại nhà riêng ở Yên Phụ, bên cạnh Hồ Tây, Hà Nội.

[08] **Hoàng Đạo (1906-1948)**: tên thật Nguyễn Tường Long, lý thuyết gia của Tự Lực Văn Đoàn, còn có bút hiệu Tứ Ly, em Nhất Linh, anh Thạch Lam, gốc ở Cẩm Phô, tỉnh Quảng Nam, sinh ở Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, tốt nghiệp Cử Nhân Đại Học Luật Khoa Hà Nội, làm tham tá lục sự một thời gian ở tòa án Đà Nẵng rồi Hà Nội, sau cùng với Nhất Linh làm báo *Phong Hóa, Ngày Nay*. Từ 1940 hoạt động chính trị có chân trong ban lãnh đạo đảng Đại Việt Dân Chính. 1941 bị Pháp bắt ở Hà Nội, đưa đi giam ở nhà lao Vụ Bản. 1943 được thả, bị quản thúc ở Hà Nội. 1945 đắc cử Đại Biểu Quốc Hội khóa I, rồi giữ chức Thứ Trưởng Kinh Tế trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến (Bộ Trưởng là Chu Bá Phượng thuộc Việt Quốc). Năm 1946 lưu vong sang Quảng Châu, Trung Hoa. Ngày 22 tháng 07, 1948 sau khi tiễn vợ và người con trai lớn sang thăm về lại Việt Nam bằng máy bay, đi xe lửa từ Hồng Kông trở lại Quảng Châu thì đột ngột từ trần (có lẽ vì bệnh tim) lúc đang ngồi đọc báo gần ga Thạch Long. Ông được Nhất Linh và Nguyễn Tường Bách chôn cất tại nghĩa trang của thị trấn Thạch Long.

[09] **Tú Mỡ (1900-1976)**: tên thật Hồ Trọng Hiếu, sinh tại Hà Nội, chuyên về thơ trào phúng dí dỏm mà duyên dáng, sâu sắc ý nhị với từ ngữ điêu luyện. Từ 1932 cùng nhóm Tự Lực Văn Đoàn làm báo *Phong Hóa, Ngày Nay*.

[10] **Xuân Diệu (1916-1985)**: kiện tướng đưa phong trào thơ mới tới thành công, tên thật Ngô Xuân Diệu, sinh ngày 01/02/1916, quán làng Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, công chức sở Thương Chánh, Đại Biểu Quốc Hội Khoá I (1946-1960), ủy viên trung ương Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật. Mất ngày 18/12/1985.

Trong phác thảo hồi ký của Nhất Linh được công bố trên nguyệt san *Văn Học Nghệ Thuật* số 3, đặc biệt về Nhất Linh, (Võ Phiến chủ nhiệm, Lê Tất Điều chủ bút) phát hành tháng 7, 1985, có 2 trang phóng ảnh bài viết tay *Đời Làm Báo* của Nhất Linh (do Nguyễn Tường Thiết, con trai Nhất Linh trao cho Võ Phiến) có ghi sau tên Xuân Diệu hàng chữ "*có chân trong TLVĐ (thơ mới)*".

(Đặng Trần Huân, *Chữ Nghĩa Bề Bề,* chương *Bảy Vì Tinh Tú* trang 193-210)

[11] Tôn chỉ của Tự Lực Văn Đoàn được công bố trên tờ Phong Hóa số 87 ra ngày 02/03/1933: "*Tự Lực Văn Đoàn hợp những người đồng chí trong văn giới: người trong đoàn đối với nhau cốt có liên lạc về tinh thần, cùng nhau theo đuổi một tôn chỉ, hết sức giúp nhau để đạt được mục đích chung, hết sức*

che chở nhau trong những công cuộc có tính cách văn chương"

01. Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi, mục đích là để làm giàu thêm văn sản trong nước.

02. Soạn hay dịch những cuốn sách có tư tưởng xã hội. Chú ý làm cho người và cho xã hội ngày một hay hơn lên.

03. Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.

04. Dùng một lối văn giản dị dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách An Nam.

05. Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ.

06. Ca tụng những nét hay vẻ đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân. Không có tính cách trưởng giả quí phái.

07. Trọng tự do cá nhân.

08. Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa.

09. Đem phương pháp khoa học Thái Tây ứng dụng vào văn chương An Nam.

10. Theo 1 trong 9 điều này cũng được miễn là đừng trái ngược với những điều khác.

[12] Phạm Hữu Ninh là người sáng lập, Giám Đốc trung học tư thục Thăng Long, Hà Nội.

[13] "*Nên chơi tuổi trẻ anh ạ! Chơi tuổi trẻ để tự nuôi lấy lòng yêu đời. Có biết thương đời, yêu đời thì mới cố công mà làm việc cho đời. Chúng mình còn trẻ tuổi đừng nên làm mặt đứng đắn tôn nghiêm như ông già. Thiếu niên là thiếu niên, chớ không phải là những ông cụ non lên mặt bi quan than dài thở ngắn*" (phóng sự, *Phong Hóa,* 1933).

[14] Tôn chỉ của tuần báo Ngày Nay: *"vẫn theo đuổi một tôn chỉ coi đời bằng con mắt vui vẻ và phấn đấu song theo một phương pháp khác với phương pháp trào phúng. Chúng tôi sẽ đưa các bạn từ rừng đến bể, từ thành thị đến thôn quê, xem các trạng thái hiện có trong xã hội. Chúng tôi sẽ đi nhận xét lấy sự thật, nói lại để các bạn hay và sẽ chụp nhiều ảnh in xen vào bài để các bài này được rõ rệt hơn. Như thế các bạn chỉ đọc qua cũng như đi đến nơi".*

[15] Phóng sự về ngày Tết, điều tra về nạn trộm cướp ở thôn quê, bí mật đời sống sư vãi, v.v.

[16] Cuối 1936, phong trào lập kiến nghị để chờ đón ủy ban điều tra của chính phủ bình dân Pháp phái sang Việt Nam.

[17] Mục *Bùn Lầy Nước Đọng* viết về đời sống dân quê. Mục *Trước Vành Móng Ngựa* viết về những chuyện xảy ra ở tòa án.

[18] "*Mỗi người mỗi tháng chỉ cần một số tiền đủ sống, còn tiền lãi, nếu có, sẽ là của chung và sẽ dùng vào những công cuộc chung phải làm sau này*" (Nhất Linh, lời nói đầu về việc thành lập tờ báo, *Phong Hóa* số 154 ra ngày 10 tháng 09, 1935). Sách báo bán chạy nhưng thành viên Tự Lực Văn Đoàn rất nghèo, họ chỉ lãnh mỗi người $50 một tháng, tiền lời để dành cho việc phát triển báo và các dự án xã hội. Do đó các bà vợ phải ngược xuôi, buôn bán tần tảo nuôi gia đình (vợ Nhất Linh buôn cau khô, vợ Thế Lữ lang ta chữa bệnh trẻ em, Nhất Linh còn đem về nhà mỗi tháng $20 nhưng Hoàng Đạo chẳng đem về được đồng nào, vợ phải lo gánh vác một mình. Vợ Khái Hưng dù có hoa lợi riêng vẫn phải buôn bán thêm mới đủ chi tiêu…). Tú Mỡ làm công chức cho sở Tài Chánh sống thoải mái, Nhất Linh, Khái Hưng dạy trường Thăng Long lương $200 một tháng, Hoàng Đạo muốn ra làm quan không phải là khó với bằng Cử Nhân Luật, nhưng họ đã quên lợi ích cá nhân, gia đình để hy sinh tất cả cho lý tưởng phục vụ quê hương dân tộc.

[19] Trước 1 tuần, số 208 ra ngày 18 tháng 05, 1940, trong thông báo có nhà in mới, *Ngày Nay* ra câu đối "*Ngày nay Ngày Nay in nhà in nhà*" với 3 giải thưởng: giải nhất 1 năm báo và 1 cuốn sách của nhà xuất bản Đời Nay, giải nhì nửa năm báo và 1 cuốn sách, giải ba nửa năm báo. Câu đối này rất khó đến nay chưa có ai đối được chỉnh.

[20] Dưới sự chế diễu và hí họa của *Phong Hóa* Tản Đà hết ngông phải đóng cửa *An Nam Tạp Chí*, Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố cắt bỏ búi tó củ hành, Hoàng Tăng Bí rút khỏi báo *Trung Bắc Tân Văn*, Nguyễn Văn Vĩnh ngưng ra *Niên Lịch Thông Thư,* thành trì văn hóa cũ *Nam Phong Tạp Chí* chịu không thấu những "*Nhát Dao Cạo*" của Phong Hóa không còn độc giả phải đình bản vĩnh viễn (từ tháng 11, 1932 Phạm Quỳnh vào Huế tham chính, giữ chức Thượng Thư kiêm Ngự Tiền Văn Phòng cho Hoàng Đế Bảo Đại, chủ bút được giao cho Nguyễn Trọng Thuật. Được vài số Lê Văn Phúc đứng ra canh tân, rồi Nguyễn Tiến Lãng thừa kế tới khi đóng cửa vào cuối năm 1934).

[21] Hoàng Đạo nhận định: "*Ba năm qua, sự thay đổi của phong tục lễ nghi tuy chưa rõ rệt, nhưng sự thay đổi của linh hồn dân ta đã ngấm ngầm từ tốn mà tiến hành, không có sức mạnh nào ngăn cản lại được nữa. Những lý tưởng, những quan niệm cũ dần dần mất vẻ uy nghi lẫm liệt, tất rồi cũng phải theo thời gian mà bị phá tan, nhường chỗ cho những quan niệm, những lý tưởng mới…*" (Phong Hóa, số kỷ niệm 3 năm, bài *Bên Đường Dừng Bước*)

[22] Về đóng góp mỹ thuật cho xã hội trong nỗ lực canh cải y phục của Tự Lực Văn Đoàn, họa sĩ Cát Tường (Lemur) đưa ra trên Phong Hóa một kiểu áo phụ nữ tân thời. Kiểu áo này là nguồn gốc áo dài ngày nay của đàn bà, con gái Việt Nam.

[23] Các Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn:

- Năm 1935: 4 tác phẩm được giải khuyến khích (*Ba* của Đỗ Đức Thu, *Diễm Dương Trang* của Phan Văn Dật, *Bóng Mây Chiều* của Hàn Thế Du).

- Năm 1937: có 80 tác phẩm dự thi nhưng không có giải nhất, giải $100 được chia đều cho 2 tác phẩm (*Kim Tiền*, kịch của Vi Huyền Đắc, *Bỉ Vỏ* phóng sự tiểu thuyết của Nguyên Hồng), 2 tác phẩm được Hội Đồng khuyến khích (*Nỗi Lòng* của Nguyễn Khắc Mẫn, *Tâm Hồn Tôi*, thơ của Nguyễn Bính), 4 tác phẩm được Hội Đồng chú ý (*Bốn Mùa* tiểu thuyết của Nguyễn Trọng Sơn, *Hai Người Trọ Học*, kịch của Đại Thanh, *Hy Sinh* tiểu thuyết của Phạm Ngọc Khôi, *Ngược Dòng*, tiểu thuyết của Nguyễn Lân).

- Năm 1939: 2 giải nhất ngang nhau (*Làm Lẽ* tiểu thuyết của Mạnh Phú Tứ, *Cái Nhà Gạch* tiểu thuyết của Kim Hà), 2 tác phẩm được chú ý đặc biệt (*Bức Tranh Quê* thơ của Anh Thơ, *Nghẹn Ngào* thơ của Tế Hanh)

(Nguyễn Hữu Ngư*, Giải thưởng văn chương trên đất Việt/Giải Tự Lực Văn Đoàn*, tạp chí *Bách Khoa*, số 140, ngày 01 tháng 11, 1962).

[24] *Chữ Việt Thời Thượng Cổ* (Trần Bích San, tạp chí văn học *Cỏ Thơm* số 67, Mùa hè 2014).

[25] Chữ Nôm thì tự ý ai muốn đọc ra sao mà không được.Trừ một số ít chữ có định lệ phổ thông, còn thì cứ trải trại, mài mại gần chữ gì thông nghĩa thì cứ theo ý nghĩ của mình mà đọc. Người viết chữ Nôm và đọc chữ Nôm phải ngang sức học, quen biết tính tình, gần hoàn cảnh, chung địa phương thì sự đọc mới ít sai lạc, vì đoán được mà hiểu ý tứ nhau. Chứ như người viết rất cao mà người đọc rất thấp, lại thêm kẻ một vùng, người một cõi, tác giả ở cực bắc, độc giả ở cực nam, thì

sự đọc chữ Nôm là tai hại cho văn chương không ít"

(Đông Hồ, *Bàn Về Bản Văn Song Tinh Bất Dạ*, *Tạp Chí Nhân Loại*, Sài Gòn, 5/1953).

[26] *Chữ Quốc Ngữ* (Trần Bích San, *Văn Khảo* trang 45-61)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Trần Huân, *Chữ Nghĩa Bề Bề*, nxb Văn Mới, California, Hoa Kỳ, 2000.
- Hà Văn Đức, *Văn Học Việt Nam (1900-1945*), *Thạch Lam (1910-1942)*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1999.
- Nhật Thịnh, *Chân Dung Nhất Linh*, nxb Sống Mới, Sài Gòn, Đại Nam in lại ở Hoa Kỳ.
- Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển Tác Gia Việt Nam*, nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1999.
- Nguyễn Thị Thế, *Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường*, nxb Văn Hóa Ngày Nay, California, Hoa Kỳ, 1996.
- Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam Những Ngày Lịch Sử*, nxb Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, Montréal, Canada, 1981.
- Phạm Thảo Nguyên, *Câu chuyện Tự Lực Văn Đoàn và những điều chưa nói*, tạp chí *Cỏ Thơm số 64, Mùa Thu 2013*, Virginia, 2013.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, *Quyển 3*, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1965.
- Phan Cự Đệ, *Văn Học Việt Nam (1900-1945), Tự Lực Văn Đoàn*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1999.
- Trần Bích San, *Văn Khảo*, nxb Cỏ Thơm, Virginia, 2000.
- Trần Văn Giáp, *Lược Truyện các Tác Gia Việt Nam*, nxb Văn Học, Hà Nội, 2000.
- Tú Mỡ, *Tiếng Cười*, nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1993.



Quê Hương và Con Người Qua Ca Dao

(Tiếp theo)

Làng xưa ở Việt Nam

Tìm hiểu văn hóa truyền thống Việt Nam, tức là văn hóa nguyên thủy có từ hàng ngàn năm trước không gì thuận lợi bằng chọn ca dao. Thật vậy, ca dao là hình thức tích lũy, chuyển tải văn hóa độc đáo, phong phú của người bình dân đã may mắn thoát khỏi ảnh hưởng trực tiếp văn hóa ngoại lai, còn lưu lại cho đến ngày nay là nhờ lối truyền khẩu độc đáo của nó. Mặt khác, mô hình đặc biệt của cái làng xưa với lũy tre xanh dày đặc, với thể chế tương đối khá độc lập đối với chính quyền trung ương cũng góp phần bảo vệ cái nôi văn hóa dân tộc.

Những câu tục ngữ, ca dao sau đây chứng tỏ cái thể chế đó: " *Phép vua thua lệ làng* "

"*Thuế làng nào, làng ấy gánh*
Thánh làng nào, làng ấy nhờ."
"*Con vua thì ở đất vua*
Ra đi một bước phải mua đất làng
Đò dọc phải sợ đò ngang
Ngụ cư phải sợ dân làng chánh trị."

Tuy nói rằng:

"*Làng theo lệ làng, nước theo lệ nước."*

Nhưng cũng phải có cái tôn ti trật tự trên dưới:

"*Vua đi trước, làng nước theo sau*."

Có như vậy mới có sự hài hòa theo như Triết lý lưỡng hợp thái hòa, vừa hài hòa theo hàng ngang giữa các làng với nhau và vừa hài hòa theo hàng dọc từ triều đình xuống các địa phương. Nếu mất sự hài hòa, nghiêng về phía trung ương tập quyền thì dân khổ, còn khi quyền lực trung ương suy yếu không còn chi phối nổi đến các địa phương thì sẽ có loạn như thời loạn mười hai sứ quân chẳng hạn.

Thể chế tôn trọng làng xã này tương tự như thể chế liên bang dung hòa quyền hành, quyền lợi giữa triều đình và các địa phương. Chính nhờ thể chế này mà suốt ngàn năm Bắc thuộc, văn hóa nô dịch ngoại lai khó xâm nhập sâu vào đại đa số quần chúng, mà chỉ gây tác hại phần nào ở những nơi, những giới phải tiếp xúc với nó nhất là giới Nho quan ở triều đình.

Qua ca dao, người bình dân từ xưa đã có nhận xét về hai thái độ chính trị bảo thủ và thức thời như sau:

"*Người dại bảo thủ*
Người khôn thức thời."

Thật ra đối lập với bảo thủ là cấp tiến, còn thức thời là thái độ trung dung của người khôn. Bảo thủ và cấp tiến cực đoan mới tai hại, còn biết lúc nào bảo thủ, lúc nào cấp tiến thì lại là thức thời thành ra là khôn:

"*Ngày một điều, dở liều mà đi*."

Mỗi ngày một ý, một điều, không có bảo thủ cũng chẳng có thức thời xây dựng thì sẽ tan rã.

Tuy đã biết kiên trì bảo thủ là dở, nhưng trong thực tế, tính này vẫn tồn tại, che lấp tính thức thời cho nên lệ làng ở vài nơi vẫn cứ khắc khe và trở thành hủ tục. Dân làng và dân ngụ cư đều phải chấp nhận, nếu muốn ở trong làng:

"*Phú Nhiêu có cây da Heo*
Ai về xứ đó phải theo lệ làng."

Vì lệ làng khắc khe như vậy, cho nên chàng trai phải biết lo xa khi muốn kết nghĩa vợ chồng với cô gái:

"*Cô kia đi chợ Hà Đông*
Để anh kết nghĩa vợ chồng cùng đi
Anh đi chưa biết mua gì
Hay mua con lợn phòng khi cheo làng."

Có chàng trai rất tự trọng, dầu cho cô gái có dễ dàng đi theo:

"*Đất Hòn Ngang chưa mưa đã rã*
Gái Hòn Ngang chưa gã đã theo
Thò tay ngắt ngọn dưa leo
Để anh lo cưới đừng theo họ cười."

Có cô gái quen tánh *hoa nguyệt*, cho nên có thái độ mặc kệ:

"*Tánh quen hoa nguyệt chẳng chừa*
Lệ làng, làng bắt mấy trâu mặc làng."

Cũng có cô đã lỡ "*phình phình* ", nên phải bỏ làng ra đi:

"*Phình phình ở giữa lớn ra*
Mẹ ơi, con chẳng ở nhà được đâu
Ở nhà làng bắt mất trâu
Cho nên con phải cúi đầu ra đi."

Còn chàng trai thì quá ớn *lệ cheo làng Nhót*, *lệ làng khảo rể*, cho nên đành phải *chạy làng*:

"*Trèo lên cây gạo cao cao*
Lệ cheo làng Nhót độ bao nhiêu tiền?
Cheo thời có bảy quan hai
Lệ làng khảo rể trăm hai mươi vồ
Thôi thôi tôi giã ơn cô
Tiền cheo cũng nặng, trăm vồ cũng đau."

Thật ra lệ làng hay bất kỳ lề luật nào cũng vậy, nếu quá khắc khe thì con người mất tự do, nhưng nếu không có nó thì tự do sẽ trở thành phóng túng cũng rất có hại. Như vậy lề luật phải như thế nào để vừa có trật tự cho xã hội vừa bảo đảm được tự do cho người dân theo tinh thần lưỡng hợp thái hòa.

Tính nhân bản qua các tên làng cổ

Nét đặc biệt của đầu tiên của các làng cổ là cái tên bắt đầu bằng chữ Kẻ:

"*Lênh đênh ba bốn thuyền kề*
Thuyền ra Kẻ Chợ, thuyền về sông Dâu."

"*Kẻ Dầu có quán Đình Thanh*
Kẻ Hạc ta có Ba Đình, Ba Voi
Mười tám kéo thuyền xuống bơi
Mười chín giã bánh, hai mươi rước thần."

"*Ai về Kẻ Nứa Đông Hồ*
Để tôi nhắn nhủ đôi cô hàng vàng
hẻ lạt buộc vàng
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?"
Em là con gái Kẻ Mơ
Em đi bán rượu tình cờ gặp anh
Rượu ngon chẳng quản be sành
Áo rách khéo vá hơn lành vụn may
Rượu lạt uống lắm cũng say
Người khôn nói lắm hết hay hóa nhàm."

"*Ăn Kẻ Gủ, ngủ Kẻ Rét*"

(Tương truyền Trạng nguyên Lê Văn Thịnh quê ở Kẻ Gủ, lúc nhỏ ngày học ở chùa Thiên Thai, ăn ở Kẻ Gủ, ngủ ở Kẻ Rét)

"*Kẻ Cải reo, Kẻ Treo khóc*
Kẻ Treo khóc, Kẻ Sóc reo."

(Tình trạng thời tiết khác biệt do núi Hồng Lĩnh chắn ngang các làng)

"*Cổ Loa (Kẻ Loa) là đất đế kinh*
Trông ra lại thấy tòa thành Tiên xây."

Có lẽ Kẻ Loa ở Phong Khê thời Thục (tức huyện Đông Anh), Kẻ Cả (Làng Cả ở Việt Trì) thời Hùng là xa xưa nhất. Kẻ có nghĩa là người, người dân ở trong làng, điều đó chứng tỏ rằng ngày xưa yếu tố dân, con người được coi trọng, nghĩa là có nhân bản. Dần dần về sau, chữ Kẻ được thay thế bởi Làng:

"*Đẹp nhất con gái Làng Chanh*
Chua ngoa Làng Nhót, ba vành Kẻ Om."

(ba vành: mắt bị loét do ở vùng biển gió cát làm đau mắt)

Như đã nói, những làng mang tên Kẻ là những làng cổ nhất chỉ có ở những vùng đất cổ ở miền Bắc, Bắc trung phần. Kẻ Sặt ở Hố Nai, Biên Hòa là do người miền Bắc di cư vào Nam 1954 đặt tên để kỹ niệm cho quê hương Kẻ Sặt ở miền Bắc.

Những nét tiêu biểu của cái làng

Xét hai bài ca dao *Làng tôi* và *Chợ Bởi* dưới đây:

"*Làng tôi nhỏ bé xinh xinh*
Chung quanh có lũy tre xanh rườm rà
Trong làng san sát nóc nhà
Đình làng lợp ngói có vài cây cau
Chùa làng rêu phủ mái nâu
Dân làng thờ cúng để cầu bình an."
"*Đồn rằng chợ Bỏi vui thay*
Đằng đông có miếu, đằng tây có chùa
Giữa chợ lại có đền thờ
Dưới sông nước chảy, đò đưa dập dìu."

Nói chung thì làng nào cũng có lũy tre, đình, chùa, miếu, đền thờ,cây cau, nhà cửa, dân làng, bến đò. Đó là những cái tiêu biểu cho cái làng Việt Nam.

Lũy tre

Lũy tre thường thấy xuất hiện trong ca dao nói về các làng thời xưa:

"*Làng tôi có lũy tre xanh*
Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng
Bên bờ vải nhãn hai hàng
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng."
"*Gió bay trên lúa, nắng bay trên cờ*
Lũy tre vẫn hiện mái chùa
Ấm cây đại thọ, mát bồ quê hương..."
"*Con cò bay lả bay la*
Lũy tre đầu xóm, cây đa giữa đồng."
"*Bước chân vào ngõ tre làng*
Lòng buồn nặng trĩu nghe nàng ru con."

Muốn vào trong làng, phải bước chân qua ngõ tre làng. Xưa kia, làng nào cũng được bao bọc bằng những lớp tre dày đặc để phân chia ranh làng. Trong làng cũng có tre trồng chung quanh từng khu nhà, cho nên cả làng là một hệ thống phòng vệ chống trộm cướp và cả giặc ngoại xâm rất hữu hiệu, Giặc từ nơi xa lạ lọt vào đây với những lớp tre chi chít trong làng, phối hợp với những rừng tre, nứa dọc khe suối, bên triền đồi, cạnh bìa rừng già như sa vào thế bát quái trận đồ, tiến thoái lưỡng nan, dễ bị dân làng tiêu diệt. Không kể trang bị vũ khí của quan quân, rất có thể võ trang của dân làng thời xưa bằng tre nhọn, mà tre thì cần bao nhiêu lại không có. Cho mãi đến thời cận đại, thời chống Tây mà vẫn còn dùng đến tầm vong vạt nhọn:

"*Thanh niên Tiền Phong*
Tầm vong vạt nhọn "

Tre cũng được dùng làm chướng ngại vật ngăn địch:

"*Chẻ tre bệnh sáo cho dày*
Ngăn ngang sông Mỹ (Tho) có ngày gặp nhau."

Tre là nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho nghề đan đát, làm nên vật dụng phục vụ đời sống ở nông thôn .

Trước hết cần có kinh nghiệm chặt tre:
"*Nhất đánh giặc, nhì chặt tre*
Nhất chặt tre, nhì ve gái."
Sau đó cũng cần biết chẻ tre:
"*Cây tre trên rừng chẻ ngược*
Cây vườn tược chẻ xuôi."

Thớ tre thẳng dọc chẻ như vậy rất đều và nhanh, cho nên người ta hay nói: *Thế tiến quân nhanh như thế chẻ tre* .

Trong ca dao, nói đến đối tượng nào cũng là cái cớ để bày tỏ tình ý của người bình dân, nhất là trai gái trong làng:

"*Liệu mà đát được thì đan*
Gầy ra bỏ đó, thế gian chê cười."
"*Chẻ tre lựa bọng đương sàng*
Chờ ba năm nữa cho nàng lớn khôn."
"*Chẻ tre lựa cật đan nia*
Có chồng con một khỏi chia gia tài."
Nia, sàng là những vật dụng dùng để gạn lọc, sàng lấy gạo sạch sẽ, ý nói sàng khôn, kén chọn.

Dây lạt và hiệu dụng của nó:
"*Tay cầm sợi lạt bắt cua*
Hỏi em làm mướn một mùa bao nhiêu?"
" *Một nuộc lạt là một bát cơm*."
" *Ngó lên nuộc lạt mái nhà*
Bao nhiêu nuộc lạt thương mình bấy nhiêu."

Cây tre cũng được dùng làm gậy trong tang lễ ngày xưa:
"*Đàn bà gậy vông*
Đàn ông gậy tre."
"*Trai trưởng nam dây rơm, mũ bạc lại có gậy tre*
Gái như em đây thất hiếu có một phe bên chồng."
(Cổ tục phân biệt trọng nam khinh trong tang lễ, con gái thuộc nhà chồng)
Cây tre còn dùng làm cầu:
"*Cầu tre lắt lẻo, anh thắt thẻo ruột gan*
Sợ em đi chửa quen đàng
Rủi em có mệnh hệ, lỡ làng duyên anh."

Cầu tre lắt lẻo là vì cái đặc tính dẻo dai của cây tre, cho nên tuy *lắt lẻo* như vậy mà cầu tre không mấy khi bị gẫy. Người bình dân mượn tính dẻo dai này của cây tre để xem tướng con người:
"*Đàn ông trục cúi mắt giang*
Đàn bà lang nhang cẳng nhện."
(Giang là một loại tre rất dẻo dai)

Cây tre mọc kết thành bụi kiên cố, là biểu tượng kết tình bền vững:
"*Công anh đi sớm về trưa*
Mòn đường chết cỏ vẫn chưa gặp tình
Khuyên anh đừng ở một mình
Cây tre có bụi huống chi mình lẻ loi."
Bụi tre rậm kín mít là nơi ẩn núp rất tốt:
"*Bụi tre gai sầu ai dã dượi*
Con thỏ núp lùm chờ đợi bóng trăng."
"*Chuột chê xó bếp không nằm*
Chó chê nhà dột ra lần bụi tre."

Đó là cái họa nhà dột, mà Nguyễn Bỉnh Khiêm đã báo động:
"*Nhà dột bởi đâu? Nhà dột nóc*
Nếu nhà dột nóc, thế chon von."

Cây đa, bến đò

Cây đa, bến đò là hai hình ảnh quen thuộc ở những làng xưa. Cây đa mọc lên ở nhiều nơi khác nhau.
Cây đa giữa đồng:
"*Con cò bay lả bay la*
Lũy tre đầu xóm, cây đa giữa đồng."
Cây đa giữa đàng, loại cây cổ thụ có gốc rễ sâu nên bền vững, sống lâu:
"*Giữa đàng có cây đa xanh*
Gió đánh một cành tươi vẫn hoàn tươi."
Cây đa trước đình miễu tàn lá xum xuê:
"*Cây đa trước miễu ai bảo cây đa tàn*
Bao nhiêu lá rụng anh thương nàng bấy nhiêu."
Cây đa trong làng cho bóng mát rộng lớn: "*Giếng làng có mạch nước trong*
Có cây đa mát, bóng vùng rất xa."
Đối với dân làng, cây đa rất được quý trọng:
"*Phượng hoàng đậu nhánh cây đa*
Sa cơ thất thế lủi theo bầy gà."
Cây đa và thần có quan hệ gắn bó nhau:
"*Ở cho phải phải, phân phân*
Cây đa cậy thần, thần cậy cây đa
Thương người người lại thương ta
Ghét người thì lại hóa ra ghét mình."

Thông thường người ta nể cây đa là vì sợ ông thần:

"*Sợ ông thần, phải nể cây đa*."

Cây đa, bến cũ, con đò xưa là hình ảnh người tình cũ, người tình thường ngày gặp gỡ, hẹn hò nơi bến đò dưới bóng cây đa :

"*Cây đa bến cũ con đò xưa*
Gặp mặt em đây con bóng đang trưa
Ông Trời vội tối phân chưa hết lời."

Bến đò là điểm hội tụ thường ngày của dân làng do nhu cầu đi lại làm ăn sinh sống, cho nên sự gặp gỡ không cần phải hẹn hò:

"*Hai đứa ta không hẹn không hò*
Xăm xăm bước tới bến đò gặp nhau."

Cũng không cần vội vã:

"*Lật đật cũng tới bến giang*
Lang thang cũng tới bến đò."

Trai gái gặp nhau hoài thật cũng khó dửng dưng:

"*Bến đò Kinh Xáng anh sang*
Gặp em đứng đó xốn xang trong lòng."

Trọng người có nghĩa theo Đạo lý truyền thống hơn là đẳng cấp xã hội:

"*Thuyền rồng bất ngãi bỏ trôi*
Đò ngang có ngãi ta ngồi đò ngang."
"*Cây đa bến cũ đò đưa*
Người thương có nghĩa nắng mưa vẫn chờ."

Tuy nhiên, đôi khi cũng có sự ngỡ ngàng:

"*Cây đa tróc gốc trôi rồi*

Đò đưa bến khác, anh ngồi trông ai?"

Quả thật đây là nơi hội tụ những con người nặng tình nghĩa:

"*Dầu nên cũng bởi mẹ cha*
Dầu không cũng nhớ cây đa bến đò."

Đình làng

Ngôi đình là đặc trưng cho văn minh Việt Nam, là biểu hiện văn hóa truyền thống với triết lý lưỡng hợp thái hòa giữa trời đất, âm dương, vuông tròn. Xem bài ca dao *Trúc xinh* dưới đây:

"*Trúc xinh trúc mọc đầu đình*
Em xinh em đứng một mình cũng xinh
Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh."

Tre, trúc đều có đặc tính chung là thân thẳng, lòng rỗng không:

"*Tiết trực, tâm hư*."

Cho nên đã từ lâu tre, trúc là biểu tượng của bậc quân tử, đạt nhân. Tâm ngay thẳng, chính trực mới phản ánh được chân lý, tâm có trống rỗng, nghĩa là không bị che lấp bởi những định kiến thì mới có thể loé lên ánh sáng minh triết. Em xinh là tự em xinh chứ không phải nhờ cậy vào cái gì ở bên ngoài cả.

Tiết trực, tâm hư , *Vuông tròn* , *Bánh chưng bánh dày* đều nói lên cùng một triết lý lưỡng hợp thái hòa.

Trong bài ca dao trên, hình ảnh cái ao đi liền với cái đình. Cặp hình ảnh này đối với văn hóa dân tộc Việt rất có ý nghĩa , chúng phối hợp với nhau cho ra đường cong nghệ thuật ở mái đình cũng như mái chùa về sau này:

"*Xưa kia mộc mạc mao từ*
Nay thời ngói lợp chu vi trang hoàng
Xưa kia tre trúc tầm thường
Nay thời tứ thiết vững vàng biết bao
Bát Tràng có mái đình cong."

Ngoài cái ao ra, trong sân đình còn có cái giếng miệng tròn, lòng giếng sâu, mạch nước trong ngọt như suối nguồn tình cảm,tâm linh của con người không bao giờ cạn. Nơi đây trai gái làng thường đến gánh nước, nhân đó bày tỏ tình ý với nhau:

"*Đất Ngọc Hà tốt tươi phong cảnh*
Gái Ngọc Hà vừa đảm vừa xinh

Ơi người gánh nước giếng đình
Còn chăng hay đã trao tình cho ai."

Ngôi đình là nhà chung của làng, là bộ mặt của làng, cho nên thường rất rộng lớn, khang trang. Đây là nơi tụ họp của dân làng trong những ngày lễ, Tết, nói chung là những dịp hội hè, đình đám.
Ngoài ra đình làng còn là thắng cảnh, cho nên dân làng còn đến đây rong chơi:

"*Ở đây có cảnh có tình*
Có sông tắm mát có mình với ta
Đánh tranh ta lợp gian nhà
Sớm ra nương biếc, chiều ra rong đình
Nhởn nhơ vui thú cảnh tình
Có con sáo sậu trên cành líu lo."

Làng quê vừa có những cảnh vật dễ khắc ghi ấn dấu trong lòng người như mái đình, ao sen, cây đa, giếng nước, sông tắm mát, những nơi hẹn hò lý thú lại thêm có những đặc sản gợi người đi xa nhớ về quê nhà:

"*Cây đa, giếng nước quê nhà*
Mái đình còn đó người xa chưa về
Người ơi người có nhớ quê
Giò Chèm, nem Vẽ, quạt lá đề như xưa."

Ngôi đình đã từ lâu là đề tài gây cảm hứng cho biết bao nhà thơ bình dân, trai gái trong làng, qua đó nói lên tình cảm, ý nghĩ của mình:

"*Tình thân bất luận khó giàu*
Vải thô khéo nhuộm, cao màu càng xinh
Trăng thanh nguyệt vọng mái đình
Chén son chưa cạn sao tình đã quên."
(Chén son: Chén rượu thề nguyền)

"*Ăn cơm có cá có canh*
Ăn vô mát bụng như anh gặp nàng
Chim quyên đậu nóc đình làng
Tay cầm quyển truyện, sầu nàng quên ngâm."
"*Chim sẻ nó đẻ cột đình*
Bà ngoại đẻ má, má đẻ mình dễ thương."
"*Cây đa rụng lá sân đình*
Bao nhiêu lá rụng thương mình bấy nhiêu."
(Sân đình ngập lá đa, như vậy chắc là *thương mình* dữ lắm!)

"*Qua đình ghé nón trông đình*
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu."
"*Lá đa rụng xuống sân đình*
Chiêm bao anh thấy chúng mình gặp nhau."
(Đã nói rằng đình làng là nơi rong chơi, hẹn hò)

"*Ngày ngày ra đứng đầu đình*
Chuyện trò to nhỏ có mình có ta
Ngày ngày ra đứng đầu nhà
Chuyện trò to nhỏ có ta có mình."
"*Sân đình có bóng cây dương*
Đã thành chồng vợ phải thương suốt đời."
"*Trời mưa lộp độp sân đình*
Anh đi cho khéo kẻo trợt uỳnh xuống đây."
"*Con gà trống đứng bên bàn thờ tổ*
Con gà mái đứng dưới bàn binh
Bên kia cái miễu, bên đây cái đình
Gá duyên chẳng đặng tức mình muốn đi tu."
"*Ăn gạo tám chực đình đám mới có*."
(Gạo tám: gạo tám thơm, gạo ngon nhất. Nói chung thì cái gì quý thì dành cho việc đình đám)

"*Giữa đường không tiện nói năng*
Xửng mưa cùng xuống Gò Găng tỏ tình
Gò Găng có chợ có đình
Người quen thấy mặt thần linh chứng lời."

Trai gái tỏ tình, thề thốt chuyện trăm năm thường chọn ngôi đình là nơi có *thần linh chứng lời* .

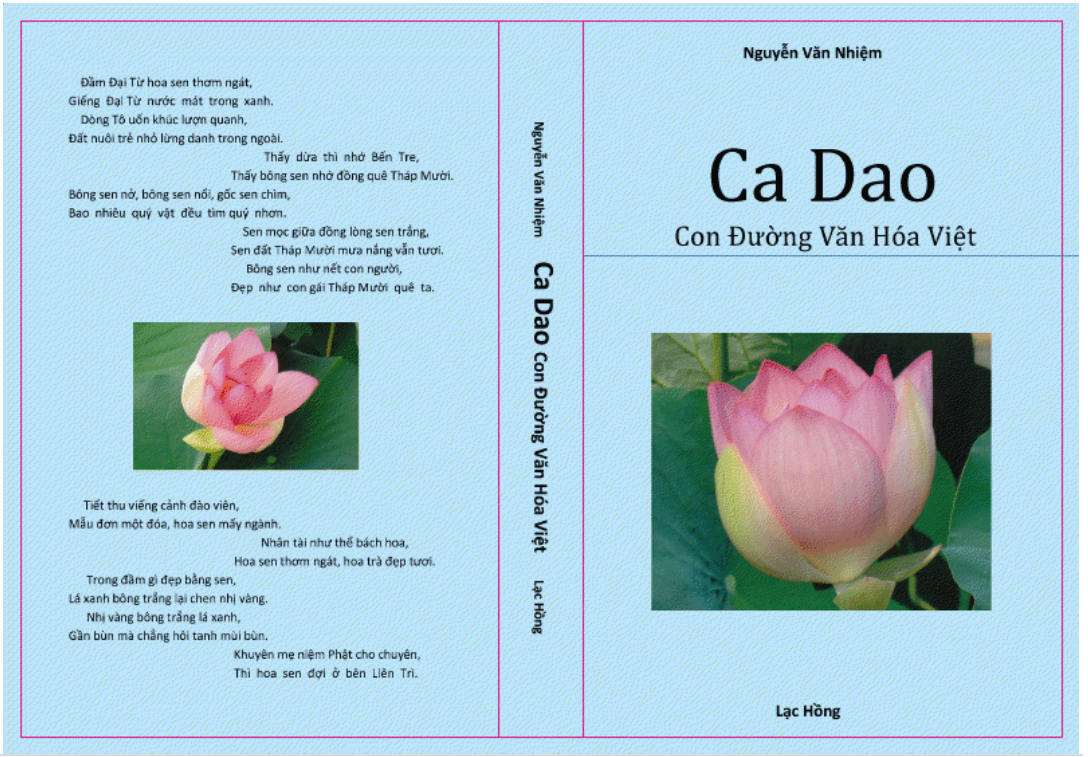
"*Ngó lên tấm kiếng trong đình*
Khen ai khéo tạc hai đứa mình đứng chung."
"*Em chả tham nhà ngói tầy đình*
Tham vì ngọn bút rập rình trên tay."
(So với nhà dân thì ngôi đình, tức ngôi nhà chung của làng to lớn, khang trang hơn rất nhiều)

"*Liễn treo ba phía trong đình*
Chữ vàng chưa lợt sao mình vội quên
Đường sanh tử như mũi tên
Ở gần không dám xuống lên cho thường."
"*Anh đang viết liễn trong đình*
Nghe chồng em hỏi, giật mình quăng nghiên."
"*Tò vò xây tổ trong đình*
Em xoay đầu tóc cho qua nhìn kẻo quên."
"*Ngó ra sông cái, ngó hoáy thấy đình*
Hạc chầu thần còn đủ cặp
Huống chi mình lẻ đôi
Ngó lên đầu tóc hai vòng
Thấy mình yểu điệu chạnh lòng thêm thương."
"*Ba năm hạc đáo về đình*
Không cho hạc đậu, tức mình hạc bay."

Hạc chầu thần trong đình là vật vô tri, vô giác,vô hồn, là biểu tượng chết, còn hạc bay về đậu ở mái đình mới là biểu tượng sống động cho văn hóa, mang sinh khí lại cho mái đình làng, cho văn hóa dân tộc mà do vô tình không biết lại đuổi bay đi. Thật đáng tiếc biết bao.

(Còn tiếp – Trích theo
Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt)

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)



THƠ NỮ SĨ TUỆ NGA

Oregon Xuân Ất Mùi, 2015

Mùa Xuân, Thơ Dạo Non Bồng ...

Theo Mây , Thơ dạo non bồng
Một vùng ảo huyễn mênh mông cảnh trời,
Theo Mây, ngàn Suối, ngàn Khơi,
Tiếng Chim Lạ hót, đẹp thời Kinh Hoa,
Theo Mây, đi dạo Thiên Hà
Bao la mầu nhiệm, bao la cảnh trời
Mầu Trăng bạc, ánh chơi vơi
Tươi vườn thanh thảo ru đời trầm luân
Theo Mây, đi dạo Sông Vân
Sông Trăng tịch tịnh gió trầm hương lơi Theo
Mây, lơ lửng tầng trời
Cung trời nhã nhạc tuyệt vời Thiền Ca
Cùng Mây ngó xuống Ta Bà,
Mấy vần Thơ thảo lượt là, Chúc Xuân ...
Chúc Đời Hạnh Phúc bội phần
Chúc Người Nhân Ái tình thân dịu dàng
Chúc muôn nhà, Xuân hân hoan
Vui Xuân Di Lặc nhân gian Nghĩa Tình
Sáng trong giọt nước Tịnh Bình
Theo Mây dài một hành trình Huyễn, Không,
Thơ theo Mây, Thơ bềnh bồng !
Một vùng mộng ảo, Sắc Không nhạt nhòa
Chiều vàng ai dạo đồi hoa
Thấy trong giọt nước la đà cảnh Không
Thiên Hà một giải mênh mông
Thơ ai thả gió nửa vòng mộng bay
Còn chi cuối cuộc đời này
Phải Sương đỉnh núi, phải Mây cuối trời,
Phải Thơ mấy thuở luân hồi
Phải như giọt nước chơi vơi sóng đùa !
Chiều Xuân mưa bụi ...lưa thưa
Hồi chuông tỉnh thức, gọi mùa điểm trang
Kinh Hoa Vi Diệu hàng hàng ...
Mùa Xuân Mai Nở bát ngàn Mai Hoa ...

Mùa Xuân Mở Ngõ

Chiều vàng nắng, Nắng đan tơ
Ai đem nhung nhớ trải Thơ tâm hồn
Tưởng như chim hót bên cồn
Tiếng xa hiu hắt, tiếng buồn cô đơn ...
Lại vần ra Biển, lên Non,
Thơ vô đề viết dặm mòn ... chiêm bao !
Gió bay cao, Gió bay cao,
Lời nào gửi Gió, Ý nào gửi Mây
Mang mang ...tâm sự tràn đầy
Cánh Thư thả gió giữa ngày, Vào Xuân
Đàn đâu lắng Khúc Phù Vân
Mùa Xuân Mở Ngõ, Ý Xuân Cảm Hoài
Bâng khuâng Mai Trắng vườn ai
Nghe chiều thanh tịnh biển đời Kinh Hoa
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Mùa Xuân Từ Ái Ngát Hoa Ưu Đàm ...

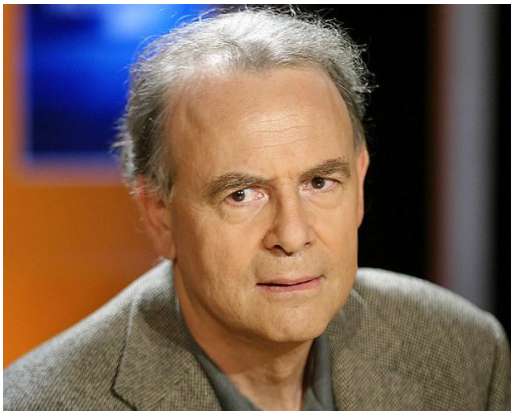
Con Chim Nhỏ Hót Đầu Non

Mùa Xuân, Người viết chuyện tình
Thơ tôi vẽ đóa Hồng xinh nõn nà
Đóa Hoa nở tự đêm qua
Đêm Giao Thừa, để làm quà tặng em
Ấm như ánh mắt Mẹ Hiền
Thắp lên Tính Thiện, soi miền phù du
Cội nguồn Nhân Ái thiên thu
Êm đềm võng Mẹ , bài thơ Trăng Rằm ...
Theo Con mãi mãi đường trần
Mùa Xuân Nhớ Mẹ, hương trầm gió bay
Biển xanh bát ngát ngàn mây
Tình Thương của Mẹ rót đầy Thơ Con,
Con chim nhỏ hót đầu non
Bâng khuâng kỷ niệm trong con dịu dàng
Một trời mây nước thênh thang
Ai đem hoa nắng trải vàng, Sông Vân
Mùa Xuân Huyền Diệu ...Mùa Xuân,
Trong Con Mẹ Đẹp ... ơi vần Thơ Hoa ...

JEAN PATRICK MODIANO
(1945 -)
VĂN HÀO PHÁP
Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương Năm 2014

Phạm Văn Tuấn

Jean Patrick Modiano là nhà văn viết tiểu thuyết người Pháp vừa lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương vào ngày 10 tháng 12 năm 2014.



Văn Hào Patrick Modiano đã đoạt Giải Thưởng Văn Chương Châu Âu năm 2012 của nước Áo (the 20112 Austrian State Prize for European Literature), Giải Thưởng Thế Giới Cino Del Duca năm 2010 của Viện Pháp Quốc (the 2010 Prix mondial Cino Del Duca from the Institut of France), Giải Thưởng Goncourt năm 1978 (the 1978 Prix Goncourt) vì cuốn tiểu thuyết "Đường Phố của các Cửa Hiệu tối tăm" (Rue des boutiques obscures) và vào năm 1972, tác giả Modiano đã lãnh Giải Thưởng Lớn phát về tiểu thuyết của Hàn Lâm Viện Pháp (Grand Prix du roman de l'Academie francais) vì tác phẩm "Các Đại Lộ vòng đai" (Les Boulevards de ceinture).

Các tác phẩm của Văn Hào Patrick Modiano đã được phiên dịch sang hơn 30 ngôn ngữ, được ca ngợi trong nước Pháp dù cho chỉ có vài cuốn tiểu thuyết của ông được dịch sang tiếng Anh ngay cả khi tác giả này nhận được Giải Thưởng Nobel Văn Chương.

Trong kỳ tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 2014 này, Văn Hào Patrick Modiano đã vượt qua vài nhà văn danh tiếng khác trên Thế Giới như nhà văn Nhật Bản Haruki Murakami, nhà văn người Kenya Ngugi wa Thiong'o, nhà báo và tác gia của xứ Belarussia là Svetlana Alexievich và nhà thơ Adonis người Syria.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã ca ngợi Văn Hào Patrick Modiano "vì nghệ thuật của trí nhớ, với thứ này tác giả đã gợi lên các định mệnh con người, thứ định mệnh khó hiểu nhất và đã khơi lại thế giới đời sống của thời kỳ bị chiếm đóng" (for the art of memory with which he has evoked the most ungraspable human destinies and uncovered the life-world of the occupation).

1/ Thời trẻ và học vấn.

Jean Patrick Modiano sinh tại Boulogne-Billancourt, một xã thuộc vùng ngoại ô phía tây của thành phố Paris, nước Pháp, vào ngày 30 tháng 7 năm 1945. Cha của ông Patrick tên là Albert Modiano (1912-1977) là một người có nguồn gốc Do Thái, thuộc về gia đình Sephardic của miền Salonica. Mẹ của ông là bà Louisa Colpijn, là một nữ diễn viên người Bỉ (Flemish), còn được gọi bằng tên Louisa Colpeyn.

Cha và mẹ của ông Patrick Modiano đã gặp nhau khi thành phố Paris bị quân đội Đức Quốc Xã chiếm đóng trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai. Ông Albert là người gốc Do Thái nhưng đã không đeo ngôi sao vàng David trên cánh tay áo, đã không trình diện quân đội Đức trong khi tại thành phố Paris, các người gốc Do Thái đã bị lùng bắt để bị đưa vào các trại tù tập trung. Trong thời kỳ chiến tranh, ông Albert đã sinh sống nhờ buôn bán trong thị trường đen cũng như la cà với các nhân viên mật vụ Đức Gestapo đóng trên con đường phố Lauriston.

Thuở thiếu thời của cậu Patrick đã khác biệt với các trẻ em cùng lứa tuổi. Cậu được ông bà ngoại nuôi dưỡng và dạy nói tiếng Flemish (tiếng Bỉ), sau đó theo học trường trung học nhờ tiền trợ cấp của chính phủ. Do cả hai cha và mẹ thường hay vắng nhà, nên Patrick chỉ thân thiết với người em ruột tên là Rudy, nhưng cậu bé này đã qua đời vì bệnh tật vào tuổi lên 10, vì thế các tác phẩm của nhà văn Patrick Modiano từ năm 1967 tới năm 1982 đã được viết tặng cho người em Rudy. Nhớ lại thời gian bi thương này, nhà văn Patrick Modiano đã viết ra cuốn hồi ký danh tiếng, có tên là “Một Dòng Dõi” (Un Pedigree, 2005) và ông đã nói: “tôi không thể viết ra được cuốn tiểu sử tự thuật (autobiography), vì vậy tại sao tôi gọi cuốn truyện đó là một dòng dõi, đó là một cuốn truyện nói nhiều về cha mẹ tôi đã làm cho tôi hơn là tôi đã làm cho các người khác”.

Patrick Modiano đã theo bậc tiểu học tại trường Montcel (Ecole du Montcel) tại Jouy-en-Josas, rồi trường trung học Henry IV tại thành phố Paris. Trong thời gian theo bậc trung học này, cậu Patrick đã học Hình Học với giáo sư kiêm nhà văn Raymond Queneau, ông này cũng là một người bạn của bà mẹ của cậu Patrick. Patrick Modiano đã đậu xong Tú Tài (Baccalaureat) tại Annecy nhưng đã không theo lên đại học.

Vào năm 1970, ông Patrick Modiano lập gia đình với cô Dominique Zehrfuss, con gái của ông Bernard Zehrfuss, một kiến trúc sư danh tiếng, họ có hai người con là Zina (1974) và Marie (1978).

2/ Con đường văn nghiệp.

Raymond Queneau là nhà văn, tác giả của cuốn truyện “Zazie trong xe điện ngầm” (Zazie dans le metro). Patrick Modiano đã quen với ông Queneau, việc gặp gỡ này là một sự việc quyết định bởi vì ông Queneau đã giới thiệu Modiano với thế giới văn chương, đã mời Modiano tham dự một bữa tiệc khoản đãi do nhà xuất bản Gallimard.

Nhà văn Patrick Modiano là một sản phẩm của thời kỳ quân Đức Quốc Xã xâm chiếm nước Pháp khi Thế Chiến Thứ Hai diễn ra, vì vậy nhiều cuốn tiểu thuyết của tác giả Modiano được xây dựng tại thành phố Paris bị quân thù chiếm đóng, bắt đầu với cuốn "Quảng Trường Ngôi Sao" (La Place de l'étoile). Thành phố Paris của tác giả Modiano thì u tối, bị đe dọa, với các nhân vật di chuyển trong các vùng nước đục của chợ đen và ở giữa lằn ranh rất mỏng manh là cộng tác với quân Quốc Xã hay theo quân Kháng Chiến.

Vào năm 1968, ông Patrick Modiano đã cho xuất bản cuốn truyện đầu tiên có tên là

“Quảng Trường Ngôi Sao” (La Place de l’étoile), đây là cuốn tiểu thuyết chiến tranh nói về một người Do Thái đã cộng tác với quân Đức Quốc Xã. Cuốn truyện này đã làm cho người cha, ông Albert Modiano, không vừa lòng, nên ông ta đã cố gắng mua lại gần hết các ấn bản của cuốn tiểu thuyết kể trên. Vào năm 2010, khi ấn bản viết bằng tiếng Đức của cuốn tiểu thuyết “Quảng Trường Ngôi Sao” được phát hành, thì cuốn truyện đã đoạt Giải Thưởng hạng Nhất của Đài Phát Thanh Tây Nam (Prize of the Southwest Radio Best-of List from the Sudwestundfunk radio station = the German Preis der SWR- Bestenliste). Đài phát thanh này đã ca ngợi cuốn truyện kể trên là một tác phẩm chính sau Holocaust (a major Post-Holocaust work)(Holocaust là hỏa ngục Do Thái do quân đội Đức Quốc Xã tạo nên để tận diệt 6 triệu người Do Thái trong Thế Chiến Thứ Hai).

Năm 1973, ông Patrick Modiano đã viết chung với một tác giả khác tập truyện phim “Lacombe Lucien”, đạo diễn do Louis Malle, cuốn phim kể về một cậu bé tham gia vào toán mật vụ Gestapo của Đức Quốc Xã sau khi cậu bé này bị lực lượng Kháng Chiến Pháp từ chối, không chấp nhận. Cuốn phim này đã gây ra cuộc tranh cãi vì thiếu phần chứng minh của nhân vật chính. Cuốn phim "Lacombe Lucien" đã đoạt giải thưởng Oscar vào năm 1975 tặng cho phim hay nhất nói tiếng ngoại quốc (the Oscar for Best Foreign Language film in 1975).

Các cuốn tiểu thuyết của ông Patrick Modiano đều nghiên cứu sâu xa về sự rắc rối của bản dạng (identity), làm sao người ta có thể tìm ra chứng cớ của sự hiện hữu của một con người qua các dấu vết của quá khứ. Do bị ảnh hưởng bởi thời kỳ rắc rối và đáng xấu hổ khi bị quân Đức Quốc Xã chiếm đóng, và trong thời gian này, người cha là ông Albert đã có các hành động mờ ám, nhà văn Patrick Modiano đã trở về với đề tài này trong tất cả các tiểu thuyết của ông. Tác giả Modiano đã nói: “Sau mỗi cuốn tiểu thuyết, tôi có cảm tưởng rằng tôi đã làm sáng tỏ mọi điều”, và tác giả viết thường xuyên về thành phố Paris, mô tả sự tiến hóa của các con đường, các thói quen và các con người của thành phố đó.

Tất cả các tác phẩm của nhà văn Patrick Modiano đều viết từ một chỗ của chứng bệnh quên (không còn trí nhớ). Trong cuốn “Đường Phố của các Cửa Hiệu tối tăm” (Rue des Boutiques obscure = Missing Person), nhân vật chính chịu đau khổ vì trí quên, đã đi từ miền Polynesia tới thành phố Rome để thử tìm cách nối lại với quá khứ. Cuốn tiểu thuyết này đề cập tới sự tìm kiếm bản dạng (identity) không bao giờ chấm dứt trong một thế giới mà “bãi cát giữ lại dấu chân của chúng ta nhưng chỉ trong một ít thời gian”.

Trong cuốn truyện “Xa hơn vào Quên Lãng” (Du Plus Loin de l’Oubli = Out of the Dark), người kể truyện nhớ lại mối tình xa xưa nằm trong bóng tối vào thập niên 1960, với một người đàn bà bí ẩn. 15 năm sau khi hai người chia tay, họ gặp lại nhau nhưng người đàn bà đã đổi tên họ và chối bỏ quá khứ. Thứ nào là thực, thứ nào là ảo, đều được nhìn thấy trong cuốn tiểu thuyết giống như giấc mộng và đây là đặc điểm của lối văn bi thương và các ám ảnh của tác giả.

Đề tài về trí nhớ (memory) cũng được tác giả trình bày rõ ràng trong cuốn truyện “Dora Bruder”, sau này xuất bản sang tiếng Anh với tên là “The Search Warrant = Lệnh Tìm Kiếm”. Dora Bruder là cuốn tiểu thuyết pha trộn tiểu sử, tiểu sử tự thuật (autobiography), trinh thám (detective), kể về lịch sử của một cô gái của những người

Do Thái di cư, thuộc miền Đông Âu, cô gái này sau khi đã bỏ trốn từ nơi an toàn là một tu viện, nơi đã che dấu cô ta, rồi cuối cùng cô gái bị tống vào trại tập trung Auschwitz.

Tác giả Modiano đã nói rằng đầu tiên ông ta quan tâm tới câu chuyện của Dora khi ông ta đọc được tên những người bị mất tích đăng trên tờ nhật báo Paris Buổi Chiều (Paris Soir) vào tháng 12 năm 1941. Do đam mê tìm kiếm quá khứ, ông Modiano bắt đầu cuộc điều tra, ông chắp nối lại các mẩu báo, các lời trối trăng mơ hồ, các cuốn điện thoại niên giám cổ xưa…

Trong cuốn tiểu thuyết thứ 26 của nhà văn Patrick Modiano, có tên là "Chân Trời" (L'Horizon, 2011), người kể chuyện tên là Jean Bosmans, một người mảnh khảnh, luôn luôn bị theo đuổi do bóng ma của bà mẹ của anh ta, anh ta đã sống với tuổi trẻ và với các người mà anh ta bị lạc mất. Trong số những người này có cô gái kỳ bí tên là Magaret Le Coz, một người đàn bà trẻ mà anh ta đã đam mê vào thập niên 1960. Hai con người cô đơn này đã trải qua nhiều tuần lễ lang thang trên các con đường cong queo của thành phố Paris mà ngày nay người ta đã quên lãng. Một hôm, không được báo trước, cô Magaret đã bước lên một toa xe lửa rồi biến dạng, nhưng không mất đi trong trí nhớ của anh Jean. Bốn mươi năm về sau, Jean sẵn sàng tìm kiếm lại mối tình đã biến mất của mình.

Một số các tác phẩm của nhà văn Patrick Modiano đã được phiên dịch sang tiếng Anh, trong số này có cuốn "Các Đại Lộ vòng đai" (Les Boulevard de ceinture, 1972 = Ring Roads, 1974), "Nhà Villa buồn" (Villa Triste, 1975 = Villa Triste, 1977), "Khu Phố đã mất" (Quartier perdu, 1984 = A Trace of Malice, 1988), và cuốn "Tuần Trăng Mật" (Voyage de noces, 1990 = Honeymoon, 1992). Tác phẩm cuối cùng của nhà văn Patrick Modiano là cuốn "Không lạc trong khu phố" (Pour que tu ne te perdes dans le quartier, 2014 = So you don't get lost in the neighborhood).

3/ Các nhận xét về Văn Hào Patrick Modiano.

Văn Hào Patrick Modiano là tiểu thuyết gia người Pháp đã nhận lãnh được Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 2014 với số tiền thưởng là 8 triệu Kronors, hay 700,000 bảng Anh, hay 1.1 triệu Mỹ kim hay 787,000 euros. Ông Modiano là nhà văn Pháp thứ 15 đoạt được danh dự này, sau các nhân vật danh tiếng khác như André Gide, Albert Camus và Jean Paul Sartre…, và văn hào Pháp gần đây nhất là ông Jean-Marie Gustave Le Clézio lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương vào năm 2008.

Văn Hào Patrick Modiano sẽ nhận được Huy Chương và Tiền Thưởng vào ngày 10 tháng 12 năm 2014, đây là ngày kỷ niệm của ông Alfred Nobel đã qua đời vào năm 1896.

Trong kỳ xét Giải năm nay, Ủy Ban Nobel Văn Chương gồm 18 nhà văn xuất sắc của Thụy Điển, trong số 210 nhân vật được đề nghị dự tranh tài, có 36 người là những người được đề cử lần đầu tiên, rồi danh sách giảm xuống còn 20 ứng viên, sau cùng là 5 ứng viên được chọn khiến cho các ông Viện Sĩ phải đọc lại toàn bộ các tác phẩm của những ứng viên này.

Tổng Thư Ký thường trực của Hàn Lâm Viện Thụy Điển là ông Peter Englund đã nói rằng ông Modiano là nhà văn rất dễ hiểu: "không khó khăn khi đọc truyện của ông ta, ông ta viết văn rất đơn giản bởi vì thể văn thì rất chải chuốt, giản dị và rõ ràng. Bạn mở một trang và sẽ thấy đó là của Modiano với các câu văn ngắn rất ngay ngắn nhưng rất hoàn hảo trong cách đơn giản".

Ông Peter Englund đã gọi Văn Hào Modiano là "một loại Marcel Proust của thời đại chúng ta" (a kind of Marcel Proust for our time), với các truyện kể lại vào thời kỳ quân đội Đức Quốc Xã chiếm đóng thành

phố Paris. Ông Englund cũng nói rằng dĩ nhiên ông Modiano là một người châu Âu, da trắng, nhưng ông ta là người đã viết ra thứ văn chương đặc sắc: “chúng tôi không làm việc theo chỉ tiêu (quotas), chúng tôi chỉ cố gắng tặng phần thưởng cho sự tuyệt tác (excellence) và chúng tôi không quan tâm tới người nào đó từ lục địa nào hay thuộc phái tính nào”. Ông Peter Englung đã nhận xét rằng nhiều người bên ngoài nước Pháp có vẻ như không quen với ông Modiano và các tác phẩm của ông ta, và “Ông ta nổi danh trong nước Pháp mà không ở nơi nào khác”.

Ông Modiano biết được tin tặng Giải Thưởng khi ông đang đi trên đường phố Paris thì con gái ông báo tin qua máy điện thoại lưu động và tin tức này thật là bất ngờ đối với ông.

Khi nhận được tin tức về việc tặng Giải Thưởng Nobel, Tổng Thống Pháp Francois Holland đã nói: “Nước Cộng Hòa Pháp rất hãnh diện về sự công nhận quốc tế, qua Giải Thưởng Nobel này, dành cho một trong các nhà văn lớn lao của chúng ta. Ông Patrick Modiano là người Pháp thứ 15 nhận được sự đặc biệt to lớn này, xác nhận ảnh hưởng rộng lớn của nền văn chương của chúng ta”.

Thủ Tướng Pháp Manuel Valls cũng mô tả Văn Hào Modiano là “một nhà văn của nền văn chương rõ ràng, sắc bén… và không còn nghi ngờ gì nữa, ông ta là một trong các nhà văn lớn nhất của các năm gần đây”.

Antoine Gallimard là nhà xuất bản của nhà văn Modiano đã kể lại: “Tôi đã gặp ông Modiano qua điện thoại. Tôi đã khen ngợi ông ta và với sự khiêm tốn thường xuyên, ông ta bảo tôi “thật là phi thường” và ông ta rất hạnh phúc”.

Nhiều người ở bên ngoài nước Pháp thường đặt câu hỏi: "Patrick Modiano là ai?" Có nhiều điều giải thích về nhà văn người Pháp này.

Trong thế giới văn chương tiếng Anh, nhà văn Patrick Modiano chưa được nhiều người biết tới nhưng ông ta nổi danh bên trong nước Pháp, bởi vì ông Modiano là một trong các nhà văn danh tiếng nhất. Vào năm 1978, ông Modiano đã đoạt Giải Thưởng Goncourt rất uy tín vì tác phẩm "Đường Phố của các Cửa Hiệu tối tăm" (Rue des Boutiques obscures = Missing Person), ông cũng lãnh Giải Thưởng Lớn Văn Chương Quốc Gia năm 1996, Giải Thưởng Lớn của Hàn Lâm Viện Pháp Quốc vì tác phẩm "Các Đại Lộ vòng đai" (Les Boulevards de ceinture = Ring Roads).

Các tác phẩm của nhà văn Patrick Modiano được viết ra từ các kinh nghiệm của giai đoạn thành phố Paris bị chiếm đóng bởi quân đội Đức Quốc Xã. Nhà văn Modiano đã ra đời vào cuối cuộc Thế Chiến Thứ Hai nên đã mô tả thời kỳ quân Đức Quốc Xã chiếm đóng nước Pháp là "mảnh đất mà tôi đã lớn lên từ đó". Khi trao Giải Thưởng Nobel, Hàn Lâm Viện Thụy Điển nói rằng họ muốn ca ngợi "nghệ thuật về trí nhớ" (his art of memory) của ông ta khi nhà văn Modiano mô tả các cuộc đời của các người dân bình thường trong thời kỳ bị quân địch chiếm đóng và thời gian này kéo dài từ năm 1940 tới năm 1944.

Các tác phẩm của ông Modiano thì chứa đựng các chi tiết tỉ mỉ: đường phố, quán cà phê, các trạm xe điện ngầm và các dữ kiện của đời sống thực sự lúc bấy giờ. Ông Modiano đúng là "nhà văn khảo cổ của văn chương" (literary archaeologist).

Nhà văn Patrick Modiano không chỉ là một người viết tiểu thuyết mà còn là một người viết truyện phim cho cuốn phim

"Lacombe Lucien", đạo diễn do Louis Malle. Ông Modiano còn là tài tử đóng phim với vai Bob, xuất hiện vào năm 1997 cùng với nữ tài tử danh tiếng người Pháp là Catherine Deneuve. Ông Modiano cũng viết ra nhiều cuốn truyện cho trẻ em.

Nhà văn Patrick Modiano còn thú nhận rằng ông yêu thích những gì "bí mật". Ông nói: "Các sự việc càng u tối và bí ẩn bao nhiều càng làm cho tôi quan tâm".

Nhà văn Modiano sinh sống trong thành phố Paris nhưng tránh né giới truyền thông và rất ít khi chịu trả lời phỏng vấn, không bao giờ ông ta tham dự các bữa tiệc văn chương.

Ông Patrick Modiano có một quá khứ gia đình phức tạp với cha là người Ý gốc Do Thái, đã từng liên lạc với bọn Gestapo mà không đeo ngôi sao vàng David, đã từng quen thuộc với các băng đảng tội phạm, còn bà mẹ là một nữ diễn viên người Bỉ. Với thời tuổi trẻ được nuôi dạy nhưng không hạnh phúc, với người em trai qua đời khi Patrick còn là một cậu bé, rồi tới năm 17 tuổi, lại không được liên lạc với người cha trong khi người mẹ lại quá lạnh lùng với các con.

Hàn Lâm Viện Pháp Quốc là một cơ sở danh tiếng của nước Pháp, chuyên lo công việc duy trì văn hóa và ngôn ngữ, đã mời nhà văn Patrick Modiano tham gia vào nhóm "Các Nhân Vật Bất Tử" (the Immortals) nhưng vì không cảm thấy được thoải mái với các danh vọng nên nhà văn Patrick Modiano đã từ chối việc gia nhập kể trên.

4/ Các tác phẩm của Văn Hào Patrick Modiano.

1968 Quảng Trường Ngôi Sao = La Place de l'étoile.

1969 Đội tuần tra đêm = La Ronde de nuit = Night Rounds (N.Y., Alfred A. Knopf, 1971).

1972 Các Đại Lộ vòng đai = Les Boulevards de ceinture = Ring Roads (London, Gollancz, 1974).

1974 Lacombe Lucien; truyện phim cùng viết với Louis Malle.

1975 Nhà Villa buồn = Villa triste.

1977 Cuốn Sổ Gia Đình = Le Livret de famille.

1978 Đường phố của các Cửa Hiệu tối tăm = Rue des Boutiques obscures = Missing Person (London, Jonathan Cape, 1980).

1981 Một cô gái trẻ = Une jeunesse.

1981 Con đường nhỏ ghi nhớ = Memory Lane.

1982 Về các cậu con trai can đảm = De si brave garcons.

1984 Khu phố đã mất = Quartier Perdu = A Trace of Malice (Aidan Ellis, 1988)

1986 Các ngày Chủ Nhật tháng Tám = Dimanches d'aout.

1988 Tin Chắc Catherine = Catherine Certitude.

1988 Bớt cơ cực = Remise de peine.

1989 Phòng gửi áo của trẻ em = Vestiare de l'enfance.

1990 Tuần Trăng Mật = Voyage de noces = Honeymoon (Harper Collins, 1992).

1991 Hoa Suy Tàn = Fleurs de ruine.

1992 Đoàn xiếc đi qua = Un cirque passe.

1993 Chó của mùa xuân = Chien de printemps.

1995 Xa hơn vào quên lãng = Du plus loin de l'oubli = Out of the Dark (Bison Books, 1998).

1997 Dora Brude = bản dịch tiếng Anh Dora Bruder (Univ. of California Press, 1999) hay là The Search Warrant (Harvill Press, 2000).

1999 Những người vô danh = Des inconnues.

2001 Món nữ trang nhỏ = La Petite Bijou.

2003 Tai nạn ban đêm = Accident nocturne.

2004 Một Dòng Dõi = Un pedigree.

2007 Trong quán cà phê của tuổi trẻ đã mất = Dans le café de la jeunesse perdue.

2010 Chân Trời = L'Horizon.

2012 Cỏ đêm = L'Herbe de nuit.

2014 Không lạc trong khu phố = Pour que tu ne te perdes pas dans le quartier = So you don't get lost in the neighborhood./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

GIỮA XUÂN

Xuân! Em Xuân! Em Xuân đến đây rồi!
Tôi ngây-ngất đón chào Em, cảm-động.
Chao, bỡ-ngỡ! – Ồ, lưng dài, vai rộng:
Tuổi tôi đây, vừa nguyên-vẹn hai mươi.
Bước chân non, tôi chập-chững ra đời,
Thân lạc-lõng trước ngã-ba đường thế:
Bâng-khuâng chọn, chưa tìm ra lối rẽ.

Nằm giữa lòng thế-kỷ thứ hai mươi,
Nghe nhân-gian rên-xiết giữa reo-cười;
Muôn tiếng gọi truyền lan theo cánh gió.
– Thì ra tôi trót vay nhiều món nợ
Mà hôm nay phải đóng-góp cho Đời!

Mắt nhìn lui Mùa Đông cũ – Đông ơi,
Em đã chết dưới trăm mồ lá úa!
Thời qua ấy: chao ôi là nhung-lụa!
Và thời nay: là gấm-vóc, chao ôi!

Tôi là trai, tôi tự hỏi lòng tôi:
Ôi, ta đã làm chi

Đời trai hai mươi tuổi?
– Muôn xác lá ngập tràn muôn nẻo lối!

Đường mông-mênh lấp-lánh ánh sao tươi,
Mùa xuân hồng phơi trải dưới chân tôi.
Bao thế-hệ bằm môi và trợn mắt
Đẩy, đẩy, đẩy bánh xe Đời vững-chắc
Nghiến lăn dài trên bước tiến thời-gian.
Mồ-hôi, nước mắt, máu, tim, gan;
Bao sức sống tuôn tràn cho cuộc sống.
Đời vĩ-đại, Đời sâu-xa, cao-rộng;
Mỗi sinh-linh là một nét tô-bồi.
Ánh vinh-quang vừa hé mở chân trời.

Mộng – giấc mộng điên-cuồng say máu lửa,
Mộng thiên-thai ngàn xưa – còn đâu nữa!
Đây trần-truồng phô dưới Ánh Trời Mai
Một khối đồng-tâm, cả một Loài Người
Đang gắng-gỗ, đang bền gan, vững chí
(Tay thô-tháp và linh-hồn bình-dị)
Góp công nhau, nương-tựa sức Muôn Người
Đắp-xây Xuân Hy-Vọng một ngày mai...

Nợ đã trót vay rồi, tôi góp trả.
– Xuân! Tôi nghe như Em cười dòn-dã?
Lòng hân-hoan, tôi đắp đá, tô vôi...

THANH-THANH

TẾT THA HƯƠNG

Xuân này tuổi qúa bảy mươi rồi
Mối hận văn chương khó nuốt trôi
Viết được đôi câu sầu ý tận
Nghĩ ra dăm vận chán thơ tồi
Tri âm thời trước tình quên bẵng
Bằng hữu ngày nay chuyện đãi bôi
Đón tết, giao thừa ngồi lặng lẽ
Mai đào quê mẹ nhớ khôn nguôi

Lý Hiểu
01-01-Ất Mùi

“Màu Thời Gian Không Xanh”: Ai là Hình Ảnh Giai Nhân Trong Bài Thơ “Màu Thời Gian” của Đoàn Phú Tứ?

http://cothommagazine.com/nhac1/MauThoiGian-NguyenXuanKhoat-DoanPhuTu-BichHong.mp3
http://cothommagazine.com/nhac1/MauThoiGian-PhamDuy-DoanPhuTu-ThaiHien.mp3

Phạm Trọng Lệ

Người yêu nhạc hẳn ai cũng nhớ bài thơ “Màu thời gian” của nhà viết kịch Đoàn Phú Tứ (có bằng tú tài Pháp, sinh năm 1910 tại Hà-Nội, mất năm 1989), do nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát và sau là nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc. Đoàn Phú Tứ làm rất ít thơ, nhưng bài “Màu thời gian” là bài người sau nhớ nhất. Bài thơ này làm trong khoảng 1939-1940. Giai thoại về bài thơ rất lý thú. Theo học giả Văn Tâm kể lại (sách dẫn bên dưới) thì người con gái gây hứng cảm cho bài thơ là con gái học giả Nguyễn văn Vĩnh, tên là cô Nguyễn Thị Vân, lúc đó khoảng 24 hay 25 tuổi. Cô là chị ruột của thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp (tác giả tập thơ Ngày Xưa trong đó có bài “Chùa Hương” và “Sơn Tinh Thuỷ Tinh”). Theo Văn Tâm, tác giả bài “Màu thời gian” thường cùng bạn đi xe đạp đến ngồi bên ngoài biệt thự nhà cụ Nguyễn Văn Vĩnh nghe cô Vân dạo dương cầm. Sau nghe tin nàng bị bệnh, chàng xin gặp và thăm nhưng không được nàng cho phép, nhà thơ Đoàn Phú Tứ nghĩ đến tích người cung nữ trẻ đẹp--mà ông đặt tên là Tần Phi--trước khi chết, không muốn nhà vua thấy nét tàn phai của nàng bèn tặng nhà vua mớ tóc của mình.



Đoàn Phú Tứ

Bài này in lại hình (1) của Đoàn Phú Tứ; (2) ba chị em cô Nguyễn Thị Vân cùng ba mẩu hồi ký in trong cuốn sách của Văn Tâm nhan đề ĐOÀN PHÚ TỨ: CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM do nhà Văn Học in ở Hà Nội năm 1995, và một bài báo có đăng trong website tannamtu về học giả Nguyễn Văn Vĩnh. Cũng in lại nguồn gốc trên youtube hai bản nhạc phổ từ bài thơ của Đoàn Phú Tứ. Bài viết này cũng in 6 bản dịch bài thơ bất hủ này sang tiếng Pháp và tiếng Anh để độc giả thưởng lãm tài dịch khéo của những dịch giả có tiếng.

1. Bài thơ Màu Thời Gian

Sớm nay tiếng chim thanh
Trong gió xanh
Dìu vương hương ấm thoảng xuân tình

Ngàn xưa không lạnh nữa - Tần Phi!
Ta lặng dâng nàng
Trời mây phảng phất nhuốm thời gian

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngát
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh

Tóc mây một món chiếc dao vàng
Nghìn trùng e lệ phụng Quân-Vương
Trăm năm tình cũ lìa không hận
Thà nép mày hoa thiếp phụ chàng

Duyên trăm năm đứt đoạn
Tình một thuở còn hương
Hương thời gian thanh thanh
Màu thời gian tím ngát.

(1939-40) ***Đoàn Phú Tứ***

2. Ý bài thơ theo tác giả:

Thi sĩ sau khi làm bài thơ bằng tiếng Việt lại viết một trang giảng thêm tích xưa mình dùng làm bối cảnh bài thơ và chuyển bài thơ sang tiếng Pháp khiến người sau đọc thơ hiểu thêm bài thơ và nguồn thi hứng của tác giả.

Theo học giả Văn Tâm, năm 1983, Đoàn Phú Tứ viết tặng kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Ngoạn (người Hà-Nội, mất năm 1990) một trang tiếng Pháp giải thích câu chuyện riêng tư "để kỷ niệm những cuộc trò chuyện lông bông với nhau về thơ văn (en souvenir de nos entretiens en l'air sur la poésie et la prose"):

COULEUR DU TEMPS – « Ce petit poème est une simple méditation sur un thème littéraire ancient: une concubine royale, - les concubines royales favorites étaient d'ordinaire bien plus belles et plus attachantes que les Reines en toute majesté,- à la veille de sa mort, ne se laissant pas voir par son Auguste époux, de crainte de lui léguer un souvenir affreux de son ancienne beauté; elle se contenta de lui a faire, à distance, la pieuse offrande d'une mèche de ses cheveux adorables, ils se quittèrent ainsi, et l'image de la disparue resta à jamais intacte en sa splendeur dans la mémoire du survivant.

Ici le poète appelle sa belle disparue TẦN PHI, - Tần et Phi étant diverses appellations titrées des concubines royales, et rappellant par leur sonorité, le concept de Poésie Pure.» (p. 180)

(« MÀU THỜI GIAN – Bài thơ nhỏ này là một trầm tư thuần phác trên một chủ đề văn chương: một vương phi (các phi tần sủng ái thường diễm lệ hơn và được nhà vua quyến luyến hơn cả Vương hậu) khi sắp từ trần đã không để cho đấng Quân vương giáp mặt; sợ rằng sẽ lưu lại trong tâm trí nhà vua một kỷ niệm dễ sợ về nhan sắc thuở nào; bằng lối cách mặt, **nàng đành lòng dâng lên vua lễ vật thành kính là một lọn tóc của mái đầu đáng ái mộ, như thế, hình bóng rực rỡ của kẻ đã khuất sẽ tồn tại nguyên vẹn mãi mãi trong ký ức người ở lại.**

Ở đây thi nhân gọi giai nhân quá cố của mình là TẦN PHI,--Tần và Phi là danh hiệu các cung phi; và âm thanh tên gọi gợi-khắc khái niệm Thơ Thuần Tuý. » (p. 180).

Năm 1983, cũng theo Văn Tâm, tác giả Màu thời gian tự dịch bài thơ này sang Pháp ngữ tặng bạn thân là nhà nhiếp ảnh Trần Văn Lưu:

3. Couleur du temps

Ce matin un chant d'oiseau cristallin
Dans le vent verdoyant
Berce un doux parfum au soufle printanier

L'Éternité se dépouille de sa froidure - Tần Phi !
Je vous fais, receuilli, l'offrande
De ce ciel vaporeux vaguement teinté de temps

La couleur du temps n'est pas d'azur
La couleur du temps est d'un violet embaumé

Le parfum du temps n'est pas ardent
La couleur du temps est subtil, subtil

Une mèche de cheveux passée aux ciseaux d'or
Du fond de son alcôve, elle la dédie,
craintive, à son Auguste Seigneur
Au nom d'un éternel amour, pour se quitter sans amertune
Elle préfère se cacher et répondre mal à Son coeur

L'union à vie est rompue
Mais l'amour d'un temps garde son parfum
Le parfum du temps est subtil, subtil
La couleur du temps est d'un violet embaumé.

(Bản tiếng Pháp do chính **Đoàn Phú Tứ dịch**, trong Văn Tâm, sách đã dẫn, p. 183).

4. Hai ý kiến tương phản về bài thơ « Màu thời gian » của hai nguồn phê bình nổi tiếng

-Vũ Ngọc Phan.

« Ông có một tâm hồn thi sĩ, nên người ta thấy ông sở trường cả về thơ nữa. Thơ ông không nhiều, nhưng khi nào cũng kín đáo, gọt dũa kỹ càng, có khi cầu kỳ quá hoá ra mất cả vẻ tự nhiên, kém phần thành thật…Bài « Hận Ly Tao » người ta còn có thể hiểu được, không đến nỗi như bài « Màu thời gian » mà có người đã gọi là thơ « hũ nút » . Có người lại bảo thơ ông hay về nhạc điệu nữa. Sự thực mà cái nhạc điệu người ta khen ấy, nếu có, nó cũng không Việt Nam chút nào. » (Nhà Văn Hiện Đại, trang 697).

-Hoài Thanh và Hoài Chân

Tác giả Hoài Thanh và Hoài Chân, ngược lại, khen bài thơ là hay :

« Nói về toàn thể nên chú ý đến điệu thơ. Bài thơ bắt đầu bằng những câu dài ngắn không đều: âm điệu hoàn toàn mới…thành ra ý thơ, lời thơ, điệu thơ cùng với hồn thi nhân đi từ hiện tại về quá khứ, rồi dần dần trở về hiện tại. Hiện tại, chỉ mờ mờ nhạt nhạt, nhưng càng xa về quá khứ câu thơ càng thiết tha, càng rực rỡ…Tôi tưởng dầu không hiểu ý nghĩa bài thơ, người ta cũng không thể không nhận thấy cái vẻ huy hoàng, trang trọng của câu thơ…trong thơ ta, có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế. (Thi Nhân Việt Nam, trang 116).

5. Các bản dịch

-Bản dịch thứ 1 sang tiếng Anh

The colors of time

This morning the birds songs are crystal clear
in the clear blue sky
A warm perfume hangs in the air, like a
breath of spring love
Bringing back to life memories of a
thousand year past
O Princess of Ch'in, I silently offer this to you –
A warm perfume, dyed deep in the course of time,
in the air…

The colors of time are blue, light blue
The colors of time are purplish, a vast
purple blue
The perfumes of time are not excessive
The perfumes of time are just right

"A downy locket, cut with a golden knifelet
"A thousand times shyly I offer it to you,
my lord
"As I must leave you in this lifetime,
bearing no grudge
"I should rather cast down my eyes, having
betrayed you."

The love of one life time is suddenly broken
But an instant of love is enough to linger a lifetime.

Translated by Nguyễn Ngọc Bích
(Published in Song Van magazine, ISSN 1089-8123, issue 11, Sept, 1997, and republished in The Writers Post, ISSN 1527-5467, vol. 1, number 1, July 1999. http://www.thewriterspostnet/tr_po4.htm). Permission to reprint granted by translator per email dated 11/17/2014.

-Bài dịch thứ 2 của Kim Vũ (Vũ Mạnh Phát) (2004)

The Color of Time
Đoàn Phú Tứ

This morning the birds' pure voices
In the gentle wind
Seem to carry with them the warmth of delicate
spring love.
Eternity isn't cold anymore, royal concubine
I quietly offer you
Sky and clouds vaguely tinged with a touch of time.
The color of time isn't blue
The color of time is exquisitely violet
The scent of time isn't pungent
The scent of time is delicately light.

I have cut my cloud-like hair with a golden knife
And shyly obey my King's order in the
long journey
I left my old love for you with regrets
It's better that I submit and break my oath.

Even though our relationship has to be broken
My love for you still remains forever in my heart
The scent of time is delicately light
The color of time is exquisitely violet.

[From: **Những Áng Thơ Tuyệt Tác Hiện Đại**—translated by **Kim Vũ** (2004), p.31]

-Bài dịch thứ 3 và 4: English and French translations **by Thomas D. Le (Lê Duy Tâm)** (2004)

The Color of Time

This morning the clear bird call resounded
In the blue wind
Spreading the warm pervasive perfume of
spring love

The distant past is no longer frigid, Lady
Tan Phi:
I quietly offer you
The clouds and sky suffused with time's hue.

The color of time is not blue.
The color of time is a dark purple.
The odor of time is not strong.
The odor of time is ethereal.

Her silky hair cleft by a golden dagger
Is offered up with modesty to the Lord
Most High.
She bears forever their old love's extinction
without spite,
And rather hides her face than disappoints
him at sight.

Though the age-old bond of devotion is severed,
The ever-lasting love's odor lingers.
The odor of time is ethereal,
The color of time is a dark purple.

Translated by **Thomas D. Le** (May 2004)
[From: www.thehuuvandan.org/Vietpoet.html]

Bản dịch sang tiếng Pháp của **Thomas D. Le (Lê Duy Tâm)** (3 May 2004)

La couleur du temps

Ce matin les chants clairs des oiseaux retentissent
Au vent bleu
Qui répand l'odorant parfum d'un amour printanier.

Les époques antiques ne sont plus froides,
ma Tan Phi.
En silence je t'offre
Le ciel et les nuages teintés de temps.

La couleur du temps n'est past bleue,
La couleur du temps est un violet foncé
L'odeur du temps n'est pas forte.
L'odeur du temps est veloutée.

Elle a coupé une mèche avec un couteau d'or
Comme modeste offrande à Sa Majesté Royale.
Bien qu'elle quitte sans dépit leur amour de
cent ans
Elle ne pourrai lui souffrir de voir sa face cachée.

L'affection de cent ans est maintenant rompue,
Pourtant notre éternel amour retient son parfum.
L'odeur du temps est veloutée,
Et la couleur du temps un violet foncé.

(Traduit par **Thomas D. Le**, 5 mai 2004)
[Nguồn: www.thehuuvandan.org/Vietpoet.html]

-Bản dịch thứ 5: poem by Đoàn Phú Tứ, **translation by Tương Mai Cư Sĩ (2011)**

The Colour of Time

This morning
I'm listening to the piercing singing voice
of a dove
When a gust of gentle breeze leads to me
The fragrance and the warmth of spring love.

Today, the cold of thousands of years ends forever.
In this Royal Palace of mine, to my lover
I would like to present, in silence,

The clouds floating in the air
Lightly dyed the time colour.

It is true
That the time is not blue
But certainly violet.
The time is perfuming not strongly
But slightly and purely.

Oh! Your Majesty, beloved Emperor of mine,
Being far from You, I sent to You my hair
cut with my golden knife.
I have no choice but failing Your love
By shying way from facing You.

Our predestined affinity would be
interrupted, dear lover,
But our love will last forever.
The time is performing slightly
And violet is its colour.

Translation by **Tương Mai Cư Sĩ**
[From: Firmament, Vol. 4, No.3, October 2011, pages 53.]
www.thehuuvandan.org/firmamentoctober2011.pdf

6. Người con gái gây hứng cảm cho bài Màu thời gian

Học giả Văn Tâm đưa ra 3 hồi ký để chứng tỏ mối tình của Đoàn Phú Tứ và cô Nguyễn Thị Vân, con gái học giả Nguyễn Văn Vĩnh, trong ba đoạn sau đây :

(1). Hồi ký của gs. Nguyễn Lương Ngọc:
"Ngày ấy tôi có đi học xướng âm ở nhạc viện. Tôi cùng học với một thiếu nữ con nhà sang, người mềm mại, mặt đẹp, đặc biệt nàng có đôi mắt mở tròn, toàn lòng đen, đôi mắt bồ câu. Tôi đã nói chuyện với anh Tứ về sự hội ngộ này. Và chúng tôi thường đạp xe lên Hồ Tây nghe nàng dạo đàn. Được ít lâu, chúng tôi nghe tin nàng ốm nặng. Anh Tứ bạo dạn xin được vào thăm. Không biết ý tứ ra sao mà nàng khước từ. Anh Tứ liền nghĩ đến điển xưa, có một nàng cung phi đã từ chối không tiếp "quân vương", có lẽ không muốn để lại trong con mắt của quân vương hình ảnh tàn tạ của mình. Điển cố này đã làm thành tứ thơ." (Hồi ký " Nhớ Bạn", tr. 161-162)

(2). Hồi ký của Nguyễn văn Thiện:
"Nguyễn thị Vân học ở trường Brieu phố hàng Cót. Có đi học đàn dương cầm đánh đàn rất hay, nổi tiếng thứ nhất ở Hà-Nội. Nguyễn Thị Vân (1913-1938) mất năm 25 tuổi vì bệnh nan y về phổi. Tối nào độ tám giờ, ăn cơm xong, cũng dạo nhạc. Có một người con trai cứ tối đến là đứng trước cửa nhà lắng nghe. Anh ta say mê tiếng đàn, trời mưa nhỏ to vẫn đứng. (Ông Nguyễn Văn Thiện mất năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là nghĩa tử của nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh.) Văn Tâm, sách đã dẫn, tr. 185.

(3). Hồi Ký của Vũ Đình Hòe
"Cứ chiều chiều, Tứ đến rủ Ngọc (Nguyễn Lương Ngọc) hoặc tôi đạp xe đến cổng trường 'đầm non' ở Félix Faure đón hai bông hồng từ trườngra. Cả hai bước lên 'xe tay' nhà. Vén gọn những tà áo lụa tím phất phơ: một dong dỏng cao, dáng quí phá i- cô Mộng Chi quê ở Huế; một, mảnh mai hiền dịu, con cụ N.V.V., chị thi sĩ trẻ Nguyễn Nhược Pháp (học Lycée Albert Sarraut mấy lớp sau Tứ). Chúng tôi theo hút, hướng phía Hồ Tây - Trường Bưởi. Rồi đạp ngoắt lên lên đê Parreau, dựng xe, ngồi phệt xuống bờ

cỏ. Dưới chân đê là một biệt thự vườn rộng, hàng rào tầm xuân bao quanh.

Có tiếng dạo đàn. Từ cửa sổ gác biệt thự bay ra những notes dương cầm thánh thót. Anh Tứ hồn như bị hút vào không trung…Tôi không hiểu gì về nhạc, lại sợ các bạn trẻ ở nhà chờ cơm nên len lén rút lui. Tứ cứ ngồi lặng đê mê…" (Hồi Ký "Cố Nhân Thuở Ấy" của Vũ Đình Hòe, *trong* Văn Tâm, Đoàn Phú Tứ: Con Người và Tác Phẩm, *pp. 630-631.*

(4). *Hồi ký theo lời kể của bà Nguyễn thị Mười* -- con gái học giả-- và ông Nguyễn Lân Bình –cháu nội cụ Nguyễn Văn Vĩnh dẫn theo http://www.tienphong.vn/van-nghe/150342/Ai-nu-cua-hoc-gia-Nguyen-Van-Vinh.htm đăng lại trong website http://www.tannamtu.com)/

"Trong nhà chỉ một mình chị Vân tôi có tài năng âm nhạc, những người khác cũng thử học nhưng không ai theo được. Chị được nhiều người yêu mến nhưng chưa bao giờ thấy ưng ai, trong đó có bạn của anh Nguyễn Nhược Pháp là nhà thơ Đoàn Phú Tứ."

Phối hợp bốn đoạn hồi ký, ta được biết: Đoàn Phú Tứ năm đó chừng 27, 28 tuổi và người con gái đánh dương cầm là cô Nguyễn Thị Vân, con gái học giả Nguyễn Văn Vĩnh, chừng 24, 25 tuổi.

Trên nền tảng của một mối tình say đắm, lãng mạn, nhẹ nhàng nhưng bất thành, thi sĩ chỉ được ngắm từ xa vóc dáng thanh tú và nghe tiếng dương cầm réo rắt của người đẹp, và sau cái chết của nàng, thi sĩ đã dùng làm thi tứ tích hai nàng cung phi là Dương Quí Phi và Lý phu nhân để tưởng tượng ra nàng Tần Phi, một vương phi lúc gần mất, đã đáp lại mối trìu mến của quân vương bằng lọn tóc của mình-- để viết nên bài Màu thời gian.



[Trong bức hình ba chị em con học giả Nguyễn Văn Vĩnh từ trái sang phải là Cô Nguyễn Thị Vân (1913-1938); Nguyễn Thị Nội (1909-1933); Nguyễn Thị Loan (1907-1942.] Nguồn: "Ái nữ của học giả Nguyễn Văn Vĩnh" trong http://www.tannamtu.com/?p=352/

7. Bài Màu Thời Gian do nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát (1910-1993) phổ nhạc năm 1942 và do ca sĩ Bích Hồng hát

Source: www.nhaccuatui.com/bai-hat/mau-thoi-gian-nguyen-xuan-khoat-doan-phu-tu-bich-hong.ih7iA6IKbA.html

8. Bài Màu Thời Gian do nhạc sĩ Phạm Duy (1921-2013) phổ nhạc năm 1971 và do ca sĩ Thái Hiền hát.

Source: https://www.youtube.com/watch?v=EehLxrR47jY

Source: wikipedia "Đoàn Phú Tứ"

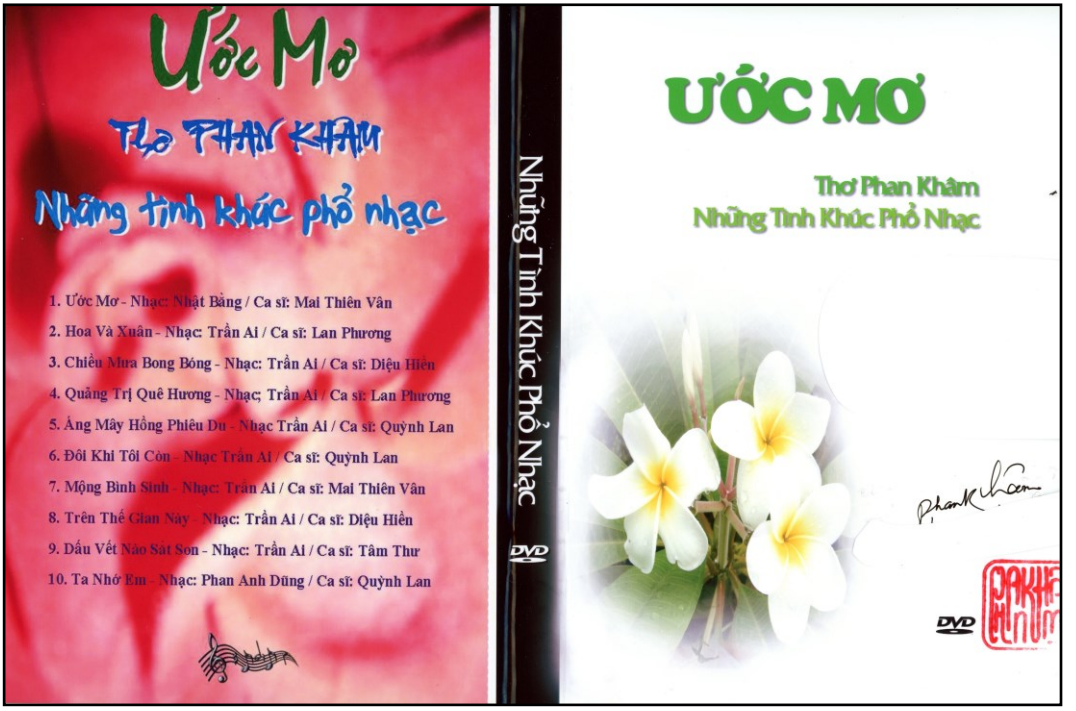
9. Tài Liệu Tham khảo

-Vũ Ngọc Phan. Nhà Văn Hiện Đại: Phê Bình Văn Học Sử (1942). Thăng Long in lại tại Saigon, 1959; Sống mới in lại tại Fort Smith, AR, Hoa Kỳ, không đề năm, quyển 3, trang 687.

-Hoài Thanh và Hoài Chân. Thi Nhân Việt Nam (1942). Xuân Thu in lại tại Los

Alamitos, CA, Hoa Kỳ, không đề năm, trang 114-116.
-Văn Tâm. Đoàn Phú Tứ: Con Người và Tác Phẩm. Hanoi: Văn Học, 1995.
-Hình Đoàn Phú Tứ. Nguồn: Google
-Hình ba chị em cô Nguyễn Thị Vân trong http://www.tannamtu.com

Đọc thêm:
-Chế Diễm Trâm. "Tím ngát màu thời gian" đăng trong số kỷ niệm 10 năm (2004-2014) của trang mạng vanchuongviet.org. http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tac-pham&action=detail&id=18979. Bài này dùng cuốn Văn Tâm, Đoàn Phú Tứ: Tác Giả và Tác Phẩm làm căn bản cho chủ đề chính rằng cô Nguyễn Thị Vân là người con gái và nguồn thi hứng cho bài Màu Thời Gian của Đoàn Phú Tứ. Bài này viết khá kỹ và có thêm tin tức về Xuân Thu Nhã Tập và lý thuyết của thơ thuần tuý. Bài không ghi ngày viết nhưng đăng trên mạng 21 tháng 7, 2012.
-Thomas D. Le. "Synesthesia in Đoàn Phú Tứ's Poem 'Màu Thời Gian'" pp. 67-72 in www.thehuuvandan.org/firmamentjanuary2015.pdf.
[Viết xong tại Virginia, November, 1997 (Phụ Nữ Việt, Vol. VII, No. 77, Nov. 1997, pp. 42-44). Cập nhật và bổ sung 12/19/2014.—PTL.]



Xem Tờ Gia Phả

Cội Xuân một gốc xa xưa
Xum xuê hoa trái đong đưa mỹ miều
Nhánh kia con cháu bao nhiêu
Chi này có kẻ vào triều làm quan.

Ông tôi đi lính Bảo-An
Sớm khuya gìn giữ xóm làng đẹp tươi
Dăm con cò trắng ngang trời
Đồng xanh bao bọc cuộc đời nông dân
Gió đưa khói lửa lan dần
Để người nằm xuống mộ phần thiên thu...
Nhục nào bằng nhục Năm Tư?
Bà tôi quang gánh di cư lên tầu
Bỏ nhà, bỏ ruộng, bỏ trâu
Xuôi Nam đổi lấy ít lâu yên hàn.

Vì ai chinh chiến lầm than
Lại bầy những cảnh điêu tàn xót xa
Bố tôi, quân đội Cộng Hòa
Khe Xanh, An-Lộc, Đông-Hà, Bình-Long
Tưởng rằng giữ vững núi sông
Ra đi bữa ấy rồi không trở về...
Trăm năm dang dở mọi bề
Nghìn năm đây đó lời thề nước non
Vầng trăng khi khuyết khi tròn
Mẹ tôi nước mắt mỏi mòn tiếc thương.

Hận thù âm ỷ miên trường
Bàn chân Giao-Chỉ trên đường lang thang
Xem tờ gia phả bàng hoàng
Nào là nội ngoại họ hàng nay đâu?
Cội Xuân một góc u sầu
Tôi như chiếc lá úa mầu rụng rơi>

Nguyễn-Phú-Long

NÉT HẰN CẦN CỖI

(tặng người bạn H.O)

Từng đợt sóng vỗ về ta giấc ngủ
Ngọn gió rừng thoang thỏang tiếng quê hương
Tâm tư ta ray rứt suốt canh trường..

Miên man lắm khơi nguồn từ đất lạ
Ngày xa quê đớn đau hơn gỗ đá
Thương không cùng vận nước lại nổi trôi
Tổ quốc ơi!Tạm nén xuống niềm đau
Và tức tưởi của phận người mất nước..

Nhìn hạt mưa không hồn- vỡ tan tành
mộng ước
Giọt lệ nào tràn-Đủ gợi nhớ quê hương ?
Sài Gòn ơi! Dù em ở xa tít phương trời
Em còn đó mãi trong ta.. như thuở trước..

Nhớ cảnh hôm nào- Ta lê bước*
Bên lề đường Lê Lợi- Tự Do
Hàng me già đứng buồn so vì đổi chủ !
Chợ Bến Thành dáng sầu co ro như liễu rũ
Quán vỉa hè-Ta uống đắng giọt cà phê
Nghe mằn mặn như những dòng nước mắt..

USA đất lành- Xứ Cờ Hoa thêm sắc
Dắt dìu nhau tìm đến chốn tạm dung
"Quê hương mới"! Cất tiếng chào ngày mới
Nhưng đâu đây- thoáng nét hằn cần cỗi
Của kiếp người mang mối hận ly
hương!!!…

*sau ngày 30-4-75

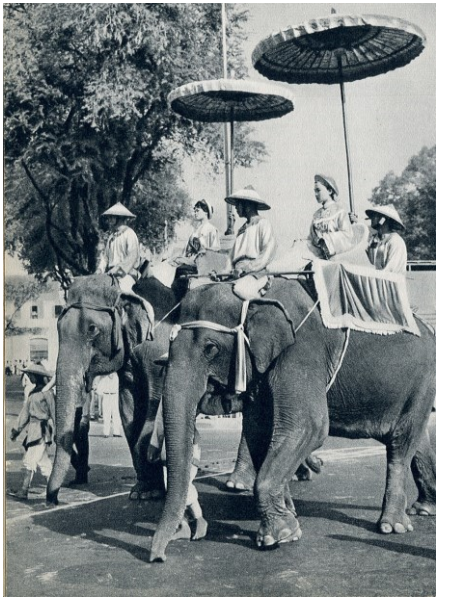
BÙI THANH TIÊN

Vinh thay sự nghiệp Hai Bà
Tinh thần bất khuất chói lòa sử xanh

CÔNG ĐỨC HAI BÀ TRƯNG

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc

Cuộc Vùng Lên của Hai Bà Trưng vào Mùa Xuân năm Canh Tí, 40 năm Sau Công Nguyên (SCN) là một chiến công hiển hách nhất trong lịch sử nhân loại nói chung và của Nòi Việt nói riêng.
Tất nhiên một con én đâu tạo thành mùa xuân. Cuộc nổi dậy thành công cũng là nhờ sự hợp tác đắc lực của nhiều vị hào kiệt bốn phương vốn là thân thuộc xa gần của Vua Hùng.
Ngày nay chúng ta vinh danh công đức không những của Hai Bà mà còn cả công đức của các vị anh hùng, liệt nữ khác đã được truy lục kể ra dưới đây, đặc biệt trong đó có nhiều vị thuộc giới nữ lưu.
So sánh trên lịch sử thế giới, các vị nữ anh hùng trong thời Bà Trưng được kể là những vị nữ kiệt đầu tiên đứng lên giành độc lập cho xứ xở.
(Soạn theo Việt Sử Thông Luận của Thái Dịch Lý Đông A; Người Hùng Nước Việt của Thanh Tòng; và Ai là những Phụ Nữ Truyền Thuyết của Trần Gia Phụng.)



Nước ta trong những thập niên đầu của thế kỷ thứ I Sau Công Nguyên đã bị sáp nhập vào bản đồ nhà Hán và tên nước bị đổi thành Giao Chỉ Quận đặt dưới quyền cai trị của viên Thái Thú Tô Định, nổi tiếng tham tàn và bạo ngược.

Tô Định bắt dân lên rừng bẫy chim trĩ, kiếm quế, săn tê giác, và xuống biển mò ngọc trai. Cuộc sống thật cơ cực, lầm than khiến nhiều bộ tộc phải rút vào rừng sâu ẩn náu.

Uất hận trước tình cảnh dân tộc bị bóc lột và đầy ải, viên huyện lệnh Chu Diên là Dương Thi Sách, người làng Nại Xá cùng với một số Tộc Trưởng lên tiếng phản đối chính sách tham tàn của họ Tô. Lập tức các thành phần chống đối đều bị giết.

Vợ ông Thi Sách là Bà Trưng Trắc (Vua Nhất) cùng em là Trưng Nhị (Vua Nhì) và mẹ là Bà Trần Thị Đoan, tục gọi là Mèn Thiệu, cháu ngoại vua Hùng

và là phu nhân của ông Trưng Định, nguyên Lạc Tướng đất Mê Linh (Phúc Yên, Hà Nội), cùng với các gia tướng di tản lên núi hay ra biển chiêu mộ thêm dũng sĩ chờ thời cơ khởi nghĩa đánh đuổi Tô Định.

Thù chồng phải trả, nợ nước phải đền, Hai Bà dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Hán, giành lại độc lập cho dân tộc. Hai Bà đã được sự hưởng ứng của toàn bộ các lực lượng dân quân và hội quân tại Hát Môn (Phú Thọ, Hà Nội), tức khu vực sông Đáy, lập đàn thề cứu nước.

Khi Bà Trưng Trắc hiệu triệu hào kiệt bốn phương có đọc lời thề:

1. **Khôi phục nghiệp lớn cho dòng Lạc Hồng**
2. **Trả thù chồng là Đặng Thi Sách**
3. **Giết cho kỳ được Tô Định**
4. **Hễ ai có công to thì gả em dlà Trưng Nhì cho**

(trích trong Việt Nam Gấm Hoa của Hương Giang Thái Văn Kiểm, tr. 234)

Hịch Khởi Nghĩa của Hai Bà Trưng

Bản Hịch được viết dưới dạng chữ Việt cổ (Loại tiếng Việt cổ này chắc chắn đã bị Nhà Hán triệt tiêu).

Các nhà khảo cổ ghi nhận nhân loại tạo ra chữ viết từ trên 3000 năm trước Tây Lịch. Dân tộc ta có tiếng nói riêng và có một quá trình chung sống lâu dài nên chắc chắn là đã có chữ viết. Càng ngày càng tìm thấy nhiều di tích có ghi chữ viết cổ của người Việt.

Gần đây có nhà giáo tên là **Đỗ Văn Xuyền,** ngụ phường Tân Dân, Việt Trì; bút danh là Khánh Hoài; hiện sưu tầm được nhiều di liệu về chữ Việt Cổ. Đây là hình ông Xuyền đang trình bày những gì ông có:



Ông Xuyền và những con chữ ông khảo cứu.

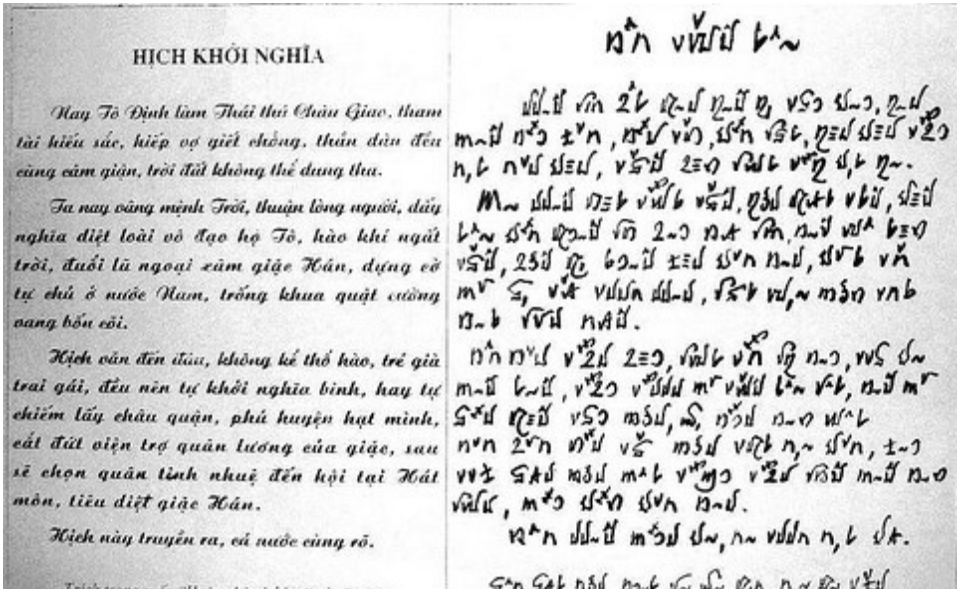
Ông nói: "*Lịch sử, tài liệu từ hiện vật, tài liệu thư tịch, sắc phong, ngọc phả… Còn những cuốn sách này là hồ sơ về đền Mẫu, lịch sử Thiên Cổ Miếu… Tất cả những thứ gì của riêng tôi mà cần ghi bằng chữ thì tôi đều dùng chữ của tổ tiên*".

Ông đưa ra những cuốn sổ tay, lịch ghi chép, và cả những phong thư… của ông cũng đều ghi bằng "chữ Việt cổ có từ thời vua Hùng". Ông khẳng định. "*Buổi lập nước, triều đại vua Hùng, chúng ta có một nền giáo dục rực rỡ. Chúng ta đã có chữ viết trước Hán*".

Trong lực lượng khởi nghĩa có các thành phần chủ lực như sau:

Kiếm Cung Song Mỹ Quang Từ Phạm, Trở Đậu Thiên Thu Hiếu Lệnh Danh

Kiếm Cung Đôi Gái Noi Gương Mẹ, Hương Khói Ngàn Thu Nức Tiếng Con



HỊCH KHỞI NGHĨA

Nay Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ, tham tài hiếu sắc, hiếp vợ giết chồng, thần dân đều căm giận, trời đất không thể dung tha.

Ta nay vâng mệnh Trời, thuận lòng người, dấy nghĩa diệt loài vô đạo họ Tô, hào khí ngất trời, đuổi lũ ngoại xâm giặc Hán, dựng cờ tự chủ ở nước Nam, trống khua quật cường vang hổn cõi.

Hịch văn đến đâu, không kẻ thổ hào, trẻ già trai gái, đều nên tự khởi nghĩa binh, hay tự chiếm lấy châu quận, phủ huyện hạt mình, cắt đặt viện trợ quân tướng của giặc, sau sẽ chọn quân tình nhuệ đến hội tại Hát môn, tiêu diệt giặc Hán.

Hịch này truyền ra, cả nước cùng rõ.

Trích trong cuốn "Hoàng bà phả lục" của La Sơn Phạm Quý Thuật - do Lĩnh Mai Trần Văn Hiến sao lục. ("Tìm hiểu lịch sử VN" trang 141, Nhà XBVHTT, 2001).

Và

Hát Từ Đỉnh Xuất Bằng Di Giáo
Thạch Động Di Lai Hiểu Địa Linh

Đền Hát Ghi Công Nhờ Mẹ Dạy
Động Vàng Để Dấu Rõ Nền Thiêng

(1) Bà **Mèn Thiệu**: mẹ của Hai Bà, giúp chiêu tập binh mã, đóng quân tại xã Nam Nguyên dọc dòng sông Hồng. Khi Mã Viện kéo đại quân sang vây khốn Hai Bà tại Kim Khê (Suối Vàng), Bà Mèn Thiệu kéo quân trên các chiến thuyền theo sông Hồng vào sông Đáy nhằm giải vây Kim Khê. Song thế giặc quá mạnh, Bà Mèn Thiệu đã hy sinh, xác trôi dạt vào Bến Cốc, Xã Nam Nguyên. Dân địa phương vớt và chôn cất trên gò cao gọi là Mả Dạ, lập miếu thờ tục gọi là Miếu Mèn, hiện còn đôi câu đối:

(2) Lão Tướng **Nguyễn Tam Trinh**: người làng Mai Động (Thanh Trì, Hà Nội) mở trường dạy văn, võ bên bờ Sông Kim Ngưu. Đáp lời kêu gọi của Hai Bà, ông chiêu mộ được 5 ngàn hương binh kéo về Hát Môn hội quân. Khởi nghĩa thành công, ông được phong làm Phụ Chính. Khi Mã Viện tấn công, ông đồn trú tại Sơn Nam để phòng giặc tràn xuống Cửu Chân (Thanh Hóa). Sau đó ông đem quân giải vây Kim Khê và đã hy sinh tại trận. Nay, hàng năm đến ngày giỗ của ông tại đình làng Mai Động, dân làng tổ chức đô vật truyền thống để tưởng nhớ môn võ ông ưa thích.

(3) Tướng Quân **Đào Khang**: người làng Kiệt Đặc, Nam Thành, Hải Hưng; tinh thông văn võ. Ông truyễn dạy võ tại Phú Đa, chọn được 18 thanh niên làm gia trưởng. Đáp lời kêu gọi khởi nghĩa, ông mộ quân và kéo ra Hát Môn cách Phú Đa 8

km để hội quân. Ông được cử làm đại tướng tiên phong đánh Tô Định. Khi Mã Viện sang tấn công, ông chiến đấu bên cạnh Hai Bà và cùng đến nợ nước. Dân Phú Đa tôn ông làm Phúc Thần. Hiện nay, thanh niên Phú Đa và Cần Kiệm vẫn tiếp tục phát triển môn gậy.

(4) Tướng Quân **Lý Minh**: quê ở Cổ Pháp, nay là Đình Bảng, Yên Sơn, Hà Bắc. Nghe tin dấy nghĩa, ông liền chiêu tập dũng sĩ, dẫn quân theo Hai Bà và được phong tướng trấn giữ phía Đông Bắc. Khi Mã Viện xâm lăng, Tô Định xin được dẫn đường chuộc tội. Khi vừa vượt vào biên giới, Tô Đinh bị Tướng Lý Minh phục kích giết chết. Hiện nay trên Gò Mục Lân làng Mục Uyên, Tân Xã, Thạch Thất, còn đền thờ ông ở đó.

(5) Quân Sư **Đỗ Năng Tế**: Ông quê ở Khánh Hiệp, nay thuộc Xã Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội. Quan Lạc Tướng Mê Linh mời ông và vợ là Tạ Thị Cần đến nhà dạy cho hai con là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Sau đó toàn gia quyến ông đều giúp cho Hai Bà trong việc đánh đuổi Tô Định. Khi Mã Viện tràn vào nước ta, vợ ông và hai người thiếp hy sinh tại Lãng Bạc. Ông và hai con gái sau đó cũng hy sinh tại căn cứ Khánh Hiệp. Hiên nay còn miếu thờ toàn gia đình gọi tại Quán Dậm.

(6) Tướng Quân **Hoàng Đạo**: Ông là con của quan Hoàng Láng, quê ở Cửu Chân (Thanh Hóa). Ông chiêu mộ trai tráng ra hội quân tại Hát Môn. Khi Mã Viện cướp nước ta, ông dẫn quân trấn giữ Lãng Bạc, sau lui về Sông Đáy bảo vệ căn cứ Kim Khê. Thế giặc quá mạnh, ông đã hy sinh tại căn cứ. Dân lập miếu thờ tại Quán Dâu.

(7) Tướng Quân **Quách Lãng** và hai chị em Đinh Bạch và Đinh Tính: những vị này là anh em cô cậu, gốc người Mường, quê ở Hoa Lư (Ninh Bình). Nghe tin Hai Bà kêu gọi, ba anh em liền kéo nghĩa binh tới Hát Môn tụ quân. Khi Mã Viện đem quân đánh nước ta, cả ba đã hy sinh tại trận. Dân lập đình thờ ba vị anh hùng này. Nay cứ đến ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch là mở lễ hội: làng Thượng Cát diễn lại cảnh luyện quân của ba vị; làng Hạ Cát tổ chức đua thuyền.

(8) Nữ Tướng **Thánh Thiên**: bà quê ở Kim Môn (Hải Hưng), con ông Nguyễn Huyến, sống ẩn sĩ để tìm cách cứu nước. Khi bố mẹ đã qua đời, Thánh Thiên được 18 tuổi đứng ra vận động dân chúng vùng lên chống quân Hán. Tô Định cho quân tới dẹp nhưng bị phục kích thua chạy dài nhiều phen. Sau để bảo toàn lực lượng, Thánh Thiên rút về miền Yên Dũng (Hà Bắc), hiệp với người cậu là Trần Công lập căn cứ tại Ngọc Lâm. Lực lượng của hai cậu cháu gây tổn thất nặng cho quân Hán. Khi Tô Định sang làm Thái Thú có đem quân đánh căn cứ. T rần Công bị tử trận. Thánh Thiên tiếp tục cuộc chiến đấu. Đáp lời hịch của Hai Bà, Thánh Thiên lập tức lên đường hội quân. Lực lượng của Bà tấn công sào huyệt của Thứ Sử và Thái Thú Đông Hán. Khi Mã Viện đem quân vào đánh nước ta, lực lượng của Nữ Tướng Thánh Thiên đã chặn đánh tại Hợp Phố (địa phận nước ta tại đông nam Quảng Đông). Đạo quân Tây Thục của Đông Hán sang tiếp viện cho họ Mã cũng bị quân của Thánh Thiên đón đánh. Chính đạo quân của Thánh Thiên đã giải vây cho Hai Bà tại Kim Khê. Khi nghe tin Hai Bà đã tự vẫn, Thánh Thiên rút quân về Yên Dũng nhưng bị giặc vây khốn, Nữ Tướng phóng ngựa ra sông Nhật Đức tuẫn tiết. Nay thần tích còn lưu tại Đình Ngọc Lâm, Yên Dũng và tại Hà Nội, Hà Bắc có nhiều miếu thờ Nữ Tướng Thánh Thiên.

(9) Nữ Tướng **Lê Chân**: Bà là người An Biên, Đông Triều, Quảng Ninh bây giờ; mưu cao, võ giỏi và rất đảm lược. Sau khi cha bị

Tô Định giết, bà cùng thân tộc di ra vùng khai hoang lập trang An Biên (Hải Phòng) nuôi chí đánh đuổi quân Hán. Khi nghe tin Hai Bà truyền hịch, Bà đem quân bản bộ hội tại Hát Môn và được giao trách nhiệm đánh vào đồn lũy Luy Lâu địch ở mạn đông. Khi thành công, Bà được phong Thánh Chân Công Chúa. Khi Mã Viện kéo thủy quân qua nước ta, đạo quân của Bà trấn giữ vùng biển đã đánh chìm 4 thuyền sắt của địch làm khiếp đảm quân Hán đến nỗi 13 thế kỷ sau Sứ Nhà Nguyên là Trần Phu khi qua hải phận đã ghi: "Lấp ló thiết thuyền ba ảnh hiện". Nay dân chúng dựng Đền Nghè ở An Biên để ghi nhớ công đức của Bà.

(10) **Bát Nạn** Đại Tướng Quân: tên húy là Thục, tức Nàng Thục, con một vị hào trưởng ở Trang Phượng Lâu, Phú Ninh, Vĩnh Phúc, rất giỏi về kiếm đạo, võ thuật, và săn bắn. Sau khi cha và vị hôn phu bị Tô Định giết với dã tâm chiếm đoạt nàng, Nàng Thục đang đêm đưa mẹ đi trải (thuyền) xuống ẩn tại Trang Tiên La, Thái Bình. Tại đây, Nàng chiêu mộ nghĩa sĩ chờ thời. Khi nghe hịch của Hai Bà, Nàng xuất binh ứng chiến lập được nhiều công trạng lớn. Bà Trưng lên ngôi liền phong Nàng làm Bát Nạn Đại Tướng Quân Trinh Thục Công Chúa. Khi Mã Viện xâm lăng, Bà xin Vua Trưng cho cầm quân đuổi giặc. Khi ra trận, Bà thường cải nam trang chém tướng giặc nhanh như sét đánh. Sau khi Hai Bà tuẫn tiết, Đại Tướng Bát Nạn rút về Tiên La tiếp tục cầm cự gần một năm. Cuối cùng, bà rút gươm tuẫn tiết bên một gốc thông già nhằm ngày 18 tháng 3 âm lịch. Hiện nay các đền thờ Bà đều có sắc vua phong tại Phượng Lâu, Tiên La, và Liệp Trang.

(11) **Nàng Xuân**, tức Xuân Nương Tướng Quân: Bà dòng dõi vua Hùng. Cha là Hùng Sát, Trưởng Châu Đại Man (Tuyên Quang + Vĩnh Phú), mẹ là Đinh Thị Tiên Hoa, con của Tù Trưởng Châu Thanh Sơn. Nàng Xuân ăn chay từ thủa nhỏ và có 7 anh. Hùng Sát bị Tô Định giết cùng với 7 con trai sau khi âm mưu với Thi Sách giết Tô Định không thành. Nàng Xuân chạy thoát và tạm lánh tu tại Chùa Phúc Thành, Trang Hưng Nộn, âm thầm chiêu mộ nghĩa sĩ. Kịp khi nghe Hịch của Hai Bà, Ni Cô Xuân Nương đem nghĩa sĩ về Hát Môn dự Lễ Tế Cờ Khởi Nghĩa. Bà tham dự trận phá thành Luy Lâu và lập nhiều công lớn. Khi lên ngôi, Hai Bà sắc phong Xuân Nương làm Đông Cung Công Chúa Nhập Nội Chưởng Quản Quân Cơ, ban thực ấp bốn làng Hương Nha, Hưng Nộn, Tiền Ao, và Nam Cường. Sau đó, Trưng Vương đứng chủ hôn cho Xuân Nương kết duyên với em ruột của Đặng Thi Sách là Tướng Đặng Thi Bằng, Trưởng Quản Các Đạo Thủy Quân. Khi Mã Viện xâm lăng, Tướng Đặng Thi Bằng bị tử trận. Lúc đó Nữ Tướng Xuân Nương đang mang thai được 5 tháng vẫn hăng hái lên ngựa ra trận cùng Thập Bộ Thần Quan hộ Vệ. Bà đã đâm chết hơn 10 viên tướng giặc nhưng vẫn chưa thoát vòng vây. Chạy tới gần Chùa Hương Mộc, Làng Xoan (Xuân?) thì kiệt sức mà chết. Đó là ngày 20 tháng Hai âm lịch. Nay, các làng Hương Nha, Vực Tường, Thanh Uyên, Tam Cường, Cổ Tuyết và Hương Nộn đều còn đền thờ. Hiện còn hai câu đối treo tại đền thờ Làng Hương Nha như sau:

Yểu Điệu Phù Trưng, Trung Quán Nhật
Quật Cường Cự Hán, Tiết Lăng Sương

Yểu Điệu Phù Vua, Trung Kiên Như Ánh Nhật
Quật Cường Chống Hán, Khí Tiết Vượt Thời Gian

Anh Liệt Vô Song, Vạn Cổ Thanh Danh Lưu Nữ Sử
Quân Thần Câu Hóa, Nhất Không Trung Nghĩa Tối Thanh Thiên

Anh Kiệt Không Hai, Danh Thơm Trong Nữ Sử Đời Ghi
Vua Tôi Đều Tử, Lòng Trung Vằng Vặc Giữa Trời Xanh

(12) Nữ Tướng **Hoàng Thiếu Hoa:** người Huyện Gia Hưng (vùng Hoàng Liên Sơn). Bà có sắc đẹp yêu kiều và khi ra trận thường dùng trường thương rất lẫm liệt, oai phong. Bà được Trưng Vương phong làm Thiều Hoa Công Chúa, Long Nhưỡng Đại Tướng Quân.

(13) Nữ Tướng Quân **Phùng Thị Chính**: võ giỏi, cưỡi ngựa rất hay và được phong Tướng Quân Thị Nội. Phu quân của Bà là Tư Mã Tướng Quân Đinh Lượng.

(14) Bà Nguyễn Đào Nương: Phu quân của Bà là Tướng Quân Cao Doãn coi việc vận Lương, quân nhu, và khí giới.

(15) Bà **Phạm Thị Còn**: Trấn Thủ Lạng Sơn; giỏi tài đô vật; khi xuất trận, Bà sử dụng hai trái trùy rất dẻo dai và dũng mãnh.

Tóm lại, cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng trong đầu kỷ nguyên thứ nhất sau Công Nguyên mở màn cho hàng trăm cuộc nổi dậy sau này đã nói lên tinh thần bất khuất của dân tộc Việt trong suốt 1000 năm Bắc Thuộc và 100 năm Pháp thuộc.

Những cuộc nổi dậy đó còn cho chúng ta nhận định rằng: không những dân tộc ta chỉ chống quân xâm lược mà còn kiên quyết tiêu diệt cả những chính quyền trong nước chuyên đàn áp, không thực sự mang lại tự do, công bằng, và thịnh vượng cho toàn dân.

*

Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca có bài diễn ca cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng:

Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một lời nguyền
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân
Ngàn tây nổi áng phong trần
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên
Hồng quần nhẹ bước chinh yên
Đuổi ngay Tô Định, dẹp yên biên thành
Kinh kỳ đóng cõi Mê Linh
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta
Ba thu gánh vác sơn hà
Một là báo phục hai là Bá Vương
Uy danh động tới Bắc Phương
Hán sai Mã Viện lên đường tấn công
Hồ Tây đua sức vẫy vùng
Nữ nhi địch với anh hùng được sao!
Cẩm Khê đến lúc hiểm nghèo
Hai Bà thất thế cùng liều với sông!
Trước là nghĩa, sau là trung
Kể trong lịch sử anh hùng ai hơn

Hàng năm, vào ngày 6 tháng 2 âm lịch, là ngày giỗ hay là Lễ Tưởng Nhớ Hai Bà (cũng là Ngày Phụ Nữ Việt Nam tại miền Nam trước kia) được tổ chức tại Miền Nam Việt Nam trước năm 1975 và hiện nay tại nhiều nơi trong nước Việt Nam cũng như cộng đồng người Việt tại nước ngoài.

HAI BÀ TRƯNG

Thuở ấy Châu Phong có Nhị Bà
Trưng Vương khởi nghĩa cứu dân ta
Đuổi quân Tô Định, xây dân chủ
Chiếm lại Long Biên, dựng quốc gia
Nòi Hán xâm lăng, Trời nộ khí
Văn Lang vùng dậy, Đất hoan ca
Vinh danh liệt nữ hồng trang sử
Nam Việt thủy chung dĩ quý hòa

Hải Bằng.HDB

SÀI GÒN-PARIS

Đêm nào nhớ Sài Gòn,
Đêm mơ tưởng Paris
Vòng đôi tay dáng ngọc
Những con đường ta đi

Đêm em gặp đời ta
Đợi bến sông Ngân Hà
Đêm sao trời viễn xứ
Đêm gần giữa đêm xa

Đêm đã mất Sài Gòn
Tầm tay với Paris
Hoàng hôn chiều môi tím
Hoa nhớ người tường vi

Màu hồng nụ tường vi
Hồng đường hoa Paris
Dòng sông Seine thơm nắng
Nguồn vi diệu từ bi

Dòng sông Seine ươm nắng
Dòng sông Seine xanh xanh
Ôi Sài Gòn hoang vắng
Giữa dòng người lênh đênh

Sài Gòn đã thay đen
Ngày Sài Gòn đổi tên
Cuộc đời như mất mẹ
Mạch máu nghẹn về tim

Sài Gòn ơi nhớ nắng
Qua từng giờ mong manh
Ôi Sài gòn mật đắng
Rót vào hồn chong chanh

Phan Khâm

ĐỢI XUÂN

Đợi buổi quê nhà mở hội xuân
Đào mai lại nở thắm muôn lần
Này trăng bến cũ đừng e ấp
Hỡi bướm vườn xưa chớ ngại ngần
Nhạc trỗi uy nghiêm chào chính khí
Hương bay ngào ngạt đón tường vân
Hồi sinh giọt lệ thành châu ngọc
Đem kết vòng hoa tặng cố nhân

Đem kết vòng hoa tặng cố nhân
Bõ khi biền biệt bước phong trần
Chiêng dồn pháo nổ tan tù ngục
Trống giục lân mừng hết bạo quân
Trai gái chung lo đường cứu nước
Khó nghèo chẳng quản việc tu thân
Lửa thiêng thắp sáng hồn dân tộc
Cho áng thơ xưa lại nối vần...

Nguyễn Vô Cùng

CHIÊU NIỆM THÁNG TƯ

Ngỡ lành vết sẹo bấy nhiêu năm
Mà sóng đau thương vẫn dậy thầm
Bạn thiết tìm chăng làn gió núi
Quê nghèo sót lại mảnh trăng sân
Đọa đày kẻ ở hờn muôn kiếp
Lưu lạc người đi tủi mấy phần
Chén rượu bên trời xin tưởng niệm
Một chiều khu chiến phút dừng chân

Nguyễn Vô Cùng

NGUỒN GỐC Và MỸ TỤC Về TẾT NGUYÊN ĐÁN VIỆT NAM

Phạm Thị Nhung

Chúng ta đều biết, một năm có bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, luân lưu trôi chảy. Đông hết Xuân sang, năm hết Tết đến.

Tết do chữ Tiết (chỉ thời tiết) mà ra , ở đây còn có nghĩa là Lễ Hội hằng năm.Nguyên là bắt đầu và Đán là buổi sáng mai. Như thế,Tết Nguyên Đán chính là Lễ Hội mừng tiết Xuân về, mở đầu cho một năm mới, có từ thời thượng cổ của dân tộc ta cũng như nhiều dân tộc khác thuộc về nền văn minh mễ cốc (civilisation du riz) Đông Nam Á. Cũng bởi sống đời nông nghiệp, trực tiếp hàng ngày với sự sinh trưởng tự nhiên của từng loại cây củ, lúa mạ theo thời tiết bốn mùa, nên người xưa dùng Miêu Lịch, gọi giản dị là nông lịch (Miêu có nghĩa là mễ, tức ngũ cốc), để định ngày trồng trọt, gieo mạ, gặt hái cho đúng thời, đúng buổi, như ca dao của ta đã từng ghi nhận :

- Bương chải không bằng phải thì .
- Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà…
-Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cầy, vợ cấy,con trâu đi bừa.
- Tháng năm gặt hái vừa rồi
……
Tháng mười cắt hái cho nhanh kịp người
Khó khăn làm mấy tháng trời
Từ rày mới được yên lòng ấm no.
-Tháng giêng ăn Tết ở nhà
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè…

Công việc nhà nông quanh năm vất vả,chân lấm tay bùn, hai sương một nắng ; nay vừa lúc mùa thu hoạch đã hoàn tất, có cơm no áo ấm, lại đang khi được nghỉ ngơi, nhàn rỗi thì đúng dịp tiết Xuân về, mở đầu một chu kỳ vận hành mới của trời đất. Những ngày Đông xám rét mướt qua đi, tiết Xuân ấm áp trở lại…cây cối bắt đầu đâm chồi nẩy lộc,bảo sao nhà nông không hoan hỉ mở hội nghênh Xuân, ăn TẾt, vui chơi thỏa chí cho bõ những ngày đầu tắt mặt tối, ăn nhịn để dành ? Bởi vậy dân ta mới có câu ‘‘Cung Chúc Tân Xuân’’, đồng nghĩa với câu ‘‘Cung Chúc Tân Niên’’!

Tuy nhiên phong cách và thời gian ăn Tết, thưởng Xuân mỗi dân tộc lại mỗi khác. Riêng tại nước ta, tục lệ ăn Tết, lễ Tết đầu năm đã được nói đến ngay từ thời đại các vùa Hùng mới lập quốc . Theo truyền thuyết, dân Lạc Việt, tổ tiên chúng ta,thuộc giống Bách Việt, khởi nghiệp tại vùng hồ Động Đình,ở phía nam lưu vực sông Dương Tử ; sống về nghề nông trồng lúa nước. Sau lui dần về phương Nam. Khoảng đời Trang Vương nhà Chu (696-682 TCN) , có người lạ, dùng ảo thuật, qui phục được các bộ lạc bản địa lập nên nước Văn Lang trên đồng bằng sông Hồng, tự xưng là Hùng Vương, truyền được 18 đời. (Việt Sử Lược.Nguồn gốc người Việt-Người Mường, Tạ Đức). Sách Lĩnh Nam Chích Quái (ghi lại lời kể của dân gian) đã nhắc tới tục lệ Ăn Tết, Lễ Tết vào đời Hùng Vương thứ sáu như sau: Khi dẹp xong giặc Ân, nhà vua đã già, muốn truyền ngôi lại

cho con, bèn phán rằng, nhân dịp ngày lễ đầu năm, con nào có của ngon vật lạ đem dâng để ta tiến cúng tiên vương cho thỏa lòng hiếu kính,thì ta sẽ truyền ngôi cho. Ngày hẹn đến, các vị Hoàng Tử tấp nập đem dâng đủ các món sơn hào hải vị, hiếm quí trên đời; riêng Lang Liêu vị Hoàng Tử thứ 18, mẹ chết sớm,nhà nghèo, chỉ có Bánh Dầy Bánh Chưng, sản phẩm làm từ gạo nếp đơn giản. Vua Hùng thấy lạ,hỏi, Lang Liêu bèn thuật lại lời Thần mộng : ''Trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, gạo là thức ăn nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Vậy hãy lấy gạo nếp trắng giã nhuyễn làm bánh hình tròn, tượng trời, gọi là Bánh Dày ; còn bánh lá xanh hình vuông, tượng đất, gọi là Bánh Chưng. Bánh vuông, lá bọc ngoài,trong để gạo, giữa để nhân đậu xanh, thịt cùng mỹ vị còn tượng trưng cho công ơn Cha Mẹ sinh thành, yêu thương, đùm bọc con cái. Nay đem hai thứ bánh ấy mà dâng vua cha.'' Vua Hùng nếm thử,quả thấy ngon và có ý nghĩa sâu sắc, bèn truyền ngôi cho.

Dân ta từ đó có tục lệ **làm bánh dầy, bánh chưng** vào dịp Tết Nguyên Đán để tạ ơnTrời Đất và tạ ơnTổ Tiên Ông Bà.

Nhìn sang lịch sử Trung Quốc, theo tài liệu WikipédiA, thì nguồn gốc Tết Nguyên Đán có từ đời Tam Vương Ngũ Đế, nhưng thay đổi tùy theo từng triều đại, chứ không phải vào đầu tháng giêng Âm Lịch như hiện nay: Như - **nhà Hạ** chọn tháng Dần (tức tháng giêng trong Miêu lịch); - **Nhà Thương** chọn tháng Sửu(tức tháng Chạp);- **Nhà Chu** (1050-256 TCN) chọn tháng Tý(tức tháng mười một) làm tháng Tết đầu năm. Các vua chúa nói trên chọn như vậy là dựa vào quan niệm tốt, xấu theo ngày giờ lúc mới "tạo thiên lập địa", như : giờ Tý có trời, giờ Sửu có đất, giờ Dần sinh loài người ; rồi tùy sự cân nhắc tốt nhiều, tốt ít theo quan điểm của mỗi triều đại mà chọn ngàyTết Nguyên Đán khác nhau.

-Đời Đông Chu, Khổng Tử đổi lại ngày Tết vào tháng Dần.- **ĐờiTần** (thế kỷ III TCN),Tần Thủy Hoàng lại đổi qua tháng Hợi (tức tháng mười). Đến đời- **nhà Hán**, Hán Vũ Đế (140 TCN) đặt lại ngày Tết vào tháng Dần như nhà Hạ. Từ đó về sau, không còn triều đại nào thay đổi về tháng Tết nữa.

Vậy là cuối cùng người Trung quốc đã chọn Tết Nguyên Đán vào ngày đầu tháng dần trong Âm lịch của họ, trùng với ngày Tết Nguyên Đán vào đầu tháng giêng trong nông lịch của ta. Có thể nào vì thế mà bảo rằng dân ta ăn Tết Nguyên Đán là bắt chước họ?

Chúng ta nên biết, Ngày Tết Nguyên Đán Âm Lịch của Tầu mãi đến đời Đông Hán (25-220 CN) mới du nhập vào nước ta, trong khi dân Lạc Việt đã có Tết Nguyên Đán từ thời Hùng Vương (khoảng Thế kỷ thứ 7)

Vậy chỉ có thể giải thích rằng, Mã Viện, một lão tướng đời Đông Hán (25-220 CN) được lệnh vua Quan Vũ đem hùng binh sang đánh dẹp Trưng Vương (41CN). Sau khi diệt được hai Bà (43 CN), hắn liền áp đặt một thể chế cai trị hà khắc lên đầu người dân. Biết trống đồng Lạc Việt có giá trị văn hóa rất cao,Mã Viện liền ra lệnh tịch thu, rồi truy tìm đem hết về Tầu, đồng thời cấm ngặt người dân lưu trữ như đồ quốc cấm, với thâm ý để ông Sơ bà cố của ta lâu dần không còn biết gì về Trống đồng Lạc Việt nữa. Đồng thời Mã Viện bắt dân ta loại bỏ Nông lịch mà thay thế bằng Âm lịch của dân phương Bắc, với rêu rao là họ đã đem văn hóa văn minh Tầu truyền bá cho dân tộc Lạc Việt.

Nói cho công bằng, Âm Lịch của họ, một tháng gồm 29 hoặc 30 ngày,tương đương với một chu kỳ của mặt trăng quay

quanh trái đất,và họ cũng lấy tháng dần , tức tháng giêng của ta làm tháng đầu năm, do đó thời tiết bốn mùa xuân hạ thu đông trong âm Lịch và Nông lịch cũng tương tự nhau nên nhà nông ta vẫn theo dõi được thời gian trồng trọt,cấy cày. Lại nữa, Ngày Tết Nguyên Đán của họ cũng trùng với ngày Tết Nguyên Đán vốn sẵn có của ta ; bởi vậy dân ta dễ dàng chấp nhận, rồi dần dần có thói quen gọi Tết Âm Lịch là Tết Ta ; và vẫn giữ nguyên những món ăn truyền thống cùng với những mỹ tục, tập quán, quan niệm của dân tộc về Lễ Tết, mừng xuân, khiến cho ngày Tết Nguyên Đán âm lịch của người Việt có một phong vị riêng, không thể lầm lẫn với người Trung quốc.

Tết Nguyên Đán Âm lịch đã thực sự trở thành ngày Lễ hội lớn nhất của dân tộc ; không chỉ nhà nông mới ăn Tết thưởng Xuân mà mọi giới, mọi ngành nghề trong xã hội: sĩ, nông, công, thương, hết thảy đều nao nức, say sưa nhiệt tình đón Tết,vui Xuân :

- *Tết chẳng riêng ai, Tết mọi nhà.*
- *Vui Xuân, vui cả một trời.*

Tục lệ Ăn Tết, Mừng Xuân của dân ta phong phú cả về nội dung lẫn hình thức.

.Trước hết, nó gắn liền với **tục lệ thờ cúng Ông Bà** có từ rất lâu đời, từ thủơ các vua Hùng mới dựng nước.

Tục lệ **làm Bánh Chưng** vào dịp Tết Nguyên Đán để dâng cúng Ông Bà, Tổ Tiên đã trở thành món ăn truyền thống của dân tộc vào ngày Tết. Hễ nói đến Tết, người mình nghĩ ngay tới Bánh Chưng, còn như không có Bánh Chưng, thì không ra cỗ Tết !(ở trong Nam thì dân ta làm Bánh TÉt thay cho Bánh Chưng)

Trong việc sửa soạn đón Tết, mừng Xuân, dân tộc ta còn nhiều mỹ tục khác nữa, như :

.Vào ngày 23 tháng chạp có **Tết Ông Táo** . Người mình dựa vào truyện truyền kỳ cổ xưa của dân tộc, tin rằng, ngày này vua bếp gồm hai ông một bà (xưa bếp có ba chân) sẽ lên chầu Ngọc Hoàng Thượng Đế, để báo cáo chuyện tốt xấu trong năm của những người trong gia đình dưới thế. Nên ngoài cỗ bàn, người ta còn cúng mũ áo và cá chép ; cá chép sẽ hóa long đưa ba Ông Bà Táo về trời.

.Sau đó bà con ở thôn quê bắt đầu **dựng cây nêu** trước sân nhà,vì từ 23 tháng Chạp tới nửa đêm Giao Thừa Táo Quân vắng mặt, ma quỉ thừa dịp lẻn về quấy nhiễu; người ta phải dựng cây nêu để trừ tà.Trên ngọn nêu được treo lủng lẳng một cái vòng lục lạc, có những chiếc chuông, chiếc khánh bằng đất nung và một dải lụa mầu làm phướn. Theo tín ngưỡng bình dân, nhờ có phướn và có tiếng leng keng của chuông khánh va chạm nhau, ma quỉ tưởng đó là vùng đất có Phật che chở nên không dám đến phá phách.

Cũng vì đêm ba mươi cuối năm, trời không trăng sao, tối mò, người ta phải treo thêm chiếc đèn lồng nhỏ để vong linh tổ tiên, ông bà thấy đường về nhà.

. Dân ta không đi tảo mộ vào tiết Thanh Minh, tháng ba như người Trung quốc, mà đi vào cuối năm. Từ ngày 25 tháng chạp trở đi, ngày nào tốt trời, bà con trong mỗi gia tộc lại họp nhau **đi tảo mộ**, tức đi quét dọn, sửa sang lại mộ phần của tổ tiên cùng các thân nhân quá cố và cung thỉnh vong linh các vị về ăn Tết cùng con cháu.

.Không khí đónTết, mừng xuân càng rộn ràng hơn khi người ta bắt đầu lau chùi và **trang hoàng, bầy biện bàn thờ gia tiên**.Mấy cái chân nến cùng lư hương, đỉnh trầm bằng đồng được đánh bóng loáng.Những bài vị hay những tấm hình chân dung ghi tên tuổi, chức phận, ngày sinh ngày mất của ông bà,thân quyến quá cố được bầy trên ngai.Trong mấy ngày Tết,

bàn thờ còn được trang hoàng lộng lẫy thêm bằng hai bình hoa đặt hai bên góc và một mâm bồng chính giữa chưng đầy ngũ quả, tượng trưng cho năm điều cầu mong : Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh. Nhưng mỗi vùng đất nước hoa trái một khác, nên mâm ngũ quả ngoài Bắc thường chưng phật thủ, cam sành, quýt đường, na, hồng hay sung.Trong khi mâm ngũ quả trong Nam vẫn giữ nguyên truyền thốn gồm : mãn cầu, sung, dừa xiêm, đu đủ và xoài (cầu - xin - vừa - đủ - xài).Nhưng nhất thiết phải có thêm quả dưa đỏ,còn vú sữa , hồng, cam, quít, mận (quả roi) thì tùy hỉ.

.Chưng hoa Tết truyền thống của dân tộc.Tết đến, hầu như nhà nào cũng có 1 bình Hoa Mai vàng (miền Trung và Nam), hay bình Đào hồng (miền Bắc) được chưng giữa phòng khách, trên cành treo những cánh thiệp chúc tết. Hai bên cửa ra vào thì chưng hai chậu Cúc vạn thọ. Hoa mai, hoa đào có mầu sắc lộng lẫy, mầu của hỷ tín, tượng trưng cho sự may mắn; còn hoa cúc vạn thọ thì tiêu biểu cho sự sống lâu.

.Ngoài ra, ở xứ ta vào dịp Tết còn có tục lệ trang hoàng nhà cửa bằng những **câu đối hay tranh Đông Hồ** treo cột nhà hay treo tường. Xưa câu đối viết chữ đại tự đen trên nền giấy đỏ thẫm, thường do gia chủ sáng tác, hoặc xin chữ nơi các vị khoa bảng đã về hưu.Người bình dân thì mua câu đối do các ông đồ, thầy khóa viết sẵn, bán ngoài chợ Tết.

Câu đối chữ Hán như :

- Niên niên tăng phú quý

Nhật nhật hưởng vinh hoa.

Câu đối chữ nôm (ghép 1,2 chữ Hán để phiên âm tiếng Việt) như :

- Oanh ca yến múa, mừng xuân trẻ

Nước thịnh dân giàu, hưởng phước chung.

Ngày nay người ta có mốt treo tường những câu chúc Tết viết chữ quốc ngữ theo lối Thư pháp hay còn gọi là Thư họa.

Tranh Đông Hồ được vẽ trên giấy điệp. Ngoài những tranh vẽ cảnh đẹp bốn mùa, như : Mai - Lan - Cúc - Trúc, người ta còn chuộng những tranh Gà, Lợn đủ mẹ và bầy con (tượng trưng cho sự no đủ, hạnh phúc); tranh Thằng bé ôm quả đào tiên (mong trường thọ) hay tranh đàn cá vàng bơi lội (mong giầu có, dư dả) v.v...tất cả đều ngụ ý cầu chúc đem lại điều tốt lành cho gia đình.

.Sắm Tết, chuẩn bị cỗ bàn ngàyTết. Ngay từ đầu tháng chạp, các bà nội trợ đã lo mua sắm quần áo giầy dép mới cho con cháu ; từ rằm tháng chạp trở đi thì lo mua trước các vật liệu để chuẩn bị nấu cỗ Tết. Đoạn các bà lo muối vại dưa hành, ngâm hũ cải dầm hay lọ dưa món. Nhiều bà còn làm mứt : mứt sen, mứt bí, mứt gừng, mứt dừa…đủ cả. Những ngày giáp Tết thì lo cỗ bàn ; cuối cùng là gói nồi bánh chưng (hay bánh tét).

.Biếu Tết . Người Việt ta cứ đến những ngày cận Tết lại có lệ biếu Tết ; không chỉ biếu Tết những vị trưởng thượng trong gia tộc như ông bà, cha mẹ, cô bác; mà còn biếu Tết những người ơn nghĩa như thầy thuốc, thầy giáo, cùng những nơi làm ăn hay những chàng rể tương lai phải sêu Tết nhà vị hôn thê.

.Cúng gia tiên và xum họp Gia đình.Chiều ba mươi Tết nhà nào cũng cỗ bàn thịnh soạn, trước là để cúng gia tiên, vong linh các cụ về ăn Tết; sau để con cháu thừa hưởng lộc các cụ trong cảnh đoàn viên. Vì dân ta có tục lệ, tới chiều ba mươi Tết, dù ai đi buôn bán, làm ăn xa cũng đã trở về đoàn tụ dưới mái nhà tổ phụ.

Mâm cỗ Tết không bao giờ thiếu món bánh chưng (hay bánh tét), thịt đông (hay giò thủ) cùng món dưa hành (hay dưa món) theo đúng truyền thống:

- Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Sau nữa, phải có thêm đĩa cá quả kho riềng,hay cá thu kho tiêu ; đĩa thịt bò hầm gừng hay thịt heo với trứng kho nước dừa ...cùng các món xào, nấu như măng khô hầm gà nhồi, su hào thả bóng, măng tươi xào mực khô, chả giò rán ..Cả gia đình ông bà, cha mẹ, con cái ăn uống, chuyện trò say sưa. Tiệc vừa tàn thì quay ra đánh tam cúc, chơi rút bất....chờ đón giao thừa .

Thế rồi giây phút giao thừa đến, tiếng chuông chùa đổ hồi xen lẫn tiếng pháo nổ vang trời chào mừng năm mới.

.Lễ Giao thừa. Giao thừa là giây phút giao tiếp giữa năm cũ và năm mới. Theo tín ngưỡng bình dân, mỗi năm trên Thiên đình lại cho thay đổi vị Hành khiển nơi hạ giới. Sự bàn giao diễn ra giữa đêm giao thừa. Để tiễn đưa quan quân nhà Trời năm cũ trở về và đón tiếp phái đoàn năm mới đến, người ta **thiết lễ ở ngoài trời** đủ cả xôi gà, hoa quả, bánh mứt vì sợ có nhiều vị đi, về vội vã chưa kịp ăn uống.

Lễ thiên thần ngoài trời xong, người ta đốt pháo mừng năm mới rồi quay vào nhà **lễ gia tiên.**Trên bàn thờ gia tiên đèn nến sáng trưng, trầm hương ngào ngạt. Những lễ vật như vàng mã, hoa quả, bánh chưng, kẹo mứt, trà rượu, trầu cau đã sẵn sàng; gia chủ chỉ còn phải thắp thêm hương và bắt đầu hành lễ. Không khí lễ gia tiên lúc này thật nghiên trang và cảm động. Cả nhà đều hiện diện, áo quần chỉnh tề, người gia trưởng trịnh trọng khấn vái trước bàn thờ tổ tiên và cầu xin các vị phù hộ cho đàn con cháu một năm mới được an khang, thịnh vượng.Con cháu tuần tự theo thứ bậc tiến lên lễ rồi quay ra chúc Tết ông bà, cha mẹ để tỏ lòng biết ơn đối với các đấng sinh thành, theo đúng tinh thần đạo thờ ông bà của người Việt.Sau đó con cháu cũng được ông bà, cha mẹ chúc lại và cho tiền mừng tuổi, đựng trong những chiếc phong bao đỏ ối. Cả gia đình đều vui vẻ chuyện trò, ăn mứt uống rượu hay uống trà để mừng năm mới. Nhiều nhà có trẻ nhỏ thì tổ chức chúc Tết vào sáng mồng một.

.Tục lệ bói hoa mai. Sáng mồng một Tết, nơi phòng khách hoa mai (hay hoa đào) nở rộ, tỏa hương thơm ngát khiến người ta có cảm tưởng chúa Xuân đang ngự trị nơi đây.

Trên bàn thờ gia tiên đèn nến lúc nào cũng được thắp sáng, trầm hương nghi ngút ; người gia trưởng lễ gia tiên rồi cùng con cháu ra vườn thăm hoa mai để bói hên xui.Nếu không có cây ngoài vườn thì người ta bói hoa cắm trong bình.Nếu hoa nở rộ là điềm tốt- *Hoa khai phú quý* - thời vận gia chủ trong năm mới sẽ thăng tiến, con cháu đi làm, đi học đều được tấn phát.

.Tục Lệ Xông đất. Bói hoa, ngắm cảnh ngoài vườn rồi ông cháu, cha con theo nhau vào nhà chờ người khách đầu tiên đến xông đất.Vì tin dị đoan, người xông đất sẽ có ảnh hưởng tốt, xấu đến gia đình cả năm. Bởi thế, nhiều người đã cẩn thận tự xông đất lấy hay mời sẵn một vị tính tình vui vẻ, mau mắn lại có chức phận trong xã hội, sáng mồng một đến xông đất cho để lấy hên.Người khách quí ấy đã được đón mừng trịnh trọng bằng một tràng pháo nổ tưng bừng.

.Tục lệ xuất hành. Người khách xông đất ra về, gia chủ mới xuất hành. Vì là năm mới, lần đầu tiên bước chân ra khỏi cửa nên người ta thường tìm hướng đi nào hợp tuổi và thích đi lễ chùa hay đền miếu để cầu phước, cầu duyên và xin lộc, hoặc tự đi hái lộc lấy. Sau đó tiếp tục đi lễ Tết, chúc Tết họ hàng, bạn bè thân và bà con lối xóm.

Người lớn thì quần áo bảnh bao, trẻ con quần áo xúng xính đi theo cha mẹ. Nhà này đi chúc Tết nhà kia,không khí thật vui vẻ,nhộn nhịp. Đúng là vui như Tết !

.Tục Kiêng cữ. Cũng vì sợ giông, tức sợ gặp sự không may tái diễn đi, tái diễn lại quanh năm suốt tháng nên từ phút giao thừa trở đi cho đến hết ba ngày đầu năm mới, người ta kiêng đủ thứ, nào là kiêng đổ rác (sợ thần tài ra khỏi nhà), kiêng đánh vỡ chén bát (sợ điềm gia đình ly tán), kiêng bị đòi nợ, kiêng nói tiếng xui xẻo, thô tục, kiêng gắt gỏng, giận hờn, cãi cọ....

- Có thờ có thiêng - Có kiêng có lành ! Các cụ chẳng nói thế sao ?

Và càng kiêng làm những điều xấu bao nhiêu, người ta càng cố gắng trở thành người hoàn thiện, hoàn mỹ bấy nhiêu:

- Nét mặt thì lúc nào cũng tươi tỉnh, vui vẻ
- Cử chỉ thì dịu dàng, lịch sự
- Lời nói thì hòa nhã, ngọt ngào
- Tấm lòng thì cởi mở, độ lượng.

Thế nên vô tình gặp kẻ thù oán, người ta cũng sẵn lòng hỉ xả tha thứ, đối giận làm vui để giữ hòa khí trong ngày tết. Đúng là :

- Giận đến chết ngày Tết cũng vui

.Hội Hè.Tết đến, Xuân về, ngoài ngoài những tục lệ cúng lễ tại tư gia và tế lễ thần linh nơi làng xã, dân tộc ta cón có tục lệ mở Hội Xuân khắp nơi với các trò chơi (đánh vật, bắt chạch, đánh bài, đua thuyền... lấy giải.) gọi chung là bách hí cho dân chúng vui chơi, tranh tài:

- Thái bình mở hội xuâ
  Nô nức khắp xa gần
  Nhạc dâng ca trong điện
  Trò thưởng cuộc ngoài sân…

Đúng là :

- Tháng giêng là tháng ăn chơi
  Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè…

Tóm lại, qua cung cách sửa soạn đón Tết, qua những lễ nghi, phong tục ngày Tết và qua thái độ thưởng Xuân ăn Tết của người Việt như vừa được trình bày ở trên đã chứng tỏ, Tết Nguyên Đán đối với dân tộc ta quả là một ngày Lễ lớn nhất trong năm, mang nhiều ý nghĩa thâm thúy và thiêng liêng.Nhưng nổi bật hơn hết vẫn là đạo thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ …của dân ta. Lòng hiếu thảo, sự biết ơn cộng với niềm tin tưởng có sự sum họp, cảm thông và gắn bó giữa các đấng sinh thành quá cố với con cháu tại thế, đã trở nên một tín ngưỡng ; nó đã thực sự hiện hữu và chi phối mọi sinh hoạt của con người trong những ngày Tết Nguyên Đán.

Đồng thời là sự thể hiện một quan niệm nhân sinh lạc quan, đặc thù của người Việt. Trong những ngày Tết, người ta không chỉ cầu chúc hay khấn nguyện các ơn trên phù hộ ban cho hạnh phúc; mà người ta còn tin tưởng ở sự đổi mới, gạt bỏ mọi buồn phiền, thất bại của năm cũ để đón chào năm mới (tống cựu nghinh tân) với niềm hy vọng mới, sẽ đạt được thành công trong tương lai. Hơn thế nữa, người ta còn cố gắng tự cải thiện để tạo dựng hạnh phúc cho bản thân và những người xung quanh ngay trong hiện tại : ăn ngon, mặc đẹp; ngắm nhìn cảnh trí rực rỡ, nên thơ của thiên nhiên và do chính mình sáng tạo, đặt bầy. Trong gia đình thì được sống trong yêu thương, đoàn tụ (đoàn tụ không chỉ với người sống mà cả với những người thân đã qua đời).Ngoài xã hội thì được sống trong không khí hòa ái, thân thiện và độ lượng.

Theo thiển ý, đây chính là những nét đặc sắc nhất trong đời sống văn minh và văn hóa của dân tộc Việt nam chúng ta vậy./.

PHẠM THỊ NHUNG
(Paris)

NHẬN THỨC VỀ THIỀN

Trần Tam Nguyên

Cùng đích của Thiền

Nếu một người đạt được tâm thức và tư thái cho rằng tất cả mọi vật, mọi sự kiện trên đời này sẽ tự tiêu diệt, tự hũy hoại, tự biến mất và tất cả mọi sự vật đó ở hiện tại vẫn diễn tiến cho đến khi chúng tự hũy diệt thì người đó đã đến được cùng đích của Thiền và lúc ấy "chân không" và "diệu hữu" đã đi vào tâm thức và tư thái của người đó :

Chư Pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đáo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng.
(Mọi thứ từ xưa nay
Hinh thể tự tiêu diệt
Xuân đến trăm hoa nở
Cành liễu hoàng oanh hót).

Nhìn mặt "tướng" của sự vật thì tất cả đều là có. Nhìn mặt "tính" của sự vật thì tất cả đều là không. Đó là ý nghĩa của lý "chân không, diệu hữu" của đạo Phật mà cuối cùng những người thực hành Thiền nhận thấy.

Trên thực tế, trong xã hội và cuộc đời không có mấy ai đạt được tâm thức và tư thái như thế vì trong cuộc sống con người phải chịu quá nhiều va chạm để kiếm sống, để tranh đấu trên mọi thứ, trên mọi phương diện và bị quay cuồng trong những ý niệm khác nhau nên không thể nào đình đậu trong một ý niệm kể trên. Có nhiều người ý thức được mọi vật đều tự hũy diệt theo thời gian nhưng đem nhận thức đó để áp dụng cho đời sống của mình, để biến chúng thành một tư thái thì chẳng có mấy ai ! Để đạt đến tâm thức và tư thái đó chúng ta hãy tìm hiểu những quan niệm, những thực hành và hiệu quả của Thiền.

Quan niệm về nhân sinh và vũ trụ của Thiền

Ý thức công việc mình đang làm, ngay cả đi, đứng, nằm, ngồi, đó là chính niệm. Chính niệm như là bí quyết thắp sáng hiện hữu, tạo nên định lực và đưa tới tuệ giác. Ba trình tự này được gọi là "tam học" trong Phật giáo. Đó là giới, định, tuệ.

Con người quá qui hướng vào chính mình, sống trong vỏ của tự ngã, cơ hồ không lột bỏ được. Đến tuổi đôi mươi, cơ hội đầu tiên, cái tôi thoạt biết có "người khác", đó là do sự bắt đầu xuất hiện của tình yêu. Một cái tôi tưởng như toàn vẹn, bất khả phân, giờ đây tự chẻ làm đôi. Tình yêu khiến cái tôi tự mất đi trong đối tượng nó yêu, nhưng đồng thời nó cũng đòi quyền chiếm hữu đối tượng ấy. Khi cái tôi bể vỏ và rước "cái khác" vào tự thân, chính là lúc cái tôi tự phủ nhận nó. Trên bình diện tôn giáo đó là khởi điểm của một cuộc xô xát giữa hữu cực và vô cực, giữa trí thức và năng khiếu cao hơn, hay nói một cách nôm na là giữa xác và hồn. Cuộc tranh đấu, xô xác đó kéo dài đến ba mươi tuổi như lời Khổng Tử nói "tam thập nhi lập", lúc bấy giờ ý thức tôn giáo tức đạo tâm, hoàn toàn thức giấc và con người dọ thử tất cả mọi con đường để thoát ly cuộc tranh đấu bằng mọi phương tiện trên các sách vở, trên các cuộc diễn thuyết, trên các thí nghiệm và đạo Thiền cũng được gõ cửa để hỏi thăm.

Đạo Thiền giải quyết vấn đề xô xát giữa hữu cực và vô cực và vấn đề tự ngã như thế nào?

Trước hết, giải pháp của Thiền đưa ra là trực tiếp kêu gọi đến ánh sáng của chứng

nghiệm bản thân, thay vì kiến thức của sách vở. Thiền cho rằng thể tánh của con người chúng ta khắc chế giữa hai thái cực hữu và vô, muốn tìm ra được thể tánh đó chúng ta phải sử dụng một năng khiếu khác hơn là tri thức. Tri thức nói chung là trí thức hoặc tâm thức là năng khiếu hiểu biết bằng giác quan, kể cả suy luận thuộc phạm vi kiến thức thông tục. Phật giáo gọi tri thức đó là ý thức, tính thức hoặc cơ trí mà đặc tính là phân biệt và chấp ngã. Thiền còn cho rằng chính tri thức ấy tạo ra cho chúng ta đủ thứ vấn đề không bao giờ tự giải quyết đươc vì đặc chất của trí thức là tán loạn, ưu tư, khuấy động sự thanh tịnh của tâm và rất ít khi nó đưa ra nỗi một giải đáp thỏa đáng. Trí thức có thể lật đổ được vô minh nhưng không phục hồi được trạng thái ban sơ của muôn vật bằng một thứ gì khác. Nó phát giác ra được vô minh nhưng nó không rọi được một tia sáng nào trong những động dụng lăng xăng, nó cứ chờ ở một cái gì khác siêu việt hơn giải quyết vấn đề cho nó. Nó quen đặt ra vấn đề và bất chấp hậu quả. Lịch sử triết học chứng minh rằng khi một lâu đài tư tưởng nào đó được dựng lên thì nhất định sớm muộn gì cũng bị người sau đánh đổ và việc đó diễn ra triền miền trong những dòng tư tưởng triết học, vì lẽ rằng chân tướng của tri thức buộc nó phải như vậy, không thể nào chấm dứt được những thắc mắc tìm tòi trong tri thức. Hãy để yên cho trí thức động dụng trong thế giới riêng của nó dù sao nó cũng cần thiết cho con người và nó có chỗ dùng của nó, đừng đụng chạm vào nó vì can thiệp vào là nó bị chao đảo mất hết sự sáng diệu của nó.

Đạo Thiền không thể đạt tới bằng trí năng, bằng sự nghiên cứu giả định, bằng phân tích và tổng hợp mà phải dùng trọn bản thân mình làm động cơ khảo cứu, trí năng chỉ là một phần của bản thân mình, có thể dẫn dắt bản thân mình tách lìa khỏi thực tại của sự sống, vốn là đối tượng chính của Thiền học. Mỗi người hãy tự đánh thức mình dậy trong cuộc sống. Đó là Thiền. Khi Thiền nói chứng nghiệm bản thân có nghĩa là nắm lấy cơ sự khi vừa phát khởi, không qua bất cứ trung gian nào. Thiên nhiên ghê tởm cái trống rỗng thì Thiền ghê tởm bất cứ gì xen giữa cái thực và chúng ta.

Nhìn thấy hay kiến tính là mục đích của Thiền. Kiến tính không phải là công trình khảo cứu sưu tầm mà là sự đạt đến tuệ giác bằng sự sống. Thiền do đức Phật truyền lại, không dính líu đến kho tàng giáo lý và kinh điển. Thiền là thứ giáo lý không ghi chép, không phổ biến, không bình luận được, không được trao truyền bằng giảng giải, không được cất chứa trong biểu tượng. Nó đi từ thầy sang trò, từ tâm sang tâm, đó là tâm ấn. Tâm ấn có thể được định nghĩa là dòng liên tục của sự sống giác ngộ. Thiền là tâm ấn.

Thiền quan niệm nhân sinh và vụ trụ là vô thường (l'impermanence), vô ngã (le non-soi) và thực hành Thiền để đạt đến niết bàn (le nirvana). Ba yếu tố vô thường, vô ngã và niết bàn cũng là ba dấu ấn tín của Phật pháp.

Quan niệm vô ngã là điểm xuất phát của đạo Phật. Kinh điển Phật giáo thường nói đến tính cách vô ngã của mọi hiện tượng : chư pháp vô ngã. Chư pháp vô ngã nghĩa là không có sự vật nào có tính cách đồng nhất tuyệt đối của nó cả. Đó là một sự phủ nhận nguyên tắc đồng nhất (principe d'identité) theo đó A là A. Nhưng theo nguyên tắc vô ngã thì A không phải là A. Điều này làm cho người ta kinh ngạc và có tác dụng lay đổ, đập phá. Để hiểu danh từ vô ngã, ta phải nói tới danh từ vô thường. Vô thường là sự thay đổi thường xuyên của mọi sự vật. Mọi sự vật thay đổi từng sát na

(đơn vị thời gian ngắn nhất được dùng trong Phật giáo), mỗi ý tưởng đi qua trong trí ta là thời gian của 90 sát na. Vì sự vật biến chuyển không ngừng (vô thường) cho nên sự vật không duy trì được tính chất đồng nhất tuyệt đối của nó trong hai sát na liên tiếp (vô ngã). Đứng trên phương diện thời gian thì sự vật là vô thường, trên phương diện không gian là vô ngã. Vậy có thể nói vô thường và vô ngã chỉ là một. Những hiện tượng sinh lý (thân thể, tâm lý, nhận thức, tình cảm ...) của mọi người đều là vô thường và vô ngã.

Vô thường và vô ngã không phải là những nhận định về thực tại có mục đích tạo cơ sở cho một triết thuyết, luân lý hành động mà chúng cần được nhận thức như những nguyên lý hướng dẫn nhận thức. Phật dạy rằng cái tôi là nguồn gốc của vô minh và sanh tử luân hồi. Trong thế giới vật thể không có cái tôi, nghĩa là trên thực tế con người không thể nào tách rời mình ra ngoài hành động, năng lực ra ngoài khối lượng, cuộc sống ra ngoài những hiện tượng hằng ngày. Hễ tư tưởng vọng động thì những ý niệm (nhị nguyên), có không, trắng đen, tối sáng, phải trái, đúng sai, v.v... như biệt lập, khác nhau, nhưng thực tế thì chúng chỉ là một, không sai khác nhau như chúng ta quen gò bó cụ thể thực tại vào khuôn tư tưởng. Khi ta chuyển sự khác biệt ấy từ tư tưởng sang thực tại thì ta gặp sự trở ngại, nan giải về tri thức, về luân lý và tâm linh, như thế mở đường cho sự khổ não và lo âu. Phật gọi sự nhận lầm nhị nguyên ấy là "vô minh" và lý "không" là kết quả của nhận thức đó, chứ không phải là lý thuyết "không" trong hư vô luận hay vô vũ trụ quan. "Không" ở đây có nghĩa là muôn vật đều hoàn toàn tùy thuộc lẫn nhau mà hiện khởi theo duyên sanh, không thể có cá thể biệt lập trong vũ trụ.

TÔI VỚI MÙA XUÂN

Tôi với mùa Xuân cũng hững hờ
Hồn xanh như lá buồn như thơ
Chơi vơi nghe gió mùa Đông lạnh
Ru áng mây chiều để lửng lơ.

Tình gọi lao xao hồn chẳng thắm
Nhịp đời xoay trở tưởng như mơ
Ôm em trong suốt tình băng giá
Mà trót đam mê đến dại khờ.

Thăm thẳm mùa trôi qua ước mộng
Biết ai còn đợi để mong chờ
Duyên may còn lại đôi dòng lạ
Đâu biết xuân đời chẳng chẳng như.

Năm tháng dần trôi mong hội ngộ
Nghe tim dồn dập thuở ban sơ
Tin Xuân ai báo lòng mê mãi
Nhặt cánh mai vàng bên suối tơ.

ĐĂNG NGUYÊN

Nguyên lý vô ngã trình bày cho ta thấy một khoảng cách rộng lớn giữa sự vật và khái niệm của ta có về sự vật. Sự vật thì biến chuyển và linh động trong khi khái niệm của ta về sự vật thì bất biến và đơn giản. Ta thử nhìn cái bàn, thoạt tiên ta chỉ thấy cái bàn, nghĩa là ta có cảm tưởng tự thân cái bàn (la table en soi) và khái niệm của ta về cái bàn là một. Thực ra đó chỉ là khái niệm của ta về cái bàn, còn tự thân cái bàn ta không đạt đến được, nó là hợp thể của vô số nguyên tử và điện tử dao động như một bầy ong. Cái bàn trong thực tại đang biến chuyển linh động trong thời gian và không gian, cái bàn có liên hệ mật thiết đến những cái khác mà ta có thể gọi là

"không bàn", liên hệ mật thiết đến nỗi nếu lấy những cái "không bàn" ra khỏi cái bàn thì cái bàn không còn tồn tại nữa. Thí dụ rừng cây, lưỡi cưa, chiếc búa, người thợ mộc, cây thước .... Nhìn vào cái bàn ta có thể thấy tất cả những cái "không bàn". Sự có mặt của cái bàn chứng minh sự có mặt của tất cả các cái "không bàn", nói một cách khác hơn là của tất cả vũ trụ. Đó là yếu nghĩa của câu "một là tất cả, tất cả là một" trong hệ thống giáo lý Phật giáo Hoa nghiêm và là nguyên lý duyên khởi trùng trùng của hệ thống giáo lý này.

Nguyên lý duyên khởi tức là nguyên lý nhân quả trong đạo Phật. Sự phát sinh, tồn tại và tan rã của mọi hiện tượng tùy thuộc không phải một nguyên nhân mà vào nhiều điều kiện, có thể nói là vô số điều kiện**.** Những điều kiện đó gọi là duyên. Sự có mặt một hiện tượng kéo theo sự có mặt của tất cả hiện tượng. Một người giác ngộ nhìn một hiện tượng không như một cái ngã riêng biệt mà biểu hiệu đầy đủ của thực hữu.

Nguyên lý vô ngã cho ta biết tính cách tương quan mật thiết của mọi hiện tượng, những khái niệm của ta về sự vật và cũng cho thấy những ý niệm đơn giản của ta không chuyên chở thực sự được sự phức tạp của hiện hữu, không phản ảnh thực sự của thực tại. Thế giới của khái niệm không phải là thế giới của thực tại tự thân và nguyên lý vô ngã báo động cho ta thấy rằng nhận thức theo khái niệm của ta không thể là dụng cụ tuyệt hảo để khảo sát thực tại và ngôn từ của ta bất lực trong sự diễn bày chân lý thực tại.

Nhận thức nêu trên này là khởi điểm của Thiền học. Chân lý thực tại, theo đạo Phật, chỉ có thể chứng nghiệm bằng sự sống bản thân mà không thể thực hiện bằng cách học hỏi vì học hỏi, nghiên cứu tức là sử dụng phương pháp khái niệm. Bằng khái niệm, ta chặt thực tại thành từng mảnh nhỏ, riêng biệt, độc lập, cứng chết. Thực chứng chân lý thực tại là một khả năng nhận thức trực giác được phát sanh do công trình Thiền quán, một sự chứng nhập thực tại trực tiếp và tràn đầy, không chủ thể, không đối tượng, vượt khỏi khái niệm và ngôn từ. Bản chất của Thiền là sự tỉnh thức đạt ngộ. Một người đạt ngộ có thể được nhận diện bởi nhiều dấu hiệu : tự tại, không bị lệ thuộc, khống chế bởi những thành bại, vui mừng, sợ sệt ; đức trầm tĩnh, ung dung và một sức mạnh to lớn trong tâm linh. Ngoài ra, ngôn ngữ Thiền trong khi sử dụng "khái niệm" luôn luôn vượt khỏi những xiềng xích của khái niệm. Thí dụ chữ "có" và chữ "không" trong ngôn ngữ Thiền hay trong thế giới phi niệm, chúng tác động tâm lý người nghe trên một chiều hướng khác và do đó ý nghĩa của chúng chỉ có thể nhìn thấy qua tâm linh chủ quan của đương sự.

Dấu ấn tín thứ ba của Phật pháp là niết bàn. Niết bàn là bản thể của sinh vật, là bản chất của mọi thứ. Một làn sóng không cần phải chết đi để trở thành nước. Nước là bản chất của sóng. Sóng đã là nước. Con người chúng ta cũng giống như thế. Chúng ta mang trong chúng ta bản chất nội tại của sinh vật, niết bàn, thế giới của sự không sinh, không tử, của sự vô thường, của vô ngã và của sự vô ngã. Niết bàn là sự yên lặng hoàn toàn của những khái niệm.

Các ý niệm vô thường, vô ngã được đức Phật truyền lại là những dụng cụ để thực hành chứ không phải là những lý thuyết để sùng bái để tranh đấu hay để sẵn sàng chết cho những lý thuyết đó. Vô thường vô ngã thuộc sở hữu chủ của thế giới hiện tượng, cũng giống như những làn sóng đối với nước. Niết bàn là bản chất của những hiện tượng đó. Các làn sóng không hiện hữu ở ngoài nước. Nếu chúng ta đụng

đến những làn sóng là chúng ta đồng thời đụng được nước. Niết bàn không hiện hữu ngoài vô thường vô ngã.

Nếu chúng ta biết được làm thế nào sử dụng những dụng cụ vô thường, vô ngã để đụng đến được chân lý thực tại thì chúng ta sẽ lập tức đụng ngay đến niết bàn ở đó. Niết bàn là sự dập tắt tất cả những ý niệm. Sinh hay tử đều là ý niệm. Hữu hay vô đều là ý niệm. Trong đời sống hằng ngày chúng ta phải đối phó với những thực tại tương đối này. Nhưng nếu chúng ta chạm đến được đời sống một cách sâu xa hơn thì chân lý thực tại sẽ tự phát giác ra một cách khác.

Chúng ta thường nghĩ rằng sinh ra là đi từ không có gì đến một cái gì, từ không ai đến một con người, từ hư không đến hiện hữu. Chúng ta nghĩ rằng chết là một bất ngờ từ một cái gì đến hư không. Những ý nghĩ này khiến cho chúng ta đau khổ. Để dập tắt ý nghĩ này, chúng ta cần phải thực tập Thiền. Phật đã nói "không có sinh, không có tử, không có hữu và không có vô". Phật cống hiến cho ta sự vô thường, vô ngã, sự hiện hữu nội tại trong ta và trạng thái trống không để khám phá bản chất thực sự của chân lý thực tại. Trạng thái trống không này chính là niết bàn mà thực hành Thiền sẽ đạt đến. Chính niết bàn như là một chiếc quạt làm tắt ngọn lửa của các ý tưởng, ngay cả ý tưởng vô thường, vô ngã vì chúng cũng chỉ là những phương tiện để đạt đến cứu cánh là niết bàn.

Sự dừng lại, điềm tĩnh, nghỉ ngơi và lành lặn trong Thiền định

Thiền định của người Phật giáo thực hành trên hai bình diện : sự dừng lại và cái nhìn sâu thẳm. Cái "nhìn sâu thẳm" mang lại cho chúng ta cái nhìn bao quát sâu xa và giải thoát cho chúng ta sự đau khổ. Sự dừng lại là nền tảng trong việc Thiền định. Nếu người ta không dừng lại thì cái nhìn bao quát sâu xa kia không thể thực hiện được. Trong lịch sử Thiền học, có lẽ nhiều người biết đến câu chuyện kể về đề tài một người và một ngựa. Một con ngựa chạy sải thật nhanh và dĩ nhiên là người ngồi trên lưng ngựa hình như muốn đến một điểm hẹn khẩn cấp, quan trọng. Một người đứng bên đường liền hét lớn lên hỏi : "Anh đi đâu vậy ? ". Người cỡi ngựa trả lời : "Tôi không biết, anh hãy hỏi con ngựa". Hình ảnh này cũng giống như câu chuyện của chúng ta. Chúng ta không khác gì mấy so với người ngồi trên lưng ngựa : chúng ta không biết thân phận chúng ta đi về đâu và chúng ta không thể kềm con ngựa dừng lại. Con ngựa là năng lực của thói quen hằng ngày thúc đẩy chúng ta tiến bước dù muốn hay không. Chúng ta chạy theo thời gian và chuyện đó trở thành một thói quen. Chúng ta luôn luôn tranh đấu ngay cả trong khi đang ngủ. Chúng ta ở trong trạng thái chiến tranh chống đối với chúng ta và sẵn sàng tuyên chiến với những người khác.

Trong cuộc sống, chúng ta luôn luôn có ba điều khó khăn : khó biết được mình, khó thành thật đối với chính mình, khó sử dụng được mình. Vì vậy chúng ta phải học cái nghệ thuật biết tự dừng lại, dừng lại những ý nghĩ, dừng lại những năng lực của thói quen, dừng lại sự quên lãng và dừng lại những cảm xúc mạnh mẽ đã điều khiển chúng ta. Khi một cảm xúc bao trùm chúng ta, như một cơn giông tố, khiến chúng ta không được thanh thản. Chúng ta mở máy truyền hình và tắt ngay sau đó. Chúng ta vội đọc một vài trang sách để lấy lại sự nghỉ ngơi bình thản. Làm thế nào chúng ta có thể chấm dứt được tình trạng xúc động này ? Làm thế nào chúng ta có thể chấm dứt nỗi sợ sệt, nỗi thất vọng, cơn giận dữ và lòng khao khát thèm muốn của chúng ta ? Điều đó có thể làm được bằng cách thực

hành sự quán niệm hơi thở, hay bằng hơi thở đầy ý thức, bằng bước đi đầy ý thức, bằng nụ cười đầy ý thức và bằng cái nhìn sâu thẳm khiến cho chúng ta có thể hiểu được những sự kiện đó. Khi chúng ta ở giữa chỗ đầy ý thức, chạm được một cách sâu xa thời điểm hiện tại, các kết quả luôn luôn là sự thấu hiểu, sự chấp nhận, tình yêu thương và sự mong muốn hạ thấp sự đau khổ và mang lại niềm vui.

Tuy nhiên, những năng lực của thói quen thường mạnh mẽ hơn ý chí của chúng ta. Lúc đó, chúng ta nói hay làm những điều mà chúng ta không muốn làm và chúng ta hối hận ngay sau đó. Chúng ta đã gây ra sự đau khổ cho chính chúng ta, cho những người khác và gây ra nhiều đổ vỡ. Điều đó có lẽ không phải là sự cố ý của chúng ta, nhưng chúng ta không tự ngăn được. Tại sao ? Tại vì những năng lực của thói quen đã thúc đẩy chúng ta làm những điều đó.

Chúng ta cần những năng lực đầy ý thức để hiểu biết và mang lại sự hiện diện của chúng ta đối với năng lực của thói quen hầu để làm chấm dứt sự tàn phá đang diễn ra. Với sự ý thức đầy đủ, chúng ta có được khả năng nhận ra năng lực của thói quen mỗi khi nó nổi lên. "Chào mi, năng lực của thói quen, ta biết mi đang có mặt". Một cách đơn giản là chúng ta cười với nó, điều đó cũng đủ làm cho nó giảm bớt đi nhiều sức mạnh. Ý thức đầy đủ là sinh lực khiến cho chúng ta nhận biết năng lực của thói quen và làm ngăn trở việc nó ngự trị trên chúng ta.

Sự lãng quên là một sự đảo ngược. Chúng ta uống một tách trà, nhưng chúng ta không biết là đang uống một tách trà. Chúng ta sống với một người mà chúng ta yêu mến, nhưng không biết người đó đang hiện diện. Chúng ta đi mà thật sự không biết là đang đi. Chúng ta đã ở một chỗ nào khác, đang nghĩ đến quá khứ hay tương lai. Con ngựa năng lực của thói quen đưa chúng ta đi thật xa và chúng ta trở thành tù nhân của nó. Chúng ta cần phải làm cho con ngựa dừng lại để chinh phục trở lại sự tự do của chúng ta. Chúng ta cần đến sự rọi sáng của ánh sáng đầy ý thức của mỗi công việc mà chúng ta đang làm để bóng tối lãng quên có thể biến đi mất. Đó là vai trò đầu tiên của sự dừng lại trong Thiền định.

Vai trò thứ hai của sự dừng lại là sự điềm tĩnh. Khi chúng ta bị xâm chiếm bởi một cảm xúc mạnh, chúng ta biết là có lẽ bị nguy hiểm trong hành động phản ứng, vì chúng ta không còn đủ sức mạnh và sự sáng suốt. Chúng ta phải học hỏi nghệ thuật quán niệm hơi thở, nghệ thuật dừng lại các sinh hoạt và trấn an các cảm xúc của chúng ta. Chúng ta phải học cách trở thành cứng rắn và vững mạnh như một cây sên để không bị cơn bão tố làm gãy đổ. Phật đã dạy nhiều kỹ thuật khác nhau để giúp trấn an cơ thể, tinh thần của chúng ta và nhìn chúng một cách sâu xa tận nguồn. Những kỹ thuật này có thể được tóm lược trong năm giai đoạn thực hành :

1. Nhận ra. Nếu chúng ta đang ở trong cơn giận, chúng ta hãy nói : "Tôi biết rằng cơn giận đang ở trong tôi".

2. Chấp nhận. Nếu chúng ta ở trong cơn giận, chúng ta không được để ý đến nó. Chúng ta phải chấp nhận sự kiện hiện tại.

3. Ôm lấy. Chúng ta hãy ôm lấy cơn giận dữ trong cánh tay của chúng ta như một người mẹ ôm đứa con đang khóc. Ý thức đầy đủ của chúng ta ôm lấy cảm xúc của chúng ta, điều đó đủ để trấn an cơn giận dữ và làm cho chúng ta điềm tĩnh.

4. Nhìn một cách sâu xa. Một khi tìm thấy lại sự điềm tĩnh, chúng ta có thể nhìn một cách sâu xa tận nguồn những gì đã xảy ra sự giận dữ, những gì đã gây ra sự khó chịu của đứa bé.

5. Thực hành cái nhìn bao quát sâu thẳm. Kết quả của cái nhìn sâu xa là hiểu biết được những nguyên nhân, những điều kiện chính và phụ đã làm sinh ra cơn giận dữ của chúng ta hay đã làm cho đứa bé khóc. Đứa bé có thể bị đói hay tấm tã lót bị cột quá chặt. Sự giận dữ của chúng ta đã phát khởi do những lời nói gây tổn thương của một người bạn hay đột nhiên một người cảm thấy hôm nay thật khó chịu vì nghĩ đến người cha sắp qua đời. Chúng ta tiếp tục thực hành cái nhìn sâu xa cho đến khi bắt đầu thấu hiểu được những gì gây ra sự đau khổ của chúng ta. Với cái nhìn bao quát sâu thẳm, chúng ta biết những gì phải làm và những gì không nên làm để thay đổi hiện trạng.

Vai trò thứ ba của sự dừng lại là sự nghỉ ngơi. Chúng ta hãy tưởng tượng một người ném một hòn đá vào giòng sông. Hòn đá bị cuốn theo nước một cách chậm chạp rồi rơi xuống đáy giòng sông. Khi hòn đá rơi đến đáy sông rồi thì nó không còn di động nữa và để cho nước trôi qua. Khi chúng ta ngồi thiền, chúng ta phải nghỉ ngơi như hòn đá này. Chúng ta có thể để cho mọi sự trôi qua một cách tự nhiên tong vị thế ngồi thiền, vị thế ngồi yên không dùng đến sự cố gắng. Chúng ta phải học cái nghệ thuật nghỉ ngơi để cho thân thể và tinh thần của chúng ta được nghỉ ngơi. Nếu chúng ta có những vết thương trong cơ thể hay tinh thần, chúng ta phải nghỉ ngơi để cho chúng có thể tự lành lặn trở lại.

Sự điềm tĩnh giúp cho sự nghỉ ngơi và sự nghỉ ngơi là một điều kiện thiết yếu cho sự lành lặn. Khi những con mãnh thú trong rừng bị thương, chúng tìm một nơi yên ổn để nằm, không động đậy, không làm gì khác ngoài việc nghỉ ngơi trong suốt nhiều ngày. Chúng không nghĩ đến việc ăn uống hay bất cứ việc gì khác. Chúng chỉ nghỉ ngơi một cách đơn giản và cuối cùng chúng được lành lặn trở lại. Tuy nhiên khi chúng ta hay những người khác bị bệnh, chúng ta thường bấn loạn lện, lo đi tìm bác sĩ hay thuốc chữa không ngừng. Ngay khi chúng ta nghỉ hè ở bờ biển hay ở trên núi, chúng ta cũng không dừng lại để nghỉ ngơi, nhiều khi còn mệt nhọc hơn trước khi đi nghỉ hè nữa.

Chúng ta phải học cái nghệ thuật tự nghỉ ngơi. Vị thế nằm không phải là vị thế duy nhất để nghỉ ngơi. Chúng ta có thể nghỉ ngơi bằng cách thực hành ngồi thiền hay hành thiền. Việc thiền định không phải là khổ công. Một cách đơn giản là hãy để cho thân thể, tinh thần của chúng ta nghỉ ngơi như con mãnh thú trong rừng. Đừng tranh đấu vì không có gì để đạt đến cả. Tôi viết bài nhưng tôi không đấu tranh, tôi cũng tự nghỉ ngơi và tôi xin bạn hãy đọc nó bằng một thái độ vui vẻ và nghỉ ngơi thoải mái. Phật đã nói rằng : "chúng ta hãy thực hành tất cả những thứ không làm cho chúng ta mệt nhọc và cho thân thể, tinh thần, cảm xúc và ý thức của chúng ta có thể nghỉ ngơi". Thân thể và tinh thần của chúng ta có một khả năng làm lành lặn tự động nếu chúng ta để cho chúng được nghỉ ngơi.

Sự dừng lại, sự điềm tĩnh và sự nghỉ ngơi là những điều kiện cần thiết để cho sự chữa trị lành lặn có thể thực hiện được. Nếu chúng ta không dừng lại, sự sụp đổ đang diễn ra sẽ tiếp tục. Thế giới cần đến sự lành lặn, các cá nhân, các cộng đồng và các quốc gia cần đến sự lành lặn này./.

TRẦN TAM NGUYÊN
(Paris)

Áo Lụa Vàng

Này cô em mặc áo lụa vàng
Thướt tha trong gió, vờn như bướm
Làm ơn xin cô em chậm lại
Họa may ra tôi mới được gần.

Được gần cô là điều diễm phước
Được gần cô tôi mong gì hơn
Mong gì hơn dẫu chỉ phút giây
Thiên thu tôi, hương em ngào ngạt.

Cô cứ đi và tôi cứ theo
Xin cô đừng đứng lại làm gì
Tôi cứ theo và cô cứ đi
Cứ loáng thoáng một trời lãng đãng.

Cô cứ đi và tôi cứ theo
Và cứ thế, không nhanh không chậm
Rồi chúng mình cũng gặp nhau thôi
Không suối vàng cũng vào mộ chí.

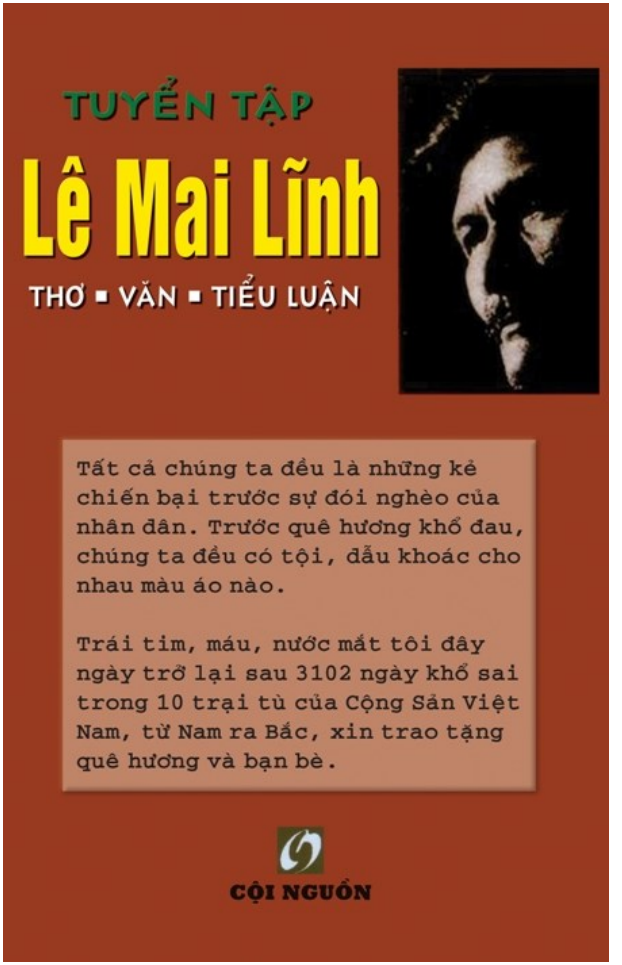
Này cô em mặc áo lụa vàng
Hãy chầm chậm như thế mà đi
Nay tôi, gã tình si mê mải
Hơn một chút khùng lẽo đẽo theo.

Này cô em mặc áo lụa vàng
Áo vàng có làm tôi vàng mắt
Tôi vàng mắt nhưng tôi vui lắm
Nhờ áo vàng cô đời thêm thắm.

Cảm ơn cô em áo lụa vàng
Đời hắn không vui, thiếu lúa vàng
Đời thiếu lụa vàng, đời buồn lạ
Cảm ơn em, cô gái lụa vàng.

tặng người học trò mặc áo lụa vàng

Lê Mai Lĩnh
thơ tình năm 72 cái xuân xanh
22/11/2014



LIÊN LẠC

MR. LÊ VĂN CHÍNH (LML)
241 SCHANLEY MANOR Dr.
PITTSBURG, PA 15201
levanchinh11@ad.com

TỰ TRUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI VÔ TÍCH SỰ

Nguyễn Xuân Hoàng

Trong đời sống, mất mát nhiều hơn là thu nhận. Cây lúa sẽ không trổ bông, nếu trước đó nó không chết đi. Hãy sinh động một cách không mệt mỏi, nhìn về tương lai và nuôi dưỡng bằng những nguồn dự trữ sống chất chứa từ trí nhớ và sự lãng quên. (It is more important in life to lose than to acquire. The grain will not sprout unless first it dies. One must remain untiringly alive, looking into the future and feeding on the living reserves which memory and oblivion together accumulate. - BORIS PASTERNAK "An Essay in Autobiography")*

Tôi là đứa con thứ mười hai trong một gia đình mười ba anh chị em. Mười ba người con trong một gia đình, con số ấy đâu có nhỏ, phải không? Nhưng biết làm sao! Có ai trên đời này được quyền chọn nơi chốn, gia đình hay dân tộc để chào đời đâu. Tóm lại, tôi là một người Việt Nam ra đời ở miền Trung, trong thời chiến, dưới một mái nhà "đông dân" và "kinh tế gia cảnh" đang hồi sa sút.

Phải nói là nhà tôi đông người quá, đông đến nỗi tôi không thể nào nhớ hết tất cả những anh chị em của tôi. Cha tôi, má tôi, đôi ba ông anh, đôi ba bà chị, một vài cô em… chỉ chừng đó người thôi cũng đủ nằm chật trong ký ức tôi rồi.

Vậy thì, có lẽ, tôi chỉ xin nói trước một đôi điều về đôi ba người trong gia đình tôi thôi. Tôi nghĩ rằng khi vẽ lại chân dung những người thân thích ruột thịt của mình, tôi cũng đã tự vẽ phần nào chân dung mình. Tuy có hơi nhợt nhạt, nhưng chắc là sẽ không xa sự thực lắm đâu!

Cha tôi, tất nhiên đó là người mà tôi muốn nhắc đến trước nhất trong bản tự truyện này. Ông cao lớn, quắc thước, vạm vỡ. Ngay giờ đây, khi hồi tưởng lại hình ảnh của ông, điều mà tôi có thể nhìn thấy lại trước nhất và rõ nhất là đôi mắt của ông. Đôi mắt ấy đầy thần lực, hơi lạnh và có một vẻ gì như tàn nhẫn. Khi nhìn ai, đôi mắt kia như phát ra một mệnh lệnh buộc họ phải phục tùng. Rất nhiều màu nâu đen, rất ít lòng trắng, đôi mắt ấy khá gần với loài hổ báo. Cũng có khi tôi tưởng đôi mắt ấy là con dao cau phạt ngang, có thể cắt đứt cổ tôi như chơi.

Tôi rất sợ cha tôi. Và tôi không biết rõ lòng mình là có bao giờ tôi yêu ông không. Má tôi thường nói cha tôi là một con sâu rượu. Quả thật, ông uống như hũ chìm và không bao giờ tôi thấy ông say. "Tao mà say rượu à, rượu say tao thì có!" Cha tôi nhiều lần nói như vậy.

Mỗi ngày bốn bận, cha tôi uống rượu theo chu kỳ "sáng – trưa - chiều - tối". Sáng uống theo lối sáng, chiều uống theo kiểu chiều. Sáng đánh răng súc miệng, uống ít thôi. Tối cần giấc ngủ, uống khá khá được. Trưa, chiều thì tùy hứng.

Má tôi nói rượu là độc được. Cha tôi nói rượu là thuốc an thần. Cha tôi tích trữ rượu. Má tôi giấu rượu. Cha tôi ít nói khi đã uống nhiều. Và má tôi không phải là loại đàn bà lắm lời.

Nói chung, gia đình tôi đông, nhưng buồn và lạnh. Chúng tôi cử động, ăn uống, đi lại, học hành, trò chuyện như những người khách trọ trong một căn nhà nấu cơm tháng.

Có một thời gian, tuy hơi bất ngờ, nhưng mà cũng ngắn thôi, tôi thấy cha tôi không uống rượu nữa. "Sáng – trưa - chiều - tối" ông chỉ uống trà. Cái thói quen mà ông không thay đổi, đó là bao giờ cũng thức dậy sớm hơn tất cả mọi người trong nhà. Ông nấu nước trong một chiếc ấm màu đen quánh, pha trà trong một bình đất nung màu đỏ gạch cua bóng lưỡng, và uống trong một cái chén nhỏ cũng bằng đất nung da màu lông thỏ đỏ. Cái chén ấy ông trang trọng gọi nó là Thố Hào Trản. Cha tôi rất quý cái chén này. Có lúc tôi nghĩ là ông quý nó còn hơn đứa con của ông là tôi nữa. Ông thường đem khoe với mấy người bạn của ông cái chén đất và nói rằng nó xưa lắm, "bảy trăm năm tuổi đấy!". Nếu đời sống con người chỉ kéo dài có năm mươi năm thôi thì cái chén này đã áp vào môi của mười bốn đời người. Nó "chạm" đến bảy thế kỷ của nhân loại. Có lần tôi hỏi ông tại sao cha biết cái chén này xưa tới bảy trăm năm. Ông nói chính một ông bạn làm quản thủ công nhựt ở viện bảo tàng vườn Bách Thảo Sài Gòn nói như vậy.

"Cha à! Ông ta căn cứ vào đâu mà nói như vậy?"

"Tao không biết, nhưng tao tin ông ấy. Ông ta là một nhà chơi đồ cổ lừng danh. Lời ông ông ấy rất có giá trị."

"Nhưng tại sao bảy trăm năm thì quý?"

"Cái gì trên cõi đời này mà lâu đời đều quý cả."

Tôi biết cha tôi trả lời lấy lệ. Và tôi vẫn không tin là hễ cái gì lâu đời cũng đều quý cả. Nhưng đột nhiên, cũng bất ngờ như lần chừa rượu, ông bỏ trà không một lời báo hiệu. Tôi nhìn thấy cái chén đất nung, da màu lông thỏ đỏ, nằm lăn lóc dưới gầm tủ; bình trà bỏ ở góc nhà; còn cái ấm đất màu đen quánh nằm ở chái hiên.

Ông uống rượu trở lại.

Thời gian sau đó rất tình cờ có lần tôi nghe ông nói "mấy cái thằng ăn không ngồi rồi, dư tiền dư của, bày đặt chén Tiểu Tống với Đại Tống, Thán Hào Trổ với Thố Hào Trản!" Theo ông, rượu tốt hơn trà, và cái quan trọng chính là "nội dung" chứ không phải là cái "hình thức". Chén nào cũng được, rượu là đủ.

Tôi không giống cha tôi về mặt này. Tôi uống rượu nhưng không mê rượu.

***

Má tôi là một phụ nữ có cái chiều cao "hơi cao" so với chiều cao trung bình của một phụ nữ Việt Nam. Da trắng, tóc đốm màu bạch kim, mũi cao nhỏ, mắt xanh hơi nghịch ngợm, cái vẻ bề ngoài của bà nổi bật giữa những người phụ nữ Việt Nam. Những buổi đi học về, tôi thường chui xuống bếp với má tôi và đôi khi cả bà chị kế tôi cũng xuống bếp theo. Thỉnh thoảng, bà kể cho chúng tôi nghe về những mảnh đời của cha tôi. Chắp vá lại những câu chuyện hở đầu hụt đuôi của bà, tôi hình dung ra cuộc đời của ông, bằng cách thêm mắm dặm muối cho nó liền lạc.

Là thủy thủ của những thương thuyền, cha tôi trôi nổi từ hải cảng này sang thương cảng khác. Nay Hồng Kông mai Tân Gia Ba, mốt Marseille, bữa kia Amsterdam… ông như một con cá mập giang hồ vẫy vùng giữa trời và nước. Những hình xâm xanh lè còn đầy trên chiếc ngực vạm vỡ và lông lá của ông, cùng với dòng chữ lăn quăn trên hai cánh tay ông, làm chứng cho những lời nói của má tôi. Trước khi lấy bà, cha tôi đã có một đời vợ. Mẹ trước tôi là một phụ nữ Pháp, tên Suzanne, sinh trưởng ở Marseille, thành phố mà đã có thời cha tôi tưởng chừng sẽ chôn chân vĩnh viễn lại đó như quê hương thứ hai. Nhưng cũng theo lời má tôi kể, ông phải bỏ đi vì một chuyện "lỡ tay" của ông. Một hôm ông bước vào quán rượu quen, gọi thức uống như thường lệ, nhưng chờ mãi vẫn không thấy người bồi

mang lại, trong khi đó thì tên chủ quán người Pháp cứ đi ra đi vào ngó ông khinh khỉnh. Ông sốt ruột, nắm cổ áo hắn hỏi tại sao. Hắn nói ở đây không có chỗ cho một dân "Mít". Ông giận điên lên, quật tên chủ quán xuống sàn nhà và tấn công hắn bằng một thế võ cực kỳ hiểm độc. Tên chủ quán chết không kịp lời trối trăn. Để trốn tránh pháp luật, ông dắt bà Suzanne chạy lên Paris. Paris đâu phải đất sống của ông. Ông quẩy đuôi trở lại sông hồ, bỏ lại thành phố ánh sáng lộng lẫy kia người đàn bà với một giọt máu của ông. Sau này, vẫn theo lời kể của má tôi, có lần bà Suzanne gửi thư cho cha tôi nói về giọt máu rơi của ông nay đã là một thiếu nữ tên Marthe. Má tôi muốn tự tay biên thư cho bà Suzanne, nhưng cha tôi không bằng lòng. Ông nói đó là chuyện của ông, má tôi không được xen vào. Chị Marthe của tôi có thời nổi tiếng là một trong số những người mẫu lừng danh của Paris. Người ta gọi chị là Marthe Nuyen (lẽ ra phải viết là Marthe Nguyễn mới đúng, nhưng chuyện này đâu có ăn nhằm gì). Tôi biết chi tiết này vì lúc hơi lớn một chút có lần tình cờ tôi nhìn thấy trong cuốn nhật ký của bà chị kế tôi có một tấm ảnh in hình một cô gái Pháp ăn mặc thật đẹp như một tài tử điện ảnh. Sau lưng tấm ảnh là lời đề tặng cho cha tôi có chữ ký rất rõ là Marthe Nuyen. Nhật ký của chị nói rằng Marthe làm nghề người mẫu. Và cha tôi biên thư phản đối bà Suzanne tại sao để con tự do làm nghề này. Nghề người mẫu thì đâu có gì là xấu, nhưng tôi không hiểu tại sao cha tôi nói vậy. Cho đến bây giờ, thật tình mà nói, tôi không biết gì nhiều hơn về người chị có cùng chung với tôi một người cha này. Bỏ Paris, cha tôi đi Hương Cảng, lại theo một số tàu buôn khác, lại giang hồ kỳ hiệp, nay thương cảng này, mai hải cảng kia. Đó là thời gian cha tôi gặp má tôi.

***

Bà là người Trung Hoa, nhưng có dòng máu của dân Hồng Mao. Bà thường nhắc đến ông ngoại tôi một cách kính cẩn như nhắc đến một vị thần đầy quyền lực: "Ông ngoại con không phải là người phàm. Ổng là con nhà quý tộc chớ không phải dân giang hồ tứ chiếng như cha mày đâu."

"Má, con nhà quý tộc thì sao?" Tôi hỏi.

"Dân quý tộc không lấy con nhà thường dân."

"Vậy sao má chịu lấy cha?"

"Không biết! Đừng nhiều chuyện! Nhưng má thích tụi con ăn học đàng hoàng, hơn là lang bạt kỳ hồ."

Bà không muốn chúng tôi giống cái thời tuổi trẻ của cha. Ước muốn của bà, sau này, tôi thấy hình như không đạt được bao nhiêu phần trăm.

Ông ngoại tôi người Bắc Kinh, con một gia đình quyền quý có chức phận, được gởi sang Anh du học. Ông lấy một phụ nữ người Anh và sinh ra má tôi. Không hiểu vì sao ông bỏ bà ngoại tôi ở lại Luân Đôn, về nước chỉ mang theo cô con gái là má tôi. Nhưng rồi, ông cũng không nuôi má tôi. Ông đem gửi bà cho một gia đình người Hoa khác ở Hương Cảng, cung cấp ít tiền bạc và thỉnh thoảng mới đến thăm bà. Cuộc tình duyên giữa má tôi và cha tôi ra sao, không ai trong đám con cái chúng tôi biết. Mà má tôi cũng không bao giờ hé môi nói rõ tại sao một thiếu nữ "con nhà quan xinh đẹp thế kia" (tôi vẫn luôn luôn nghĩ má tôi là người đàn bà đẹp nhất mà tôi đã gặp trong đời) lại đi phải lòng một người đàn ông giang hồ như cha tôi. Dù sao khi tôi bắt đầu nhận ra mình là đứa con của một gia đình đông đảo, tôi có thể nói má tôi là người đàn bà tần tảo lo cho chồng cho con trong cái xã hội bình thường của chúng ta. Quần quật suốt ngày với con cái nhà cửa, chạy ăn từng bữa, tất tả, ngược xuôi, đắp cái này, vá cái kia, nhưng không bao giờ thấy bà hé răng kêu một lời than thở. Về ngôn ngữ, tôi không biết nói sao cho đúng. Má tôi nói tiếng Hoa cũng sõi như tiếng Việt. Phần tôi, tôi chỉ ăn cắp

được của má tôi và cha tôi một chút chiều cao của thân thể, nhưng tiếc thay, tôi không lấy được một tí nào về sự chịu đựng lớn lao của bà và cái cang cường dũng cảm của cha.

Tuy vậy hình như tôi là một đứa con được má nuông chiều quá đáng trong một gia đình đông đúc. Cha tôi lạnh lùng. Anh chị em tôi dửng dưng. Nhiều khi tôi có cảm tưởng như chẳng có sợi dây gia tộc nào ràng buộc được chúng tôi lại với nhau.

Nói nào ngay, mấy ông anh bà chị tôi không ai ghét bỏ tôi, nhưng hình như cũng không ai yêu tôi. Riêng tôi, tôi nghĩ là mình thù ghét tất cả mọi người, trừ một người, tất nhiên, đó là má tôi. Tôi đâu có cần gì phải làm ra vẻ lạnh lùng. Tôi có thừa sự nhạt nhẽo để có thể chia xẻ cho tất cả mọi người. Cái phần ấm áp, tôi chỉ dành riêng cho mỗi một mình má tôi.

Thật ra, chị Thảo tôi, mà tôi có lần nói rất giống má tôi, là người mà tôi cũng yêu lắm, gần bằng tình yêu mà tôi đã dành cho má tôi. Nhưng giữa chị và tôi có một khoảng cách vô hình. Không bao giờ hai chị em tôi nói với nhau quá câu thứ hai mà không cãi nhau. Đúng với cái tên mà má tôi đã đặt cho chị, chị là một thứ cỏ hoang mọc trên một vùng đất khô cằn là cái gia đình tàn tạ của chúng tôi. Và cái sắc đẹp man dại của chị làm cho má tôi lo lắng buồn bã hơn là làm cho bà hãnh diện mừng vui. Chị Thảo là một kết hợp kỳ lạ giữa cha tôi và má tôi. Chị có cái nhan sắc của má tôi và cũng có cái lạnh lùng đôi khi tàn nhẫn của cha tôi.

Năm mười bảy tuổi, chị bị một tên thanh niên con nhà giàu trên tỉnh theo đuổi. Hắn mang tặng chị hết món này đến thứ khác, toàn là loại đắt tiền. Lúc đầu chị cười cợt, coi như trò đùa. Về sau chị vất tất cả những thứ ấy ra cửa. Hắn tên là T. và theo chủ quan tôi, lúc ấy hắn là một thanh niên khá đẹp trai. Cao lớn, để ria mép, ăn mặc chải chuốt, hắn đẹp theo kiểu một công tử. Hắn khôn khéo, tìm mọi cách để chiều lòng mọi người trong nhà tôi. Kín đáo mang rượu đến cho cha tôi mỗi tuần, tặng vải vóc cho má tôi, đồ chơi cho tôi và các em tôi. T. đi lòng vòng chung quanh trước khi chinh phục tâm điểm là chị Thảo tôi. Tôi có cảm tưởng như nếu bắt hắn phải quỳ xuống để xin chị Thảo chút tình yêu, chắc hắn cũng sẵn sàng không do dự. Nhưng chị Thảo nhất mực không hề cảm động hay thương hại hắn nói gì đến thương yêu. Tôi không biết là lúc đó chị có đang yêu người nào không. Hình như là không. Thật ra tôi cũng không chắc lắm. Nhưng rõ ràng là chị vất cái thứ tình yêu đầy quy lụy, say đắm và mù quáng của T. xuống cống rãnh. Nhiều buổi chiều, tôi thấy T. đứng bứt rứt bên kia đường, dưới gốc cây muồng hoa vàng nghệ, ngó chăm vào nhà tôi. Hắn đau khổ thấy rõ. Và thú thật, tôi có thương hại hắn. Tôi thấy chị Thảo tàn nhẫn. Cha tôi không giờ uống một giọt rượu của T. Còn má tôi vào những ngày năm cùng tháng tận, cần mua sắm ít vải may quần áo mới cho chúng tôi, vậy mà bà cũng nhất quyết gói gửi trả tất cả vải vóc lại cho T. Một lần cha tôi cho gọi T. vào nhà, rót rượu cho hắn uống. T. nói không biết uống rượu. Cha tôi bảo "Nam vô tửu như kỳ vô phong" đàn ông không uống rượu như cờ không gió. Hắn nhìn cha tôi như cầu khẩn. Cha tôi cụng ly. T. bưng lên nốc cạn một hơi. "Khá!" cha tôi nói, và rót tiếp một ly thứ hai. Cứ thế hết ly này đến ly khác. Khi cha tôi đứng dậy, T. ói thóc ói tháo, đầu gục xuống bàn, người mềm như sợi bún.

Khi người Pháp trở lại Việt Nam sau cuộc chiến, T. làm thông ngôn trong một tiểu đoàn Lê dương. Hắn lúc bấy giờ nổi tiếng như một hung thần. Nhiều người đã chết dưới tay hắn. T. háo sắc đến độ gần như vùng nào mà tiểu đoàn hắn đi qua đều có vài ba thiếu nữ là nạn nhân của hắn. Đi bên cạnh T. luôn luôn có hai

tên lính người Ma Rốc rạch mặt. Nhiều cô gái sau khi bị hãm hiếp, còn bị tên Ma Rốc dùng dao cắt vú và đâm nát cửa mình.

Thời gian này gia đình tôi đã tan thành nhiều mảnh. Tôi theo cha tôi chạy lên Hòn Lớn, một địa danh ở miền Trung, nằm dưới chân một ngọn núi khô cằn, nhà cửa giống như những căn chòi cất vội vàng trên một nền đất chưa được phẳng. Tiếng súng còn khá xa chỗ ở của cha con tôi.

Lúc đó, tiểu đoàn của T. đang bố ráp càn quét ở một vùng quê khác, nơi má tôi và chị Thảo đang ẩn náu. Sau này má tôi kể lại: Một buổi tối T. xông vào nhà với hai tên lính Ma Rốc rạch mặt. Hắn ung dung ngồi hút thuốc để hai tên Ma Rốc đè chị Thảo ra cột lên giường và trói má tôi chặt vào cột nhà. Ở thôn quê hồi đó, phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn chỉ là một. Má tôi hãi sợ lắm. Hắn hỏi chị Thảo:

"Em có bằng lòng lấy tôi không?"

"Không!" Chị trả lời.

"Tại sao?"

"Không tại sao gì cả."

"Chừng nào mới chịu lấy tôi?"

"Không chừng nào hết!"

"Sợ tôi không?"

"Tại sao phải sợ?" Chị Thảo hỏi lại ương ngạnh.

T. rút khẩu súng ngắn đeo ở thắt lưng ra, kê vào đầu chị, nhắc lại một lần nữa. Chị Thảo không nhìn hắn. Má tôi la lên, sợ T. bắn thật. Hắn tát vào mặt má tôi. Xong hắn xé quần áo chị Thảo ra, hãm hiếp chị ngay trước mắt chừng ấy con người. Lúc đó, má tôi nói, hắn như một con thú say mồi. Má tôi phát bệnh nặng sau khi chứng kiến cái cảnh tượng hãi hùng giáng xuống đời chị Thảo. Chị Thảo, sau tai nạn khủng khiếp kia, âm thầm bỏ má tôi đi biệt vô âm tín. Mặc dù chỉ nghe lời kể của má tôi về những hành động dã man của tên T., tôi không bao giờ quên hắn. Tôi sẽ nhắc hắn ở đoạn sau.

Phần tôi, kể từ khi bắt đầu va chạm cuộc sống, tôi khám phá ra rằng con người ta không thể nào sống mà thiếu người khác được. Tôi thấy tôi là kẻ đói tình thương trong một gia đình thừa mứa những liên hệ ruột thịt. Nói giản dị, khi tôi nhận thấy mình cần một bà chị như kiểu chị Thảo để yêu mến thì chị ấy không còn trong gia đình nữa. Có lẽ là chị ấy vẫn còn sống đâu đó mà không muốn trở về gia đình chăng, tôi không rõ.

Tôi giữ lại trong trái tim mình hai người anh. Một ông anh cả và một người anh kế.

Anh cả tôi bỏ nhà đi giang hồ khi mới mười bốn tuổi. Năm đó tôi chưa chào đời. Má tôi nói anh đi Sài Gòn. Sau đó là Cà Mau, Rạch Giá, Năm Căn, Cần Thơ, Châu Đốc… Có lần trong bữa cơm má tôi nói anh mày ở Vạn tượng bên Lào mới gửi thư và tiền về cho má. Lần khác trả lời câu hỏi của chị Thảo, má nói anh cả đang ở Savanakhet. Khi cha tôi bỏ trà, liệng lăn lóc cái Thố Hào Trản, là lúc ông nói anh đang ở đồn điền Chup bên Nam Vang, Căm bốt. Nói chung là tôi rất lơ mơ về nơi ăn chốn ở của anh ấy. Còn mặt mũi của anh ra sao thì mãi lâu về sau tôi mới có dịp nhìn thấy.

Người anh kế tôi, tuy cao lớn, nhưng dáng người thanh nhã. Ấy vậy mà khi vừa đậu xong cái bằng tú tài toán anh đã chọn đời lính như một nghề nghiệp. Anh thi vào trường Võ Bị Da Lat nhưng khi ra trường chuyển sang binh chủng Không Quân. Khi Sài Gòn thất thủ, anh đang mang lon trung tá, bị bắt đi học tập cải tạo và chết trong lao tù Cộng Sản. Anh là người lính ưa văn chương chữ nghĩa. Anh có nhiều bạn là nhà văn nhà thơ, mặc dù anh không hề viết một truyện ngắn hay làm một bài thơ nào. Sở dĩ tôi có biết mặt quen tên một ông nhà văn, một bà nhà thơ nào đó, chẳng qua cũng là do ông anh tôi dắt về nhà thôi. Anh che chở cho một nhạc sĩ trốn lính, bỏ tiền trợ cấp cho một bà ca sĩ có bầu "với ai

đó". Anh luôn luôn hào hoa rộng lượng. Tôi thích nhìn anh trong bộ đồ bay, chữ Tổ Quốc Không Gian trên ngực áo, chiếc nón lưỡi trai che ngang cặp kính Ray Ban rất là thời thượng. Anh có nhiều bạn gái, phần lớn là ca sĩ phòng trà, và anh không yêu một cô nào quá lâu. Anh nói với tôi anh không có tình yêu. Mãi đến năm Bảy Hai, sau mùa hè đỏ lửa, trước ngày má tôi qua đời, anh báo tin cho tôi biết là anh quyết định lấy vợ. Chị là một cô giáo dạy Vạn Vật và là người rất xa lạ với thế giới đầy buông thả của anh. Nếu cái vẻ hào hoa phong nhã của anh là thứ vũ khí sắc bén chinh phục các cô ca sĩ thì khi gặp chị, vũ khí ấy trở thành thừa thãi, vô hiệu. Chị nói chị lấy anh vì tánh thật thà của anh, chứ không phải vì "cái mã bề ngoài" của anh. Hôn nhân đã ép anh vào một khuôn khổ, không kẽ hở. Nhà cửa, vợ con, gia đình, hàng xóm đâu ra đấy. Anh không còn luông tuồng như xưa nữa. "Tình yêu có thật!" Anh vẫn nói với tôi như vậy khi đã có với chị một đứa con. Tuy vậy mỗi khi có dịp về Sài Gòn, anh như một con cá gặp nước. Bạn bè, ăn nhậu, nhảy nhót như điên. Vũ nữ, ca sĩ, phòng trà, âm nhạc, rượu chè… anh sống vội vã như thể ngày mai trái đất này sẽ trở thành tro bụi. Tuy vậy có lần anh nghiêm chỉnh nói với tôi rằng không biết cuộc chiến tranh này rồi sẽ đi về đâu. Có nhiều điều anh không hiểu. Tình hình chính trị ngày càng xấu. Các thành phố lớn có vẻ như co rúm lại. Chiến tranh đâu chỉ có ở một mặt trận, nó nằm cùng khắp đất nước thành thị, thôn quê, ruộng vườn rừng núi. Ngay trong hơi thở ta, trên da thịt ta, trong thành phố hiền lành chiến tranh cũng đầy chật. Anh nói đến những ánh đèn nhấp nháy của nhà cửa làng mạc, nói đến rừng núi sông ngòi… những nơi anh đã bay qua. Anh nói đến những đám mây như những tảng bông trắng xốp, đến bầu trời xanh lơ mênh mông. Anh thích nhà văn phi công người Pháp, ông Saint Exupéry trong tác phẩm Terre Des Hommes. Và câu nói của một nhân vật trong cuốn sách này ám ảnh anh là: "Cái mà mình đã làm, mình nói thật, không một con vật nào làm được." Anh muốn có cái cơ hội thử thách điều đó.

Khi hay tin anh chết trong lao tù cải tạo, nhớ đến lời nói của anh, tôi tự nghĩ không biết anh đã chiêm nghiệm ra điều ấy hay chưa.

Nghĩ cũng hay, một gia đình đông đảo đến là như thế mà chiến tranh đến, chiến tranh đi, vô tình cướp mất của tôi lúc này một ít ông anh, lúc kia một ít bà chị, để rồi rút cục con rắn dài mười ba khúc chỉ còn lại có khúc đầu, khúc giữa và khúc đuôi.

Tôi muốn giới thiệu về ông anh cả tôi trước khi nói tiếp về ông anh trung tá.

***

Cũng giống như cha tôi, anh cả tôi cao lớn vạm vỡ khác thường. Anh có một khuôn mặt bạnh, chân mày rậm xếch, mũi to, miệng rộng, cằm vuông, râu quai nón, đen sạm. Một vết sẹo dài chạy từ khóe mắt đến mang tai. Mắt anh không lớn nhưng lì lợm và dữ dằn như mắt cha tôi. Tóc anh xoắn chảy xuống gần phía ót một chùm mịn quăn tít. Cổ anh tròn cứng, vai ngang, hai bàn tay to lớn phốp pháp. Trên khuôn mặt anh, người ta có thể nhìn thấy một sự kết hợp kỳ lạ, mâu thuẫn đến tuyệt vời giữa sự cứng rắn và mềm mại, dễ ghét và dễ thương, hận thù và thân ái…

Tất cả những hình nét mà tôi có thể vẽ được về anh chỉ là nhờ vào những tấm ảnh anh gửi về cho má tôi. Tôi còn nhớ Tết Nguyên Đán một năm nào đó, lần đầu tiên tôi giáp mặt anh. Tôi thấy những đường nét mà tôi đã hình dung về anh là không xa lắm. Hồi đó tôi mới bốn tuổi, má tôi bắt tôi ra mừng anh ở xa mới về. Tôi đứng nép bên má nhìn anh, thấy anh tưởng như một người đã quen nhau từ lâu lắm. Nhưng tôi không chào anh. Anh là người quen trong trí tưởng tôi, hơn là người anh có mặt trong đời sống thực tôi. Anh ở nhà không lâu và lại ra đi hồi nào tôi cũng không nhớ.

Tôi chỉ biết thời gian đó gia đình tôi tạm coi như sum họp nhất, mặc dù lạnh lẽo vẫn là khí hậu chính của mọi người. In hình như là trong nhà ai cũng linh cảm sắp có một điều chi đó xảy ra, như chờ đợi một cơn bão vậy. Và tôi thấy người anh cả tôi lúc ấy rất quan tâm đến chị Thảo. Anh nói chuyện khá lâu với chị và loáng thoáng tôi nghe nhắc đến tên T., người thanh niên vẫn theo đuổi chị. Một buổi tối, cả nhà ngồi quanh bàn ăn, cha tôi gợi chuyện để anh cả tôi kể những biến cố đời anh. Anh cười, hàm râu quai nón giãn ra như một ông tây con. Anh nói ít, cũng như má tôi vậy, về nơi ăn chốn ở của anh: rừng cao su, những người phu được mộ từ miền Bắc, những tên chủ đồn điền người Pháp hách dịch phách lối, cách tra tấn dã man những người trốn việc mà bọn cai vẫn thường đối xử với đám phu phen… Anh kể chậm rãi về nhiều người, nhiều việc, nhưng không ai biết chút gì thêm về đời tư của anh. Khi anh đứng dậy thì thầm với chị Thảo điều gì đó, cha tôi tuyên bố một câu khó hiểu: "Thằng này giống tao!" Về sau tôi biết là anh đã "làm thịt" một tên cai phu tàn ác vì hắn hành hạ dã man một người phu đồn điền.

Một năm sau, Cách mạng Tháng Tám bùng nổ trên toàn quốc, anh tôi bị con lốc thời cuộc cuốn theo, thổi bay từ núi rừng này sang núi rừng khác, mặt trận, chiến khu, và biệt tích biệt tăm, cho đến sau tai nạn buồn thảm của chị Thảo tôi.

Tôi quên nói là sau khi trái lựu đạn nội hóa đầu tiên nổ tung trong một ngày mùa Thu ngay trước cửa nhà tôi thì gia đình tôi giống như một tổ ong bị vỡ. Chúng tôi, những con ong bay tán loạn, tơi tả, lạc loài, vô định. Má tôi và chị Thảo một đàng, các ông anh bà chị khác một ngõ. Chỉ có riêng mình tôi, theo cha chạy qua những làng xa tận cùng một chân núi. Tôi biết những cánh đồng xanh lá mạ, những vườn xoài vườn mận, những hệ thống dẫn thủy nhập điền thô lậu, những con sông dài phơi mình ngái ngủ giữa trưa hay trôi lặng lẽ dưới bóng trăng đêm… Tôi được thấy những đàn bò gặm cỏ buồn nản, những con trâu lười biếng trầm mình dưới đầm nước tù ngầu đục… Nhưng cuộc chiến ngày một đuổi nà những người thành phố. Tiếng súng lúc đầu còn xa, càng về sau càng gần hơn. Trước mặt chúng tôi là ruộng vườn, thôn xóm. Sau lưng chúng tôi là núi đá, rừng cây. Cùng đường rồi, chạy đi đâu nữa. Cha tôi nói như vậy. Và ông vừa làm tiều phu, vừa làm nhà nông. Cha tôi nói đất đai chỉ nuôi sống che chở những ai yêu nó, sống với nó, làm việc với nó. Cha tôi là một người tháo vát. Ông nói tận trong máu huyết của mỗi người Việt Nam đều có chứa đựng dòng máu của một nông dân. Đây là thời gian cha tôi trở lại với ấm trà và chén đất. Không còn cái Thố Hào Trản của thời Đại Tống Tiểu Tống gì đó, mà một ông bạn già của cha tôi từng nói. Chén đất nung thứ thiệt màu đỏ gạch cua, cha tôi làm lấy. Ông vẫn là người dậy sớm, nấu ấm trà. Và tôi trở thành người bạn hiền bé nhỏ đối ẩm cùng ông. Cuộc sống của hai cha con tôi nơi sơn cùng thủy tận hạnh phúc một cách bắt buộc. Cha tôi nhắc má tôi và chị Thảo ít hơn là nhắc đến hai ông anh tôi. Cho đến một hôm, một người liên lạc đến báo cho cha tôi biết anh cả tôi ở chiến khu về muốn gặp ông. Tôi mừng lắm. Nhưng cha tôi trầm ngâm không nói chi. Tôi còn nhớ cuộc gặp gỡ của chúng tôi diễn ra dưới chái hiên của căn chòi lợp lá phên. Buổi chiều ở núi lạnh tê. Anh tôi đứng trước sân căn chòi. Vẫn cao lớn, hơi gầy, râu cạo nhẵn, tóc vẫn xoăn tít bám sát da đầu. Vết sẹo dài từ khóe mắt trái đến mang tai. Cha tôi và tôi đứng dưới dàn bầu nậm. Tôi hết nhìn anh lại nhìn cha. Anh gầy càng giống cha nhiều hơn. Hai người đàn ông đứng im sững như hai người thợ săn đang rình mồi, nhìn ngó nhau trân trân. Tôi thấy những đốm sáng cuối cùng của ngày lóng lánh trong đôi mắt anh.

Sau cùng, tôi nghe thấy tiếng cha tôi kêu tên anh trai tôi. Tối hôm đó, ba chúng tôi ăn cơm chung bên bếp lửa. Cơm trộn bắp chan nước mắm bằng nước muối pha đường thẻ. Bữa cơm rất ngon miệng, mặc dù tôi đã quá ngấy với những hột bắp nhiều hơn gạo trong chén cơm. Anh ôm tôi vào lòng, lấy khẩu súng ngắn ở thắt lưng ra, tháo đạn, cho tôi mượn. Anh đọc cho tôi nghe một bài thơ của một tác giả mà sau này tôi biết là Quang Dũng:

…
Mẹ tôi em có gặp đâu không
Những xác già nua ngập cánh đồng
…

Đó là những câu thơ mà tôi sẽ còn nhớ mãi. Một lúc, anh ngập ngừng nói với cha:

"Con đã gặp thằng T.!"

"Thằng T.?" Cha tôi hỏi gặng. "Mà ở đâu?"

"Ở Tân Hưng. Gần Gò Quít, cha nhớ không?"

"Nhớ. Rồi sao?"

"Con hỏi nó có biết con là ai không? Nó nói biết. Con hỏi nó sợ không? Nó nói hông…"

Anh ngừng lại, trầm ngâm.

"Cha biết con đã làm điều gì phải làm cho em Thảo."

Cha tôi im lặng rót trà vào chén đất, uống một hơi cạn.

Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, anh đã ra đi từ hồi nào. Cả cha tôi nữa, ông cũng đã vào rừng đốn cây làm thêm phên cửa, sửa vách và dành củi cho mùa đông.

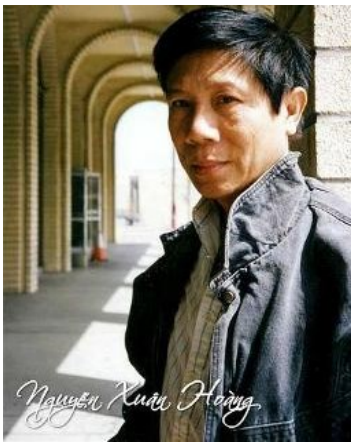
Người anh sinh trước tôi vài năm, cũng như tôi, lớn lên cuộc chiến tranh Việt Nam đi vào một khúc quanh khác. Người Pháp đã ra đi sau khi thất thủ Điện Biên Phủ. Người Mỹ vừa đến, Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế, Tổng Thống Ngô Đình Diệm và nền Đệ Nhất Cộng Hòa thành lập. Gia đình mười ba anh em chúng tôi chỉ còn cô út ở nhà với má tôi. Anh cả tôi cũng như chị Thảo đều biệt tăm. Ông anh kế của tôi theo học trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Còn tôi, sau đó vào Quang Trung rồi đi Thủ Đức. Chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ. Các tướng lãnh thay nhau cầm quyền. Cha tôi qua đời đúng vào dịp Tết Mậu Thân. Bốn năm sau má tôi cũng "đi theo", khi một tay nhà báo Pháp viết về "đại lộ kinh hoàng" ở Quảng Trị, nơi người bạn Thủy Quân Lục Chiến của tôi làm bài thơ Cổ Thành tặng tôi trước khi hy sinh. Cô em gái út nhà tôi lấy chồng. Ngôi nhà tôi ở đã bán. Tôi là người lính sống ở văn phòng nhiều hơn chiến trường. Tôi luôn luôn là kẻ được nuông chiều trong một xã hội không phải ai cũng may mắn được như thế. Ông anh Không Quân của tôi tuy vẫn hào hoa bay bướm, nhưng là một người cha gương mẫu, một người chồng tốt. Anh được bạn bè đồng đội quý mến và quả tình anh cũng rất yêu mến con đường anh đi. Một lần chúng tôi gặp nhau ở Sài Gòn, anh nhắc tên người anh lớn và chị Thảo của chúng tôi. Không biết bây giờ anh chị ấy ở đâu, ra sao. Sống chết thế nào. Anh nói chiến tranh ghê tởm và anh hỏi tôi nghĩ sao. Tôi nghĩ sao? Tôi là một người vô tích sự. Nhưng bây giờ hiểu ra, tôi yêu tất cả mọi người. Tôi không thù ghét ai. Người anh Không Quân của tôi cũng nói vậy. Anh chờ đợi và mong muốn hòa bình. Anh nói anh không phải là một nhà chính trị, nhưng anh tin rằng anh chiến đấu cho tự do của dân tộc. Anh nói anh không hề mù quáng nghĩ rằng anh đang sống trong một xã hội tốt đẹp, nhưng anh tin rằng anh đang chiến đấu trong một xã hội để làm cho nó tốt hơn cái hiện có.

***

Tháng Tư Bảy Lăm, Sài Gòn thất thủ, trong "những người chiến thắng" trở về có ông anh cả tôi, nay là một cán bộ chức sắc, một thứ công thần. Anh có tìm gặp tôi trước ngày tôi bị gọi đi học tập cải tạo. Tôi thấy anh khác xưa nhiều. Vết sẹo trên mặt có vẻ như nhạt đi, những bắp thịt gân guốc đã mất. Anh gầy và trầm ngâm. Anh không gặp người anh Không Quân của tôi. Tôi không nghe anh giải

thích tại sao. Cô em út của chúng tôi đã theo chồng rời bỏ Sài Gòn trong một ngày áp chót của cuộc chiến. Tôi không hiểu tại sao có phương tiện trong tay mà người anh Không Quân của tôi không ra đi. Cũng như những sĩ quan thua trận cấp úy khác, tôi thu xếp ít quần áo và lương thực cho mười ngày học tập. Nói là mười ngày, nhưng ba năm sau tôi mới được trở về, khi ông anh Không Quân của tôi vẫn còn ở lại trong một trại cải tạo ngoài Bắc. Ra tù tôi sống lang thang làm đủ thứ nghề, đi khắp mọi nơi, nhưng tôi vẫn không gặp và không nghe chút tin tức gì về chị Thảo tôi. Làm như chị là một người không có thực trong gia đình tôi.

Ông anh cả tôi sau đó có đến thăm tôi trên một lần nữa, sau khi tôi vượt biên bị bắt ở Rạch Giá vừa được thả về. Ông nói đừng làm chuyện bá láp, vượt biên là phản quốc. Đó là thời gian chế độ mới đánh tư sản, đổi tiền. Ông nói học tập cải tạo là rất tốt cho những đầu óc vô tích sự như tôi. Phải như thế thì tôi mới "sáng mắt sáng lòng" ra được. Mãi đến năm thứ mười sau ngày Sài Gòn thất thủ tôi mới vượt biên thông suốt. Tôi đến được Pulau Bidong, trong một chuyến đi không đến nỗi bi thảm như những người khác. Tôi luôn luôn là một người may mắn. Một năm sau nhờ sự bảo lãnh của cô em út, tôi được Mỹ nhận cho định cư.



Khi còn ở đảo tôi hay tin người anh lính Không Quân đã chết trong trại giam. Ông anh cả tôi cũng không còn nữa. Một lá thư từ bên nhà gửi qua cho biết ông ấy chết hơi khác thường: tự tử bằng một viên đạn bắn qua đầu. Qua thư từ tôi biết thêm sau khi ông đi thăm người anh lính Không Quân bị bệnh nặng nằm chờ chết trở về, ông đã chọn cái chết của chính mình như một cách nói lời tuyệt vọng. Mười năm sau khi lấn chiếm miền Nam, đất nước ngày càng tan nát, đời sống người dân ngày càng xuống thấp, trong khi máu mủ ruột thịt bỏ đi xa hay vẫn còn nằm trong lao tù của chế độ mà mình phục vụ, có lẽ đã là động cơ thúc đẩy họng súng quay về phía ông. Đôi khi tôi nghĩ cái lẽ sống mới quan trọng hơn sự sống. Có phải vì thế mà ông anh cả tôi hành động kiểu đó chăng? Đó là tôi suy nghĩ vậy, chớ tôi không chắc lắm đâu.

Tôi bây giờ là một "tếch ních sơn" (technician) lương ba cọc ba đồng, sống qua ngày đoạn tháng.

Hôm qua tôi vừa được thư bà chị dâu từ Cabramatta Úc Đại Lợi gửi sang cho hay chị đã lập gia đình. Người chồng chị hiện nay cũng là một người Việt Nam. Hai vợ chồng mở một tiệm ăn. Cả hai mời tôi có dịp sang chơi, sẽ đài thọ vé máy bay và nơi ăn chốn ở. Tôi không biên thư trả lời. Tôi gọi điện thoại viễn liên chúc mừng chị. Tôi nói muốn đón các cháu sang Mỹ chơi. Chị hứa.

Đời sống ở Mỹ thật tiện nghi. Tôi đủ ăn đủ mặc và tôi giàu tự do. Tuy nhiên vào những buổi sáng cuối tuần, đi bách bộ trong khu công viên Mile Square Park ở Quận Cam, tôi như thấy mình đang trở lại thời sống với cha ở một vùng núi miền Trung. Buổi sáng sớm rừng còn đầy sương mù, gió thổi luồn qua những vòm cây lạnh. Trên những ngọn cây cao, tôi nghe tiếng chim kêu từng hồi buồn bã. Giẫm trên những ngọn cỏ ướt sương, bập bập điếu thuốc lá chưa kịp khô, tôi thấy mình già hẳn. Như giờ đây, gần bốn mươi năm sau tôi thấy tôi mới già bằng thuở đó.

Nguyễn Xuân Hoàng
California, Tháng Bảy, 1987
Biên tập lại tháng Mười Một, 2009

** Pasternak, Boris, An Essay in Autobiography, Collins & Harville Press, 1959*

BÊN PHẢI, BÊN TRÁI?

Phạm Hữu Bính

Câu chuyện xảy ra vào những năm 1975-1976 khi làn sóng người Việt-Nam tị nạn đang cuồn cuộn tràn vào Hoa-Kỳ.

Đáp lại lời kêu gọi của chính phủ, nhiều cơ quan thiện nguyện, nhà thờ, các đoàn thể và nhiều tư nhân nữa đã hăng hái nhận đỡ đầu cho các gia đình Việt-Nam mới tới. Những chuyến đi đón người tị nạn ở phi-trường thường được tổ chức rầm rộ với những biểu ngữ như: "Welcome to America", "This land is your land, this land is our land", vân vân….

Các giáo xứ và các đoàn thể họp liên miên để đặt kế hoạch và chuẩn bị kỹ càng cho việc đỡ đầu được hoàn hảo. Người ta thi nhau mang tiền bạc, quần áo và vật dụng trong nhà đến cho những gia đình mới tới. Người ta chia nhau đi tìm nhà, tìm việc, tìm trường, tìm bác sĩ, nha sĩ cho các gia đình tị nạn.

Giáo xứ Saint Madeleine ở ngoại ô thành phố Houston, TX do cha sở Joseph Cottone quản nhiệm nhận đỡ đầu cho 20 gia đình. Cha Cottone (mà người ta cứ gọi một cách thân mật là Cha Joe) hăng hái, ân cần chăm sóc cho mọi người.

Sau khi đã lo xong chỗ ở và công ăn việc làm cho các gia đình tị nạn, Cha Joe nghĩ ngay đến việc tổ chức những lớp học Anh Ngữ cho người lớn vào buổi tối. Giáo viên trong các lớp học này là những người tình nguyện. Thỉnh thoảng có giáo viên nào vắng mặt thì chính Cha Joe vào dạy thế.

Cha Joe cũng tìm mọi cách học nói tiếng Việt. Cha mua cả một bộ sách và băng cassettes dạy nói tiếng Việt của Trường Sinh Ngữ Quân Đội Hoa Kỳ để tự học lấy. Học được câu nào hay từ ngữ nào mới là Cha dùng ngay để nói với những con chiên người Việt của Cha. Chỉ trong ít lâu, Cha Joe đã nói tiếng Việt được kha khá. Cha nói đúng văn phạm; nhưng cách phát âm thì còn lộn xộn lắm. Những dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, Cha không làm sao mà phân biệt được. Những âm o, ô, ơ, cha cũng lẫn lộn. Mỗi lần Cha nói tiếng Việt là người ta phải chú ý lắm mới hiểu. Đôi khi những nhầm lẫn của Cha làm mọi người cười muốn bể bụng.

Một lần trong một bài giảng ngày Chủ Nhật, ý Cha muốn nói:*"Mùa này là mùa chay. Các ông, các bà phải ăn cực khổ một chút"* thì cha phát âm ra thành: *"Mua nay la mua chay, các ôn, các bà phải ăn cứt khô một chút."*

Mọi người cúi đầu xuống cố nhịn cười, cha càng yên chí là mọi người đã thông hiểu.

Một lần khác, thấy có vài người đàn ông vắng mặt ở nhà thờ ngày Chủ Nhật, Cha lớn tiếng nhắc nhở. Ý cha muốn nói: *"Tôi muốn nhắc các ông là ngày Chủ Nhật phải đi nhà thờ";* nhưng Cha phát âm ra thành: *"Tôi muốn nhéc các ôn la ngay Chu Nhật phải đi nhà thổ."*

Mọi người không làm sao nhịn cười được, nhất là mấy cô ngồi hàng ghế đầu, gần chỗ Cha đang đứng. Không hiểu tại sao

mấy cô tự nhiên lại cười rộ lên như vậy, Cha Joe hơi giận, lớn tiếng trách các cô. Ý Cha muốn nói: *"Tại sao các cô lại cười tôi? Tôi không cười các cô mà tại sao các cô lại cười tôi?"* thì Cha phát âm ra thành: *"Tai sao các cô lai cưỡi tôi? Tôi không cưới các cô ma tai sao các cô lại cưỡi tôi?"*

Các cô im bặt, mặt đỏ bừng bừng.

Ấy vậy mà khi Cha dạy tiếng Anh cho người Việt tị nạn thì Cha sẵn sàng bắt lỗi mỗi khi có ai nói sai một chút. Cha hay nhắc nhở mọi người là phải cẩn thận đọc cho rõ âm ***"m"*** ở cuối chữ, nhất là trong chữ "**time"** (có nghĩa là **thời giờ**). Cha nói: "Mỗi khi các ông, các bà dùng chữ **time** thì nhớ ngậm hai môi lại ở cuối chữ, ngay sau âm ***ai*** ; rồi lại mở môi ra ngay. Nếu không thì các ông các bà sẽ bỏ mất âm "***m***" và chữ "**time"** có nghĩa là **thời gian** sẽ nghe như là chữ "**tie**" có nghĩa là cái **ca-vát**. Như vậy nghe kỳ lắm. Chẳng hạn như các ông bà muốn nói *I want to go swimming; but I haven't found a time that is convenient (Tôi muốn đi bơi mà chưa tìm được thì giờ thuận tiện).* Nếu các ông, các bà không đọc rõ âm "**m**" ở cuối chữ **time** thì câu đó sẽ nghe như là *I want to go swimming; but I haven't found a* ***tie*** *that is convenient (Tôi muốn đi bơi mà chưa tìm được cái* ***ca-vát*** *nào thuận tiện).*Như vậy có phải là nghe kỳ lắm không?"

Bà Xuân nghe Cha nói thế thì hơi nhột, vì chính bà nói câu đó với một người bạn mấy ngày trước đó khi có mặt cha.

Cho nên một hôm ông bà Xuân mời Cha Joe đến ăn tiệc sinh-nhật đứa con út, bà Xuân nhất định sẽ nói tiếng Anh cho thật đúng. Trong lúc đang ăn, bà Xuân trổ tài tiếng Anh để nói chuyện với Cha.

Bà Xuân nói:

"Father Joe, I see you downtown yesterday." (Hôm qua con thấy Cha ở dưới phố.)

Cha Joe bắt lỗi bà Xuân liền: "Bà phải nói *I saw you downtown yesterday* vì bà nói về thời quá khứ (*yesterday)*, mà thời quá khứ của động từ *to see* là *saw*".

Bà Xuân nổi sùng: "Ôi chao ôi! Sao mà Cha khó tính thế! Con nói thế là quá rõ ràng rồi. *I see you* là *con thấy Cha. Yesterday* là *Ngày hôm qua.* Ở trong sở, con nói thế là ai cũng hiểu hết. Làm sao đã nói *YESTERDAY* rồi mà còn phải nói *I* ***saw*** *you* nữa thì có phải là quá rườm rà không?"

Cha Joe mỉm cười, gật gù không trả lời ngay mà lại làm như nói lảng sang chuyện khác. Cha nói: "Bà làm ơn chỉ cho tôi cách cầm đũa."

Bà Xuân yên chí là Cha đã chịu thua, tươi cười nói: "Vâng. Để con chỉ cho Cha. Cha thấy đôi đũa có hai đầu: Một đầu to, một đầu nhỏ. Cha cầm đầu to trong tay giống như con đang cầm đây này. Còn đầu nhỏ thì Cha dùng để gắp đồ ăn vào chén như thế này này."

Nhưng Cha Joe không làm theo lời chỉ dẫn của Bà Xuân; mà lại đảo ngược đôi đũa lên, cầm đầu đũa nhỏ trong tay, còn đầu đũa lớn thì dùng gắp đồ ăn.

Bà Xuân phì cười: "Cha ơi, Cha cầm đũa như vậy trông kỳ lắm. Người ta cười đến bể bụng đấy. Cha phải cầm đũa như con đang cầm đây mới đúng cách."

Cha Joe cứ tiếp tục cầm ngược đôi đũa để lấy đồ ăn rồi ôn tồn quay qua Bà Xuân nói: "Tôi cầm đũa như thế này, tôi vẫn gắp được đồ ăn vào chén. Tại sao bà lại bảo tôi phải đổi lại?"

Bà Xuân không chịu nổi nữa: "Cha ơi! Cha vẫn gắp được đồ ăn; nhưng cầm đũa như thế không đúng cách, người ta cười cho."

THIỆP XUÂN

Tết đến mừng nhau…vạn nẻo đường
Ấm lòng người ở, kẻ ly hương
Bao ngày ngăn cách không quên dậu
Mấy thuở biệt ly mãi nhớ vườn
Quê Mẹ, giao thừa- vui pháo nổ
Xứ người, trừ tịch-dạ sầu vương
Thiệp Xuân ,tình thắm, trao bằng hữu
Cầu chúc Tân Niên được "Cát Tường"

TẾT Ất Mùi 2015

Một Thời

Cha Joe chỉ đợi có thế. Cha cười thật tươi và quay sang Bà Xuân nói: "Ấy, thưa bà. Khi bà nói ***I see you yesterday*** thì cũng vậy. Người ta hiểu ý bà muốn nói gì; nhưng nói như thế không đúng cách, người ta cười cho. Chẳng khác gì tôi cầm đũa ngược, vẫn gắp được đồ ăn; nhưng cầm không đúng cách thì người ta cười cho vậy."

Thế là Bà Xuân đành chịu thua; "Trời ơi, sao mà Cha sâu sắc quá. Thế nào Cha nói cũng được."

Sau gần một năm chăm sóc cho những gia đình tị nạn, Cha Joe một hôm nhận thấy rằng những người đàn bà đều có vẻ hoan hỉ, vui tươi; còn những người đàn ông thì làm sao mà ủ rũ, buồn rười rượi. Cha thắc mắc mà không dám hỏi thẳng, sợ người ta cho là Cha tò mò, thọc mạch. Thắc mắc mãi rồi Cha Joe nghĩ đến một người bạn linh mục, gốc Gia-Nã-Đại, tên là Cha Dominic. Cha Dominic đã phục vụ nhiều năm ở Việt Nam, trong Dòng Chúa Cứu Thế. Cha nói thông thạo tiếng Việt và rất am hiểu văn hóa, tập tục Việt Nam.

Cha Joe gọi điện thoại cho Cha Dominic, kể rõ nhận xét của mình về những người đàn ông, đàn bà Việt Nam mà Cha bảo trợ. Cha Joe chỉ lo rằng những người đàn ông Việt Nam này, nếu cứ buồn phiền mãi như vậy, rồi có thể đi đến chỗ mắc bệnh tâm thần.

Cha Dominic nghe xong, vui cười nói với Cha Joe: "Cái đó dễ hiểu lắm, Cha ơi. Ở bên Việt Nam, những người đàn ông rất sung sướng. Họ là người kiếm được tiền lương mang về nuôi cả gia đình. Họ cũng là người mang địa vị, danh giá cho gia đình. Ông chồng là bác sĩ thì bà vợ được mọi người gọi là Bà Bác Sĩ. Ông chồng là đại tá thì mọi người cũng gọi bà vợ là Bà Đại Tá. Vì vậy mà người Việt Nam có từ ngữ ***Làm Quan Tắt*** để nói những người đàn bà may mắn, lấy được chồng giầu sang, một sáng, một chiều, đã trở thành Bà Bác Sĩ, Bà Kỹ Sư, Bà Đại Tá, v…v….Cũng do đó mà ở trong gia đình, người đàn ông được chiều chuộng, kính nể mọi đàng, chẳng bao giờ phải đụng chân, đụng tay, làm viếc trong nhà. Mọi việc đi chợ, nấu ăn, giặt giũ quần áo, trông nom con cái, dọn dẹp nhà cửa là việc của các bà.

Buổi sáng thức dậy là các ông đã có cà-phê nóng hổi, đồ ăn thơm ngon chờ đợi. Buổi chiều đi làm về là ông chồng thấy bà vợ đã đứng đón sẵn ở cửa, tươi cười săn sóc hỏi: 'Anh có mệt không?' Rồi bà vợ đỡ lấy mũ và áo ngoài mang vào cất đi. Ông chồng vừa ngồi xuống ghế sa-lông là con cái thi nhau

mang bia lạnh và đồ nhậu ngon lành ra. Bà vợ lại đến bên đấm bóp cho. Ôi, thưa Cha, nói đến cái sung sướng của người đàn ông ở bên Việt Nam thì nói đến bao giờ cho hết.

Còn bây giờ sang bên Mỹ này, mấy người đàn ông Việt Nam còn có thớ gì nữa đâu.

Cha coi: Chồng đi làm thì vợ cũng đi làm; mà đôi khi bà vợ lại kiếm nhiều tiền hơn ông chồng, bởi lẽ các bà học tiếng Anh lẹ hơn, khéo léo trong cách giao tế hơn, lại không quản công việc bẩn thỉu hay vất vả.

Các bà cũng không còn cần đến danh phận của người chồng nữa. Chẳng ai còn gọi ai là Bà Bác Sĩ, hay Bà Đại Tá nữa. Đi đâu người ta cũng chỉ gọi nhau bằng tên riêng thôi.

Về nhà thì người ăn, người làm không có; con cái đứa nào cũng bận học hành. Ông chồng phải đi chợ, nấu ăn, rửa chén, lau chùi nhà cửa, đổ rác, thay tã cho con nhỏ. Cực chẳng đã, nếu cái chén, cái đĩa không sạch trong, sạch bóng, thì còn bị vợ la rầy. Ông nào cả gan cãi lại thì bà vợ liền dọa ly dị. Ôi, Cha không biết chứ, mấy ông sợ ly dị lắm. Xưa nay có biết lo việc nhà, việc cửa, cơm nước ra làm sao đâu. Ly dị rồi ai nấu nướng cho mà ăn. Mấy người đàn ông Việt Nam lo buồn là thế. Cha nghĩ có đúng không?"

Cha Joe gật đầu lia lịa: "Cha nhận xét thế là chí lý lắm. Mấy người đàn ông Việt-Nam ở đây buồn là phải. Vậy bây giờ phải làm sao để giúp mấy người này được, thưa Cha?"

Cha Dominic yên lặng suy nghĩ một phút rồi góp ý kiến: "Cha nên dùng phương pháp Chữa Bệnh Tập Thể mà người Mỹ quen gọi là Group Therapy. Hôm nào Cha cho tập họp mọi người lại; rồi cứ thẳng thắn hỏi mấy người đàn ông xem có phải họ bị vợ chèn ép, bắt nạt quá không. Một khi họ đã nhận rõ nguyên nhân gây ra tình trạng tâm thần của họ thì họ mới biết tìm cách sửa đổi tình thế. Điều quan trọng là họ phải thành thật nhận chân được tình thế hiện thời đã; dù tình thế đó có bi thảm đến đâu đi nữa."

Cha Joe nghe Cha Dominic nói hoàn toàn hợp lý. Thế là sau Thánh Lễ ngày Chủ Nhật đó, Cha Joe yêu cầu mọi người ngồi lán lại để Cha nói chuyện. Cha bắt đầu: "Hôm nay tôi xin phép nói chuyện này với quí ông bà. Chuyện này khó nói vì tôi e sẽ chạm lòng tự ái của nhiều người. Tuy nhiên tôi phải nói vì tôi e rằng nếu không thì tình thế sẽ càng ngày, càng trầm trọng hơn."

Rồi Cha Joe cứ thành thật kể lại những điều mà Cha Dominic đã nói mấy ngày trước. Cha chăm chú quan sát phản ứng của mọi người và nói thêm: "Bây giờ tôi xin hỏi thật các ông một câu và tôi cũng xin các ông cứ thành thật mà trả lời tôi; vì chỉ có khi nào chúng ta dám nhìn thẳng vào sự thật thì chúng ta mới có thể tìm thấy đường lối để giải quyết vấn đề đó."

Mọi người chăm chú nghe. Cha Joe nói tiếp: "Xin các ông nghe cho kỹ rồi trả lời tôi bằng cách đi lên phía trước nhà thờ đây và đứng sang phía tay phải tôi hoặc phía tay trái tôi.

Câu hỏi như thế này: Ông nào thấy quả thật bị vợ chèn ép, bắt nạt quá thì đi lên đây và đứng sang phía tay phải tôi; ông nào thấy mình vẫn giữ được phong cách của một người đàn ông cổ truyền Việt-Nam, làm chủ được gia đình, nói sao vợ con phải răm rắp vâng lời thì cũng xin đi lên dây, nhưng đứng sang bên tay trái tôi."

Cha dứt lời và yên lặng chờ phản ứng của mọi người, nhưng không một ai động đậy. Chờ thêm ba, bốn phút nữa, cũng vẫn không thấy một ai nhúc nhích. Sốt ruột,

Cha nhìn thẳng vào mặt người đàn ông ngồi ngay hàng ghế đầu như thúc dục.

Người đàn ông đỏ bừng mặt rồi thong thả đứng dậy đi lên phía trước nhà thờ; do dự, đắn đo một vài phút và……đứng sang phía tay phải Cha Joe.

Cha Joe bỗng cảm thấy buồn. Cha cũng là một người đàn ông mà lại thấy một người đàn ông khác thú thật là bị vợ bắt nạt thì làm sao mà Cha không buồn được. Tuy nhiên, đây mới chỉ là một người đàn ông trong số hai mươi người ở đây mà thôi. May ra những người còn lại sẽ đứng sang bên trái.

Cha Joe quay lại phía cử tọa còn ngồi dưới nhà thờ. Cha lại chăm chú nhìn vào người đàn ông ngồi hàng ghế thứ hai như thúc dục.

Chẳng đặng đừng, người đàn ông thong thả đứng dậy, e lệ đi lên phía trước nhà thờ; do dự một phút và ….. cũng đứng sang phía tay phải Cha.

Và cứ như thế, người đàn ông thứ ba, thứ tư, thứ năm, cũng dụt dè đi lên phía trước nhà thờ, do dự một phút và ….đứng sang phía tay phải Cha

Cha Joe mỗi phút lại cảm thấy buồn hơn. Cha không ngờ tình thế lại bi đát như thế.

Đến khi người đàn ông thứ mười chín cũng đứng sang bên phải thì Cha Joe hết sức chán nản. Liệu có hy vọng gì người đàn ông thứ hai mươi, mà cũng là người cuối cùng sẽ đứng sang bên trái không.

Nhưng khi nhìn xuống, Cha không còn thấy người đàn ông nào dưới ghế nữa. Ngạc nhiên, Cha băn khoăn lớn tiếng hỏi: “Còn một ông nữa đâu?”

Có tiếng “Dạ” thật to và một người đàn ông từ phía sau một chiếc cột lớn phía cuối nhà thờ bước ra. Thì ra người đàn ông cuối cùng này ngồi khuất sau chiếc cột nhà thờ nên Cha đã không nhìn thấy.

Người đàn ông mạnh dạn, hăng hái đi thẳng lên phía trước nhà thờ và không do dự một giây…đứng ngay sang phía tay trái Cha Joe.

Cha Joe mừng lắm. Ừ, có thế chứ. Ít ra thì cũng có một người đàn ông Việt-Nam còn giữ được phong độ tu mi nam tử, làm chủ được gia đình, nói sao vợ con phải nghe vậy chứ. Cha Joe vui mừng chạy lại bắt tay người đàn ông và lớn tiếng khen: “Tôi có lời mừng ông vẫn còn giữ được địa vị cao quí của người đàn ông Việt-Nam, làm chủ được gia đình, nói sao vợ con phải nghe vậy.”

Người đàn ông tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên: “Thưa Cha, Cha nói gì con không hiểu. Thú thật với Cha là tối qua con phải làm trễ, đến hai giờ sáng mới về đến nhà; nên ngồi trong nhà thờ sau cái cột kia mà con cứ ngủ gà, ngủ gật. Cha giảng mà con có nghe được gì đâu. Vừa rồi bà xã con đánh thức con dậy và bảo con đi lên đây và đứng sang phía tay trái Cha. Thì bà xã con bảo sao con làm y như vậy thôi, chứ có gì đâu mà Cha khen.”

****



NV Hữu Bính và NT Hoàng Song Liêm

TIN BUỒN

Nữ Sĩ Vân Nương, Khuê Danh Trần Thị Vân Chung, Pháp Danh Tuệ Nguyệt

Trong Thi Đàn Quỳnh Dao, Phu Nhân cựu Đại Sứ Anh Quốc Lê Ngọc Chấn của chính phủ Miền Nam Việt Nam Cộng Hòa trước 1975.

Nữ Sĩ Vân Nương sinh ngày 1-1-1919, tạ thế ngày 11-01-2015, nhằm ngày 21 tháng 11 năm Giáp Ngọ tại vùng Sarlat, France, hưởng thọ 96 tuổi.

Nữ Sĩ đã cộng tác với Tam Cá Nguyệt San trong nhiều năm và tham dự tuyển tập thơ xướng họa "Hoài Cảm" do Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản năm 2003.

Sự ra đi của Nữ Sĩ Vân Nương là một mất mát lớn cho thi đàn Việt Nam hải ngoại và để lại luyến tiếc sâu đậm cho thi văn hữu hậu sinh. Nguyện cầu hương linh Nữ Sĩ bay bổng cõi vĩnh hằng tràn đầy tiếng thơ thanh tịnh.

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm

Sau đây là **tiểu sử Nữ Sĩ Vân Nương** do chính Nữ Sĩ viết trong tập thơ xướng họa Hoài Cảm, với Hồ Trường An, Cao Mỵ Nhân, Phan Khâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tằng Giao, Huệ Thu…



Tên thật: Trần Thị Vân Chung
Nguyên quán: Hải Dương. Sinh trưởng: Thanh Hóa
Hiện cư ngụ tại Pháp. Bút hiệu thường ký:
Vân Nương, Lê Phương Đông, Mây Viễn Phố
Vân Nương Lê Ngọc Chấn
Báo đang cộng tác: Làng Văn (Canada)
Văn Hóa Việt Pháp (Paris), Pháp Âm (Norvège)
Viên Giác (Germany), Dân Văn (Germany)
Cỏ Thơm (U.S.A.)
Đã thực hiện: Tơ Sương (1965), thơ
Con Đường Lý Tưởng (1990), thơ về Đạo Phật
Nhớ Một Người Đi (1996), hồi ký
Mây Viễn Phố (1996), thơ
Trăng Viễn Phương (2000), thơ
Thoảng Chút Hương Chiều (2001), đoản văn



TẾT VỀ NHỚ CHỊ VÂN-NƯƠNG

Màu Hoa Hồng Brigitte
Màu hoa Chị hằng thương
Mỗi năm chúc Tết Chị
Lại tấm thiếp cánh hường.

Qua phone nghe tiếng Chị
Reo mừng như trẻ thơ
-Đúng rồi Hoa Chị thích
Hồng Brigitte Bardot !

Năm nay Tết sắp đến
Cầm tấm thiếp – Hỡi ơi !
Hồng Brigitte còn đó
Vân Nương, Chị đâu rồi ?

Chị đã bỏ đi xa
Rong chơi miền Cực Lạc
Nhớ Chị… những ngày qua
Em nhìn hoa ngơ ngác…

Paris, 28 tháng chạp Giáp Ngọ
(Ngày 17 Fév 2015)
Phạm Thị Nhung

NHỚ NGƯỜI THƠ

Thương Kính Tưởng Niệm
Nữ Sĩ Vân Nương

Người đã xa rồi ! Người đã xa !
Rưng rưng bút lệ ... Nét son nhòa !
Dư âm mùa ấy, Trăng mười sáu, (1)
Mãi đẹp Thời, Không,Quỳnh Hội Hoa,
Cuộc đời như bóng mây qua
Nghiệp Duyên trả hết thuyền hoa
Người Về
Nắng vàng tươi cội Bồ Đề
Mấy vần tiễn biệt gửi về non tiên,
Nhớ Vân Nương, Nhớ Thơ Hiền
Mây trời Hà- Nội, Gió miền Hư Vô
Gió mênh mang ... Gió lặng lờ !
Tâm Hương Tưởng Nhớ ! ngẩn ngơ
cõi người !!!

(1) Quỳnh Dao, họp Hội Thơ vào ngày mười sáu Âm Lịch)

Oregon,Tháng một 2015
Tuệ Nga



Chinese Brush Painting

From 4000 BC, traditional Chinese painting has continued to develop over a period of more than 6000 years. Paintings are done on paper or silk, sometimes on the wall and come in four main formats: hanging scrolls, hand scrolls, albums and fans. Other popular formats are folding screen, flat screen.



Hanging scroll is made to be hung on the wall. It unrolls vertically and the whole image could be seen. It ranges from two to six feet.

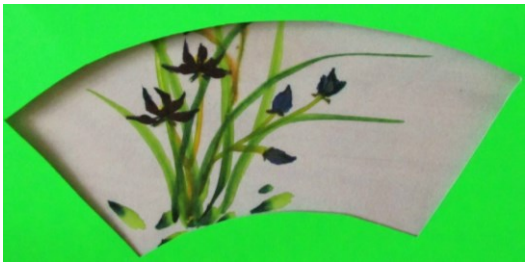
Hanging scrolls are changeable according to special events or seasons. They are often rolled up and presented only for a special viewing. The earliest scroll found was from the Han Dynasty.

Hand scroll could be nine to fourteen inches high. The length is unlimited since it is lightweight and portable. Hand scrolls are unrolled from right to left. One section at a time can be viewed.

Both hanging scrolls and hand scrolls are not made for permanent display. They were usually rolled up and stored in boxes.

From the Tang Dynasty (618-907), an *album* could be seen as a book of calligraphy or painting leaves. The leaves were put together in accordion, mounted like a thatched-window of a boat or as butterfly wings.

A painting on rice paper or on silk could be mounted in the shape of an opened *fan* or on a fan bamboo frame or a circular fan.



What are the tools for Chinese brush painting?

Paper, brush, inkstick and inkstone are considered as *The Four Treasures of Calligraphy* (Wen Feng Si Bao)

Contrary to common thought, *rice paper* (Han Dynasty – 105AD) is not made of rice.

It is made of mulberry bark, hemp rags or bamboo pulp.

Untreated paper (Raw Shuan / Shengxuan) is very absorbent and is more for painting practice, spontaneous painting and calligraphy. When treated with alum (Ripe Shuan / Shuxuan), it is less absorbent and less resistant.



The *brushes* (ca. 3rd century BC) could be made of different kinds of animal hair (deer, sheep, goat, rabbit, camel, horse, weasel). The white hair brush is softer and used for flowers, birds, willows. The brown hair brush is more stiff and used for landscapes (trees, rocks, details). Sometimes both types of hair are used for one brush.

Ink is a mixture of carbon soot and glue pressed into a stick or a cake. The artist grinds the ink stick with water on the inkstone to make a fluid ink. This ink does not fade and can stand the test of time. Nowadays, ink also comes in convenient small plastic bottles.

Inkstone is often a collectible piece. It is the head of The Four Treasures, an artist's personal object. On one of Emperor Qianlong's inkstones, we could see his inscription, a dragon and twelve imperial symbols belonged to the Emperor. (Qianlong period, 1736-1795)

What do we look for in a painting?

In Chinese Brush Painting or Chinese Watercolor Painting or East Asian Brush Painting, also called *Sumi-e Painting* in Japan (in Japanese *sumi-e* means black ink painting), flowers, plants, birds, insects and small animals are often seen as parts of natural beauty or symbols of noble virtues.

Hawk is the symbol of strength and courage. Bamboo, along with plum tree, pine and cranes, is the emblem of longevity and dragon-fly the symbol of instability. The horse symbolized peace in ancient China. It is the emblem of speed and perseverance.

Since the Song Dynasty, plum blossoms, bamboo, orchids and chrysanthemums have become *The Artist's Four Gentlemen* (四君子). Spring, summer, autumn and winter are respectively represented by orchids and

peonies, lotus and bamboo, chrysanthemums and pine, plum blossoms and narcissus.

For Korean artists, peony is the symbol of honor, glory, love.

Since the Tang Dynasty, pine (松), bamboo (竹), plum (梅) are seen more on paintings. They are *The Three Friends of Winter*. Lotus symbolizes purity and rebirth in most Asian cultures. It is also the emblem of summer.

In Western art, a painting bears only the artist's signature on it.

The red seals on a Chinese painting depict ownership, the artist's creation, the appreciation of the gift receiver…. The seals could be anywhere on a painting.

A donor could also sign and stamp the work offered as a gift to a family member, a friend or a dignitary. We could see a poem written by the Mongolian court official who had presented a horse as a tribute from Mongolia to Emperor Qianlong on a life size painting of *Zizaiju*, one of the Emperor's favorite horses by the Italian painter / Jesuit missionary Giuseppe Castiglione in 1743. The Emperor himself also wrote poems on this painting in two different languages (Chinese, Manchurian).

No one without the mastery of the art of calligraphy or poetry would dare to write on a painting.

The more distinguished viewers' writings are on a painting the more valuable it would be.

Besides his own seal and signature, the artist could also write a poem on the painting and have more than one way to stamp the work.

Did the painting inspire the poem? Or was the poem written for the painting?

Who knows! But for sure, seals and calligraphy are an integral part of a Chinese brush painting.

The seals allow historians to trace the history of a painting.

Most landscape paintings present scenery as if seen from high in the air. The flowers and plants of different seasons could be all on one painting. The background is often left blank to give prominence to the characteristics of the main subjects. Therefore, the addition of inscriptions contributes to the creation of variety, balance and rhythm for the landscape as well as the spirit of the objects. Color is distracting. Light effects are less important than the capture of the essence of a subject. The art of calligraphy is considered as an important part of a painting.

On a hanging scroll by Shen Zhou , *"Anchorage on a Rainy Night"*, dated 1477, (79.7cm × 33.5cm), the artist added this poem after the completion of the painting:

"East of the ancient city in the setting sun's slanting rays,
Swallows fly low over the overflowing pond
Thus I know that tonight the spring rain will be plentiful,
How fitting that fish should leap and ducks alight.

On the twentieth day of the last month of spring in the
Dingyou year (May 2, 1477), I lodged on a boat to the east of
the city with Weide. After the rain, everything grew quiet, I did

this picture and poem to capture the mood."

The Ming painter Wang Fu (1362-1416) explained this concept as "likeness through unlikeness". The rules are second to the artistic creation.

***Minh Chau**, VA*

References:

- Maxwell K. Hearn. *How to Read Chinese paintings*. New York: The Metropolitan Museum of Art, 2008
- Maxwell K. Hearn. *Cultivated Landscapes: Chinese Paintings from the Collection of Marie-Hélène and Guy Weill*. New York: The Metropolitan Museum of Art, 2002

https://archive.org/stream/CultivatedLandscapesChinesePaintingsfromtheCollectionofMarieHeleneandGuyWeill/CultivatedLandscapesChinesePaintingsfromtheCollectionofMarieHeleneandGuyWeill_djvu.txt - 348k

C.A.S. Williams. *Outlines of Chinese Symbolism and Art Motives*. New York: Dover Publications, Inc., 1976

Terese Tse Bartholomew. *Hidden Meaning in Chinese Art*. San Francisco: The Asian Art Museum of San Francisco, 2006

Minneapolis Institute of Arts

Virginia Museum of Fine Arts

The National Palace Museum (NPM) - Taipei

Photos by Minh Chau Truong

Wild Orchids, Fan Painting by Minh Chau Truong

Magnificent View, Painting by Hsi-mei Yates



Magnificent View, Painting by Hsi-mei Yates

Chinese Brush Painting
Tranh mực tàu vẽ bằng bút lông

[Dịch xuôi bài "Chinese Brush Painting" của Minh Châu. Người dịch: P.T.Lệ (2/6/2015)]

Từ bốn ngàn năm trước Công Nguyên, tranh tàu truyền thống tiếp tục phát triển qua một thời gian hơn sáu ngàn năm. Các bức họa được vẽ trên giấy hay lụa, đôi khi trên tường và qua bốn thể thức: tranh vẽ treo trên tường, tranh ống quyển, sưu tập và tranh vẽ trên quạt. Những hình thức phổ thông khác là tấm bình phong có thể khép lại, hay bình phong phẳng.

Hanging scrolls hay tranh bích họa để treo trên tường. Tranh bích họa treo dọc trên tường từ trên xuống dưới. Bức họa mở ra, treo thẳng đứng cho người thưởng ngoạn thấy rõ toàn thể cảnh vật. Bề dọc chừng hai đến sáu bộ Anh (60.96 cms đến 1.82 m.)

Hanging scrolls hay tranh bích họa có thể thay đổi tuỳ theo những dịp đặc biệt hay tuỳ mùa. Thường thì người ta cuộn và treo bức tranh lên để triển lãm cho khách xem trong trường hợp đặc biệt. Bức tranh cuộn cổ nhất có từ đời nhà Hán.

Tranh ống quyển hay *hand scrolls* có thể có bề cao từ 9 đến 14 inches (22.86 cms đến 35.56 cms). Bề dài của tấm tranh không giới hạn vì nhẹ và mang đi dễ dàng. Người ta giở tranh ống quyển ra xem từ phải sang trái, và có thể xem từng phần. Sau khi xem, cuộn bức tranh lại và đựng trong hộp.

Từ đời nhà Đường (618-907) một cuốn sưu tập tranh (album) có thể xem như một quyển tranh thư họa hay tờ tranh. Các tờ tranh xếp lại như chiếc đàn phong cầm, treo lên như bức mành cửa sổ nhà tranh ở trên thuyền hay xếp lại như những cánh bướm. Bức họa vẽ trên *giấy dó* hay *giấy xuyến chỉ* (rice paper) hay trên lụa đặt trên giá bằng tre như một cái quạt đang mở ra hay như quạt hình tròn.

Vật dụng để vẽ tranh mực tàu gồm có những gì?

Giấy, bút lông, thỏi mực, và nghiên mực được coi như Văn Phòng Tứ Bảo (Artist's Four Treasures - Wen Feng Si Bao).

Trái với điều người ta thường tưởng lầm, rice paper (đời Hán – 105 sau CN) không phải làm bằng gạo. Giấy *xuyến chỉ* gọi là rice paper làm bằng vỏ cây dâu, trộn giẻ rách lấy từ cây gai hay sơ bột giấy hay bột tre.

Giấy xuyến chỉ *mộc* (gọi là Raw Shuan hay Shengxuan) rất thấm và thường dùng để tập vẽ, vẽ tốc họa và vẽ tranh thư pháp. Khi đã pha phèn (gọi là Ripe Shuan hay Shuxuan), thì giấy bớt thấm, và bớt dai.

Bút lông (khoảng thế kỷ thứ 3 trước CN) có thể làm bằng nhiều loại lông thú khác nhau (hươu nai, cừu, dê, thỏ, lạc đà, ngựa và chồn). Bút lông trắng mềm hơn dùng để vẽ hoa, chim, dương liễu. Bút lông mầu nâu cứng hơn và dùng để vẽ phong cảnh (cây cỏ, đá núi, chi tiết). Đôi khi cả hai loại lông dùng chung để làm một tháp bút.

Mực là một hỗn hợp của bồ hóng gỗ hay muội than trộn keo để đúc khuôn lại thành một thỏi mực hay bánh mực. Họa sĩ mài thỏi mực với nước trên nghiên mực để thành mực nước. Mực này không phai và mầu có thể bền qua thời gian dài. Ngày nay, mực cũng bán trong lọ nhỏ bằng nhựa cho tiện.

Nghiên mực thường là bảo vật được sưu tầm. Nghiên mực đứng hàng đầu trong Tứ Bảo, vật thân quí của họa sĩ hay văn nhân. Trên một nghiên mực của vua Càn Long, ta có thể đọc những dòng ghi khắc của nhà vua, hình vẽ một con rồng hay mười hai hình tượng dành riêng cho nhà vua (Thời vua Càn Long, 1736-1795).

Người thưởng ngoạn tìm gì ở một bức họa?

Trong nghệ thuật vẽ tranh mực tàu bằng bút lông, hay tranh màu nước, hay cũng gọi là tranh vẽ bằng bút lông Đông Á, hay cũng gọi là *Sumi-e Painting* (Tiếng Nhật sumi-e nghĩa là tranh vẽ bằng mực đen hay *tranh Thuỷ Mặc*; tiếng Trung Hoa, *sui*=thuỷ =nước; *mo*=mặc= mực), những bông hoa, cây, chim, côn trùng hay những con thú nhỏ thường được coi như một phần vẻ diễm lệ trong thiên nhiên hay biểu tượng của đức hạnh.

Chim diều hâu tượng trưng cho sức mạnh và can trường. Cây tre, cũng như cây đào, cây tùng và chim hạc là biểu tượng của sự trường tồn đắc thọ và con chuồn chuồn là biểu tượng của bấp-bênh, thiếu ổn-định. Ngựa tượng trưng an-bình trong văn hoá Trung Hoa cổ. Ngựa cũng là biểu tượng của tốc-độ và sự kiên trì.

Từ đời nhà Tống, hoa đào, trúc, lan và cúc đã trở thành *Tứ quân tử của người họa sĩ*. Xuân, hạ, thu và đông theo thứ tự lần lượt được biểu tượng bằng lan và mẫu đơn, sen và trúc, cúc và tùng, đào và thuỷ tiên. Đối với họa-sĩ Đại-hàn, hoa mẫu đơn tượng trưng cho danh tự, sự vinh quang và tình yêu.

Từ đời nhà Đường trở đi, trong các bức họa người ta vẽ nhiều tùng, trúc, và đào hơn. Tùng, trúc và đào là *Ba người bạn của mùa đông*. Hoa sen tượng trưng cho sự tinh khiết và sự phục sinh trong hầu hết các nền văn hoá Á châu. Sen cũng là biểu tượng của mùa hạ.

Trong nghệ thuật Tây phương, một bức họa chỉ mang trên đó chữ ký của hoạ sĩ.
Cái dấu ấn đỏ trên bức tranh tàu diễn đạt ai là người tạo ra bức tranh, tác phẩm của họa sĩ, lòng cảm kích của người nhận quà tặng…Dấu ấn có thể đặt ở bất cứ nơi nào trên bức họa (sau khi người vẽ cân nhắc kỹ--chú thích thêm của dịch giả). Người tặng cũng có thể ký và đóng dấu ấn vào bức tranh mà mình tặng cho người trong gia đình, một bạn thân hay một vị quan chức. Ta có thể thấy một bài thơ do một vị quan trong triều đại Mông cổ là người đã tặng một con ngựa Mông cổ như một vật tiến lên vua Càn-Long. Bức tranh ngựa vẽ lớn như thật gọi là ngựa *Zizaiju*, một trong những con ngựa quí của nhà vua do nhà hoạ sĩ/nhà truyền giáo dòng Tên người Ý là Guiseppe Castiglione vẽ năm 1743. Chính nhà vua cũng đích thân viết một bài thơ vào bức họa này bằng hai thứ tiếng (Trung-hoa và Mãn-châu).

Không có người nào không rành nghệ thuật thư họa hay phép làm thơ mà dám hạ bút đề vào một bức tranh. Người đề thơ càng danh tiếng thì lời đề thơ hay bài thơ đề trên bức họa càng làm cho bức họa tăng thêm giá trị. Ngoài dấu ấn và chữ ký, họa sĩ còn viết một bài thơ vào góc bức họa và có nhiều cách để ghi dấu tác-phẩm của mình. Chính bức họa đã gợi hứng cho bài thơ? Hay bài thơ làm ra là để ca tụng bức họa? Khó mà biết rõ! Nhưng điều chắc chắn là dấu ấn và dòng lạc-khoản là một phần không thể thiếu của bức hoạ màu nước Trung Hoa. Dấu ấn cho phép các nhà sử học dò ra lai lịch bức hoạ.

Phần lớn các bức hoạ phong cảnh trình bầy cảnh tượng như từ trên cao nhìn xuống. Hoa và cây cỏ các mùa khác nhau có thể thấy trên cùng một bức họa. Bối cảnh bức họa thường để trống để làm nổi bật những nét đặc thù của chủ đề bức họa. Do đó, viết thêm lời vào bức họa là tạo thêm nét đa dạng, sự cân đối và nhịp nhàng của phong cảnh cũng như thổi hồn vào đối tượng trong bức tranh. Mầu sắc chỉ làm chia trí người ngắm tranh. Ánh sáng cũng không quan-trọng bằng việc diễn tả được cái nét tinh-tuý cốt yếu của chủ đề bức họa. Thư pháp coi như một phần quan trọng trong bức tranh.

Trong một bức tranh bích họa treo tường của Shen Zhou (Thẩm Chu, danh hoạ và thi sĩ thời Minh, sinh năm 1427, mất năm 1508, thọ 82 tuổi), nhan đề "*Anchorage on a Rainy Night*" ("Neo Thuyền Đêm Mưa"), vẽ năm 1477 (dài 79.7cm, rộng 33.5cm), hoạ sĩ làm thêm bài thơ dưới đây sau khi hoàn thành bức hoạ cuả ông:

"East of the ancient city in the setting sun's slanting rays,
Swallows fly low over the overflowing pond
This I know that tonight the spring rain will be plentiful,
How fitting that fish should leap and ducks alight.

On the twentieth day of the last month of spring in the
Dingyou year (May 2, 1477), I lodged on a boat to the east of
the city with Weide. After the rain, everything grew quiet.
I did this picture and poem to capture the mood."

"Phía đông cổ thành trong tia nắng quái của mặt trời sắp lặn,
Chim én bay sà xuống mặt hồ tràn nước.
Như vậy ta biết đêm nay mưa xuân sẽ đổ xuống nhiều,
Thật thích thú khi thấy cá nhảy vọt và vịt bay sà sà trên mặt nước

Hôm hai mươi tháng cuối xuân năm đinh dậu (2 tháng 5, 1477),
ta nằm trên con thuyền đậu ở phía đông cổ thành cùng Weide.
Sau cơn mưa, cảnh vật yên-ắng.
Ta vẽ bức hoạ này và làm bài thơ để nắm bắt được cảm hứng lúc đó."

Nhà danh họa Wang Fu đời Minh (Vương Phủ 1362-1416) diễn giải quan niệm này là "tìm những điểm tương đồng qua những điểm dị biệt". Óc sáng tạo nghệ thuật là chính, còn qui luật chỉ là thứ yếu mà thôi.

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

MINH CHÂU: Nguyên quán: Nghệ An / Hà Tĩnh. Rất nhiều kỷ niệm đẹp của thời thơ ấu ở miền quê hương cát trắng Nha Trang

- Giáo viên, soạn giả kịch, phóng viên truyền hình giáo dục ở Việt Nam trước 1980
- Giáo viên ở Canada sau 1980
- Giáo viên ở Richmond Virginia sau 1999
- Sáng lập viên, cựu Hiệu Trưởng Trường Việt Ngữ Calgary, Canada và Richmond, VA



- Cựu Phó chủ tịch Hội các giáo viên sắc tộc (Southern Alberta Heritage Language Association) ở Calgary, Canada
- Cựu Trưởng Ban phân phối (Allocations, United way of Calgary) tài trợ các cơ quan từ thiện tại Calgary.
- Hội viên Hội các họa sĩ ở VA (Richmond Metropolitan Artists Association, Lee Artists Association, Central Virginia Botanical Artists)
- Hanover Master Gardener 2003
- Docent, Virginia Museum of Fine Arts, Richmond VA
- Cộng tác với Cỏ Thơm trong lãnh vực văn, thơ, hội họa, nhiếp ảnh từ 2008.



ĐÔI BẠN: Bìa Cỏ Thơm số 70, mùa Xuân 2015. Tranh sumi-e của Minh Châu. Tranh mực màu trên giấy bản, 16x20", đang được triển lãm tại General Assembly Building, Richmond, Virginia.



HOA MẪU ĐƠN: 5X7"
Tranh sumi-e của Minh Châu.
Bìa sau Cỏ Thơm số 70,
mùa Xuân 2015.

XUÂN HOÀI HƯƠNG

(Những vần thơ Xuân hoài hương của một số nhà thơ vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.)

*

Khi mùa Xuân tới, trong kiếp sống tha hương nói chung người Việt chúng ta ai cũng có lòng tưởng vọng về quê cũ. Riêng đối với các nhà thơ, tình hoài hương lại láng đó được giàn trải bàng bạc thành những vần thơ dâng đầy sầu cảm.

Mỗi độ Xuân về là một lần nhẩm đếm để ghi dấu thêm một năm xa quê nữa:
"Năm năm mỗi độ Xuân về
Nước non nhắc nhở niềm quê bồi hồi"
(Kim Y)

Tuy thế mùa Xuân dù có đua nở khoe sắc thắm tươi với vạn vật nhưng có lẽ đã tắt ngấm trong lòng nhiều người ly hương:
"Vui xuân đón Tết nhường thiên hạ
Riêng khách lưu vong vạn cổ sầu"
(Kim Y)

"Quê hương mình đẹp đâu bằng
Xuân xa quê chẳng nghĩ rằng là xuân"
(Hà Bỉnh Trung)

Lòng nhớ quê hương lại càng nung nấu hơn nữa khi Xuân cũng phải đổi màu vì tuyết trắng rơi phủ lạnh lẽo nơi xứ người:

"Xuân xanh, xuân đỏ rồi xuân trắng
Ta biết tìm đâu bóng dáng quê?
Ta biết tìm đâu thêm chút nắng
Khi trời đang lạnh, tuyết lê thê"
(Hà Bỉnh Trung)

Quê nhà cách xa cả nửa vòng trái đất, trông vời chỉ thấy núi cùng sông, thấy biển cả mênh mông, thấy dáng chiều buồn vời vợi dưới ánh trăng suông:

"Xuân về đây - không hoa không lá
Vạn vật thờ ơ
Xuân xa lạ
Khách phong sương chợt thấy dạ bồi hồi
Xuân ơi! xuân!
Từ lâu đã mất xuân rồi
Bao giờ xuân thắm quê tôi trở về"
(Trần Quốc Bảo)

"Rau răm trụi hết lá già
Mùa Xuân gửi ngọn bạc hà xa xăm
Chiều nghiêng dáng núi đêm rằm
Lũng trăng cũng giục âm thầm nhớ quê"
(Giang Hữu Tuyên)

Một chén rượu đưa tiễn năm cũ và đón chờ năm mới cũng vẫn chẳng làm ấm lòng người xa xứ, không mang lại chút vui nào:
"Năm châu lạc bước, vùi mưa tuyết
Nhìn đâu chẳng thấy bóng quê hương
Rượu đêm trừ tịch, xuân đất khách
Vẫn không cạn nổi, chén chán chường!"
(Vũ Hối)

Dù đầy nhung nhớ nhưng chỉ cần nghĩ đến hình ảnh quê nhà là tâm hồn người ly hương lại đã bừng lên niềm hoan hỉ:
"Quê hương khuất nẻo chân trời
Bỗng dưng chớp rạng sáng ngời quê hương"
(Vi Khuê)

Thời xưa thi sĩ Lamenais viết: "Kẻ tha hương ở đâu cũng cảm thấy cô đơn, lạc lõng" (L'exilé partout est seul). Thời nay các nhà thơ xa xứ cũng có tâm trạng đồng điệu, cõi lòng cũng lạnh lẽo khi nhớ tới tiếng pháo nổ ròn, nhớ về bóng mai vàng chào đón Chúa Xuân của miền quê xưa:
"Đâu còn đón Tết, mai vàng
Ngậm ngùi nuốt lệ, trái ngang nghẹn ngào"...
(Vũ Hối)

“Xin gửi qua giùm chút nắng Xuân
Bên này đã lạnh thuở Thu phân
Bây giờ trời đất tràn băng giá
Không biết làm sao để ấm lòng”
(Lãm Thúy)

Dù khi có hoa đào nở, có hoa mai vàng hé nụ nhưng mùa xuân vẫn có vẻ gượng gạo, chẳng mang lại niềm vui:
"Ngỡ ngàng viễn xứ xa xôi
Bồng bềnh mây trắng nổi trôi quê người
Rộn ràng đào thắm khoe tươi
Mai vàng hé nụ gượng cười đón xuân"
(Quỳnh Anh)

Hết nhớ cảnh lại đến nhớ người. Nhà thơ nào còn thiết đến Xuân khi người thân yêu vắng bóng, nhất là hình ảnh bà Mẹ hiền kính yêu khắc sâu trong tâm khảm:

"*Mẹ mất vào cuối năm*
Hỏi chi hoa mai nở
Chờ gì én phất phơ
Ngàn đời xuân biệt tăm"
(Nguyễn Thị Thanh Bình)

"Tuyết lạnh Virginia
Sầu con càng tê tái
Mẹ mất tại quê nhà
Ngàn trùng chưa gặp lại"...

"Nhớ mẹ con chỉ biết
Nhắn cùng tuyết tuyết lạnh

Nhắn cùng mưa mưa buồn
Nhắn cùng lệ thơ tuôn"
(Nguyễn Thị Thanh Bình)

Ngày nào nhà thơ còn đặt bút viết xuống những vần thơ đầu Xuân thành khẩn cầu chúc cho Cha Mẹ kéo dài tuổi thọ với đầy ân phước:
"Năm nay Xuân nữa, viết thơ xuân
Cầu cha mẹ thọ, đủ vui mừng
Tài lộc không màng, xin chỉ vậy
Phước là vui sống với song thân"
(Lãm Thúy)

Nhưng rồi theo quy luật "vô thường" Mẹ yêu cũng khuất bóng khiến lòng nhà thơ càng ngậm ngùi hơn lúc Xuân về:
"Nhớ ngày năm ngoái con còn Mẹ
Cùng đón Xuân về, vui biết bao.
Mẹ khuất. Năm nay Xuân quạnh quẽ
Tha hương nghe lạnh gió đông sầu."
(Lãm Thúy)

Không những chỉ nhớ đến Mẹ hiền, nhà thơ cũng lại nhớ thêm đến cả người Con thân yêu đã yểu số xa lìa dương thế:
"Cây đào cũ hết ra hoa.
Con về thiên cổ, Hoa là cành không.
Xuân còn sót lạnh tàn đông
Mẹ còn nguyên, nỗi nhớ nhung đọa đày."
(Lãm Thúy)

Mùa Xuân cũng gợi nhớ đến bạn hiền, những kẻ đồng điệu một thời nơi quê cũ:
"Tha hương Tết lắm ngậm ngùi...
Thương quê, thương bạn, đâu nguôi lòng này
Ngồi đây đếm vạn đắng cay
Giao thừa quê mẹ, phương này tuyết rơi."
(Vũ Hối)

"Xuân đến rồi ư người bạn nhỏ
đầy thềm tuyết đọng suốt đêm qua
ngẩn ngơ tự hỏi mùa xuân đến
xuân ở ngoài đời hay trong ta…
Nghĩ lại năm xưa xuân hớn hở
bạn bè nhộn nhịp lòng như hoa…
Xuân này ngó lại đầy bông tuyết

tóc trắng bay theo những mộng đời
bạn cũ, quê xưa nào đâu thấy
chỉ thấy quanh nhà tuyết lại rơi."
(Nguyễn Tường Giang)

Vào cuối năm, khi nhìn tuyết rơi trắng nơi nơi ở khắp đất khách lòng nhà thơ lại gợn lên bao nỗi sầu nhất là khi cô đơn đón Tết:

"Người bạn bên hàng xóm
ngừng đào tuyết, hỏi tôi
man, you looked so sad
what's your problem?

Vâng, lòng tôi buồn lắm
Hôm nay ngày cuối năm
Bao nhiêu người đón Tết
Tôi ở đây một mình"
(Nguyễn Tường Giang)

Đôi khi bão tuyết mịt mùng, chôn lấp cảnh vật, chôn sâu thêm nỗi niềm nhung nhớ của nhà thơ:

"Ngoài kia tuyết trắng ngập đầy
Vùi sâu nỗi nhớ những ngày ly hương"
(Hà Bỉnh Trung)

Trong cái màn sương tuyết đó bóng người sao mà mờ mờ, ảo ảo, như thực, như hư. Chập chờn vì sương tuyết hay chập chờn vì làn nước mắt:

"Tuyết rơi phủ trắng nẻo đường,
Bóng người như thể chập chờn bóng mây"
(Anh Độ)

Trong mùa "xuân ly bôi" nhà thơ đôi lúc cảm thấy không còn thi hứng để sáng tác:

"Tân niên gác bút không khai bút
Thơ xuân ngượng ngập ở đầu môi"
(Trần Quốc Bảo)

Nhưng đôi khi khung cảnh mùa Xuân được lòng hoài hương gợi hứng nhà thơ vẫn đem cả tâm tình gửi vào những vần điệu với nỗi lòng nhung nhớ quê hương:

"Cố hương xa mấy trường đình
Xin đem gởi trọn tâm tình vào thơ"
(Anh Độ)

Dù thiếu tiếng pháo reo vui, vắng bóng hoa mai vàng rực rỡ lời thơ vẫn vang lên những lời cầu chúc tốt đẹp cho thân nhân và bằng hữu cùng trong cảnh tha hương:

"Thiên nhiên khởi sắc đón mùa sang
Lòng kẻ tha hương bỗng rộn ràng
Đất khách chẳng còn tràng pháo đỏ
Quê người dù thiếu bóng mai vàng
Chúc Xuân lời vẫn ươm tình nghĩa
Mừng Tết thơ luôn đượm ánh quang…"
(Tâm Minh)

Thơ hoài hương day dứt nỗi buồn xa xứ, lai láng tình tự dân tộc. Những vần thơ không chỉ còn là những dòng mực trải trên trang giấy vô tri vô giác nữa mà đã thật sự gần gũi với dòng máu chảy trong huyết quản khách ly hương. Bao hình ảnh thân thương xa xưa lại được dịp hồi tưởng lại, nhất là nơi chốn tôn nghiêm:

"*Dáng chùa thanh thoát phô triền núi*
Bóng tượng thâm trầm ẩn khói hương
Thoảng tiếng thông reo nơi bảo tháp
Vẳng lời kinh vọng chốn thiền đường
Ai về phố thị mù sương ấy
Xin gửi giùm tôi nỗi nhớ thương."
(Tâm Minh)

Đầy ắp lòng hoài hương, trong tận cùng nỗi nhớ, người dân Việt thầm cầu chúc cho quê hương đất nước một ngày nào đó được thật sự độc lập, tự do và hạnh phúc

để mùa Xuân sẽ rộn nở mãi mãi trên đất Việt, một mùa Xuân dân tộc:
"Ta cứ ngỡ chết rồi mi sẽ khép
Mùa xuân đâu sao chim én chưa về
Mi sẽ khép lúc xuân về tươi đẹp
Anh hãy về cho én lượn trên quê"
(Nguyễn Thị Thanh Bình)

Ước mơ một tương lai khi toàn dân Việt được thật sự giải phóng thoát khỏi kiếp sống ê chề dưới gông cùm cộng sản:
"Mùa Xuân Tổ Quốc không xa nữa
Đồng lúa miền Nam óng ánh vàng
Rừng núi miền Trung hoa rộ nở
Mừng ngày giải phóng được giang san"
(Giang Hữu Tuyên)

Ngọn cờ vàng ba sọc đỏ lại tung bay rực rỡ trong mùa Xuân, màu cờ chính nghĩa của toàn dân Việt. Đây luôn là niềm mơ ước của bao người phải xa xứ trong công cuộc tỵ nạn cộng sản:

"Chúa Xuân phất ngọn cờ vàng
Trên đỉnh cao cổ thụ
Thời gian chín ngọt mênh mang
Chở tin yêu về đầy vũ trụ
Sông núi chuyển mình
Đón chào Chân Thiện Mỹ
Xuân giáng sinh và ngự trị vĩnh hằng"
(Trần Quốc Bảo)

"Ngày mai, vui Xuân chiến thắng
Mai vàng nở rộ, đón Xuân sang!
Khải hoàn ca, ầm vang khắp phố
Cả non sông, rợp bóng cờ vàng!"
(Vũ Hối)

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(Xuân Ất Mùi, Virginia USA 2015)

Bài xướng:

XUÂN CHIỀU LẠC PHỐ

Bốn mươi năm, vẫn Tết tha phương
Bao trạm thời gian... cuộc hý trường!
Nắng trải thềm hoa, Hương Tỉnh Thức
Trăng về Xóm Hạc, Gió Trầm Hương
Gieo vần Xuân Mới, Thơ Hoài Vọng
Tưởng Khúc Thanh Bình, Nhạc Ngát Chương
Tuyết trắng vườn ai, Chiều Lạc Phố!
Xuân nào Đoàn Tụ, Bến Yêu Thương.

DIỆU MINH TUỆ NGA

Bài họa:

XUÂN VIỄN XỨ

Thêm một mùa Xuân chốn viễn phương
Nhớ về quê cũ trắng canh trường!
Tháp xưa chuông sớm luôn vang tiếng
Chùa cũ trầm khuya mãi ngát hương.
Thi hứng gợi tình ghi mấy khúc
Văn nguồn khơi ý thảo vài chương
Thả hồn theo tuyết rơi song vắng
Viễn xứ lòng người rộn luyến thương.

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

HAI LÚA ĐI MỸ III

Nguyễn Quý Đại

Nếu chúng ta có cơ hội và sức khỏe đi du lịch nhiều nơi như tục ngữ „Đi một ngày đàng, học một sàng khôn“ sẽ học hỏi nhiều cái hay đẹp. Trên thế giới có thể nói nước Mỹ đất rộng lớn bao la tài nguyên phong phú, nên người dân Mỹ sống thoải mái đầy đủ tiện nghi. Đường phố, xa lộ, nhà cửa, xe đều lớn hơn ở Âu Châu.

Phần lớn gia đình người Mỹ sử dụng xe hơi riêng, mỗi người một chiếc vì ở Mỹ thiếu phương tiện lưu thông công cộng. Hoa Kỳ có hệ thống xa lộ lớn nhất thế giới trong đó có cả hệ thống xa lộ liên tiểu bang và hệ thống quốc lộ đánh số (như 10...95, 805…) Các hệ thống xa lộ trong mọi tiểu bang kết nối liên hoàn với các thành phố lớn. Vào những giờ cao điểm sáng, chiều trong giờ đi làm và về thường bị kẹt xe, nên xa lộ có các lane ưu tiên cho những người đi làm việc chung xe với nhau (High-occupancy vehicle lanes viết tắt (HOV lane) tránh kẹt xe. (Carpools only 2 or more persons per vehicle).



Từ Florida theo quốc lộ liên bang 95 đi Washington rộng nhiều lane, xe chạy với tốc độ tối đa 70- 75 mile / giờ (1 mi =1,6 km) khác với Âu Châu nhiều xa lộ tốt cho phép chạy trên 180 km/ giờ. Nếu quen chạy theo tốc độ như ở Đức sẽ bị phạt đều đều mỗi lần ít nhất 200 $, trên đường phố phải cẩn thận các ngã tư đều có gắn máy chụp hình, có bản hay đường



kẻ Stop phải thắng xe chạy chậm. Nếu bị cảnh sát chận xét giấy tờ, tài xế ngồi yên hai tay để trên tay lái, khi cảnh sát tới gần ra lệnh thì đưa giấy tờ (an toàn lưu thông ở Mỹ, tránh trường hợp tội phạm lấy súng bắn chết CS khi xét xe). Lái xe ở Mỹ dễ, xe số tự động, đường phố rộng nhiều chỗ đậu (khó nhất lái xe ở London tài xế ngồi bên phải!). Bãi đậu xe ở Mỹ đều có chỗ tiện lợi, ưu tiên cho người khuyết tật và cho các bà mẹ có con nhỏ. Các nơi công cộng thường có bảng cho người khuyết tật như: cầu thang máy, Toilet, đậu xe không phải trả tiền, đi xe bus như ở New York dễ dàng vì cửa trước xe bus có hệ thống tự động là cái bệ đưa ra hạ xuống và nâng lên để người khuyết tật di chuyển xe lăn. Phần lớn những cây xăng trả tiền bằng thẻ tín dụng (Visa…) tính theo thể tích là gallone. (1 gallone # 3,7 lít) một gallone ở Mỹ trả khoảng 3,30$ - 3,56$, trong khi 1lít ở Đức trả từ 1,5€, tự bơm xăng và trả tiền ở trong quầy…

Từ Florida đi qua nhiều danh lam thắng cảnh đẹp, chúng tôi vào thành phố Savannah để cậu Văn thăm lại trường xưa, trước 1972 sinh

viên sĩ quan Không quân học bay giai đoạn 2 lái trực thăng UH 1 do hãng Bell chế tạo. Đây là loại trực thăng quân sự đa năng, nổi tiếng vì được sử dụng nhiều trong chiến tranh Việt Nam. Đường phố Savannah có nhiều cây cổ thụ phủ rêu phong , các loại cây có tên khoa học: Antarctic beeh làm mát mẻ và tăng vẻ đẹp trầm lặng. Chúng tôi vào cây xăng gặp một người Việt, anh vui vẻ tâm sự anh làm thợ sơn tạm thời, chờ thời tiết ấm là mùa cá sẽ đi đánh cá nhiều tiền hơn, nơi nầy ít người Việt phần đông người da đen sinh sống…

Chúng tôi qua South – North Carolina – Virginia đến Washington DC hy vọng ngắm được cảnh hoa anh đào nở muộn, hàng năm vào giữa tháng tư hoa anh đào nở hai bên bờ hồ và dòng sông Potomac. Thủ đô Washington, D.C. Diện tích: 9,83 triệu km², được thành lập ngày 16.7.1790. Mang tên chính thức District of Columbia (viết tắt D.C.). Thành phố nằm bên bờ bắc sông Potomac và có ranh giới với tiểu bang Virginia ở phía tây nam và tiểu bang Maryland nhưng không lệ thuộc vào 2 tiểu bang nầy. Washington DC và vùng đô thị phụ cận dân số 5,3 triệu người, là đô thị lớn thứ 8 tại Hoa Kỳ, Có nhiều đài tưởng niệm và bảo tàng quốc gia, hơn 173 toà đại sứ các quốc gia trên thế giới, cũng như các tổng hành dinh của Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS), Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ và Tổ chức Y tế Liên Mỹ (PAHO). Ngoài ra còn có tổng hành dinh của các cơ quan khác như các liên đoàn lao động…

Washington kiến trúc rất đa dạng. trong đó có: Tòa Bạch Ốc White House; Thánh đường Quốc gia Washington; National Mall bao gồm Đài Kỷ Niệm Washington, công viên West Potomac ra đến tận bờ sông, có Đền Kỷ Niệm Lincoln, Nhà tưởng niệm Thomas Jefferson, Tòa Quốc hội, Nhà tưởng niệm Lincoln. Khu tưởng niệm chiến binh Triều Tiên có tượng là những người lính chiến đang hành quân trước bức tường dài màu đen.

Đặc biệt đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam, Vietnam Veterans Memorial, khánh thành ngày 13.9.1982 với diện tích 8.100 m² từ xa nhìn thấy tượng 3 người lính bằng đồng đen. Đài tưởng niệm là một bức tường dài, hình chữ V, bằng đá hoa cương đen dài 75 m, cao 3 m,



khắc tên của hơn 58.000 chiến binh Mỹ đã thiệt mạng hoặc mất tích khi tham chiến trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Chúng tôi rất xúc động đọc tên những người lính hy sinh thời đó tuổi còn qúa trẻ chết tại chiến trường Việt Nam. Ở góc chính giữa của chữ V có những tràng hoa tưởng niệm, cảm động nhất là tràng hoa tươi được kết bông là một lá cờ vàng của VNCH. Những ngọn đèn cầy đang tiếp tục cháy, hơn 40 năm qua nhưng hình ảnh đó không thể phai mờ trong lòng người! chúng tôi cuối đầu tưởng niệm và nhớ ơn những chiến sĩ Việt-Mỹ đã hy sinh cho Tự Do và Dân Chủ.

Washington không có nhà chọc trời như ở các thành phố khác, từ xa có thể nhìn thấy cột Obelisk đứng trên ngọn đồi ở National Mall khoảng giữ Capitol và Lincoln Memorial, nơi nầy là một khoảng không gian đẹp nhờ có hồ nước long lanh dưới ánh nắng mặt trời, những hàng cây hoa anh đào màu hồng, trắng còn nở rộ rất thơ mộng nghiêng mình bên dòng sông Potamac êm đềm chảy qua. (Nhật Bản tặng 3000 cây Hoa anh đào trồng ở National Mall quanh hồ Tidal Basin và bờ sông Potamac Washington năm 1912).

Điện Capitol hay Tòa Quốc hội là cơ quan lập pháp của chính phủ liên bang Hoa Kỳ, trên đồi Capitol ở cuối phía đông của National Mall. Quốc Hội theo quy chế lưỡng viện nên tòa nhà có hai viện: Thượng Nghị Viện (Senate) bên cánh phía Bắc và Hạ Nghị Viện (House of Representatives) ở bên hướng Nam. Điện Capitol xây bằng cẩm thạch trắng bên trên có mái vòm lớn, xây năm 1793 đến năm 1800, mở phiên họp Quốc hội đầu tiên ngày 17.11. 1800. Trải qua nhiều lần tu sửa là một trong những cơ quan quyền lực nhất và cũng là một trong những địa danh du lịch nổi tiếng bậc nhất nước Mỹ. Rất tiếc thời gian qua cung điện nầy không mở cửa để du khách viếng thăm. Chỉ có viện bảo tàng tầng hầm muốn vào phải xếp hàng, chờ an ninh kiểm





tra giống như vào phi trường. Những người lớn tuổi không nên uống nước nhiều, ở Washington, New york rất khó tìm nhà vệ sinh.

Tòa Bạch Ốc/ White House hay còn gọi là tòa nhà Trắng là nơi ở chính thức và là nơi làm việc của Tổng thống. Nhà Trắng là tòa biệt thự sơn màu trắng, xây bằng sa thạch theo kiểu tân cổ điển, khởi công xây dựng ngày 13.10 .1792. Tòa nhà theo thiết kế của kiến trúc sư Hoban mô phỏng tầng trệt và lầu một của toà nhà Leinster House, dinh thự của một công tước toạ lạc ở Dubin, Ireland. Tổng thống George Washington cùng với Pierre L'Enfant, người chịu trách nhiệm chọn địa điểm xây dựng. John Adams là tổng thống đầu tiên đến sống trong Nhà Trắng từ ngày 1.11.1800. Đã nhiều lần tu bổ để phù hợp với tổng thể toà nhà hơn 212 tuổi. Du khách đi dọc theo đại lộ rộng, có công viên hoa lá nhiều bóng mát với nhiều tượng dài bằng đồng, có thể đứng trước hàng rào mặt tiền chụp hình, không sợ cảnh sát đuổi. Chung quanh khu vực không thấy cảnh sát canh gác, có thể họ kiểm soát an ninh qua máy Camera. Những đoàn du lịch vào thăm phải ghi danh trước theo địa chỉ White House Tours http://1.usa.gov/1B067WI.

Thăm nghĩa trang quốc gia Arlington/ Arlington National Cemetery nằm tại quận Arlington, Virginia. Được thành lập năm 1864

trên phần đất điền trang cũ của tướng Robert E. Lee (1807- †1870), nghĩa trang quốc gia Arlington mở rộng diện tích 3 km² và là nơi an táng của hơn 290.000 người, trong đó phần lớn là các binh lính, sĩ quan hoặc cựu chiến binh của quân đội Hoa Kỳ.

Chúng ta cứ tưởng nghiã trang phải có những nấm mộ như ở Việt Nam, nhưng ở nơi đây từ cổng vào có trồng nhiều hoa màu tím và cây có hoa giống hoa táo trắng điểm hồng. Những hàng cây cổ thụ được chú thích loại thực vật và tuổi thọ. Không khí trang nghiêm, không có mùi nhang nhưng có mùi thơm của hoa lá xanh tươi. Những tấm bia khắc tên màu trắng giống nhau kích thước xếp thành hàng ngang dọc trên nền cỏ xanh mược. Đặc biệt hơn là mộ của cố tổng thống John F. Kennedy (1917- †1963) có ngọn lửa bất diệt cháy quanh năm vợ và con được chôn hai bên, nằm gần đó là mộ của nghị sĩ Robert F. Kennedy em tổng thống với cây thánh giá màu trắng. Lễ Chiến sĩ trận vong Memorial Day là một ngày lễ liên bang tại Hoa Kỳ, diễn ra vào ngày thứ Hai cuối cùng trong tháng 5 hằng năm. Trước kia với tên gọi là Decoration Day, ngày lễ này tưởng niệm những quân nhân Hoa Kỳ tử trận.

Thiếu tướng John A. Logan, người lãnh đạo tổ chức Grand Army of the Republic, chọn ngày 30 tháng 5 để làm lễ này. Người ta tin rằng ngày này được chọn vì lúc đó hoa đang nở rộ khắp nước Mỹ. Đến thăm nghiã trang nầy phải chạnh lòng nhớ về nghiã trang Biên Hòa bị bỏ hoang phế, cỏ mọc trên những nấm mộ không bia đá!

Mưa chiều Washington đủ ướt đầu người chúng tôi "cưỡi ngựa xem hoa" chạy quanh xem Ngũ Giác Đài/The Pentagon là trụ sở Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, theo tài liệu nơi nầy lớn nhất thế giới với diện tích sàn tổng cộng 616.518m2, chiều dài mỗi mặt tiền: 280,72m, chiều cao: 23,56m Tổng chiều dài các hành lang: 28,15km. Do George Edwin Bergstrom thiết kế và xây dựng năm 1941- 1943, tòa nhà này được khánh thành ngày 15.1.1943. Nhân viên làm việc có 23.000 người (quân nhân và dân sự) và 3.000 người giúp việc. Tòa nhà có 5 cạnh, 5 tầng (cộng thêm 2 tầng hầm) và 5 hành lang…Hẹn năm 2015 nếu có cơ hội chúng tôi về Washington họp mặt với các: văn nhân, thi, hoạ sỹ.. của Nguyệt san Cỏ Thơm, lúc đó sẽ làm phiền anh Phan Anh Dũng nhiều.



Giã từ Washington đến phố cổ Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania. Trên hướng đi chúng tôi ghé Atlantic City (New Jersey), thành phố cờ bạc có nhiều Casino, Paris by night thường tổ chức văn nghệ ở hội trường lớn nơi đây.Thành phố nầy nghèo nàn không bằng Las vegas nổi tiếng đẹp được thành lập năm 1905 ở Nevada, nhìn chung ở Mỹ nhiều người lớn tuổi thích đánh bài? Casino lúc nào cũng đông người. Chúng tôi không có máu đỏ đen, chỉ dạo chơi, ăn uống nên phải vào bãi đậu xe trả tiền. Từ Atlantic về Philadelphia qua những rừng cây có tên thật là lãng mạn "thì thầm", thời tiết cuối

tháng tư còn lạnh hai bên đường những vườn táo, nho cành trơ trụi chưa đâm chồi nẩy lộc…Cầu sắt nối tiếp tiểu bang New Jersey và Pennsylvania, dù có GPS chỉ đường nhưng vào thành phố cổ đi lạc hướng qua cầu nầy 2 lần phải trả tiền thuế 10$. Ở Mỹ thức ăn không đắt, vào nhà hàng ăn tự chọn "all you can eat" 14$ chưa tính tiền nước, ghé Wal mart mua con gà nướng 5$ bốn người ăn không hết. Tốn tiền nhiều nhất là: Hotel, xăng, thuế đường, tiền bãi đậu xe, vào cửa các nơi như viện bảo tàng…Hotel tiện lợi WiFi free, nước đá xử dụng tự do, đậu xe an toàn.

Chúng tôi ghé thăm anh chị Thái Kỳ - Tiểu Muội, chị Tiểu Muội là bạn học niên khóa 1968 Phan Châu Trinh Đà Nẵng với cậu Văn. Anh chị gốc người Hoa trưởng thành ở Quảng Ngãi, nhưng đời sống như những người dân xứ Quảng rất chân tình. Anh chị đãi chúng tôi buổi tối món lẩu có nước mắm Phú Quốc đậm đà, chiếc bánh "Welcome Philadelphia" thật đẹp. Anh chị có 2 người con trai đã lập gia đình, đều tốt nghiệp ngành Y Khoa, người con thứ 2 là nha sĩ thiếu tá Hải quân ở San Diego có một thời gian làm việc ở Đệ thất hạm đội. Nhà ở đây có tầng hầm giống như ở Đức, ở California, Houston không có hầm. Nhờ có thổ địa hướng dẫn đi chơi thỏa mái, mỗi tiểu bang tự trị, nên chính sách thuế cũng khác nhau ở Pennsylvania mua quần áo không phải trả thuế, đến outlet quần áo rẻ bằng ½ giá ở Đức tha hồ mà chọn. Chị Tiểu Muội hướng dẫn đi thăm viện bảo tàng, các khu thương mãi của người Việt, ăn phở Hà Saigon với tô "xe tăng" Cảm ơn anh chị Kỳ-Muội hy vọng một ngày không xa chúng ta gặp nhau ở Đức…

Philadelphia nổi tiếng còn cái chuông tự do Liberty Bell/ Freiheitsglocke treo ở "Nhà Độc lập", chuông này được đặt mua từ Công ty Lester và Pack (ngày nay là "Whitechapel Bell Foundry") tại Luân Đôn năm 1752, và được đúc với huyền thoại - một câu thơ từ Sách Levi (25:10) Proclaim Liberty throughout all the land unto all the inhabitants there of / Verkünde Freiheit im ganzen Land für alle seine Bewohner, Lev. 25:10). - "công bố tự do trên khắp xứ sở với toàn thể dân chúng sinh sống trên đó". Là một trong những biểu tượng của nền độc lập được đánh tiếng chuông đầu tiên lúc tuyên bố Tuyên Ngôn Độc lập Hoa Kỳ vào ngày 08 tháng 7 năm 1776. Trong những năm 1830, chuông được chọn làm biểu tượng xóa bỏ chế độ nô lệ.



Philadelphia có diện tích 369 km² dân số hơn 1,5 triệu, vùng đô thị trên 5 triệu. chúng tôi đến khu "Germantown" nơi nầy có nguồn gốc vào năm 1683 đoàn người Đức 13 người từ Krefeld đi trên con tàu "Concord" đến lập nghiệp hiện nay người gốc Đức khoảng 8,1% ; Ý 9,2%; Ba lan 4,3%. 13,6% Ái Nhĩ Lan.

Thành phố nầy cách New York 1 giờ 20 phút lái xe, tiện lợi nhất vào New York bằng xe bus, giá mỗi người đi về là 30$, lái xe vào không có chỗ đậu, 1 giờ đầu trả 18 USD, và rất dễ bị tai nạn.

New York diện tích 789,4 km² là thành phố đông dân hơn 8 triệu người là thành phố đông dân nhất nước Mỹ, nhưng thua dân số Sài Gòn. Vùng đô thị (New York Metropolitan Area) diện tích 17.405 km². Đây cũng là vùng đô thị đông dân nhất Mỹ là 18,9

triệu. New York là thành phố nổi bật nhất nước Mỹ về việc sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoạt động 24/24, Còn được gọi là "Thành phố không bao giờ ngủ"

Năm 1624 New York được người Hòa Lan thành lập trạm mậu dịch thương mại thời đó từng được gọi là Tân Amsterdam cho đến năm 1664 khi thuộc địa này bị Vương quốc Anh kiểm soát. New York là thủ đô của Hoa Kỳ từ năm 1785 đến năm 1790. Là thành phố lớn nhất của Hoa Kỳ từ năm 1790. New York có 5.538 tòa nhà cao tầng nhiều nhất và đứng hạng nhì thế giới, chỉ sau Hong Kong. Hiện nay thành phố có 50 nhà chọc trời cao trên 200 m. Vì mật độ dân số và giá trị bất động sản đắt trong những khu thương mại khiến cho New York trở thành nơi tập trung nhiều nhất các tòa nhà, tòa tháp chung cư và văn phòng.



Tượng Nữ thần Tự do chào đón hàng triệu di dân khi họ đến Mỹ vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Tượng Nữ thần do Pháp tặng cuối thế kỷ 19, đặt tại cửa sông Hudson nhìn ra cảng New York, là một trong những biểu tượng nổi tiếng nhất của Mỹ. Tượng nặng 229 tấn, lưng rộng 10,6m, miệng rộng 91cm, tay phải giơ ngọn đuốc lửa dài 12,8m, chỉ riêng một ngón tay trỏ cũng dài 2,4m. Toàn thân bức tượng cao 46m, nếu tính cả phần bệ có tổng chiều cao 93m. Trong ruột tượng nữ thần có cầu thang xoáy trôn ốc, tương đương độ cao một ngôi nhà cao 12 tầng, giúp du khách leo đến vùng đầu bức tượng. Phần vương miện của tượng mở cửa để khách ngắm nhìn toàn cảnh New York nhưng sau vụ khủng bố hai tòa tháp đôi ngày 11.9.2001. Tượng Nữ thần Tự do bị đóng cửa vì lý do an ninh. thăm tượng Nữ Thần phải xếp hàng nhiều giờ mua vé và chờ kiểm soát an ninh như đi máy bay vậy. Chúng tôi cảm ơn cô bạn Dr. Tina Hạnh làm việc cho cơ quan WHO ở New York đã mua ticket tặng trước.

Mua Ticket:
https://www.newyorkpass.com/De/prices/

Wall street ở vùng hạ Manhattan, là một trung tâm tài chính, Thị trường Chứng khoán thế giới bề thế từ Đệ nhị Thế chiến... Đại lộ số 5 nhiều cửa hàng sang trọng của trung tâm Manhattan và là một trong những biểu tượng về sự giàu có bậc nhất. New York có một tầm ảnh hưởng mạnh mẽ về thương mại, tài chính, văn hóa, thời trang, giải trí…Liên Hiệp Quốc đặt tổng hành dinh nên New York cũng là một trung tâm quan trọng về các vấn đề quốc tế. Những đại học lớn, thư viện hiện đại và những sân khấu lớn ở Broadway, dù là nơi đất đắt như vàng nhưng có công viên rộng hơn 340 ha, là một ốc đảo xanh tươi làm cho khoảng không gian tươi mát, giữa lòng thành phố beton với một rừng nhà chọc trời. Viện bảo tàng nằm trên đảo Ellis Island - nơi những người nhập cư từ Châu Âu đặt bước chân đầu tiên đến Mỹ vào năm 1892 để thực hiện "giấc mơ Mỹ", và từ đó New York trở thành,thành phố đa chủng tộc .

Trung tâm Thương mại Thế giới 1 (One World Trade Center) xây tại tòa tháp đôi bị sập vì khủng bố 11.9.2001. Tòa tháp mới xây

lại từ 27/4/2006, có chiều cao 541,3 m gồm cả cột antena, (tòa tháp đôi cũ chỉ cao 417m và 415m,) Độ sâu 60 m dưới lòng đất tường beton dày 60 cm, phần trên xây bằng thép bao kính đặc biệt. 104 tầng diện tích 325279 m², có 73 cầu thang máy mỗi cái tải được 54 người với vận tốc đi lên 10,16m /s. thời gian 8 năm xây, kinh phí tốn 3,8 tỷ USD. New York còn có Empire State Building cao 381 m diện tích 208879m² xây năm 1931.

Ở New York Mỹ đen và dân mới nhập cư sống trong khu phố nghèo ồn ào. Khu người Tàu giống như ở Chợ Lớn, bán đủ các loại "thượng vàng hạ cám" những con vịt quay vàng treo trong các tủ kính. Họ ở nhà dưới khu trên là đường tàu chạy ầm ầm, đi dưới mình chịu không nổi tiếng động, nhưng có lẽ vì đời sống bon chen lỗ tai họ phải thích hợp? Chinatown toàn là người Á Châu ít thấy Mỹ trắng, tài xế Taxi, xe bus đều là da đen… Mỹ trắng sống trong khu trung lưu hoặc thượng lưu, giá trị nhà ở Mỹ tùy thuộc vào khu an toàn, chỉ cần nói nhà khu nào? người ta có thể hiểu địa vị xã hội của người đó, phần lớn người Việt không ở chung với khu Mỹ đen hay Mễ.

Từ New York chúng tôi đi Montréal, Quebéc, Ottawa, Toronto, Niagara Falls. Thác Niagara nằm một phần của Canada và Mỹ, nhưng đứng ở phiá Canada nhìn thác có vẻ đẹp hùng vĩ hơn. Chúng tôi ăn điểm tâm rời Hilton Hotel sớm, khởi hành trở về Mỹ may mắn không bị kẹt xe và qua biên giới, cảnh sát biên giới chỉ hỏi tôi đến Mỹ lần cuối năm nào? có mang trái cây? may mắn không bị xét xe mất thì giờ. Đến Buffalo thành phố mang tên trâu rừng, chạy dọc theo hồ Erie có những tượng bằng đồng như đàn trâu rừng đang ăn cỏ. Giả từ bắc Mỹ càng đi về phương nam thời tiết ấm áp hơn, xa lộ liên bang nầy đi qua nhiều đồi núi cây rừng xanh lá, điểm những cánh hoa muôn sắc đang khoe dưới nắng ấm mặt trời.



Chúng tôi ghé vào các thành phố Cleveland, Columbus Cincinnati (Ohio), Kentucky, Nashville, Memphic (Tennessee), Little Rock (Arkansas) về Texas. Mỗi tiểu bang có vẽ đẹp và nét đặc thù riêng, nhiều nhà Thờ có vẻ cổ kính một phần giống ở Âu Châu, các đường phố mang tên các thành phố của Đức như: Stuttgart, Hamburg, München… Hai bên xa lộ là những cánh đồng rộng mênh mông, trồng lúa mì hay bắp đang mọc xanh mơn mởn, Chúng tôi tìm đường theo bản đồ hướng dẫn lên "đồi vọng cảnh" ở Cincinnati trên đó ngắm cảnh đẹp buổi chiều nhìn sang Kentucky, gặp xe Cảnh sát hỏi đường, ông ta vui vẻ nở nụ cười tươi bảo chúng tôi chạy xe theo sau ông dẫn lên đồi, đó là nghiã cử đẹp đáng nhớ của một người thi hành công vụ đối với du khách. Đứng trên đồi nhìn dòng sông xanh là biên giới của hai tiểu bang, xe cộ tấp nập qua lại trên cầu, thành cầu có hình dáng như cái cầu vồng màu xanh. Một khoảng công viên nhỏ gần bờ sông có gió nhẹ, ông già da ngăm đen đang làm ống tiêu bằng trúc, copy theo cái cũ để trên bàn, ông hỏi chúng tôi là người Việt? Ông tâm sự, ông là kỷ sư về hưu từng tham chiến ở Việt Nam trước 1970 có rất nhiều kỷ niệm buồn vui, ông chê trung úy William Calley ra lệnh giết người ở Mỹ lai (16.3.1968) là thằng điên, ngu xuẩn làm mất

danh dự Quân lực Mỹ chiến đấu bảo vệ cho VNCH! Ông am hiểu tình hình thế giới, từng làm việc bên Shanghai, phê bình chế độ cộng sản độc tài, tham nhũng hối lộ, bóc lột… người dân sống dưới chế độ CS lo miếng ăn trước hết, cái bụng đói thì cái đầu khó phát triển. Trước khi chia tay ông thổi cho chúng tôi nghe một khúc nhạc du dương trầm buồn.

Thành phố Memphis có vẻ nghèo nàn, nhưng có địa danh tưởng niệm Elvis Presley



(1935-†1977) là ngôi sao sáng trong làng âm nhạc thế giới với danh hiệu "Ông vua nhạc Rock and Roll", không những vậy, ông còn là người rất hào phóng và chịu chi vì đã nhiều lần tặng đồng hồ đắt tiền, nhà, xe tiền bạc cho người khác. Elvis còn có sở thích mua bất cứ thứ gì mình thích, đặc biệt là đồ ăn. Ông thích nhất món bơ lạc và sandwich tại nhà hàng Colorado Mine Company ở Denver, Colorado. Presley lập gia đình với bà Priscilla Beauieu chỉ có một người con gái Lisa Marie Presley. Cuộc hôn nhân tan vỡ càng làm ông vua nhạc rock & roll lún sâu vào vũng lầy đen tối, năm 42 tuổi hàng đêm phải dùng thuốc ngủ ngày 16/8/1977, qua đời trong nhà tắm, ngôi sao sáng đã tắt hẳn trên bầu trời âm nhạc, để lại bao nỗi thương tiếc cho nhiều người hâm mộ.

Trời về chiều những tia nắng vàng yếu ớt, chúng tôi đến Graceland nơi tưởng niệm Presley, nhiều đoàn du khách xếp hàng chờ xe để thăm các nơi sinh hoạt của Presley thời còn vang bóng. Hai chiếc phi cơ sơn màu xanh trắng, người chủ qua đời, thì máy bay được vận chuyển về nơi nầy làm vật lưu niệm. Rất tiếc chúng tôi đến trễ không còn thời gian để đi thăm, chỉ tốn 10$ tiền đậu xe. Mời độc gỉa xem hình trên Internet đỡ tốn 72$ tiền vào cửa! http://bit.ly/W1ryXO

Trên đường về cũng như lúc đi, nơi nào đẹp thì chúng tôi ghé vào thăm ngủ qua đêm. Thủ phủ Little Rock của tiểu bang Arkansas, Clinton từng là Thống đốc tiểu bang nầy 11 năm trước khi đắc cử làm Tổng Thống Mỹ thứ 42, thời gian tại chức (1993 bis 2001). Phiá trước dinh thống đốc cũng có cái chuông đồng còn mới giống như cái chuông bể ở Philadelphia, là ngày Chúa Nhật nên dinh Thống đốc vắng người. Về Texas trời nóng hơn, hai bên xa lộ là đồng cỏ xanh, những đàn bò ung dung gặm cỏ, đời sống thật thanh bình. Một tháng trôi qua thật nhanh hành trình dài hơn 10.000 km bình an. Cảm tạ Thượng Đế cho chúng con đạt được ước mơ. Hy vọng sẽ có những cuộc hành trình dài thứ hai vào mùa thu năm tới thưởng thức mùa lá vàng. Cảm ơn thân hữu bỏ thì giờ đọc Hái Lúa Đi Mỹ chia xẻ với chúng tôi niềm vui nơi xứ người.

Nguyễn Quý Đại

http://bit.ly/1umQu8M

Tài liệu tham khảo hướng dẫn du lịch ở các phòng Info.

LƯU VONG

Bao năm đã buồn vui xa xứ Mẹ
Trăng huyền mơ bàng bạc thoáng mây xa
Cùng chút nắng chút mưa dường như đã
Chạm vào nhau bật nỗi nhớ quê nhà.

Ý Anh

DÂNG NGƯỜI LỤC BÁT

Lục bát anh mang dâng người
Ngai vàng rời bỏ; sống đời bình dân
Kinh thành xa khuất mây Tần
Xanh rêu cung điện quần thần vắng tanh

*

Lục bát tôn nữ đề tranh
Chữ thương chữ nhớ nét hoành nét tung
Chiêm bao hoàng thượng hồi cung
Tỉnh giấc nghe vạc não nùng kêu sương

*

Lục bát ngâm giữa chiến trường
Quan quân ôm hận, anh hùng thở than
Mồ ai xin chớ hỏi han
Cuối cùng thắng bại cũng hoàn đất đen

*

Lục bát ngồi đọc bên đèn
Trò chơi tiểu kỹ bon chen đôi lời
Đợi chi hoa nở chào mời
Với thơ quên hết chuyện đời nhiêu khê

*

Lục bát thương lính miền quê
Lạc trong nghi trận tứ bề bủa vây
Mây ngàn cánh hạc xa bay
Dấu tích hoang phế đợi ngày lãng quên

Lý Hiểu

XUÂN VỀ NHỚ CHA

Vừa mới đó cha về cõi Phật
Trăm hai năm mà thật bất ngờ
Tuy già mạnh khoẻ thuở giờ
Luận bàn thế sự nước cờ vẫn tinh
Cha vẫn hẹn Ninh Bình núi Thúy
Hẹn sông Vân yêu quý sẽ về
Cuộc đời còn lắm vấn đề
Cộng nô còn đó lời thề còn đây
Sống là để dựng xây dân chủ
Lo miếng ăn no đủ cho dân
Tự do cũng gắng góp phần
Bao phen sóng gió mấy lần di cư
Sinh ở chốn thi thư lễ nghĩa
Trong gia đình hiếu đễ xưa nay
Nợ nhà, nợ nước trót vay
Mất nhà, mất nước phủi tay là về
Không hề có vấn đề thắc mắc
Việc nước non biết chắc là dài
Chẳng thèm bắt chước giống ai
Cái tâm là chính, cái tài là dư
Là người lính mà như anh cả
Mạc Ly Châu sống mãi ngàn năm
Các con đèn sách vẫn chăm
Lưu vong lòng vẫn còn căm quân thù
Gương cha để ngàn thu vẫn đó
Cha ơi cha trăng gió còn đây
Ta không nát với cỏ cây
Làm sao Cộng Sản đọa đầy được ta.
Sực lại nhớ ông cha ngày trước
Cùng nước non một bước không rời
Lòng son nguyện với đất trời
Cha đi còn đó những lời thiết tha
Sống phải lấy quốc gia làm trọng
Sống phải lo diệt cộng vì dân
Hẹn cùng núi Thúy sông Vân
Về Ninh Bình lại, tình thân nối dài.

Mạc Ly Hương

CHUYỆN BÊN ĐƯỜNG...

Lâu lắm em mới về Hanoi
Đi trên viên gạch tuổi thơ ngây... (TMT)

Phạm Bá

Đây là lần thứ ba tôi trở về Hà Nội, không còn cảm thấy "lạnh cẳng" như ở mấy lần đầu, mà lại vẫn nôn nao như muốn ngốn hết ngay lịch trình trong những ngày đầu mới đến...Vâng, đã hơn nửa vòng quay thế kỷ, ký ức như lại dồn dập hiện về. Tôi quên tên những con đường xanh lá me bay, nhưng vẫn còn hình dung ra từng góc phố thân quen ngày ngày cuốc bộ từ Ngọc Hà đến Trường Dũng Lạc. Do đó chương trình chúng tôi lưu lại Hanoi lần này phải lâu lâu một tí, có lẽ là bốn tuần lễ mới đủ thời gian thăm viếng họ hàng và nhất là tìm về những con đường của tuổi thơ. Nhìn lại chuyến đi dài, người viết thấy còn nhiều chuyện hay ho thú vị không thể lãng quên, muốn được làm cầu nối trong cuộc hành trình từ Bắc vào Nam kẻo người viết đang ở vào một độ tuổi - tuổi dễ đi vào quên lãng...

Chuyện xin được bắt đầu từ Hanoi...

Câu Lạc Bộ Khiêu Vũ.-

Được một bà chị họ, nguyên là dược sĩ đã nghỉ hưu, hướng dẫn chúng tôi đến một Câu Lạc Bộ Khiêu Vũ vào một buổi sáng. Bà nói, "Rảnh rỗi chẳng biết làm gi nên hầu như mỗi sáng, chị đều đến đây khiêu vũ, trước hết vận động cho khỏe người, sau nữa là cho tiêu thì giờ..." Thế là ba chúng tôi kéo nhau vào sàn nhảy. Mới khoảng mười giờ sáng mà cũng đã có khá đông dân nhót đến, ăn mặc rất chỉnh tề, nhưng hầu hết các bà các cô đều chỉ đi một mình. Tôi ngạc nhiên hỏi, "Sao họ không có kép hở chị ..." Chị vô tư trả lời, "...C...ó. Cứ vào thì biết". Mà thật, trong đó đã có sẵn khoảng chục nam vũ sinh chuyên làm partner cho các bà các cô nào không có kép đi theo. Hỏi ra mới biết, họ là nhân viên của Câu Lạc Bộ, sẵn sàng nhẩy với các bà các cô, không phân biệt tuổi tác, vì họ ăn lương của CLB. Và sau đó, tùy theo kỹ thuật dạy, họ còn được các môn sinh tặng "boa" cho nữa.



Khi tiếng nhạc xập xình, mặt sàn như muốn rung rinh, khoảng hai chục cặp ra sàn quay tít trong điệu nhạc Paso mở đầu. Chúng tôi đã thấy hơi choáng váng phần vì tiếng nhạc to như muốn hết công xuất, phần vì trông họ nhẩy nó cứ như thế nào ấy...Ngay đến cả khi họ đi Tango hay Rhumba cũng thế...Còn Bebop thì cứ như "trâu kéo cày". Chị chủ mời chúng tôi ra sàn, nhưng chưa ... Coi

cẳng coi giò họ trước đã, thấy hoàn toàn không thích hợp với mình cho dù cũng bản nhạc ấy, với nhịp điệu rất ư là quyện lấy bàn chân… Quả thực, âm thanh nhạc nhẩy nghe ra như muốn cuốn chặt lấy đôi chân vì là toàn nhạc Vàng Miền Nam trước 75, đôi khi có pha vài bản nhạc Rhumba Tây như Tombre la Neige, Cha-cha-cha như Besame Mucho… cảm nhận được ngay đó là một chương trình nhạc khiêu vũ y chang nhạc tour của mình ngày trước. Tôi nói chuyện với chị chuyện khiêu vũ ở Miền Nam trước đây và ngay cả bây giờ ở ngoại quốc, là một bộ môn nghệ thuật dành cho "tình yêu đôi lứa" hay giải trí của giới trung thượng lưu Saigon. Nhưng môn này ngay vào những ngày đầu mở cửa, được gọi là Múa Đôi, sau này mới được gọi trở lại là Khiêu Vũ và nay đã biến tấu thành môn Khiêu Vũ Thể Lực, nghĩa là nhẩy đầm cho mạnh chân khỏe tay thay vì phải tập Aerobic Exercise. Các bước nhẩy của họ rất ư là mạnh, quay rất nhiều, di chuyển hết cả sàn. Có điều phải thành thực ngợi khen là họ chơi Valse Tây rất nhuyễn, không có mặt Valse Hồng Kông. Cuối cùng chúng tôi cũng phải ra sàn khi nhạc chơi bản La Playa, nhưng cảm thấy những bước nhẩy Rhumba nghệ thuật của mình hụt hẫng, chỉ làm chật sàn và vướng cẳng họ. Hoàn toàn không thích hợp trong kỹ thuật không gian "múa đôi".

Rồi chiều chiều chúng tôi lang thang quanh bờ hồ Hoàn Kiếm để tìm lại dư hương của những ngày đã mất, cũng lại thấy một tốp chừng năm sáu cặp đang khiêu vũ ngay tại nền gạch trên bờ hồ được coi là tụ điểm cuối ngày cho nhóm nhẩy nào đó và dĩ nhiên ai muốn tham gia, cứ vô tư thoải mái. Họ có mang đến một giàn nhạc CD khá mạnh. Hỏi ra mới biết, đó là do một ông thầy của một trong nhiều lò luyện nhẩy của Hanoi mang ra cho các môn sinh thực tập đồng thời để chiêu dụ người muốn học nhẩy. Học phí 60.000$/tháng, ba buổi một tuần. Tôi ngồi xuống ghế đá bên hồ nghe nhạc và xem họ nhẩy, cũng với cái CD nhạc chúng tôi mới nghe đây, cũng y chang những "bước nhẩy hoàn vũ", nhưng nhìn kỹ lại hầu hết gót hài trên sàn nhẩy của các bà các cô vẫn như còn "vấy đất mùa chiêm" từ đồng bằng Bắc Bộ…Đối diện với hồ Hoàn Kiếm là công viên Lý Thái Tổ, nơi đây cũng là một tụ điểm của cư dân Hà Thành thích nhót trong tiếng nhạc rộn ràng kích động mỗi chiều.

Nhưng chưa hết đâu, vào một buổi chiều khác, khi chúng tôi từ Tràng Tiền Plaza trở về, cũng vẫn qua lại các tụ điểm khác ven hồ thì thấy một nhóm khoảng chục qúy bà sồn sồn, đang giao lưu với nhau qua những khúc dân ca Quan Họ Bắc Ninh, bà xã tôi vốn người Kinh Bắc cũng còn nhớ chút đỉnh vài bài hát, liền nhập cuộc giao lưu với họ trong một không gian cởi mở hồ hởi không chút ngại ngùng. Tôi thoáng nghe một bà nói:"Gớm..."người lước ngoài" mà cũng biết dân ca quan họ. Hay đấy nhở !". Bà kia phản pháo liền:"Chuyện…"người lước ngoài" thì cũng là người "Việt Lam" chúng ta cả, chứ



đâu có phải là người Tây Tầu gì mà không biết ca ?". Nghe được mẩu đối thoại ngắn ngủi, rất ngọng tất không phải là gốc người Hanoi, mà phải từ đâu tới đây, chúng tôi cảm

nhận được cái "giọng nói chân quê" của người trong nước…

Quả đã có một buổi chiều đáng ghi nhớ trong chuyến đi này.

Văn hóa Ẩm Thực đường phố:

Phở Bò… Phở Gà

Trước đây hẳn đã có nhiều bài viết về Phở, nên tôi không muốn viết thêm mà chỉ viết về nét đặc trưng của một tiệm Phở… nổi tiếng ở Hanoi. Xin hiểu cho đây chỉ là cảm nhận cá nhân của một du khách, mà không hề làm quảng cáo cho ai.

Mấy buổi sáng liền, chúng tôi sau khi thức dậy là mò thẳng đến quán Phở bò trên đường Bát Đàn, cách khách sạn chừng mươi phút đi bộ. Nói là tiệm hay nhà hàng thì có hơi quá đáng, mà thực ra chỉ là cái quán, diện tích chừng 4x5 m, trong kê vài ba chiếc bàn nhôm và ngay cửa ra vào đã là quầy nấu phở chiếm gần một phần tư quán, nên có thể nói là không chứa được bao nhiêu khách, khách phải ngồi cả xuống mấy cái bàn nhỏ đặt trên lề đường. Vào mỗi sáng, vào tầm đi làm, tiệm rất đông, người ta phải đứng xếp hàng dọc theo lề đường để chờ lần lượt tới phiên mình bước vào. Trễ một chút thì không có chỗ ngồi, như lần chúng tôi đến lúc tám giờ sáng, thì phải chờ. Như đã nói ở trên, ngoài là quầy phở và cũng là quầy thu tiền, khi bước vào nói: "cho tôi một Phở chín" đồng thời trả tiền ngay lập tức: Phở chín 40,000$, chín nạm 50000$, Tái 45000$. Rất lẹ, vừa cầm lại tiền thối là chủ tiệm đã đưa cho mình một tô đầy ắp, nóng hổi. Đúng là vừa thổi vừa ăn. Mình đàn ông đàn ang bưng tô phở coi rất bình thường, nhưng các bà các cô là "người nước ngoài", đâu có biết đứng ăn theo kiểu đó bao giờ. Ấy thế mà sáng hôm sau, bà xã tôi cũng quen ngay cách tiếp thị đó. Nhất là không thể tìm đâu ra chỗ ngồi vì bàn ghế rất ư là giới hạn. Chúng tôi cũng đành phải bưng tô phở nóng bước vào trong, đứng dựa lưng vào tường chờ có ghế trống. Nhưng làm gì có chỗ nào trống, làm gì có ai nhường chỗ cho mình vì họ cũng phải qua các steps như mình. Tả oán một tí vậy thôi, chỉ chừng hai, ba phút sau là có người đứng lên, vì họ phải "tranh thủ" đi làm, mình cứ vô tư thoải mái ngồi vào mà không cần được chỉ định "to be seated". Các bà các cô cũng phải theo nếp văn hóa phở như thế. Dĩ nhiên Phở Hà Thành không có rau hay giá chụm như kiểu phở trong Nam, chỉ có tương đỏ, chanh và tiêu thôi. Còn cái khổ nữa là không có muỗng sứ hay plastic mà là muỗng nhôm, nóng cháy cả môi…Nhưng phải chịu vậy, mình không thể đòi hỏi khác được. Ngày xửa ngày xưa, đứng ăn phở gánh làm gì có muỗng, phải bưng cả tô lên mà húp còn được cơ mà….Bạn bè tôi chưa được trải nghiệm cảnh này nói, "như thế mà ham hố cái nỗi gì…" Thực ra cái ham hố ở đây là bầu không khí sao rộn ràng, thân thiện đến thế ! Khiến chúng tôi cứ muốn quay lại hoài…Nhưng cái đặc trưng Phở Bắc bây giờ lại ăn cùng với dầu-cháo-quẩy, thứ mà chúng ta chỉ ăn với cháo lòng. Lúc đầu tôi ngạc nhiên, nhưng sau lần ăn thử, tôi thấy có lý. Ngon thật các bạn ạ ! Cầm cái quẩy chỉ to và dài hơn ngón tay trỏ, nóng và dòn chấm vào nước dùng, cắn ráu một cái, mới trải nghiệm được vị ngon của quẩy và nước phở. Cho đến bây giờ ở Mỹ, mỗi khi nhà nấu Phở, tôi không quên mua thêm mấy cái quẩy. Mấy đứa cháu tôi, bây giờ ăn quen, mỗi khi bảo chúng lên

bà nội ăn phở, chúng nó lại hỏi là bà có cái twisted không.
Hiện nay món phở bò VN đã nổi đình nổi đám trên khắp thế giới.

Nhưng nếu chỉ ca tụng phở bò mà không nói đến phở gà thì e có điều thiếu sót lớn…

Ở Saigon trước kia có ít tiệm bán phở Gà mà chỉ toàn là phở Bò, trái lại bây giờ ở Hanoi, quán phở Gà hình như phố nào cũng có. Nhưng phở gà ở Hanoi khác với phở gà Saigon, đó là gà-đi-bộ ăn kèm với lá chanh. Lá chanh được thái rất nhỏ, nhỏ như sợi tóc, bỏ một dúm nhỏ vào ngay tô phở, lấy thìa húp một chút nước dùng, tất người ăn sẽ cảm nhận được cái vị "con gà cục tác lá chanh" ngay. Tình thực mà nói, cả một thời trai trẻ sống trong Nam, tôi chưa hề có lần nào được thưởng thức món phở Gà có rắc lá chanh, chỉ được ăn thịt gà chấm muối chanh tiêu, nay được thưởng thức phở Gà kiểu này, thật là ngon hết chỗ nói. Hơn nữa, cũng đừng quên ăn với dầu-cháo-quẩy.

Tuy nhiên sau khi rời Hanoi, chúng tôi vào Saigon và được biết tiệm phở Gà ở gần Bitexco chỉ mở cửa bán từ chiều đến đêm, duy nhất ở đây có bán phở Gà có lá chanh tươi. Chủ nhân không phải là người ngoài Bắc mà là người từ Huế vào. Thế mới lạ! Phở ngon thật ! Nhất là gọi thêm một đĩa gà luộc với muối chanh tiêu đi kèm thì quả là trên cả tuyệt vời. Tôi có mời một vài người bạn trong Saigon đến đây ăn thử, ai nấy đều hồ hỡi quá trời vì trước đây họ đã không hay biết tiệm Phở Gà này. Phở Saigon, Phở Bolsa không ăn với quẩy. Mà hình như Phở bây giờ cũng biết phân biệt địa phương đấy chứ !

Miếng Bánh Đa Kê.

Một buổi sáng, chúng tôi mới từ khách sạn bước xuống đường thì thoáng nghe đâu đó tiếng rao chào khách:"A…i…bánh đa kê !". Giật mình… nhìn ngang ngó dọc, tôi chỉ thấy một cô đang lọc cọc dắt chiếc xe đạp trên hè phố cổ, phía sau boọc-ba-ga là một chiếc thúng nhỏ được phủ kín bằng một vỉ cói đan cốt để giữ cho hàng nóng và một chồng bánh đa treo lủng lẳng trước ghi đông. Mới chỉ nghe đến tên Bánh Đa Kê, mà tôi như bàng hoàng chợt nhớ tới hình ảnh U tôi, người quê mùa chất phác, chít khăn mỏ qụa, răng đen cánh kiến, lúc sinh thời, hàng tuần, thường đắt tôi xuống chợ Rộc Vỏ ở Hạ Long ăn quà khi tôi mới được khoảng năm sáu tuổi. U tôi thường mua cho tôi bánh đa kê hoặc một đọi (chén nhỏ) rượu nếp của Bà Đồng Phiệt. Tôi chưa thể quên được dù cho đã sáu bẩy chục năm trôi qua…Tôi nói với cô bé bán hàng, làm cho tôi hai cái.

Tôi cầm miếng bánh còn nóng đầy ắp kê



vàng đậu xanh và đường đứng ngay trên vỉa hè giữa lòng phố Cổ, ngoặm ráu một cái, mùi vôi ăn trầu trong lớp kê thơm phức đưa vào mũi …Chao ôi! Thơm ngon làm sao! Món quà sáng rất là chân quê không cầu kỳ cao sang, nhưng quả thực đã đánh thức được hồn quê trong tôi…

Đơn giản hàng bánh đa kê chỉ là một rổ kê đã được nấu chin mà trong đó nhất thiết Kê phải được pha nấu với nước vôi ăn trầu.



Kê luôn luôn được ủ nóng. Khi có khách mua, người bán sẽ bẻ chiếc bánh đa làm hai, he hé rổ kê, lấy một phần kê nóng phết lên một nửa miếng bánh đa này, cạo một lớp đậu xanh phủ đè lên, rồi rắc một lớp đường cát mỏng lên trên. Gấp một phần tư miếng bánh lại. Thế là xong ! Đơn giản có thế thôi! Đối với tôi, đây mới thực sự là hình ảnh của một "chùm khế ngọt". Ở bên trời đất khách, nơi tôi đã sống được quá nửa đời người, có bao giờ lại được thưởng thức món quà này không nhỉ ? Cái hình ảnh thôi thúc trong tôi trong buổi sáng ngày hôm ấy là niềm hạnh phúc bất chợt được liên tưởng đến hình ảnh U tôi…

Ở nơi tôi đang sống, người ta cũng có bán kê. Chúng tôi cũng đã đôi lần mua làm thử món bánh đa kê này, nhưng vẫn không thể tìm được hương vị một loại quà dân dã quê hương…
Buồn thật…

Bia Cỏ vỉa hè Phố Cổ.-
Khách sạn chúng tôi thuê toạ lạc ngay trong khu Phố Cổ sát bên bờ Hồ. Giá phòng hợp với túi tiền và nhất là tiện lợi cho việc ăn uống. Nói chung chung thì hàng ăn quán uống gì ở khu này cũng rất gần, đi bộ chừng dăm ba phút. Đường phố cổ rất ngắn và hẹp. Trung tâm của khu phố Tây này là góc đường Lương Ngọc Quyến và Tạ Hiện và chẽ ra vài con đường khác làm thành khu phố Tây của Bia Cỏ. Đường Tạ Hiện dài chừng hơn 100 mét, lề đường rất hẹp nhưng chiều tối nào cũng thế, trai gái, nhất là du khách nước ngoài đến tụ điểm này đông vô số kể. Tối ngày thường còn có lai rai xe Honda lách mình qua lại nhưng mới đây, vào ba ngày cuối tuần, khu này chỉ dành riêng cho người đi bộ, do đó càng đông người hơn. Thực ra nơi đây không phải là một khu thương mại theo đúng nghĩa của nó mà



chỉ là tụ điểm bán Bia Cỏ. Giá cả rất mềm. Có quán giá 4000$, có quán giá 5000$ một cốc bia. Bàn ghế có gì đâu, quán nào cũng chỉ có một số ghế nhựa, cái thấp làm ghế ngồi, cái cao hơn chút đỉnh làm bàn. Chỉ vậy thôi…

Nhưng bia Cỏ là bia gì nhỉ ? Bia Cỏ là tiếng lóng tên gọi của bia hơi, bia tươi. Sở dĩ cư dân Hanoi thường gọi tếu là bia cỏ vì là thứ bia do tư nhân tự chế biến, không theo một quy trình sản xuất nào, không bảo đảm vệ sinh (?) và gía cả lại quá rẻ. Ai cũng biết thế, nhưng uống một cốc thì nhằm nhò gì …Mặc dù giá bia chai bia lon cũng như mọi

nơi. Hỏi ra thì được biết, theo hiệp hội những nhà sản xuất nước giải khát, thì mỗi ngày cư dân Hanoi tiêu thụ chừng 50000 lít bia cỏ trên địa bàn Hà Nội.

Khách Tây Đầm, sinh viên trai gái đến khu Tạ Hiện, tuyệt nhiên rất ít khách cao tuổi, chỉ để uống một cốc bia, ăn vài hột lạc rang húng lìu. Sang hơn chút nữa là nghêu sò ốc hến luộc. Nhưng độc đáo nhất và khiêu khích mũi của du khách là món thịt nướng, chim sẻ nướng. Chúng tôi có ăn thử một xâu. Ngon thật ! Nhưng vẫn nghi ngờ là có phụ gia của Chú Ba (?) và không biết là chim thật hay là gà, vịt con chết …

Nhưng chắc chắn một điều, anh chàng quạt thịt nướng nói nhỏ với tôi, "nói thật với chú, chú đi từ đằng xa kia đã nghe thấy mùi thịt nướng, là vì chúng cháu đã quệt chút xíu mỡ chó vào xiên thịt nên lúc nướng mới có mùi thơm quyến rũ như thế. Người ngoại quốc họ mê lắm…". Nhưng tại sao khu phố này lại trở thành một trung tâm hòa hợp cả hai nếp văn hóa ẩm thực đường phố Tây Ta như thế ? Chúng tôi đã trao đổi với nhiều bạn trẻ thì tìm được câu trả lời nghe ra rất có lý. Họ đến đây sau một ngày tù túng trong văn phòng, hay sau những giờ vật lộn với sách đèn. Một cốc bia hơi quá rẻ, giới nào cũng có thể làm thỏa mãn nhu cầu giải khát của mình nhất là trong giới thanh niên, trong cuộc hẹn hò của đôi trai gái. Nếu trong những ngày hè oi bức của Hà Thành, sung sướng làm sao, khi được cạn một cốc bia lạnh. Và khi gió muà đông bắc tràn về thành phố, người ta đã tìm được hơi ấm bên nhau trong hương men bia cỏ vỉa hè…như một cảm tác của nhà thơ Ý Anh (USA):

Em yêu dáng thu gầy Hà Nội
Chiều mênh mang thoảng chút nắng Hồ Tây
Tà áo ấy gió hôn lên khe khẽ
Gợi trong tôi một Hà Nội rất đầy
Chao ôi! Hạnh phúc làm sao!

Chợ Đêm Phố Cổ

Đã nhiều lần tôi trở về Hanoi, nhưng không có nhiều thời gian lưu lại lâu hơn nên việc đi thăm chợ đêm nghĩ ra chưa cần thiết vì trong tư tưởng của tôi chợ đêm tại khu phố cổ Hà Nội, tại khu chợ Saigon trong Nam hay ngay chợ đêm khu Phước Lộc Thọ ở Little Saigon cũng vậy thôi. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ là hàng nhập cảng từ Trung Quốc.

Tuy nhiên, lần thứ ba mới đây vào khoảng đầu tháng 5 năm ngoái, chúng tôi có nhiều thời gian hơn nên nhất định phải dành ra một tối để đi quan sát sinh hoat chợ đêm tại nơi đây. Nếu chợ đêm trong Saigon nhóm họp mỗi tối thì chợ đêm tại khu Phố Cổ Hà Nội chỉ họp vào ba đêm cuối tuần.

Khách sạn nơi chúng tôi tạm nghỉ chân nằm ngay đầu đường Đinh Liệt với đường Cầu Gỗ, trong khu phố cổ Hồ Hoàn Kiếm. Từ Khách Sạn Hà Nội chúng tôi có thể tản bộ ra bờ Hồ không đầy 5 phút và ghé đến khu chợ đêm thì quả là gần.

Vừa chập tối, khi đường phố đã lên đèn, sinh hoạt chợ đêm bắt đầu nhộn nhịp. Từ



phố hàng Đào, hàng Ngang chạy suốt tới chợ Đồng Xuân, các bục chắn đã được kéo ra ở các góc phố để chặn không cho xe máy qua lại Thời gian này người buôn bán hối hả đẩy những xe ba bánh hoặc xe Honda chất đầy hàng hoá vào khu chợ đêm. Nháy mắt,

những sạp bán đã được dựng thành từng hàng ngay giữa lộ. Các cửa tiệm buôn nằm hai bên đường phố Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Cót v.v… giờ cũng đã đem hàng hóa bầy ra trước cửa. Chúng tôi nhận thấy hầu hết là quần áo phụ nữ, giầy dép, ví sách tay chất lên thành từng đống cao. Tại một góc phố, một họa sĩ trẻ, đang ngồi vẽ chân dung một cặp trai gái mà tôi nghĩ họ là người Trung Đông với nước da hơi đậm ngồi làm mẫu. Tôi liếc trộm vào bức tranh mà người họa sĩ gần hoàn tất…phải nói, tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy bức ảnh này giống họ như khuôn. Một bức vẽ như vậy khách phải trả 200 ngàn đồng, cỡ 10.USD, và thường thường được hoàn tất trong vòng một giờ đồng hồ. Tôi nghĩ quá rẻ so với tay nghề của người hoạ sĩ. Ban ngày khi đi dạo quanh bờ Hồ tôi thường thấy có nhiều họa sĩ trẻ tuổi như vậy ngồi vẽ chân dung cho du khách, hầu hết họ là những sinh viên trường Mỹ Thuật Hanoi.

Đặc biệt tại khu chợ đêm này có nhiều lò bán "hot dog Đức" và thịt nướng… Từng xâu thịt có nhẽ đã được ướp đầy đủ gia vị, đặt trên một vỉ nướng, bên dưới là những thỏi than hồng cháy xèo xèo mỗi khi mỡ ở những sâu thịt rớt xuống, mùi thơm toả lên thực hấp dẫn những ai đói bụng khi đi ngang qua chắc thế nào cũng phải ăn thử. Thơm đến cháy cả mũi. Chúng tôi không ăn nên không hỏi giá cả. Rồi những quầy kính bán bánh mì thịt nguội trông cũng hấp dẫn đáo để. Người ta vây quanh đợi đến lượt mua, làm chú bán hàng trở tay không kịp. Bánh mì ở đây so ra có phần ngon hơn ở bên Mỹ, vậy mà tôi cũng chỉ dám ăn bánh mì không, vì vỏ ròn tan thực khoái khẩu. Thực ra những đồ ăn bán ở bên hè ít khi chúng tôi dám chiếu cố. Vậy mà nhìn quanh tôi thấy có nhiều người ngoại quốc sà vào mua và ăn tỉnh bơ thực ngon lành. Người nước ngoài không mấy dè dặt như chúng tôi nên các đồ ăn bày bán trong khu chợ đêm như soài xanh, ổi, cóc, v.v… ngâm nước cam thảo… họ ăn tuốt luốt. Một bà bán kẹo kéo ngồi phía trước cửa một tiệm vải, đang loáy hoáy với hai cây đũa để kéo kẹo mạch nha đựng trong một cái khay cho thêm dẻo thêm dai. Tôi sáp vào mua đại một cây, gía 3 ngàn đồng. Đây là một loại kẹo kéo làm bằng mạch nha bên trong có lạc rang mà tôi


Bến Phà chiều:
Hải Phòng - Quảng Ninh

rất thích ngay từ hồi còn bé mỗi lần theo U tôi đi chợ, U tôi đều mua cho tôi ăn. Kế bên là một gánh hàng bán bắp nếp, và khoai lang nướng than; mùi thơm của khoai nướng bốc lên sao mà thơm ngon lạ! Chẳng thể bỏ qua, chúng tôi sà vào mua một cái bắp nướng và một củ khoai lang ăn thử. Quả là tuyệt vời với món ăn quốc hồn quốc tuý của quê nhà. Những người bán hàng rong vỉa hè trong khu chợ đêm như thế này được thoải mái mời chào khách không phải chạy trốn công an xua đuổi như khi họ bán rong ban ngày ở khu ven bờ hồ. Tôi đã từng chứng kiến cảnh công an bắt

họ đưa lên xe đem về ty. Tâm sự với mấy cô bé bán bánh rán (bánh cam) bên bờ hồ mới biết là nếu bị bắt như vậy, họ sẽ bị phạt và bị tịch thu hết cả đồ bán. Cuộc sống của họ qủa là khó khăn và chật vật.

Càng về khuya cảnh chợ đêm càng đông và tấp nập. Người ta chen chúc nối đuôi nhau đi mua sắm và ăn uống. Phần đông là du khách nước ngoài lẫn với dân chúng từ các miền lân cận đổ về Hà Nội trong dịp ba ngày nghỉ lễ cuối tuần. Vợ chồng, con cái bế bồng nhau lếch thếch, nói chuyện oang oang một cách rất ư là vô tư. Chúng tôi ghé ngang qua những sạp bán đồ trang sức, sạp bán các sản phẩm tiểu công nghệ, đồ chơi trẻ em và còn rất nhiều mặt hàng khác mà thường ngày được bán tại các khu phố khác hay trong chợ Đồng Xuân. Xem cho biết chứ thiệt tình chẳng thứ gì mà tôi nghĩ đáng giá để mình mua sắm vì phẩm chất của nó. Tuy nhiên bà xã tôi cũng mua được một cái máy xấy tóc hiệu Đại Hàn tại khu chợ đêm này với gía cả phải chăng vì khách sạn tôi ở hơi thiếu tiện nghi.

Tráo Bài Tây

Vào ngày chúng tôi trở về Thành Phố Hạ Long để đi tảo mộ tổ tiên, trước đây đi từ Hải Phòng phải qua Phà Bính, nay chỉ phải qua Phà Rừng – Bạch Đằng Giang. Thời gian phà chạy khoảng 30 phút đến thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh. Khi phà vừa tách bến, hành khách chưa hẳn ổn định chỗ đứng, tôi trông lại phía đầu phà, thấy hành khách người thì dắt xe Honda người thì gồng gánh đã nhôn nhao cả lên... Tôi bỗng thấy một tốp thanh niên đang sà vào bàn bài Tây mà một anh nhà cái đang liên tục tráo qua sàng lại 3 cây bài, miệng không ngớt rao to:"Đặt tiền đi bà con cô bác ơi !... Trông tinh thì được,Chỉ đi xem thiên hạ mua sắm mà mình cũng cảm thấy mỏi chân và uể oải. Nhưng vẫn cảm nhận được cái thú là được ngắm dòng người xuôi ngược chợ đêm. Nhưng rồi chúng tôi cũng phải quay về khách sạn để còn chuẩn bị cho chuyến đi tảo mộ tổ tiên ở Thành Phố Hạ Long sáng hôm sau. Hình ảnh buổi chợ đêm khu Phố Cổ như vẫn còn vương vấn trong tôi với những khuôn mặt và dáng dấp của các bà bán hàng rong cũng như các em bé tật nguyền đi ăn xin. Hình như trên khuôn mặt họ đều lộ vẻ ưu tư vì có thể ai nấy đều lo lắng cho buổi chợ đêm này không biết lời lãi ra sao… trông lầm thì thua… Hãy nhanh tay lên kẻo phà sắp tới bến rồi". Ngay trong giây phút này trong đầu óc tôi chợt lóe lên một hình ảnh của thời xa xưa…

Vào đầu những năm 1950, được gia đình gửi lên theo học ở Hà Nội, mỗi lần đi dạo bờ Hồ hay ra chợ Đồng Xuân, tôi thường mục kích những đám người ngồi tráo Bài Tây (Bài Ba Lá) như thế. Lại nữa, nhà tôi ở khu Trại Ngọc Hà, Đội Cấn Hà Nội, thường ngày sau bữa cơm chiều, tôi hay lang thang ra trước rạp Cinema Ngọc Hà nằm trên đường đi đến vườn Bách Thảo để lén đi hút thuốc lào. Do đó hình ảnh cảnh chơi bài ba lá trước rạp chiếu bóng chẳng xa lạ gì đối với tôi. Món cờ bạc bịp này chỉ nhằm gạt gẫm những người quê mùa mới ra tỉnh kiếm công ăn việc làm hay những người đi làm thuê, làm mướn. Họ bị bịp mà không biết vì chung quanh họ là một đám cò mồi đặt tiền chỗ nào là trúng chỗ đó…làm lạc hướng người thích trò đỏ đen.

Nói chung đồ nghề của đám tráo Bài Tây chỉ có ba cây que nhỏ buộc vào nhau thành một cái gía ba chân, một tấm bìa cứng làm bàn (đôi khi ngồi xuống đất), và ba quân bài. Quân bài Tây là lá bài chủ để đặt tiền còn hai lá kia là Ách hay Xì. Anh nhà Cái cầm ngửa ba quân bài cho mọi người thấy, một tay cầm một quân, còn tay kia cầm hai lá bài, lá bài chủ và Ách, rồi anh ta lanh tay vất úp một quân xuống bàn, người đứng ngoài không ai

MẶC NIỆM CHIỀU XUÂN

Mùa Xuân ai khóc nước non
Thương về quê ngoại héo hon tấc lòng
Cuối đời lạc bước hư vong
Mẹ già tựa cửa chiều mong con về
Viễn phương ngàn dặm lê thê
Tóc mây sương khói hương thề nhạt phai
Ngỡ ngàng mộng tưởng trần ai
Người thương ly biệt miệt mài hồn đau
Vì sao cờ đổi sắc màu
Đêm thâu hoài niệm nát nhàu tâm tư
Giật mình mờ ảo thật hư
Bao giờ tìm được chân như cuộc đời
Bềnh bồng mây nước chân trời
Con thuyền viễn xứ xa vời ước mơ
Tạ tình ươm lại hồn thơ
Bao năm lòng vẫn còn chờ tri âm.

Đỗ Thị Minh Giang

biết chắc là quân nào – quân nằm trên hay quân nằm dưới được vất xuống bàn trước vì hai quân bài đã được nhà cái sử dụng ngón tay làm "xảo thuật" che mắt người chơi. Kế tiếp là màn sàng qua sàng lại ba quân bài trên mặt bàn. Đồng thời nhà cái rao to: "Trông tinh thì được, trông lầm thì thua". Người chơi tưởng cây bài vật úp xuống bàn là con bài Chủ, nên đặt tiền và dĩ nhiên… thua… Đơn giản chỉ có thế thôi.

Trở lại hình ảnh đám tráo Bài Ba Lá trên chuyến Phà chiều, họ thấy tôi mang theo máy hình, liền nói chận đầu trước: "Xin bác đừng chụp ảnh, để cho chúng cháu làm ăn …". Lý do là họ sợ bị CA theo dõi. Theo tôi tìm hiểu, địa bàn hoạt động của đám này là trên các chuyến Phà ngang-Hải Phòng-Quảng Ninh, gọi là Phà Rừng. Toán cờ bịch này, khi Phà cập bến, cũng đi lên như mọi hành khách khác, nhưng dừng lại ở Phòng Chờ Đợi ở bến Phà. Khi có đủ hành khách đi Phà trở lại phía bên kia, bọn họ lại mua vé đi lên như khách thường và khi Phà nổ máy rời bến, chúng lại giở mánh bài Ba Lá ra dụ đám khách mới lên. Tính ra một ngày chúng qua lại hai bến hàng chục lần, mỗi lần chỉ cần bịp được một người, là bọn họ cũng đã làm ăn khấm khá để chia chác nhau. Hôm đó chính mắt chúng tôi thấy một khách qua phà mặt mày méo xẹo vì đã cúng cho họ cả triệu đồng.

Món cờ gian bạc lận này hiện đã mất dấu ở Hanoi có lẽ vì đời sống văn minh đô thị, chỉ còn lác đác ở một vài tỉnh lẻ - nơi bến xe, bến tầu, đầu chợ…và ngay trước cổng Chùa Bái Đính…

Vẩn tẳt vài dòng kể chuyện bụi đường cho vui. Ai chưa tin cứ về thăm VN và thử chơi cho biết…

Trông thì ngon cơm lắm đấy nhưng cuối cùng "không chết thì cũng bị thương".

Bốn tuần lễ quanh quẩn ở Hanoi, tính ra chúng tôi đã cuốc bộ mỗi ngày chừng bốn, năm tiếng đồng hồ. Phần là để nhìn lại những con đường ngày xưa mình hàng ngày đã đi qua, phần vì không có phương tiện tập thể dục như ở

nhà, nên đi bộ là cách tốt nhất để "luyện cơ bắp", tôi nghĩ thế. Đo đó khi trở về đến Mỹ, chúng tôi đều tụt xuống bốn, năm pao. Thế ra đi bộ có kết quả thật! Mà cũng phần vì chúng tôi không dám ăn uống bừa bãi. Bữa chiều thường ghé vào một tiệm cơm ở khu phố cổ, hôm thì gọi rau cần xào, hôm thì canh rau ngót nấu với giò sống hoặc cá rô cá trê chiên dòn chấm mắm chanh gừng… đôi khi gọi đậu phụ rán chấm mắm tôm bắc. Những món ăn rất dân dã này đã giúp chúng tôi xuống cân. Giá phần ăn cho hai người khoảng 150,000$ ($7us) trở lại. Cô con gái chủ tiệm hiện là sinh viên trường Dược (?) tiếp đón khách ngoại kiều chúng tôi rất niềm nở. Có một lần tôi hỏi cô nửa đùa nửa thật:" Bác hỏi thật cháu, trong các món ăn ở tiệm này, cháu có dùng nhiều phụ gia của Tầu không ? - Dạ …Xin Bác yên tâm. Bác cứ nhìn số thực khách trong phòng sẽ là câu trả lời chính xác nhất của cháu đấy ạ !. Gia đình cháu phải giữ đúng phẩm chất và hương vị của các món ăn nên cư dân ở đây và du khách nước ngoài mới chiếu cố đến tiệm đông như thế ! Nếu làm bậy là tiệm đây bị đưa lên mạng ngay …thưa bác." Cô gái Hà Thành trả lời khéo léo và ngọt sớt! Nhưng quả thực, nhiều gia đình đưa cả nhà đến ăn vì tiệm khá sạch sẽ với lối tiếp đón rất ân cần niềm nở. Khách cần món gì thêm, gọi một tiếng, chỉ một phút sau có người mang ra ngay.

Nhưng chưa hết …Trong một buổi chiều đi dạo ở phố Hàng Đào, chúng tôi vừa đến trước cửa một tiệm bán vải, có hai cô trong độ tuổi ngoài ba mươi đang đứng nói chuyện gì đó với nhau: "Đ'…mẹ cái thằng hâm ấy, quên nó đi" (hâm=gàn, dở người). Chúng tôi giả vờ như không nghe thấy và vẫn tiếp tục bước đi. Tôi biết, đó là lối đàm thoại thường nhật của người Hà Thành bây giờ. Cũng như báo chí Hanoi và nhiều người VN từ Hanoi trở về vẫn than phiền việc "quát tháo, chửi mắng" trong một vài tiệm ăn như Bún Chửi ở ngõ Ngô Sĩ Liên gần Ga Trần Qúy Cáp, Cháo Quát ở Lý Quốc Sư hay Ốc Lắm Mồm ở Nam Đồng …. Đó là những sự kiện có thật nhưng không hẳn hoàn toàn đúng như thế…Không phải là chủ nhân quát hay chửi mắng khách hàng mà là om sòm la lối "lũ con cháu chạy bàn": "Thằng kia …mày mù hay sao mà không trông thấy khách đang đợi chanh ớt…" hoặc "Mày què hay sao mà không biết đến lau sạch cái bàn cho khách …" Đại khái là những câu ra lệnh như thế. Chẳng qua chủ nhân quá bận rộn với đôi tay làm món ăn cho khách, phần vì phải điều động nhân viên, nên phóng ra những lời nói tục tằn quen miệng kiểu ngôn ngữ vỉa hè đường phố… Nghe nói ngay bên California cũng có một chủ nhân tiệm phở gì đó, la hét trong tiệm chẳng kém gì những "ngôn từ đặc sản văn hóa đường chợ Hà Nội" mà tiệm vẫn tấp nập khách vào ăn. Được biết, chủ nhân là một cư dân gốc Bắc…

Thôi … chuyện bên đường kể ra thì biết đến bao giờ mới hết trong chuyến đi dài ngày cuả một người đi xa trở về muốn cảm nhận được hết sự tận cùng của nỗi nhớ. Xin đành để bụi đường hòa cùng những bọt bia hơi trên vỉa hè phố cổ…



Phạm Bá (MD 2015)

Xướng

XUÂN TẾT THA HƯƠNG

Trời hôm nay đẹp nắng vàng hoe
Đây đó đào mai nụ mới xòe
Tiếng pháo đì đùng trai gái dạo
Chợ hoa dìu dập áo quần khoe
Bà ôm bó lộc mắt cười híp
Cháu đếm lì xì miệng nở toe
Kẻ nguyện giáo đường, người Phật tự
Dẫu gì, Xuân Tết cũng xun xoe

2015, (Tặng bằng hữu)
NGÔ ĐÌNH CHƯƠNG

Họa

BUỔI SÁNG NGÀY XUÂN

Hoa lá bình minh sắc đỏ hoe
Mặt trời như chiếc quạt đang xòe
Văn thơ óng ả còn mài giũa
Khăn áo mẫu mè đã muốn khoe
Phố xá khang trang người hí hửng
Cửa nhà rộn rã trẻ ti toe
Nhiệt tình đón Tết cùng tham dự
Đâu phải bề ngòai xun với xoe.

2/9/2015
NGUYỄN-PHÚ-LONG

Kính họa

ĐÁM CƯỚI XUÂN XƯA

Đầy đường xác pháo đỏ hoe hoe
Giữa đám phù dâu mặc váy xòe
Chủ rể áo dài ngây ngất ngắm
Cô dâu yếm thắm nõn nường khoe
Trai tân hút thuốc tay ngoe nguẩy
Bô lão ăn trầu miệng toét toe
Hai họ xướng danh chào giới thiệu
Giai nhân trình diện… mắt tròn xoe!

2/8/2015
HỒ CÔNG TÂM

XUÂN… XUÂN

Xuân thắm xuân tươi nở nụ hồng
Xuân tân xuân trọn vẹn hằng mong
Xuân yêu xuân mến theo năm tháng
Xuân mộng xuân mơ ngập cõi lòng
Xuân cảm xuân hoài thơm ngõ hạnh
Xuân hòa xuân hợp ngát hương nồng
Xuân tình xuân ý muôn cung điệu
Xuân hẹn xuân chờ cả núi sông

PHAN KHÂM

SƠ LƯỢC VỀ HÁT BỘI

Đào Đức Chương

Tuồng là bản ca kịch cổ truyền của dân tộc, viết theo lối hợp thể gồm văn vần như thơ lục bát (chính thức và biến thể), song thất lục bát, tứ tuyệt (vần trơn hay vần có bình đối), thất ngôn bát cú Đường luật, nói lối; văn xuôi như trong hường và kẽ; và thể câu đối. Đề tài tuồng thường dựa vào lịch sử, truyện tích xưa và đề cao gương trung hiếu tiết nghĩa.

Mô hình nghệ thuật này người Miền Bắc gọi là Hát tuồng, ở Miền Trung và Nam nói là Hát bội. Một lối hát bài bản, có lớp lang, các đào kép dùng điệu bộ đặc biệt mang tính cách tượng trưng và ước lệ để diễn tả nội dung của vở tuồng.

I - SỰ HÌNH THÀNH

Hát bội có từ lâu, theo Đào Tấn bộ môn này có dấu vết manh nha từ thời Đinh (968- 980), Lê (980- 1009), Lý (1010- 1225), đến đời Trần (1225- 1400) mới hoàn thành, vì đã hội đủ ba yếu tố: ca, múa và diễn câu chuyện [1].

Thật vậy, dưới thời Lê Đại Hành, niên hiệu Thiên Phúc thứ 6 (天 福), ngày rằm tháng bảy năm Ất Dậu (985), lễ sinh nhật của vua, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền gọi là Nam Sơn, rồi bày trò vui đua thuyền, sau thành thường lệ [2]. Đời Lý Nhân Tông, niên hiệu Thiên Phù thứ 4 (天 符), ngày 25 tháng giêng năm Quý Mão (1123), nhân ngày sinh nhật của vua, làm nhà múa có **bánh xe đẩy để cho cung nữ múa hát và dâng** rượu [3]. Dựng sân khấu ca múa và ý niệm về kịch nghệ bắt đầu từ đấy.

Sang nhà Trần (1225- 1400), đời Trần Nhân Tông, năm Ất Dậu (1285) quân Nguyên do Toa Đô (Suo Du) chỉ huy sang chiếm nước ta, bị Hưng Đạo Vương đánh bại phải tháo chạy về Tàu. Quân ta bắt sống rất nhiều tàn binh, trong đó có kép hát Lý Nguyên Cát (Li Yuan Ji). Được nhà Trần hậu đãi, Lý Nguyên Cát đã truyền cho vũ công của triều đình môn hát bội [4]. Song chỉ học về hình thức như quy tắc hóa trang, cách phục sức, lối dàn cảnh, diễn điệu bộ nhân vật; nhưng không rập khuôn hẳn theo Tàu. Còn về nội dung như nhạc đệm, giọng hát, lời tuồng đều theo âm điệu có sẵn của nước ta; chỉ có điệu hát khách (hát Bắc) là ảnh hưởng phần nào của Tàu mà thôi. Tóm lại, bộ môn này, chúng ta chỉ du nhập cái khung sườn nghệ thuật của Tàu rồi đẽo gọt những góc cạnh không phù hợp để có một dáng dấp mới mang phong vị sắc thái Việt Nam.

Cũng theo Đào Tấn [5], tuồng trong thời kỳ này bắt đầu thịnh hành và chia làm 12 loại vai tuồng: Trung thần, liệt sĩ, hiếu nghĩa, liêm sỉ, suất gian (nạt kẻ gian), mạ sàm (mắng kẻ gièm pha), trục thần (bề tôi bị đuổi), cô tử (con mồ côi), thần đầu (đầu thần), quỷ diện (mặt quỷ), yên hoa (chốn yên hoa), phấn đại (nơi son phấn). Tuồng đang đi vào giai đoạn trưởng thành với đủ các yếu tố nghệ thuật như ca, múa và diễn truyện.

Sang đầu đời Lê (1428- 1459) bộ môn này tiến lên một bước dài vì văn chương và âm nhạc tuồng được coi trọng. Nhưng đến đời Lê Thánh Tông (1460- 1497) nghệ thuật sân khấu nói chung, hát bội nói riêng bị loại ra khỏi cung đình, giới cầm ca bị khinh rẻ và liệt diễn viên vào hạng "xướng ca vô loại."

Vào thời Lê Trịnh, Đào Duy Từ (1572-1634) gốc người Thanh Hóa, là con của kép hát, phải đổi sang họ Vũ của mẹ để đi thi. Ông đậu được Á nguyên, vào thi Hội xong, chờ xướng danh, nhưng bị phát giác, bộ Lễ rút lại văn bằng và lột áo mão cân đai [6]. Ông phẫn uất, vào xứ Đàng Trong theo Chúa Nguyễn, lập nghiệp tại phủ Hoài Nhơn, nay là tỉnh Bình Định. Những lúc rỗi rảnh, ông sửa điệu tuồng hát cho hợp với giọng địa phương và truyền bá nghệ thuật này. Vì thế, miền đất Hoài Nhơn trở thành chiếc nôi của nền hát bội Xứ Đàng Trong.

II - TÌM HIỂU DANH XƯNG

"Hát bội" hay "hát bộ" đã gây nhiều tranh cãi bất phân thắng bại trong giới văn học, làm nhiều người phân vân không biết phải gọi thế nào cho đúng.

Tiêu biểu cho phe chủ trương dùng danh từ "hát bộ" có Đoàn Nồng, trong tác phẩm *Sự Tích và Nghệ Thuật Hát Bộ*, Văn Học Tùng Thư xb, Mai Lĩnh, 1942.

Nhưng theo Huình (Huỳnh) Tịnh Paulus Của, *Đại Nam Quấc (Quốc) Âm Tự Vị*, Sài Gòn, Imprimerie Rey, Curiol, 1895; là quyển từ điển tiếng Việt xưa nhất vẫn dùng từ ngữ "hát bội." Sách đã dẫn, nơi trang 67, định nghĩa chữ "bội" là "hơn, bằng hai" và các từ kép của "bội" là "gia bội, quá bội, trò bội, bội bè, hát bội." Tác giả giải thích: "Hát bội là con hát, kẻ làm nghề ca hát."

Cũng theo J. F. M. Genibrel, *Dictionnaire Annammite Francais*, in tại Sài gòn năm 1898, nơi trang 47, đã chép: "Bội: bằng hai = double" và các từ kép như: "Bội bè = Comédie; Bội nhị = Doubler; Bội số = Multiple; Hát bội = Jouer la comedie."

Và Hội Khai Trí Tiến Đức, *Việt Nam Tự Điển*, Hà Nội, nhà in Trung Bắc Tân Văn, năm 1931, nơi trang 56, cũng chép "Bội là cuộc diễn trò, cuộc hát tuồng: Hát bội." Các quyển từ điển trên không có chữ "hát bộ."

Trong *Vè Chàng Lía*, bài vè xưa nhất của Bình Định có từ thời chúa Nguyễn, nơi câu 1185 đến câu 1188, cũng đã gọi bộ môn nghệ thuật này là hát bội:

Lía ta đẹp dạ chi tày
Truyền cho làm tiệc vui vầy với nhau
*Tính ưa **hát bội** xiết bao*
Giao cho bộ hạ lo sao việc này.

Trong thơ văn, Phan Văn Trị tức Cử Trị (1830-1910) qua bài *Hát Bội* thể thất ngôn bát cú Đường luật, ở câu thúc và kết (hai câu cuối), cũng đã dùng lối đồng âm dị nghĩa để xác định bộ môn này có tên là hát bội:

*Hèn chi chúng nói **bội** là **bạc**,*
Bôi mặt đánh nhau cú lại thoi.

Căn cứ vào các văn liệu trên, cho thấy từ ngữ "hát bội" đã có từ lâu. Lối hát này đòi hỏi rất nhiều công sức của diễn viên, từ cách hóa trang đến giọng hát, và nhất là điệu bộ đều phải gia tăng gấp bội, thể hiện đúng ý nghĩa của bộ môn này nên người ta gọi là hát bội.

Còn tiếng "hát bộ" có lẽ xuất hiện sau biến cố nghệ thuật sân khấu vào năm 1915 tại Vĩnh Long, khi ông Tống Hữu Định đã sáng kiến đưa hát cải lương lên sân khấu, trình diễn bài *Tứ Đại Oán* với các vai Bùi Ông, Bùi Kiệm và Nguyệt Nga; diễn viên vừa ca vừa làm dáng điệu của nhân vật. Và cải lương là nghệ thuật sân khấu tả chân, diễn viên phải nhập vai, nghĩa là thủ vai nào chỉ cần nhại cho giống hệt dáng điệu nhân vật đó ở ngoài đời là được.



H 2: Kép hát đang trình diễn.
Ảnh từ Cuongde.org

Vì vậy, có người muốn phân biệt giữa cải lương tả thực, và hát tuồng đòi hỏi diễn viên phải múa bộ nghĩa là mỗi cử chỉ, phong cách của từng nhân vật phải theo quy ước tượng trưng và ước lệ, nên mới gọi là hát bộ. Nhưng để giữ giá trị lịch sử và ý nghĩa của từ nguyên, chúng ta nên gọi bộ môn này là hát bội.

III -THÀNH VIÊN CHÍNH TRONG GÁNH HÁT BỘI

Gánh hát là một tổ chức gồm diễn viên chuyên nghiệp và những người điều hành, họp thành đoàn, chuyên đi trình diễn lưu động, và được phân quyền phân nhiệm rõ ràng:

1 - Ông Bầu:
Người làm chủ gánh hát gọi là Ông Bầu, trước kia người ta dùng tên của ông bầu đặt tên cho gánh hát, nay các gánh hát thường có tên riêng. Với những ông bầu thông chữ nghĩa lại có trình độ cao về hát bội, có thể kiêm luôn vai trò thầy tuồng và chỉ cần tìm người phụ tá.

2 - Thầy Tuồng:
Người thứ hai trong cấp điều hành gánh hát là Thầy Tuồng. Nhân vật này rất quan trọng vì nắm vai trò đạo diễn và cai quản nội bộ. Thầy tuồng phải là người thông thái chữ Nho, rành âm luật điệu hát, có trình độ về nghệ thuật sân khấu, biết soạn tuồng mới và thông thuộc các tuồng tích. Thầy tuồng có quyền tuyển dụng hoặc sa thải đào kép, chỉ định phân vai, tổ chức tập tuồng và đào tạo diễn viên. Ngay cả ông bầu cũng phải hỏi ý kiến thầy tuồng về phương diện chuyên môn trước khi có quyết định. Một gánh hát tầm thường hay nổi tiếng là do tài đạo diễn của thầy tuồng, vì vậy không những được thành viên trong gánh hát kính nể mà khán giả cũng mến phục.

3 - Chú Nhưng:
Nhân vật thứ ba trong ban điều hành là Chú Nhưng. Nhiệm vụ chính của "nhưng" là nhắc tuồng. Khi diễn xuất, người này đứng sẵn trong màn cánh gà, nếu có diễn viên nào quên lời tuồng thì kịp thời nhắc ngay. Tài khéo của chú nhưng là nhắc tuồng không lộ liễu, không tạo gượng ép cho diễn viên, tùy ứng biến nhắc gợi nhớ hay nhắc cả câu.

4 - Diễn viên:
Đây là thành phần đông đảo nhất và chịu trách nhiệm trực tiếp cuộc trình diễn, gồm có đào, kép và những vai phụ như thị tì, tiểu đồng, gia đinh, quân lính, hề, lâu la.

a/ Kép hát:
Trong các tuồng cổ, kép đóng các vai: vua, hoàng tử, phò mã, quan văn hay võ, tôi trung hay nịnh, tướng phiên, học sanh, pháp sư, tiên ông... Kép được phân làm 3 loại:
- Kép đỏ : diễn những vai trung thần như Địch Thanh trong tuồng *Ngũ Hổ Bình Tây* (còn gọi là Liêu), vai Thái sư Văn Trọng trong tuồng *Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan*, vai Từ Thứ trong tuồng *Tân Dã Đồn*.

- Kép rằn hay kép xéo : diễn những vai tướng trung như Tiết Cương trong tuồng *Hộ Sanh Đàn*, vai Tạ Ngọc Lân trong tuồng *Khuê Các Anh Hùng* (tên cũ *Tam Nữ Đồ Vương*), Châu Thương trong tuồng *Cổ Thành*, Đổng Kim Lân và Khương Linh Tá trong tuồng *Sơn Hậu*.
- Kép trắng hay kép mốc : diễn những vai nịnh thần và gian thần như vai Bàng Hồng trong tuồng *Diễn Võ Đình*, vai Tạ Thiên Lăng (Thái sư) và bốn người em là Tạ Ôn Đình, Tạ Lôi Phong, Tạ Lôi Nhược, Tạ Lôi Phong Vân trong tuồng *Sơn Hậu*.



H 3: Đào hát bội, ảnh tài liệu xưa.

b/ Đào hát:

Bao gồm các diễn viên đóng vai hoàng hậu, cung phi, công chúa, tiểu thư, nữ tướng... Tùy theo hành trạng của nhân vật, đào hát phân làm 4 loại:
- Đào thương diễn những vai tiết nữ như Lan Anh trong tuồng *Hộ Sanh Đàn*.
- Đào độc diễn những vai gian dâm ác phụ như Đát Kỷ trong tuồng *Trầm Hương Các*.
- Đào lẳng diễn những vai lẳng lơ, gợi tình như Điêu Thuyền trong tuồng *Phụng Nghi Đình*.
- Đào điên diễn những vai người bị bệnh tâm thần, phải tỏ ra hành động và lời lẽ không bình thường, như Phương Cơ trong tuồng *Khuê Các Anh Hùng*. Trong các vai tuồng, đào điên khó đóng nhất.

IV - HÌNH THỨC CỦA HÁT BỘI

Hát bội là nghệ thuật sân khấu lấy nguyên tắc tượng trưng và truyền thống làm gốc. Sân khấu cũng có màn, trướng, chấn nhưng không cần tranh vẽ phù hợp với khung cảnh trong tuồng. Phông làm vách ngăn giữa sân khấu và hậu trường, hai bên có cửa thông vô buồng gọi là nghi môn, bên tay phải của khán giả là cửa sanh có đề chữ "xuất", bên trái là cửa tử có chữ "nhập." Sát vách và ở giữa đặt một cái bàn, hai bên là ghế ngồi và cách bày biện đơn giản như vậy cho suốt cả buổi diễn.

Trang trí trên sân khấu với sự tưởng tượng dồi dào, lấy nghệ thuật ước lệ làm căn bản. Muốn có cảnh thành trì hay núi non, chỉ cần một cái rương lớn, trên đặt vài cái ghế, diễn viên vừa hát vừa xăn tay áo, mặt nhăn lại tỏ vẻ khó nhọc để diễn tả sự trèo thành hay vượt đèo. Chiếc roi, tượng trưng cho con ngựa, diễn viên cầm roi bên tay phải là biểu hiệu đang cỡi ngựa, tay trái co vào dũi ra như đang cầm cương và tùy động tác nhanh chậm, thể hiện ngựa đang phi, tế hay nước kiệu. Diễn viên còn dùng điệu bộ thể hiện động tác lên ngựa, xuống ngựa, ngã ngựa, dắt ngựa đi vòng qua núi, lội suối, cứu ngựa bị nạn, và cột dây cương ngựa vào gốc cây... Với cảnh đi thuyền, diễn viên đứng giữa, trước và sau

có hai người làm động tác chèo. Nếu có bốn người đứng bốn góc, cầm cờ đuôi nheo chúc đầu phía trước là dấu hiệu xe đang chạy.



H 4: Mặt nạ Quan Công, Trương Phi, Châu Thương, Tiết Cương, Dư Hồng, Lưu Khánh, Công tử bột, Triệu Đình Long (kép trắng), Lão Tiều. Việt Thao chụp, 1995.

Y phục cũng theo quy ước truyền thống. Chẳng hạn, vua mặc áo cẩm bào màu vàng, thêu rồng năm móng, đầu đội hoàng đế quan 3 tầng 2 tua. Hoàng hậu mặc áo nữ mãng bào, đội mũ trân châu thêu chín con phụng, có tua. Tướng triều đình, mặc áo giáp đội kim khôi; tướng Phiên cũng đội kim khôi nhưng có thêm hai lông trĩ dài. Đại thần mặc triều phục màu đỏ hay tía, thêu rồng bốn móng, đội mũ cánh chuồn đính nhiều trân châu. Hia có hai loại, mũi cong vểnh dành cho vua và quan văn, mũi cụt và bằng dành cho quan võ vì dễ xoay trở khi múa thương đao. Hài cũng chia làm hai loại, ưng chủy (mỏ chim ưng) và thể hài (mũi cụt).

Các nhân vật trong hát bội thường mang râu, còn trẻ râu đen, già râu bạc. Râu năm chòm dành cho Quan Công hay các vai vua, tể tướng. Râu ba chòm dành cho triều thần. Tướng nóng nảy và dữ tợn mang râu đen và quắn. Tướng Phiên có râu đỏ hoe. Nịnh thần mang râu liên tu lên tới mép tai, nên có câu "mặt mốc râu rìa". Bọn hạ cấp nịnh bợ thì râu chuột.



H 5: Mặt nạ Bao Công, Kép con, Kim Hùng, Triệu Văn Hoán, Tạ Ngọc Lân, Bát Vương, Mạnh Lương,Trụ Vương, Dương Chấn Tử, Tư Cung.Việt Thao chụp, 1995.

Việc hóa trang trong hát bội đòi hỏi nhiều công phu và tốn thì giờ. Nếu ít đào kép, nên dùng mặt nạ cho tiện thay đổi vai tuồng, nhưng diễn xuất không linh hoạt, vì diễn viên không thể thay đổi nét mặt (vận dụng cơ bắp để nhăn mặt, nhíu mày) cho phù hợp với nội dung từng câu hát. Nếu đoàn hát có đủ nhân sự, vẽ mặt là cách hóa trang tốt nhất vì diễn viên dễ nhập vai, tức là tự đặt mình vào nhân vật mà họ đang đóng. Cách hóa trang ở mỗi nhân vật đều được quy định và bất di dịch, đào kép thường chuyên lãnh một vai nào đó, trở thành quen thuộc nên tự vẽ mặt cho mình. Màu sắc vẽ mặt cũng được quy định, màu vàng óng dùng cho nhân vật thần thánh, mặt đỏ hay hồng và lán mịn dành cho người trung, mặt trắng mốc và xù xì dành cho các vai gian xảo nịnh bợ, màu đen tượng trưng cho nhân vật chất phát, ngay thẳng nhưng nóng nảy.

V - GIỌNG HÁT BỘI

Hát bội có nhiều giọng, sẽ phân tích ở loạt bài khảo cứu riêng, trong phạm vi bài này chỉ liệt kê tổng quát:

- Hát Nam, đào kép cất giọng xuân hoặc ai để hát, thường là những câu thơ lục bát. Giọng Xuân buồn nhẹ, giọng Ai não nề. Trước khi hát Nam phải khai mào bằng nói lối, nếu dùng giọng Lối xuân mở vĩ thì hát Nam xuân, trái lại mở Lối ai thì bắt qua hát Nam ai. Còn có giọng Nam dựng, Nam tẩu, Nam biệt, Nam thoàn và các điệu hỗn hợp Lý Nam qua Ai, Nam bán Xuân Ai.

- Hát Khách, dù vui hay buồn, giọng vẫn hùng hồn, thường là thơ Đường luật hay phú. Giọng Khách có năm điệu: Khách thi, phú, tử, tẩu mã, tửu; ngoài ra có điệu hỗn hợp Khách Nam liên xướng.

- Nói lối là dẫn đường, cần nói chậm vừa ra bộ tịch cho phù hợp với nội dung câu nói và thể hiện bản chất của vai tuồng. Nói lối cũng phân làm sáu loại: Lối xuân, ai, lụy, xẵng, thường, hường.

- Xướng là cất giọng nói lớn, có bốn loại: Xướng thường, biệt, lãng, rượu.

- Ngâm dùng giọng ngân dài và trầm bổng của ngâm thơ.

- Thán là cất lên giọng rền rĩ, than thở.

- Oán phải thể hiện giọng đắng cay, bi hận.

- Bán Thán bán Oán là điệu hỗn hợp.

- Ban được dùng khi công bố một việc gì, gồm Thoại ban, Quân ban.

- Bạch là giọng để bày tỏ

- Lý là điệu hát của dân gian, với các điệu Lý đào điên, Lý quân canh, Lý năm canh, Lý thương nhau, Lý ai, Lý con sáo, Lý mọi, Lý Đồng Nai.

- Ngoài ra còn có Tán, Giáo đầu và Chúc văn, hát bài, hát bả trạo, hát đưa linh, phường, điệu ru con, điệu thài, hô thần chú, hường, vĩ, láy, đệm.

VI - CÁC LOẠI NHẠC CỤ

Bộ môn hát bội không thể thiếu các nhạc cụ sau đây:

1 - Trống:

Loại nhạc cụ có thân hình ống, bằng gỗ, hai đầu bịt da trâu căng rất thẳng. Hát bội, tiếng trống là vai trò quan trọng, mang tính ước lệ và quy định, biểu tả thời gian và không gian. Diễn tuồng, nghe tiếng trống thu không là biết trời sắp tối, trống tan canh là trời sáng, trống khắc canh và sang canh là đang đêm khuya. Tiếng trống còn báo hiệu có giặc giã, chiến trận, có ma quỷ hiện hồn, hay thần tiên giáng thế. Ngoài ra còn có tiếng trống đi đêm, trống rọi đèn, trống sững siếng (báo hung tin), trống trực diện (gặp chướng ngại vật), trống khóc mặt (khóc bằng nét mặt và đôi mắt). Căn cứ vào kích thước, phương pháp tác động và trường hợp sử dụng, trống có bảy loại:

a/ Trống chầu, lớn nhất, kê dựng đứng trên giá thấp đơn, dùng một roi chầu, còn gọi là dùi, bổ từ trên xuống giữa mặt trống, dành cho vị khán giả có uy tín nhất, mời điều khiển cuộc hát. Đánh chầu là cả một một nghệ thuật, người sành điệu hát bội mới dám cầm chầu, nên gọi là đả cổ pháp, gồm ba phương cách. Thứ nhất, thủ pháp điều khiển, như khai, vãn, hối thúc, thậm chí đình chỉ cuộc hát. Thứ hai, thủ pháp điểm xuyết là tiếng trống chấm câu có tác dụng nghỉ hơi như các dấu phẩy, chấm... trong câu văn, giúp cho diễn viên nhả chữ nhả câu, luyến láy theo tiết tấu của làn điệu. Thứ ba, thủ pháp phê phán, như thưởng, phạt, khen, chê. Đây là một đặc

điểm của hát bội, khán giả nghe hát hay không vỗ tay trầm trồ khen ngợi, gặp lúc hát dở cũng không xầm xì chê bai, mọi việc phê phán đã có tiếng trống chầu định đoạt. Vì thế, rạp hát dù đông nghẹt người vẫn im phăng phắc, đến nỗi con muỗi bay cũng nghe.



H 6: Mặt nạ Kim Lân, Linh Tá, Tạ Ôn Đình, Tạ Lôi Phong,Tạ Lôi Nhược, Đào Tam Xuân, Trịnh Ân, Mao Ất, Bạt Hổ, Triệu Khuông Dẫn. Việt Thao chụp, 1995.

b/ Trống quân, lớn thứ nhì, có móc treo, hoặc đặt nằm ngang trên giá đứng kép, dùng một roi chầu phạt ngang vào vòng tròn vẽ giữa mặt trống, và có thể tác động cả hai mặt; dùng khi diễn vua ra đại triều, hoặc báo hiệu giáo tuồng.

c/ Trống cái, có mặt lớn như trống chầu nhưng thân dẹp, đặt nằm ngửa trên giá, dùng một roi chầu và để báo hiệu cho diễn viên phải bắt qua nói lối hay chuyển qua hát Nam.

d/ Trống chiến là trống cỡ trung bình, có dây buộc hai khuy, đeo vào cổ, hay đặt trên giá nhỏ, dùng hai roi chầu, sử dụng lúc đánh giặc hay múa hát.

đ/ Trống cơm, mặt nhỏ, thân dài và thon, có dây chằng dọc theo thân kéo cho da trống căng thẳng, có dây đeo ngang, dùng ngón tay và hai bàn tay tác động lên hai mặt trống, phụ với đàn để đưa hơi khi diễn viên hát Nam xuân hay Nam ai.

e/ Trống tốc, còn gọi là trống bắc cấu, nhỏ như trống cơm, thân trống bầu và ngắn hơn, có dây đeo dọc, dùng tay tác động trên một mặt trống khi các quan lâm triều hoặc lúc vãn tuồng.

g/ Trống tum, nhỏ, dẹp, có cán, tay trái cầm trống, tay phải gõ dùi vào mặt trống; dùng trong lúc các quan đi đường.

2/ Nhạc khí bằng đồng, gồm: Đồng la, hai mặt tròn, rỗng ruột, có quai treo trên giá. Phèn la, mặt tròn, có quai xách. Chập chõa là hai miếng đồng hình tròn, ở giữa có quai nắm, cụng vào nhau phát ra âm thanh, dùng hòa âm với trống bắc cấu, tức trống tốc.

3/ Sanh là hai miếng gỗ, đập vào nhau để gõ nhịp.

4/ Kèn là ống bằng đồng, dọc theo thân có đục nhiều lỗ, đầu trước loe to ra, đầu sau túm lại có lưỡi gà, khi thổi phát ra âm thanh có sức gợi cảm, dùng giữa hai câu hát Nam, hay đệm khi hát Khách.

5/ Ống sáo là một lóng trúc dài, bịt kín một đầu, có đục nhiều lỗ; thổi hòa âm với tiếng đàn khi hát Nam và hát Khách.

6/ Đàn có nhiều loại: Đờn cò gồm một cần dài tra vào cái ống bịt da kỳ đà, có hai dây căng thẳng, và một cái cung cũng có dây căng thẳng; dây đàn và dây cung trượt lên nhau phát ra âm thanh. Đờn líu, như đờn cò nhưng nhỏ hơn. Đờn tam có ba dây, bụng đàn nhỏ, cần đàn không có phiếm. Đờn sến cũng ba dây nhưng bụng đàn lớn và hình hoa thị, cần đàn gắn phiếm. Đờn kìm chỉ có hai dây, cũng có gắn phiếm, mặt đàn hình tròn.

(Còn Tiếp)

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH ĐEN TRẮNG

Nguyễn Quốc Khải

22-01-2015

Hình mầu đầu tiên được phát minh từ giữa thế kỷ XIX, khoảng bốn thập niên sau khi Joseph Niepce sáng chế tấm ảnh đen trắng đầu tiên của nhân loại vào năm 1814. Dương bản Kokachrome ra đời vào năm 1936. Từ đó hình mầu mau chóng ngự trị thế giới nhiếp ảnh. Mặc dù vậy, hình đen trắng, một loại hình một mầu (monochrome), với hai hay nhiều độ đậm nhạt (shade) khác nhau, vẫn được nhiều người ưa chuộng.

Trên thực tế, môn hình đen trắng vẫn sống mạnh. Bộ hình bất tử của Ansel Adams (1902-1984) vẫn được ngưỡng mộ cho đến ngày nay một phần nhờ dạng đen trắng. Bất cứ một cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế nào cũng bao gồm thể loại riêng cho hình một mầu mà phần lớn là đen trắng. Ngoài ra trong các loại ảnh thiên nhiên (nature), du lịch (travel) và phóng sự (photojournalism) hình đen trắng luôn luôn được chấp nhận cùng với ảnh mầu.

Nhiều nhiếp ảnh gia coi môn nhiếp ảnh đen trắng là hình thức thuần khiết nhất của nghệ thuật nhiếp ảnh. Nhìn từ góc cạnh nhiếp ảnh mỹ thuật, "mầu mô tả sự thật, đen trắng giải thích sự thật." Từ ngày máy ảnh kỹ thuật số và đặc biệt loại là máy "nhắm và bắn" và điện thoại di động ra đời, hình mầu tràn ngập khắp nơi. Hình đen trắng trở nên tương đối hiếm hoi và có giá trị mỹ thuật cao nên được quý trọng vì chỉ có những người nặng tình với nghệ thuật nhiếp ảnh mới chụp hình đen trắng.

Vào năm 2008, Swann Galeries tại New York bán được 389 bộ hình thuộc Thế Kỷ 19 và 20. Trong đó gồm 364 bộ trắng đen. Nói chung trong khoảng nửa thời gian đầu của giai đoạn này, nhiều ảnh là đen trắng, tuy nhiên phải yêu chuộng nghệ thuật trắng đen người ta mới mua nhiều hình trắng đen như vậy. Nhiếp ảnh gia Michael Freeman nói "Nếu người nào coi trọng nhiếp ảnh thì sẽ lại càng coi trọng đen trắng hơn nữa."

Ưu điểm của hình đen trắng

Hình mầu mô tả sự vật với mầu sắc thực trong thế giới quanh ta. Mầu có những ưu điểm riêng biệt. Mầu sáng nhanh chóng thu hút người nhìn. Mầu nói lên thời gian và ngay cả không gian. Lá vàng cho thấy đây là mùa thu. Những rặng núi đỏ và vùng đất đỏ mênh mông cho thấy nơi chụp hình là vùng sa mạc ở miền tây Hoa Kỳ. Mầu hồng tượng trưng cho sự ấm áp vui vẻ. Hình mầu nói lên sự tương ứng hay tương phản giữa các mầu khác nhau trong hình. Thí dụ mầu vàng (yellow) tương phản với mầu xanh dương (blue), nhưng tương ứng với mầu đỏ (red) hay mầu xanh lục (green). Đen trắng không có những khả năng như thế, nhưng cho



Renaissance beauty @ Khai Nguyen

chúng ta thấy một thế giới mới, siêu thực mà chúng ta không nhìn thấy hàng ngày. Hình mầu mô tả sự vật với mầu sắc thực trong thế giới quanh ta. Mầu có những ưu điểm riêng biệt. Mầu sáng nhanh chóng thu hút người nhìn. Mầu nói lên thời gian và ngay cả không gian. Lá vàng cho thấy đây là mùa thu. Những rặng núi đỏ và vùng đất đỏ mênh mông cho thấy nơi chụp hình là vùng sa mạc ở miền tây Hoa Kỳ. Mầu hồng tượng trưng cho sự ấm áp vui vẻ. Hình mầu nói lên sự tương ứng hay tương phản giữa các mầu khác nhau trong hình. Thí dụ mầu vàng (yellow) tương phản với mầu xanh dương (blue), nhưng tương ứng với mầu đỏ (red) hay mầu xanh lục (green). Đen trắng không có những khả năng như thế, nhưng cho



Casablanca, Morocco @ Khai Nguyen

chúng ta thấy một thế giới mới, siêu thực mà chúng ta không nhìn thấy hàng ngày.

Trong thế giới mầu hiện nay hình đen trắng vẫn phổ thông vì một số lý do sau đây:

1. Đen trắng làm nổi bật những đường nét (line), dạng (shape), hình thể (form), kết cấu bề mặt (texture), bóng (shadow), và độ đậm nhạt (shade / tone).
2. Đen trắng làm rõ sự sắp xếp (pattern) của đường nét và dạng.
3. Mầu sắc thường làm sao lãng sự chú ý (distraction) vào chủ thể. Trái lại đen trắng thu hút sự chú ý.

Nói một cách khác, một tấm hình được cấu tạo bởi những điểm, đường nét, dạng, hình thể, kết cấu bề mặt, và mầu. Nếu tách mầu ra, chúng ta sẽ làm nổi bật những thành



Street musician @ Khai Nguyen

phần còn lại. Khi mầu sắc không quan trọng, làm sao lãng hay phản lại chủ đề, hoặc những đường nét, hình dạng cần được nhấn mạnh, chúng ta nên sử dụng đen trắng. Nhiều nhiếp ảnh gia cho rằng hình đen trắng mỹ thuật, thơ mộng, và siêu thực hơn hình mầu. Theo kinh nghiệm bản thân của tác giả, một số hình mầu đổi sang đen trắng đôi khi đẹp hơn hẳn hình mầu nguyên thủy. Dạng đen trắng nhiều khi che dấu những khiếm khuyết của hình mầu, thí dụ sự đố kỵ của mầu sắc.

Đen trắng giúp cho nhiếp ảnh gia chụp hình trong mọi điều kiện về ánh sáng. Ánh nắng gay gắt giữa ngày hay khi trời có nhiều mây làm cho việc chụp hình mầu trở nên khó khăn vì làm hình mất chiều sâu và che dấu những đường nét và hình dạng, nhưng với đen trắng, chúng ta vẫn có thể có hình đẹp. Tuy nhiên điều kiện lý tưởng vẫn là khi mặt trời còn ở dưới thấp trong bầu trời.

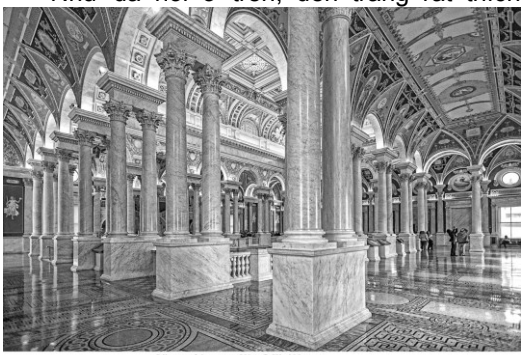
Có một số chủ đề đặc biệt thích hợp với



Mont St Michel, France @ Khai Nguyen

đen trắng như hình chân dung. Không có mầu, nên mọi chú ý dồn vào đôi mắt, vẻ mặt và kết cấu bề mặt của quần áo như hình đen trắng trên đây làm nổi bật vẻ mặt chăm chú của người nhạc sĩ. Những người già với những nếp nhăn trên da mặt là chủ đề lý tưởng của đen trắng. Chính vì vậy, nhiếp ảnh gia Ted Grant nói về sự khác biệt giữa hình mầu và hình đen trắng như sau: "Khi quý vị chụp hình người ta bằng mầu, quý vị chụp trang phục của họ. Khi quý vị chụp người ta bằng đen trắng, quý vị chụp hình tâm hồn của họ!" (When you photograph people in color, you photograph their clothes. But when you photograph people in black and white, you photograph their souls!)

Như đã nói ở trên, đen trắng rất thích



Library of Congress, USA @ Khai Nguyen

hợp với phong cảnh vì làm nổi những đường nét, dạng (shape), và hình thể (form). Dạng là chủ thể nhìn theo hai chiều. Hình thể là chủ thể nhìn theo ba chiều. Trong hình của thành phố Casablanca ở Morroco nhìn từ khách sạn Hyatt về hướng Đại Tây Dương, nhà thờ Hồi Giáo Hassan II vĩ đại vươn lên khỏi đám nhà dân cư nhỏ bé nằm ngổn ngang ở bên dưới như thách đố cơn bão lớn lao đang ập tới. Đen trắng làm tăng độ tương phản giữa tiền cảnh và hậu cảnh, và làm tấm hình trở nên sống động hơn là hình mầu.

Đen trắng che dấu tất cả những rác rưởi ngổn ngang trên bãi cát và biến đổi đống đá xấu xí vĩ đại ngay ở tiền cảnh thành một ngọn đồi thơ mộng trong hình Mont St. Michel ở Pháp làm cho tấm hình trông huyền bí và siêu



Forbidden City, China @ Khai Nguyen

thực hơn là hình mầu. Tác giả phải nói thật một điều là chưa bao giờ cho ai xem tấm hình mầu này cả. Trái lại hình đen trắng đã được bốn cuộc thi ảnh quốc tế chấp nhận và cho tham dự triển lãm. Nếu lưu ý một chút chúng ta sẽ thấy bầu trời của những hình trình bầy trong bài này đều có mây. Đối với đen trắng, bầu trời không mây trở nên nhàm chán. Mây là một phần quan trọng của hình phong cảnh đen trắng.

Cũng như đối với hình phong cảnh, đen trắng làm nổi những đường nét, dạng và hình thể của những công trình xây cất. Trong hình Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ cũng như hình Tử Cấm Thành của Trung Quốc dưới đây, đen trắng làm tăng chiều sâu và vẻ đẹp của những kiến trúc mỹ thuật này. Nhân dịp tổ chức Thế Vận Hội 2008, Tử Cấm Thành đã được chỉnh trang và sơn lại từ trong ra ngoài, nên nơi này đã bị mất mát ít nhiều vẻ đẹp cổ kính.



Fighter pilot jacket @ Khai Nguyen

Hình phóng sự là một đề tài phổ thông của bộ môn đen trắng. Không bị mầu sắc phân tán, tất cả sự chú ý của người xem đều đổ dồn vào chiếc áo của phi công John McCain do người em là Joe McCain trình bầy trong buổi vận động tranh cử tổng thống Hoa Kỳ vào 2008 tại Virgina. Ngay cả sau khi hình mầu ra đời, đen trắng tiếp tục ngự trị ngành truyền thông một thời gian dài tiếp theo đó vì kỹ thuật in hình mầu ở giai đoạn đó còn phôi thai, chi phí quá tốn kém, và thông tin lại cần sự nhanh chóng tối đa. Sau khi máy in dùng kỹ thuật offset color ra đời vào thập niên 1980 và Kodak sản xuất được những phim nhậy như Tri-X với ISO 400, hình mầu mới được sử dụng cho báo chí nhiều hơn.

Đối với mọi loại hình, độ nhậy ISO của bộ cảm biến (image sensor) trong máy ảnh càng thấp thì hình càng mịn. ISO càng cao, hình càng có nhiều hạt. Điều này đặc biệt quan trọng đối với hình đen trắng vì những hạt này có khuynh hướng hiện ra rõ ràng hơn so với hình mầu.

Kỹ thuật đổi hình mầu sang đen trắng

Một số máy ảnh kỹ thật số (digital camera) cho phép người ta chọn lối chụp hình đen trắng hay hình mầu ngay từ máy ảnh. Tuy nhiên hình đen trắng cấu tạo theo cách này không luôn luôn làm người chụp hài lòng. Ngoài ra khi chụp hình trắng đen trực tiếp từ máy ảnh, mầu sắc sẽ biến mất, không thể phục hồi lại được. Cách tốt nhất là chụp hình mầu rồi dùng phần mềm đổi sang đen trắng. Như vậy người chụp hình lưu trữ được hình mầu để so sánh. Cách chuyển hình mầu qua đen trắng bằng Photoshop hay những phần mềm khác rất đơn giản và uyển chuyển với nhiều chọn lựa khác nhau, khiến hình đen trắng tạo ra phù hợp hơn với ý thích của người chọn. Các cuộc thi ảnh quốc tế xem hình mầu và hình đen trắng là hai bức hình khác biệt.

Có nhiều cách chuyển hình mầu sang hình đen trắng một cách giản dị và nhanh chóng. Bài này chỉ đề cập sơ qua về những



East Point lighthouse in Gloucester @ Khai Nguyen

kỹ thuật này mà không đi vào chi tiết. Tài liệu về đề tài này có rất nhiều trên Internet.

Phần mềm Photoshop CS6 có năm cách để đổi hình mầu sang hình đen trắng:

1. Image – Mode – Grayscale
2. Image – Adjustment – Desaturation
3. Image–Adjustment– Hue/Saturation
4. Image – Adjustment – Channel Mixer
5. Image – Adjustment – Black & White

Hai phương pháp đầu tiên khá đơn giản. Sau khi tải hình mầu lên, chỉ cần bấm con chuột ba lần theo thứ tự trình bầy ở trên là chúng ta có hình đen trắng. Với phương pháp Hue/Saturation khi giảm độ đậm (saturation) của tất cả các mầu xuống 0 cùng một lúc, chúng ta sẽ có hình đen trắng giống như phương pháp Desaturation. Khi cần có một hình đen trắng đẹp trong Photoshop, chúng ta không nên dùng ba phương pháp vừa thảo luận ở trên mà nên sử dụng một trong hai phương pháp sau đây.

Với phương pháp Channel Mixer, khi chúng ta chọn chức năng "Monochrome", độ sáng tiêu chuẩn cho ba mầu đỏ, xanh lá cây, và xanh da trời sẽ tự điều chỉnh +40%, +40%, và +20% và hình sẽ tự động biến đổi qua đen trắng. Sở dĩ hai mầu đỏ và xanh lá cây nhiều hơn là mầu xanh da trời là vì con mắt của chúng ta nhận biết hai mầu này dễ hơn là mầu xanh da trời. Chúng ta có thể tự điều chỉnh thêm ba mầu này để có hình đen trắng ưng ý. Tuy nhiên tổng số điều chỉnh cần được giữ ở mức 100% nếu chúng ta muốn độ sáng của

tấm hình đen trắng giống như hình mầu nguyên thủy.

Ngoài ra phương pháp Channel Mixer còn có chức năng tạo ra hình trắng đen với tác dụng của sáu kính lọc mầu khác nhau: hồng ngoại, xanh da trời, xanh lá cây, da cam, đỏ, và vàng. Thí dụ để tạo ảnh hưởng của kính lọc mầu vàng, độ sáng của ba mầu đỏ, xanh lá cây, và xanh da trời được ấn định là +34, +66, và 0.

Phương pháp sau cùng Black & White là phương pháp tác giả ưa chuộng nhất vì nó cho phép chúng ta điều chỉnh độ đậm của từng mầu trong sáu mầu khác nhau (đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh lam, xanh da trời, tím đỏ). Trong phần này hai từ độ đậm (saturation) và độ sáng (brightness) của mầu có cùng một nghĩa.



Wat Pho Temple, Bangkok @ Khai Nguyen

Một hình gọi là trắng đen, không có nghĩa là hình chỉ có hai mầu trắng và đen, mà có rất nhiều mầu xám nằm giữa trắng và đen. Trong mô hình mầu RGB (red, green, blue), mỗi mầu lại có nhiều giá trị (color value) từ 0 – 255. Đó là đơn vị đo độ sáng của mầu. Khi độ sáng của ba mầu đỏ, xanh lá cây và xanh da trời bằng nhau (R = G = B), chúng ta có mầu xám. Khi độ sáng của cả ba mầu R, G, và B cùng bằng 0, chúng ta có mầu xám nhưng tối quá không thấy được, nghĩa là chúng ta có mầu đen. Khi độ sáng của cả ba mầu R, G, và B cùng bằng 255, chúng ta cũng không thấy gì hết vì quá sáng, nghĩa là chúng ta có mầu trắng. Giữa độ sáng tối thiểu (0, 0, 0) và tối đa (255, 255, 255) của cả ba mầu R, G, và B chúng ta có 256 sắc xám (shade of gray) khác nhau. Như vậy khi chúng dùng những phần mềm để đổi mầu sang đen trắng (chính thực ra lá xám) chúng ta có muôn vàn hình đen trắng khác nhau để lựa chọn. Đây là một tính chất vô cùng mạnh mẽ của kỹ thuật nhiếp ảnh số.

Chuyện gì sẽ xẩy ra, khi độ sáng của ba mầu R, G, và B không bằng nhau trong mô hình mầu RGB? Khi độ sáng của ba mầu này lần lượt là (255, 0, 0) chúng ta có mầu đỏ. Khi độ sáng là (0, 255, 0), chúng ta có mầu xanh lá cây. Khi độ sáng là (0, 0, 255), chúng ta có mầu xanh da trời. Nếu kết hợp ba mầu này lại với độ sáng khác nhau từ 0 – 255, chúng ta có 16 triệu mầu khác nhau cấu tạo từ ba mầu đỏ, xanh lá cây, và xanh da trời. Thí dụ mầu vàng: (255, 255, 0) và mầu crimson: (220, 20, 60).

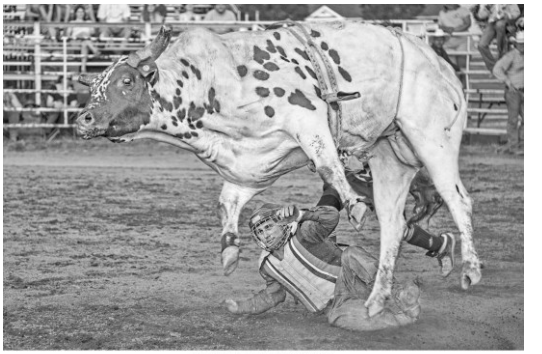
Những mầu trong hình thường rất khác biệt, nhưng trong trắng đen, các mầu đổi sang mầu xám với những sắc tông (shade / tone) khó phân biệt hơn. Thí dụ mầu đỏ (red) và mầu xanh lá cây (green) hoặc mầu vàng (yellow) và mầu xanh lam (cyan), khi đổi qua đen trắng bằng phương pháp grayscale hoặc desaturation có những sắc tông khá tương tự. Với hai phương pháp Channel Mixer và Black & White trong Photoshop, người sử dụng có thể điều chỉnh sắc tông của từng mầu để tăng sự tương phản. Chúng ta nên lưu ý rằng không phải bất cứ hình mầu nào cũng có thể đổi thành công sang đen trắng. Đối với cảnh hoàng hôn chẳng hạn, mầu đỏ và sắc rực rỡ là quan trọng, cho nên chụp hình đen trắng trong trường hợp này là vô nghĩa.

Trên thị trường còn có những phần mềm khác đổi hình mầu thành hình đen trắng như BW Effect của Topaz Lab và Silver Efex Pro của Nick Collection. Những phần mềm này khi được tải vào cùng một máy điện toán sẽ tự động nối kết và trở thành một chức năng như những chức năng khác của Photoshop. Chúng tự động biến đổi một hình mầu thành nhiều hình đen trắng khác nhau để người sử dụng tùy ý lựa chọn. Những phần mềm này cũng cho phép người sử dụng điều chỉnh thêm một số đặc tính như độ sáng (brightness), độ tương phản (contrast), và cấu trúc (structure) của hình nếu muốn.

Trong thí dụ cặp vợ chồng Tây Tạng, phương pháp Desaturation lấy hết mầu ra khỏi hình một cách đồng đều (hàng trên, bên phải). Phương pháp Black & White cho phép người sử dụng điều chỉnh độ sáng từng mầu như giảm bớt đỏ xuống làm cho hình tối hơn (hàng dưới, bên trái) hoặc tăng vừa phải mầu đỏ và tăng cao mầu vàng (hàng dưới, bên phải) làm cho hình sáng hơn, đặc biệt là lá cờ Tây Tạng. Chủ đích của thí dụ này là để trình bầy sự biến đổi nhiều mầu khác nhau qua trắng đen. Người viết không đề nghị biến đổi hình cặp vợ chồng Tây Tạng thành đen trắng vì mầu sắc của hình này rất quan trọng trừ trường hợp cần hình đen trắng ở in báo.

Kết luận

Với máy ảnh kỹ thuật số và những chương trình phần mềm thuận lợi, chúng ta có thể có cả hai loại hình mầu và đen trắng cùng một cảnh chụp mà không phải thay phim hay đổi ISO. Đây là một lợi thế quan trọng nhất so với thời đại dùng âm bản kéo dài gần 200 năm. Có hình mầu chúng ta cứ thử chuyển qua đen trắng để so sánh. Mặc dù tạo hình đen trắng cần theo một số nguyên tác kỹ thuật căn bản so với hình mầu như đã bàn ở trên, sự chọn lựa sau cùng vẫn tùy thuộc vào sở thích của tác giả. Với thời tiết lạnh đến thấu xương vào mùa đông mấy ai có can đảm vác máy hình ra ngoài săn ảnh. Tuy nhiên chúng ta vẫn có nhiều cách sáng tác hình mà không phải bước chân ra khỏi căn nhà ấm cúng của chúng ta. Một trong những cách làm hình giản dị là biến hình mầu sẵn có thành hình đen trắng. chúng ta sẽ khám ra nhiều tác phẩm một cách bất ngờ. Bản thân người viết đã làm thử và thành công với một số hình đen trắng như những hình trình bầy trong bài này.



Bull riding contest @ Khai Nguyen

Tham khảo:

1. Andrew Gibson, “Mastering the Art of Black and White Photography,” Photography Fundamentals, 2009.
2. Michael Freeman, “The Complete Guide to Black & White Digital Photography,” Lark Books, NY, 2010.
3. Editors of PhotoPlus Magazine, “Black & White Digital Photography Made Easy,” Fox Chapel Publishing, East Petersburg, Pennsylvania, 2012.
4. Tom Ang, “Photography, the Definitive Visual History,” DK Publishing, NY, 2014.
5. Steve Patterson, “Photoshop Black and White Conversions – Channel Mixer,” Photoshop Essentials.
6. Nguyễn Quốc Khải, “Mầu sắc trong nhiếp ảnh,” Đặc San Hội Nhiếp Ảnh vùng Hoa Thịnh Đốn, 2014

CHẶNG ĐƯỜNG

Đỗ Bình

Thời gian thoáng như gió thoảng mới ngày nào tóc còn xanh hồn đầy mộng mơ hoa bướm, chớp mắt tuổi đã xế chiều! Bên đường những cánh hoa Forsythia vàng rực rỡ gợi nhớ những nụ mai vàng xưa hồn tôi bỗng cảm có chút gì xa vắng! Mang tâm hồn đa cảm tôi yêu thiên nhiên, thường ca ngợi tình quê hương, tình cha mẹ, tình lứa đôi nên qúy trọng tình người do đó không thích chiến tranh, vì chiến tranh xảy ra ở nơi đâu thì người dân xứ đó phải chịu nhiều mất mát đau khổ, nó như một cơn hồng thuỷ tàn phá thiên nhiên huỷ diệt mầm sống và những cuộc chém giết thật hãi hùng!Từ thuở xa xưa cho đến nay ít có dân tộc nào lại không có một lần loạn lạc chiến chinh ? Lịch sử của mỗi dân tộc đều có những trang vàng son ghi dấu những chiến công hiển hách về những trận đánh lẫy lừng thành những thiên hùng ca. Ngày nay khoa học càng tiến bộ thì những vũ khí giết người lại càng tối tân và dã man hơn ! Trong văn chương âm nhạc Việt Nam được ca ngợi đẹp như gấm vóc, nhưng những ai đã từng trải qua tthời chiến chinh chắc không khỏi bùi ngùi mỗi khi nhớ lại chuyện xưa biết bao dòng nước mắt của mẹ già vợ hiền con dại đã đổ thành suối vì những người thân đã hy sinh! Chiến tranh dù đã qua lâu nhưng vết thương đã hằn sâu trong lòng quê hương những nét rạn nứt tình người mà thời gian chưa hàn gắn được!

Tôi cũng như lớp trai cùng thế hệ lớn nên trong thời chiến làm sao tránh khỏi cảnh binh lửa ? Bằng hữu và thân nhân của tôi cũng nằm trong số ấy, người thì chết, kẻ bị tàn phế, may mắn lắm vài người còn lành lặn! Chiến tranh quái ác thế, các bạn tôi đều biết nhưng chẳng có ai né tránh, sau khi học xong rời ghế nhà trường đều theo tiếng gọi lên đường vào quân đội, nhiều người tình nguyện phục vụ ở những đơn vị tác chiến, binh chủng oai hùng. Họ không sợ chết, nói đúng hơn họ xem nhẹ cái chết nhưng lại sợ tiếng đời cho là hèn nhát trốn tránh nghĩa vụ thiêng liêng khi tổ quốc cần. Họ là những anh hùng vô danh nguyện đem xương máu trải khắp trên quê hương để bảo vệ danh dự và làm tròn một trách nhiệm cao cả. Tôi được đưa vào bệnh viện Cộng Hoà trong giờ phút sinh tử của Sài Gòn , và chỉ vài ngày sau khi miền Nam lọt vào tay tập đoàn CS miền Bắc, một đoàn thương binh của chế độ cũ , lớp cụt què, lớp đui mù, trên thân thể họ loang lổ rỉ máu, có những vết thương lở lói chưa kịp băng! Họ lếch thếch dìu nhau lê bước trông giống như đám quỷ nhập tràng từ khu nhà mổ chui ra vì bị đuổi ra khỏi bệnh viện Cộng Hòa! Nỗi buồn thất trận đang âm ỉ đau hơn các vết thương chưa đóng vẩy thì đám «xu thời» đeo băng đỏ trong khu phố kéo đến nhà, trong số quen mặt đó có kẻ bỗng dưng tự nhận là chủ tịch phường, hắn muốn lập công với chế độ mới nên bảo tôi là thành phần «nguy hiểm» trước làm ngành Chiến Tranh Chính Trị nên thường tuyên truyền xuyên tạc «cách mạng» nên phải đi học tập cải tạo gấp! Thế là tôi bị dẫn đi, không phải vì đám người này đến bắt tôi đi tù trong tình trạng giở sống giở chết mà tôi thù. Không! Tôi không thù vặt , nhưng rất ghét những con người hai mặt đón gió trở cờ đó, chúng thích CS nhưng không dám bỏ thành phố vào bưng biền hay tập kết ra Bắc, lại càng không dám

cầm súng bắn lại chúng tôi mà chỉ nấp sau lưng lén lút chờ cơ hội luồn lách trà trộn trong hàng ngũ quốc gia để nghe ngóng, lấy tin tức báo cáo! Họ là những tên chỉ điểm hại người để tiến thân nên lòng dạ hiểm độc, tráo trở biến dạng như loài kỳ nhông! Thế rồi đám dấu mặt nằm vùng đó cũng bị đám CS Hà Nội vắt chanh bỏ vỏ loại bỏ sau đó một thời gian!

Như ngọn đèn leo lét tôi vẫn sống qua ngày, chống cặp nạng lê lết trong các trại tù như trái cây dập ! Hơn một năm sau tôi mới bỏ được cặp nạng nhưng chân vẫn còn đi khập khễnh, mãi đến nhiều năm sau đó tôi mới đi đứng bình thường. Người ta bảo : «Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại », quả thật thời gian một ngày ở trong tù dài lê thê, đối với người bệnh không thuốc men lại còn thê thảm hơn! Ngày tháng cứ lặng trôi mà tình trạng sức khoẻ của tôi ngày càng kém , ánh sáng còn lại của con mắt mất dần, sắp mù ! Tôi sợ bị mù hơn sợ chết, và nghĩ mình sẽ bỏ xác trong tù nên dửng dưng với hiện tại và quay mặt vào tương lai ; nghĩa là chẳng nghĩ ngày về. Tôi chẳng còn gì để sợ, do đó tôi thường hay chỉ trích, diễu cợt những điểm yếu của chế độ. Họ quy tội cho tôi là hay phát biểu «linh tinh» nên nhiều lần bị cùm vì kỷ luật! Hồi đó tôi chỉ muốn họ bắn một viên đạn cho đời giải thoát, nhưng họ chẳng bắn, không phải họ thương tình hay tiếc một viên đạn, mà họ sợ tiếng đồn ầm ĩ trong trại tù sẽ ảnh hưởng đến tù nhân, gây bất lợi cho cái gọi là «chính sách nhân đạo» của họ! Ở trong trại tù tôi là kẻ bị thương tật nặng nhất, nếu tôi mà bị xử bắn thì trong trại tù này còn ai được thả? Do đó họ không muốn giết tôi ngay, họ muốn tôi chết lần mòn vì tbệnh tật! Đã thế tôi lại cần phải sống để làm chứng nhân về những trại tù CS. Cuối cùng tôi cũng được đưa lên bệnh xá điều trị. Tôi nghĩ:

- «Họ có thể kéo dài sự sống của một thân xác bệnh tật, nhưng lại không thể chữa được sự bất mãn trong tâm hồn tôi ».

Bệnh xá là khu nhà kho xập xệ của thời chiến tranh sót lại, giường bệnh là những tấm ván ghép lấy từ những két đựng đạn kê cách mặt đất một gang tay được bắc trên bốn cục gạch, giữa nhà treo một ngọn đèn tù mù không chiếu rõ nổi trần nhà . Bệnh xá được chia làm ba khu được ngăn bởi những tấm vách bằng carton cao hơn đầu người . Khu dành cho những người mắc bệnh lây nhiễm, khu tổng quát gồm đủ thứ bệnh và khu đặc biệt dành cho cứu cấp và những người bệnh thật nặng tôi ở khu này. Vật dụng của bệnh nhân chỉ vài chiếc lon guigoz dùng đựng nước, chứa độ linh tinh mà tù nhân mang theo bên mình, cùng với một tấm vải lính khổ 2 M được cấp khi vào trại dùng làm chăn đắp và cũng là tấm vải tẩm niệm tù nhân khi lìa đời. Tuy vật chất thiếu thốn nhưng những y sĩ của bệnh xá lại có tình người, họ không dám biểu lộ ra mặt nhưng được thể hiện qua sự tận tâm chạy chữa cho bệnh nhân, ở trại tù cơm còn không có mà ăn huống chi đến thuốc! Các y sĩ chỉ biết dùng lời trấn an và cho ít thuốc lá cây, còn thuốc tây chỉ dành cho «những ca hấp hối »! Ở bệnh xá, tôi gặp lại người bạn học thời niên thiếu, trước kia nó viết văn làm báo. Nó tình nguyện vào binh chủng Dù , và đã để lại chiến trường Thường Đức năm xưa một chân nên giã từ vũ khí, thế mà hôm nay nó vẫn đi tù! Gặp nhau trong cảnh ngộ này mừng ra nước mắt, nên hai chúng tôi thường dìu nhau ra góc hè tâm sự.

Nó bảo:

- «Tao chán sống lắm rồi, chẳng còn tương lai ..sống thêm thừa...chỉ khổ cho gia đình !».

Tôi so vai:

- «Tao tưởng mình chết đã lâu rồi chứ ?!».

Chúng tôi hàn huyên về những kỷ niệm êm đềm thuở đi học, xen lẫn những bùi ngùi về ký ức chiến trường năm xưa mà hai đứa

nghẹn ngào cho hôm nay, để rồi hối tiếc không được chết trên chiến trường ! Nó trầm giọng nói :

- «Tao tiếc là bị thương tật nên không cùng anh em cầm súng chiến đấu với Việt Cộng đến cùng !» .Tôi bảo :

- «Mày đã làm xong bổn phận với đất nước».

Nó lắc đầu:

- «Chưa đâu! Đất nước bây giờ bị Cộng Sản nhuộm đỏ, dân chúng bị kìm kẹp mất tự do, dù chúng ta ở tù cũng không hết trách nhiệm !».

Tôi thở dài :

- «Biết làm sao bây giờ ?! Càng nghĩ tao càng hận bọn phản chiến Mỹ và lũ con buôn chính trị quốc tế, chúng lừa đảo, nhân danh tự do rồi phản bội chúng ta !» .

Nó chua chát nói :

- «Bọn con buôn chính trị thì chỉ biết đến tư lợi thôi !» .

Lòng ngao ngán buồn rười rượi ! Bỗng một ý nghĩ táo bạo chợt lóe trong đầu, tôi đặt tay trên vai bạn và khẽ nói :

- «Nếu sống chỉ thêm hại cỏ cây kéo lê kiếp sống thừa thì thà chết quách đi cho đỡ khổ xác? ! Mày và tao nếu mình cùng tự tử ; biết đâu sẽ gây được tiếng vang, đánh động sự trỗi dậy của anh em tù ?» .

Nó đang trầm ngâm hướng mắt về một cõi xa bỗng quay phắc lại , mắt sáng quắc :

- «Mày có lý ! Mình phải làm cái gì đó để phản đối chính sách phi nhân của CS».

Nó nói tiếp : *- «Tao mường tượng sau khi mình chết , anh em tù sẽ giao động từ trại này đồn sang trại khác anh em tù sẽ vùng lên đòi quy chế của tù nhân theo tiêu chuẩn quốc tế».*

Tôi cười :

- «Được như thế là may !».

Nó bỗng hỏi :

- «Mày có định viết thư để lại cho gia đình không ?».

Tôi lắc đầu :

- «Không !Tao không muốn để lại gì, chỉ làm gia đình buồn thêm!»

Tôi hỏi nó :

- «Còn mày có định viết thư không?».

- «Không!Tao cũng nghĩ như mày!».

Chúng tôi hẹn nhau hôm sau, tôi về giường sắp lại mớ hành trang chọn bộ quân phục cũ được trại cấp để lao động, dùng tay vạt những nếp nhăn rồi xếp cho thẳng dù sao nó cũng là chút di sản cuối cùng của đời lính mang theo khi lìa trần. Sáng nay lúc gặp mặt bỗng dưng hai đứa chúng tôi chào nhau theo lối nhà binh, điều đặc biệt là không bảo nhau mà cả hai cùng chọn bộ quân phục. Khám bệnh xong hai thằng kéo nhau ra ngồi góc hè cũ tâm sự, lòng tôi rộ lên niềm hớn hở vì sắp được đi xa, trong ảo giác tôi thấy cảnh vật bay nhảy, màu sắc tươi mát, bầu trời xanh ngắt lờ lững những áng mây hồng. Đang suy tưởng người bạn vỗ vai kéo tôi về thực tế làm hồn tôi ngơ ngẩn vẫn còn tiếc nuối cảnh sắc ấy vì đã từ lâu tôi không còn nhìn xa được, mắt chỉ toàn là những bóng mây mờ giăng!

Người bạn đưa cho một nắm thuốc viên Clhoraquine, tôi cầm vốc thuốc nói :

- «Sức tao chỉ cần 8 viên cũng đủ chết, nhiều quá thừa, phí đi ! Hãy để lại cho anh em lỡ có sốt rét còn có thuốc» .

Nó cười :

-«Hay! Mày có lý, ốm như cò ma mình chỉ cần một nửa cũng đi đứt» .

Nó nhún mình phóng đi như vũ trên cây nạng gỗ về cất số thuốc dư và trở ra chia nhau uống. Hai đứa im lặng chờ thuốc ngấm, và mỗi đứa theo một ý nghĩ riêng. Tôi chợt nghĩ đến Mẹ, người đã suốt đời hy sinh cho tôi, và luôn tha thiết với quê hương bằng tấm lòng. Tôi vẫn ghi khắc nét lo âu tiều tuỵ trên khuôn

mặt Mẹ, nhất là đôi mắt ẩn buồn như chất chứa nỗi niền riêng vì cả một đời bà ước mơ và chờ đợi nhưng không bao giờ toại nguyện! Mẹ tôi lúc còn chiến tranh hằng cầu nguyện quê hương sớm thanh bình để con mình khỏi chết trận nhưng sau khi hết chiến tranh lại cầu nguyện cho con sớm thoát tù, nghĩ đến đây dòng lệ trong tôi tự trào, suốt đời tôi làm cho Mẹ buồn ! Dòng suy tưởng của tôi lại miên man đến nàng, người mà tôi muốn quên nhưng hình bóng ấy vẫn chợp chờn trong giấc ngủ như một chiếc bóng ẩn hiện trong tâm hồn, có khi theo dấu chân trên đường thì thầm kỷ niệm. Tôi muốn quên để những kỷ niệm tình không làm yếu lòng vì nhung nhớ, để không còn hy vọng ngày về. Tôi càng muốn quên thì hình ảnh của nàng cứ hiện ra một cô sinh viên tâm hồn đầy mộng mơ nhìn đời qua ngưỡng cửa sân trường. Nàng cũng như bao triệu người dân Miền Nam, vẫn hằng mơ ước ngày đất nước hết chiến chinh quê hương được thanh bình để những người lính được trở về với mái gia đình sống yên vui bên những người thân. Thế nhưng khi tàn chiến chinh đất nước thay màu thể chế thì những ước mơ giản dị đó đã biến thành những ác mộng của sự mất mát, đổ vỡ chia ly, vượt biên… Ánh mắt của nàng không còn nét vui tươi hồn nhiên và trên môi cũng đã tắt mất nụ cười sau khi được tin tôi bị thương, tôi biết nàng rất buồn im như tượng đá, không hé môi than số phận. Ôi, thật cao đẹp cho ý nghĩa tình yêu, nhưng điều ấy đã khiến lòng tôi thêm đau xót, buồn cho hiện tại đen tối, và chẳng biết tương lai rồi sẽ ra sao?!Trong khoảng khắc từng chi tiết của kỷ niệm cũ hiện về tôi hình dung thấy nàng qua tâm tưởng, từ khuôn mặt trái xoan, mái tóc dài bồng bềnh, nhất là nàng có nụ cười rất tươi luôn thăm trên bờ môi mọng đỏ làm sáng gương mặt phảng phất nét thơ trong tranh; chẳng thế mà các bạn gái đều xem nàng như đoá hoa hồng của đại học sư phạm ngày nào. Ôi, tà áo trắng, dáng mỏng manh dong dỏng đó có còn thướt tha được trên bục giảng, hay đang quay quắt từng miếng cơm giữa chợ đời ?! Chiến tranh quả tàn nhẫn đã cướp của nàng bao mơ ước! Thôi, nghĩ đến mà ngậm ngùi, tất cả những hạnh phúc, đau khổ; giờ cũng đành xin giã từ. Xin chào cuộc đời và những người thân yêu!

Đang triền miên trong suy tưởng bỗng tiếng kẻng từ trại tù xa vọng lại làm tôi bừng mắt. Tôi vội quay sang nó hỏi:

- *Mày đang nghĩ gì ?»* .

Nó thốn thức :

- *«Tao đang nghĩ về mẹ tao và vợ tao»* .

Tôi im lặng trân trọng phút thiêng liêng của nó. Chúng tôi lại chìm vào im lặng, sống trong cõi riêng thì bỗng có tiếng la cứu cấp, hình như có người nhập viện? Chẳng ai rủ nhưng hai đứa cùng đứng dậy mò qua xem mới biết người vừa chết là tù cải tạo . Anh ấy trước là bác sĩ Quân Y, vì lao động quá nên kiệt sức!

Tôi bảo bạn :

- *«Mày hỏi xem tên anh ấy là gì?»* .

Nó gắt lên:

- *«Biết làm quái gì! Trước sau gì chẳng gặp!».*

Tôi cười :

- *«Biết đâu ở chốn đó cũng có 'biên chế' như đây thì sao!».*

Nó bảo:

- *«Mày điên hả? Hơi đâu mà lo xa !».*

Tôi lắc đầu, định trở về giường nằm đợi thuốc ngấm «chờ đi», nhưng thằng bạn bảo hãy im lặng theo dõi lớp tuồng cuối.

Người tù nhân nằm đó còm như que củi, quần áo tả tơi, anh ta chết trong cô đơn, không thân nhân, bạn bè thân thiết. Cái chết thật ttrầm mặc chẳng xôn xao lay động những toán tù lao động gần đó! Số anh quả hẩm hiu! Chết ở trại còn được cỗ hòm, gục trên đường lao động đưa đến bệnh xá thì chỉ vài miếng ván nhà, dăm ba mảnh ván chuồng lợn cũng ghép nên một chiếc hòm!Thủ tục tống táng

người tù, cuộc tẩm niệm rất sơ sài , nắp quan đậy không kín vì những mảnh gỗ lệch! Mấy người khiêng là những tù nhân ở những trại khác được gọi đến trông họ như những bộ xương biết đi, cũng chẳng ai còn giọt nước mắt nào để tiễn đưa người quá cố! Quan tài của người bác sĩ trẻ xấu số được vùi sâu ba thước đất một cách vội vã, những mảng đất lùa trên quan tài không khua động, không dâng lớp bụi bay, nhưng lớp đất ấy đã vùi theo một tài năng trí tuệ của đất nước trong âm thầm chôn sâu vào lòng đất!

Tôi thầm nghĩ :

- «Dù sao anh vẫn còn may là được các bạn tù khắc tên trên tấm bia mộ. Thôi ngủ yên đi anh, chẳng ai có thể đày đoạ anh được nữa ... anh vẫn còn được hai đứa chúng tôi đưa tiễn, nhưng lúc chúng tôi ra đi ai sẽ tiễn đưa chúng tôi đây?!».

Chứng kiến cảnh đau lòng ấy tôi thở dài nói với bạn:

- « Đời người thế là xong! Lúc sống mọi thứ mới đáng cần, chứ chết rồi tang lễ có to hay nhỏ nào cần thiết phải không?!».

Lòng tôi ngậm ngùi, cười chua chát nói thêm:

- «Tao tưởng một người tù sống chẳng làm gì được trước họng súng , thì cái chết trong lúc lao động sẽ gây ầm ĩ, ai ngờ cũng chỉ là chiếc lá rụng! Cái đói và tiếng kẻng cơm tù dã làm nhụt chí tù nhân! Chết thầm lặng như thế nào khác cục đất chỉ rảnh tay bọn cai tù?! Thà là gắng cắn răng chịu khổ sở mà sống thì bọn đầu não CS vẫn phải người trông coi mình vẫn khoái hơn phải không?» .

Nó cười thích thú :

- «Mày có lý ... đám tù mình chết hết ai làm nhân chứng về tội ác Cộng Sản?!».

Hai đưa tôi nắm chặt tay nhau, cái xiết tay mang ý nghĩa: chúng tôi phải sống.

Chúng tôi gặp bác sĩ bệnh xá cho biết đã dùng thuốc quyên sinh. Bác sĩ Trưởng bệnh xá há hốc mồm nhìn chúng tôi vì đây là lần đầu tiên có vụ tự tử ttập thể. Trong lúc tiêm thuốc giải chờ xúc ruột, chúng tôi được«lên lớp»! Mấy ngày sau một chính uỷ chẳng biết từ đâu đến cho gọi chúng tôi lên và bắt làm tờ kiểm điểm . Họ quy tội chúng tôi là chống đối , vì tự tử là hành động tiêu cực diệt sản xuất và bắt chúng tôi xuất viện để về trại lao động ngay hôm đó.

Kể từ lần chia tay đó chúng tôi chẳng còn gặp nhau lần nào, nhưng lòng tôi vẫn khắc sâu hình bóng nó. Sau này tôi nghe một số bạn tù kể nó được tha về nhưng gia đình không còn ai, vợ con đã vượt biên không tin tức! Nó nộp đơn chờ đi diện HO , sự chờ đợi mỏi mòn lâu quá nên đã vượt biên, chiếc tàu của nó chẳng may gặp cơn bão nên không bao giờ tới bến!

Riêng tôi may mắn hơn, người con gái năm xưa vẫn ở bên đời, cùng trôi giạt xứ người. Dù chiến tranh và tù ngục đã qua lâu nhưng nhiều đêm những kỷ niệm đớn đau hãi hùng vẫn len vào trong giấc mơ làm tôi bàng hoàng thức giấc, chẳng biết mình tỉnh hay đang mê, nhìn quanh mới biết mình đang ở xứ tự do mà lòng nghe nhẹ nhõm! Ở xứ lạnh thời tiết hay thất thường, những vết thương cũ đôi khi trở đau, tôi đã quen chịu đựng nên không trách cuộc đời hay oán hờn một ai . Lỡ sinh vào đất nước đó thời đại đó thì như một định mệnh đã an bài? Thời gian vẫn lặng lẽ trôi, những kỷ niệm xưa dẫu êm đềm hay đớn đau thì nó vẫn đến trong đời, trong trang sách dù con người có muốn xoá đi hay đã quên. Xa quê đã lâu và chưa một lần trở về nên những dấu xưa chỉ còn là kỷ niệm khắc rong tim, và chẳng bao giờ tôi quên đã có một thời được làm người Lính ./.

Đỗ Bình
(Paris)

Một Ngày Tháng Tư...

Chuyện Nghe Kể Lại

Ỷ NGUYÊN

Tôi cùng gia đình đã may mắn thoát ra khỏi Sài Gòn vào ngày cuối tháng Tư năm 1975 trên chiếc tầu buôn khổng lồ đã từng cứu giúp đoàn người chạy loạn từ miền Trung vào Nam trước ngày mất nước. Mới đây nhân đọc bài viết của nhà văn Tiểu Tử kể về những giai thoại của ngày di tản 1975, tôi lại liên tưởng tới một câu chuyện thực hi hữu mà tôi đã được nghe Uyên Lê, một người bạn thân quen của tôi đồng thời là nhân vật chính trong truyện, kể lại nên muốn chia sẻ cùng bạn đọc nhân ngày 30 tháng 4 tới đây. Với ước nguyện của người kể, biết đâu bài viết ngắn ngủi này lại chẳng là nhịp cầu nối kết tình thân giữa người gia ơn và người thọ ơn qua một thời gian quá dài không mấy may tìm ra dấu vết mà Uyên Lê vẫn còn khép kín tâm tư cho đến tận bây giờ.

Ngày đó vợ chồng Uyên Lê và 4 người con đang sống hạnh phúc bên nhau trong căn nhà lý tưởng tại trung tâm thành phố Biên Hoà. Chồng nàng, anh Bùi Chư, đang là Trung Uý Bộ Binh đóng ở căn cứ Biên Hòa. Còn Uyên Lê làm việc cho phái bộ Mỹ ngay tại Long Bình. Mỗi sáng anh Chư đưa vợ đi làm chiều về đón vợ. Cuộc sống an vui của họ, những tưởng được kéo dài đến bất tận, nào ngờ, như một định mệnh đã an bài khiến Uyên Lê bỗng sớm trở thành goá phụ sau cái chết bất ngờ của anh Bùi Chư vào ngày 16 tháng 1 năm 1972 trên đường anh đi công tác ở Vùng 3 Chiến Thuật. Anh đã vĩnh viễn ra đi để lại người vợ trẻ đang tuổi thanh xuân cùng đàn con nhỏ dại. Lúc đó đứa con gái lớn nhất mới hơn 5 tuổi, đứa em kế 4 tuổi, thứ đến là bé trai 2 tuổi và cô út mới bốn tháng còn bú sữa mẹ. Ba năm thiếu vắng bóng chồng, ba năm đơn độc bươn chải để lo cho cuộc sống. Uyên Lê thấy thời gian sao mà dài đẳng đẳng! Nàng cố vượt qua cảnh đời nghiệt ngã, thờ chồng và gắng gượng nuôi nấng các con.

Ngày ngày Uyên Lê vẫn tiếp tục làm việc cho phái bộ Mỹ tại Long Bình, sáng sáng, sau khi lo điểm tâm cho các con, để chúng ở nhà với bà ngoại, nàng ra bến đón xe lam tới sở làm. Công việc văn phòng quen thuộc và bận rộn mà nàng đã làm từ năm 1967 tại Phòng Nhân Viên "Civilian Personnel Office (CPO)" thuộc Văn Phòng Tùy Viên Quân Sự "Defense Attaché Office (DAO)" đến giờ, đã giúp nàng sớm khuây khoa. Những tất bật với cuộc sống hàng ngày khiến nàng có cảm tưởng không còn chút thời gian riêng tư nào để nghĩ tới người chồng vắn số, cứ tưởng như anh đang đi công tác xa nhà. Nhưng sau bữa cơm chiều, chăm sóc, dậy bảo các con học hành, và khi chúng đã lên giường ngủ, một mình lủi thủi dọn dẹp bếp nước lại là lúc Uyên Lê cảm thấy ngậm ngùi... cô đơn trống vắng.

Vào những ngày đầu tháng Tư năm 1975, khi tình hình đất nước như đang đi vào một khúc quanh lịch sử, hàng ngày đến sở, Uyên Lê thực hoang mang lo sợ với những lời xì xầm bàn ra tán vào của bạn bè về việc nên đi hay nên ở... Rồi nhiều câu hỏi được đặt ra mà chẳng có câu trả lời... Nếu đi thì đi đâu, đi bằng cách nào, ai đưa mình đi, ai sẽ cưu mang mình v.v... Ai nấy đều mịt mờ như cóc ngồi đáy giếng. Quanh nàng các bạn đồng nghiệp vắng mặt dần dần, thưa thớt hẳn đi. Sáng nay còn gặp người này, người kia, hôm sau đã thấy mất hút. Chẳng ai dám nói với ai một câu, cũng không một lời từ biệt, cứ lẳng lặng mà ra đi. Những người còn lại không ai còn tâm trí đâu mà làm việc ngoại trừ lo xé bỏ các giấy tờ và huỷ bỏ các hồ sơ cẩn mật, vì biết

chắc rằng sớm muộn gì quân đội và chính phủ Mỹ cũng rút khỏi Việt Nam. Cho nên việc đến sở chỉ là để nghe ngóng tin tức xem sao. Những lời đồn vô căn cứ từ đâu đưa tới qua những câu vè mà Uyên Lê phải nghe mỗi lần có mặt tại sở đã làm nàng lo lắng không ít: "*Đi lính cho ngụy thì tha, nhân viên sở Mỹ lột da đóng giầy*". Giả dụ nếu phải ở lại thì những người làm việc cho sở Mỹ như nàng chắc chắn sẽ không được yên thân. Uyên Lê không muốn nghĩ đến những cảnh trả thù tra tấn của Cộng Sản mà họ hàng nhà nàng đã phải gánh chịu năm 1955 khi ở lại miền Bắc. Lý do nữa là gia đình nàng theo đạo Thiên Chúa Giáo, thêm vào đó ông thân sinh cũng như cậu em trai đều là sĩ quan cao cấp trong quân đội VNCH tại miền Nam mà nàng lại là nhân viên sở Mỹ từ bao năm nay, tất sẽ bị quy cho tội làm CIA cho Mỹ có "*nợ máu*" với nhân dân, do đó bằng mọi giá là phải ra đi dù rằng trước mắt chưa biết sẽ đi đâu và đi bằng cách nào. Ông xếp của Uyên Lê khuyên nàng nên sắp đặt để đưa gia đình đi theo phái đoàn cố vấn Mỹ ra khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt. Uyên Lê thực bối rối không biết phải xử trí ra sao vì nàng không được phép đem theo cha mẹ hoặc anh em ngoại trừ 4 đứa con. Còn phân vân hơn nữa là nàng vừa mới đoạn tang chồng vài tháng trước đó, không lẽ bây giờ bỏ anh ấy nằm một mình giữa đồng hoang hiu quạnh không người thăm viếng? Rồi còn ông bố, đang bị kẹt ở Kon Tum, Ban Mê Thuột, mẹ và cả nhà trông tin ông từng ngày. Nhất định Uyên Lê không thể ra đi một mình được, nên cứ nấn ná chưa thể trả lời dứt khoát với ông xếp.

Ở sở làm thì xôn xao như vậy mà về đến nhà thì các em lại bàn nên đi vượt biên theo đường biển bằng tầu của Hải Quân mà em trai của Uyên Lê là Quốc Tuấn, Đại Uý An Ninh Hải Quân chắc chắn sẽ có cách nào đó để đưa cả gia đình đi cùng một lúc. Uyên Lê bàn với cậu em đành phải nói dối với mẹ là gia đình sẽ đi ra Vũng Tầu lánh nạn pháo kích ít bữa để mẹ bớt lo, vì cụ chưa muốn đi lúc này, còn muốn đợi tin tức của cụ ông đang bị kẹt ở trên Ban Mê Thuột. Vậy là mọi người bắt đầu chuẩn bị đồ ăn thức uống, quần áo, phòng bị cho những bất trắc có thể xẩy đến cho cuộc hành trình này.

Chiều hôm ấy, 29 tháng 4 năm 1975, một buổi chiều Thứ Ba bất thường, cả Sài Gòn như đang sôi động về chuyện tìm đường thoát ra khỏi Việt Nam trước khi Cộng quân ập vào thành phố. Theo sự xếp đặt mà Quốc Tuấn đã thông báo thì mọi người, gồm gia đình Uyên Lê 5 người; mẹ nàng, 2 cậu em trai và 2 cô em gái còn độc thân, vợ chồng Tuấn, vợ chồng cô em gái với một đứa con nhỏ, thêm 2 người em trai bên chồng, tổng cộng là 17 người tất cả, phải chia ra từng nhóm nhỏ để tránh sự dòm ngó của lối xóm. Mọi người sẽ đều phải tập trung tại bến Bạch Đằng lúc 7 giờ chiều ngày hôm đó. Như dự định và sự đồng thuận của đại gia đình, Uyên Lê cùng 4 đứa con và bà ngoại thuê xe lambretta tới điểm hẹn là bờ sông Sài Gòn, góc sát Hải Quân Công Xưởng, cuối đại lộ Cường Để và Bến Bạch Đằng. Lúc đứng đợi ở bến tầu, Uyên Lê ngó quanh để kiểm điểm số người trong gia đình hiện diện và yên tâm là mọi người đều có mặt và quanh quẩn bên nhau.

Vào giờ đó, ngay nơi bến tầu, người ta ở đâu kéo đến đông thế, tay bồng tay bế, tay xách nách mang, gọi nhau ơi ới. Xe hơi, xe Honda, xe đạp vứt bỏ ngổn ngang ở vỉa hè và trên bãi cỏ gần bờ sông. Người người chạy ngược chạy xuôi, đổ xô ra phía bờ sông nơi có chiếc cầu thang dẫn lên boong một chiến hạm của Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà đang đậu sát bờ.

Trời về chiều, gió từ sông Sài Gòn thổi hắt lên khiến ai nấy đều cảm nhận được cái lạnh se se da thịt, nhất là mẹ của Uyên Lê, cụ vốn yếu đuối nên suýt xoa run cầm cập. Lúc đó đã hơn 7 giờ tối mà Tuấn không làm sao len được chân vào trong đám người đang vây kín ở xung quanh cây cầu đưa lên boong của

chiếc Soái Hạm Trần Hưng Đạo, HQ #1. Mấy chị em Uyên Lê hoang mang đứng đợi rải rác ở cầu tầu Bến Bạch Đằng, xa hẳn với chiếc chiến hạm. Người nào người nấy đều không che dấu được nỗi hốt hoảng lo âu là vì không biết Tuấn có lọt được lên tầu hay chưa? Tuy biết em nàng đang cố gắng hòan thành trách nhiệm, nhưng trong thâm tâm nàng vẫn lo sợ làm sao. Nàng nghĩ, giả thử cho dù Tuấn lên được tầu và gặp được cấp chỉ huy và họ đồng ý cho Tuấn đem gia đình lên, nhưng liệu Tuấn có dám đưa cả gia đình 17 người lên tầu giữa một rừng người đang chờ đợi ở chung quanh không? Liệu mọi người có để yên cho gia đình nhà nàng lên tầu dễ dàng như thế không? Nghĩ vậy, Uyên Lê thấy ruột gan cồn cào, phập phồng lo lắng.

Trời tối dần, màn đêm bắt đầu bao trùm cả khu vực. Uyên Lê vẫn đứng tại chỗ để chứng kiến tận mắt cảnh chen lấn của thiên hạ leo lên boong tầu. Từ xa, trong bóng tối lờ mờ, Uyên Lê thấy người ta đang xô đẩy nhau để tràn lên tầu mà cầu thang lúc đó đang được bắt đầu kéo lên. Người ta gọi nhau ơi ới, chen lấn nhau, có người rớt xuống sông. Cửa cầu thang phía trên tầu đã đóng lại, những người đứng phía dưới nơi bờ sông gọi nhau inh ỏi, la hét, gào thét. Một cảnh tượng rối ren đến hãi hùng làm Uyên Lê không thể định thần nổi, trống ngực đập liên hồi. Nàng ôm ghì đứa con út vào lòng, một tay nắm lấy bờ vai mẹ, nước mắt giàn giụa và miệng lâm râm cầu nguyện Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. Mọi người trong gia đình nàng vẫn đứng yên nơi bờ sông để đợi tin tức của Tuấn. Chừng nửa giờ sau, Tuấn quay lại, mặt mày hớt hơ hớt hải, anh lắc đầu thất vọng và nói với mọi người: "*Nguy to rồi, không tài nào liên lạc được với bất cứ Sĩ Quan Hải Quân nào ở trên Soái Hạm vì không thể nào len chân lên tầu được.*" Trong giây phút thập tử nhất sinh ấy, có thể Uyên Lê là người lo lắng nhất. Nàng thì thầm khấn nguyện một mình: *"Chúa ơi! chuyện gì sẽ xẩy ra nếu chúng con không thoát khỏi nơi này đêm nay?"*

Lúc bấy giờ là khoảng 9 giờ tối. Mọi người đứng nhìn nhau lo lắng không biết phải xử trí ra sao. Ngó qua Tuấn, Uyên Lê thấy xót xa làm sao, mặc dầu không nhìn rõ mặt em nhưng nàng cũng cảm thấy như em nàng đang bối rối và lo lắng trong tuyệt vọng. Mới hôm qua, trông Tuấn thật trịnh trọng oai phong trong bộ quân phục sĩ quan Hải Quân mầu trắng lúc ghé nhà Uyên Lê để thông tin, vậy mà lúc này đây trong bộ thường phục, trông cậu ta thất sắc và tiều tụy đến thế. Nhìn sang chiếc chiến hạm khổng lồ của Hải Quân VN, hình như tầu đang rục rịch rời bến. Uyên Lê lo sợ đến phát run, quay sang mẹ, nàng thấy thương mẹ vô cùng, cụ đang mân mê lần chuỗi tràng và lâm râm cầu nguyện. Trong bối cảnh chờ đợi nôn nóng đến cực độ lúc ấy, Uyên Lê thoáng nghe mẹ nàng lập bập nói nhỏ với Tuấn*: "Thôi chắc không đi thoát đâu con ơi, hãy nghỉ chân tại bến tầu này đợi cho đến sáng sẽ trở về nhà, chứ giờ này cũng tối quá rồi".* Mọi người im lặng như thể đồng tình với cụ.

Trong giây phút tưởng như tuyệt vọng này, bỗng dưng xa xa nghe có tiếng tầu máy chạy sình sịch dưới sông và dần dần tiến sát vào bờ nơi gia đình Uyên Lê đang đứng chờ. Tuấn mừng khôn tả vội đưa hai tay lên miệng làm ống loa la lớn: "Tuấn đây, Tuấn đây, có ai đó cho đi với". Thấp thoáng dưới canô, một người sĩ quan Hải Quân duy nhất trên đó có lẽ đã nhận ra dấu hiệu của Tuấn nên đã ép canô sát vào tận bờ. Sau đó, vị sĩ quan này thả cầu thang cho mọi người bước lên. Tuấn ôm chầm lấy anh ta để tỏ lòng biết ơn và rủ anh cùng đi, nhưng anh khước từ không thể đi được vì vợ con còn kẹt lại. Thế rồi hai người ngậm ngùi từ biệt nhau. Tuy không điểm danh lúc đó nhưng Tuấn và Uyên Lê đinh ninh là mọi người trong gia đình đều có mặt trong Canô trước khi Tuấn lái vòng ra phía ngoài để tiến tới chiếc Soái Hạm HQ #1, đang từ từ rời bến. Đứng trước tay lái, Tuấn vẫn còn run lẩy bẩy vì anh không thể nào ngờ

rằng gia đình anh lại may mắn gặp được vị cứu tinh, một phép lạ mà người sĩ quan Hải Quân vừa rồi đã ban cho gia đình nhà anh. Thực ra Tuấn chưa từng gặp mặt, biết tên và cũng không hề có sự sắp đặt nào trước đó, vậy mà bỗng tự nhiên anh ta lái canô đến đúng chỗ gia đình Tuấn đang đợi ở bờ sông và trao lại chiếc canô này cho Tuấn. Tuấn hít một hơi thật dài, thở ra thoải mái và thì thầm khấn nguyện ơn trên. Khi canô cập sát vào cửa phía sau của chiến hạm, Tuấn dặn mọi người hãy bình tĩnh ngồi im để anh lên mở cửa. Cũng vì Tuấn là người tiếp nhận chiếc Soái Hạm HQ #1 này khi quân đội Hoa Kỳ trao tặng cho Hải Quân Việt Nam mấy tháng trước đây nên anh hầu như có đủ mọi chìa khóa và thông thạo các phòng, các ngõ ngách của chiến hạm này - Khi cánh cửa sau của chiến hạm HQ #1 mở ra, một luồng ánh sáng rọi thẳng xuống canô làm mọi người chóa mắt. Một anh lính Hải Quân, đứng ngay nơi bên trong để tiếp giúp từng người leo lên tầu. Tuấn nói với anh lính đứng đó: *"Đây là tất cả mọi người trong gia đình tôi."* Qua ánh sáng lờ mờ từ chiếc bóng đèn mầu vàng treo nơi vách tầu tỏa ra, Uyên Lê thấy vợ chồng Tuấn đưa mẹ lên trước, rồi lần lượt tới phiên mọi người và Uyên Lê lên sau cùng với đứa con gái út. Khi mọi người đã thực sự vào trong hầm tầu, Tuấn trở ra thả cho chiếc canô tự do trôi bồng bềnh theo dòng nước và quay vào phía trong để lo đưa gia đình leo lên chiếc thang bện bằng giây thừng là phương tiện duy nhất dẫn lên boong tầu và các phòng phía trên. Uyên Lê là người luôn luôn đi sau cùng để kiểm điểm từng người sợ nhỡ có thiếu ai. Khi tất cả đã lên hết phía trên boong, nàng mới lần mò bước lên cầu thang, nàng nghĩ mình là người sau cùng lên boong tầu với cô con gái út bế bên nách. Bỗng dưng nàng nghe anh lính đứng cạnh đầu cầu thang quát to và chỉ tay về phía người đàn ông trên tay ẵm một em bé đang tiến tới sau lưng nàng: *"Ông là ai?"*, bất thần ông ta trả lời: *"Tôi là chồng bà này... "* trong khi một tay ông ta chỉ thẳng vào Uyên Lê. Ngay lúc đó, tự nhiên Uyên Lê cảm thấy như có ai đó đang níu áo nàng lại, rồi bỗng nàng buột miệng nói không đắn đo, không suy nghĩ: *"Ông xã tôi...!"*. Như để trả lời câu hỏi của anh lính. Thực bất ngờ, thực lạ kỳ không sao giải thích nổi là tại sao nàng đã thốt ra câu trả lời như thế. Trong khung cảnh nhốn nháo và tranh tối tranh sáng đó, Uyên Lê chẳng thể nào nhìn rõ mặt người đàn ông này để biết ông ta là ai, hình hài dáng vóc ra sao, nàng hoàn toàn mất chủ động và đầu óc hình như trống rỗng trong lúc hỗn độn đó. Khi mọi người trong gia đình đã có mặt đầy đủ trên boong tầu, Uyên Lê mới hoàn hồn và chợt nhớ lại sự việc vừa xẩy ra và nàng đã kể lại cho mẹ nghe câu chuyện về người đàn ông lạ đó. Cụ nói: *"Tốt thôi con, giúp được người ta trong lúc này là một điều nên làm".* Nhưng riêng Uyên Lê, tâm trí nàng cứ rối bời với sự kiện lạ lùng vừa xẩy đến cho nàng. Nàng phân vân tự hỏi tại sao cả gia đình nàng không ai nhận diện ra người đàn ông ấy trong hai lần di chuyển - lần đầu là khi bước xuống canô, và lần sau là khi lên tầu chiến. Chính Uyên Lê và Tuấn đã kiểm điểm kỹ càng số người trong gia đình mà. Một ý nghĩ thoáng qua..., chắc hẳn người đàn ông đó phải có mặt ở trong canô từ trước, khi canô này còn đậu tại bến trong khu vực quân sự của Hải Quân Công Xưởng và ngồi khuất ở đâu đó trong canô nên không ai để ý tới. Ý nghĩ này giúp nàng định thần được phần nào mối hoang mang từ lúc trả lời anh lính ở trên tầu. Nhưng nàng vẫn thắc mắc là tại sao anh lính đó lại hỏi đúng người đàn ông không thuộc vào gia đình nhà nàng, hay anh ta đã đếm đủ số người mà Tuấn đã cho biết lúc đầu, nên thấy dư người mới hỏi. Uyên Lê thở ra một hơi dài như cố xua đuổi những thắc mắc mãi ám ảnh tâm trí nàng trong lúc bấy giờ.

Được biết, chiếc Soái Hạm Trần Hưng Đạo HQ #1 này có thể chở khoảng 2 ngàn người

nhưng tối hôm đó Uyên Lê có cảm tưởng người ta còn đông hơn thế nữa. Họ ngồi chen chúc từ dưới hầm tầu cho đến đầy ắp trên boong, do đó dễ dầu gì mà tìm kiếm ra nhau trong lúc này, huống hồ người đàn ông mà Uyên Lê không thể hình dung ra được một mảy may dấu vết lại là một vấn đề quá mù mịt. Hình như ông ta xuất hiện chớp nhoáng trong đời Uyên Lê như để nhận lãnh sự cứu mạng của nàng rồi mất dạng. Và từ giây phút đó trở đi nàng cũng không hề thắc mắc hoặc nghĩ ngợi gì đến người đàn ông ấy nữa.

Nhưng câu chuyện di tản chưa chấm dứt ở đây ... Khi chiếc Soái Hạm HQ #1 này chạy tới ngã tư sông Lòng Tảo, Xoài Rạp cách Sài Gòn độ 30 hải lý thì bị mắc cạn không chạy thêm được nữa, mũi nhọn của tầu chúi vào bờ, đèn báo nguy tiếp cứu chớp lia lịa. Lúc này bà con trên tầu vẫn chưa ổn định được vị trí chỗ ngồi của mình, nên vẫn còn nhốn nháo, chẳng ai để ý đến những gì đang diễn tiến ở xung quanh, cứ nghĩ đã lên được trên tầu rồi là yên thân. Nhưng gia đình Uyên Lê thì khác, nỗi lo sợ lại ập đến với mọi người khi Tuấn cho hay là tầu đang bị mắc cạn. Ai nấy đều bàng hoàng tự hỏi... việc gì sẽ xẩy ra đêm nay nữa đây, nếu tầu không ra khỏi vùng nước cạn này và nếu Việt Cộng phát hiện thì tình cảnh của mọi người trên tầu chắc chắn sẽ bi đát không thể lường được.

Lúc bấy giờ đã là 12 giờ khuya, ngồi trên boong tầu, giữa sông nước bao la mà sao Uyên Lê cảm thấy như mồ hôi đầm đìa thân thể, nàng rùng mình sợ hãi. Uyên Lê chợt nghĩ và tự hỏi cái may mắn có thể đến với gia đình nàng lần thứ hai chăng? Rồi nàng vội xua đuổi điều nghi hoặc này đi và quây quần với mọi người trong gia đình cầu nguyện hầu cho quên đi những nỗi lo lắng trong giây phút kinh hoàng đó. Chỉ trong chớp nhoáng, mọi người trên tầu cũng đã biết rõ tình trạng của Soái Hạm HQ #1 nên ai nấy đều nhốn nháo đứng ngồi không yên, do đó mỗi lần có một tầu Hải Quân chạy ngang qua, mọi người đều lao nhao kêu cứu, vậy mà chẳng một tầu nào dừng lại khiến sự lo lắng trong lòng Uyên Lê lại dâng tràn tột đỉnh. Tim nàng như thắt lại, ruột gan hầu như muốn đứt ra từng đoạn. Ước chừng một giờ đồng hồ sau đó, từ xa xa một tầu Hải Quân của QĐVNCH chạy ngược chiều về phía tầu HQ #1. Khi chiếc tầu này đến sát tầu HQ #1 và đậu song song cạnh nhau khoảng chừng 5-7 thước, mọi người trên tầu HQ #1 la lên mừng rỡ. Vậy là bất chấp lời kêu gọi và ngăn cản từ máy phóng thanh của Dương Vận Hạm HQ#801 nói vọng sang khuyên bà con hãy bình tĩnh để họ tìm cách cứu giúp, một số người trên tầu HQ#1 vì quá sợ hãi đã nhẩy sang tầu tiếp cứu khiến trên tầu phải bắn mấy phát súng chỉ thiên để ngăn chặn vậy mà cũng có đến gần 100 người đã sang được tầu #801.

Được biết Đại Tá Hải Quân Bùi Cửu Viên lúc đó cũng có mặt trên Dương Vận Hạm HQ #801, nhưng chỉ là trong tư thế một người đi lánh nạn CS mà thôi. Với cương vị là một sĩ quan HQ cao cấp của QĐVNCH, ông đã từng được huấn luyện và tiếp nhận lái chiếc Dương Vận Hạm #501, tương tự như chiếc HQ #801 này từ căn cứ Hải Quân Mỹ ở Philadelphia về Việt Nam năm 1962 nên đã sốt sắng nhận lời đề nghị của Hạm Trưởng B. của DVH #801 để đứng ra trực tiếp lo phần vận chuyển giúp Soái Hạm HQ #1. Sau hơn một giờ đồng hồ xoay sở chật vật, khó khăn và dè dặt, chiếc Soái Hạm Trần Hưng Đạo HQ #1 đã được vận chuyển ra khỏi vùng nước cạn.

Lúc này con tầu đã thong dong trên mặt nước, Uyên Lê mới lấy lại bình tĩnh và tiếp tục cầu nguyện. Nàng thầm cảm ơn bề trên đã thực sự giúp gia đình nàng cũng như hơn 6 ngàn người trên hai con tầu thoát khỏi cảnh nguy ngập trong đường tơ kẽ tóc. Với gia đình nàng thì đây là lần may mắn thứ hai kể từ lúc tiếp nhận chiếc canô của người sĩ quan HQ ân huệ để lên Soái Hạm HQ #1. Đúng là con người ta sống chết đều có số cả, nếu không tại sao chiếc Dương Vận Hạm HQ #801 đã chạy

cách xa Sàigòn cả hơn hải lý mà vị thuyền trưởng còn quyết định cho quay lại để cứu giúp soái hạm HQ #1 và việc gì đã xui khiến để ĐT Bùi Cửu Viên lại có mặt trên tầu HQ #801 lúc đó để đứng ra lo liệu. Nghĩ đến điều này Uyên Lê tin rằng chắc hẳn phải có bàn tay của đấng thiêng liêng cứu độ nên mới sắp xếp mọi việc ăn khớp với nhau như thế chứ?

Soái Hạm Trần Hưng Đạo HQ #1 sau đó tiếp tục chạy theo sau Dương Vận Hạm #801 ròng rã trong hai ngày hai đêm trên Biển Đông trước khi tới căn cứ Subic, Phi Luật Tân. Từ đó tất cả đồng bào di tản trên Soái Hạm HQ #1 được chuyển sang hạm đội 7 của Hoa Kỳ (7th Fleet) chạy thẳng tới đảo Guam.

Thời gian qua mau... thấm thoắt đã gần 40 năm định cư và thành đạt trên đất lạ quê người, Uyên Lê đã tìm được hạnh phúc mới và sinh thêm được một bé gái. Cháu đã ra đại học và hiện đang làm việc tại thành phố New York. Và bốn đứa con thơ dại ngày nào giờ cũng đã có bằng nọ cấp kia và có công ăn việc làm ổn định ở nhiều tiểu bang trên nước Mỹ. Bây giờ Uyên Lê đã là bà nội bà ngoại trong một đại gia đình. Quốc Tuấn, cậu Đại Uý Hải Quân của ngày di tản năm xưa giờ cũng đã tốt nghiệp Kỹ Sư ở California và đã có hai con, cũng như mấy người em trai em gái của nàng và cả hai cậu em trai chồng đều đã có chức phận trong xã hội Hoa Kỳ và có con có cháu đầy nhà.



Giờ đây Uyên Lê đã về hưu tại thành phố sa mạc Albuquerque, tiểu bang New Mexico sau nhiều năm làm việc với cộng đồng người Việt tại đây qua các chương trình y tế, giáo dục và cuối cùng là hãng Bảo Hiểm Nhân Thọ (Live Insurance Company). Cuộc sống được đền bù và nhàn nhã bên người chồng hiền lành đạo đức. Nhưng đôi khi dĩ vãng chợt hiện về khiến Uyên Lê không thể không nhớ đến câu chuyện Ngày Di Tản năm xưa để rồi lại thấy lòng phân vân và tự hỏi không biết người đàn ông mà nàng nhận làm chồng trong một phút bất thần ấy bây giờ đời sống ra sao, có hạnh phúc và đón được vợ con đến bến bờ tự do hay không? Duy có một điều làm Uyên Lê suy nghĩ mãi và không sao giải nghĩa cho riêng mình là sự gì, điều gì đã thúc đẩy nàng thốt ra lời nhận sằng, *"ông xã tôi"* với người đàn ông xa lạ kia. Rồi nàng mơ hồ tự hỏi hay là vong linh của anh Bùi Chư, chồng nàng đã hiển linh muốn cứu giúp người đàn ông đó để trả ơn kiếp trước nên đã khiến nàng thốt ra lời nhận quàng nhận xiên để ông ta được chấp nhận lên tầu? Cho tới bây giờ, hình ảnh huyễn hoặc của người đàn ông xa lạ trong bóng đêm hôm đó vẫn là một kỳ bí thực khó quên trong đời nàng.

Riêng người viết, sau khi được nghe kể lại câu chuyện hi hữu này, cũng rất ngạc nhiên và thắc mắc để đi đến một niềm tin về tiền kiếp của con người, đã khiến cho Uyên Lê đột nhiên giúp một người mà nàng không hề quen biết - một người đàn ông xa lạ mà bỗng dưng nàng gọi là chồng. Phải chăng đó là do bản tính nhân hậu của Uyên Lê luôn luôn muốn giúp đỡ người khác nên trong tư tưởng của nàng đã có những chủng tử nhân ái mà bất chợt thốt ra bằng lời nói: ông Xã tôi…

Ỷ NGUYÊN
Maryland - April 2014
(Xin cảm tạ Cựu ĐT HQ Bùi Cửu Viên đã cho biết những chi tiết xác thực để Ỷ Nguyên hoàn thành bài viết này)

Con Kể Cha Nghe...

Tháng tư đen lịch sử sang trang mới
Lịnh ban truyền cha cải tạo xa xôi
Hành trang theo là những giọt châu rơi
Súng đành buông để xuôi theo vận nước

Ngày cha đi con nào đâu ngờ được
Không ngày về cha bỏ xác rừng hoang
Cõi trần gian u hoài con nặng mang
Sầu vong quốc con buồn đời nghiệt ngã

Cha mất đi mẹ lòng đau héo dạ
Ngày lại ngày gối chiếc giọt châu rơi
Con bơ vơ như chim tổ xa rời
Khóc phận buồn sầu giăng nơi xứ lạ

Giặc tràn vào núi đồi cây nghiêng ngả
Giòng sông sâu buồn suối lệ tuôn trào
Người gọi người xác chồng chất lấp cao
Biển thét gào mang nghìn trùng thương nhớ

Bao cô gái sụt sùi đêm trăn trở
Gởi giọt buồn cho quê mẹ nát tan
Gởi giọt thương cho cung bậc lỡ làng
Đan giòng nhớ vì người thân xa vắng

Quê hương giờ dân đói nghèo cay đắng
Máu tuôn rơi hồng đỏ cả giòng sông
Từ thành đô cho đến tận ruộng đồng
Lời ai oán ôi tự do dân chủ !

Đảng cướp đất dành nhà còn chưa đủ
Thêm bắt người gian hãm chốn lao tù
Miệng huênh hoang đầy tráo trở ngôn từ
Lời Bác dạy phải độc tài đảng trị

Phải tham lam cùng dối gian lừa mị
Đẩy nước nhà vào tay bọn giặc tàu
Dâng Hoàng Sa chẳng thấm thía vào đâu
Đây Trường Sa các ngài yên tâm lấy

Mặc trẻ thơ đời gian truân đưa đẩy
Kệ người già ngày bữa đói bữa no
Trên đỉnh cao đảng chức tước quyền to
Xe hơi tậu nhà lầu ai sánh được

Kìa cô gái trăng tròn đầy mộng ước
Phận bọt bèo đành gả lũ sói lang
Ngày lao động đêm xót cảnh trái ngang
Chồng xứ lạ duyên xây trên đổ vỡ

Đời còn chi khi nhịp chùng phím lỡ
Thuyền bơ vơ mặc sóng gió đẩy đưa
Lòng xót đau lê kéo kiếp sống thừa
Thân nô lệ mơ bình minh rực sáng

Còn bao cảnh khổ đau cùng năm tháng
Kể cha nghe tủi nhục của dân hiền
Người mẹ gầy bán máu để kiếm tiền
Nuôi con thơ khóc hoài đòi sữa mẹ

Đảng chỉ ham vét tiền sao cho lẹ
Tiếng dân gào cùng tiếng khóc quê hương
Cũng chẳng màng dù một chút xót thương
Dân nước Việt đành vượt biên tìm lối

Kể sao hết lòng con đau trăm mối
Đại hồng thủy làm dân chết nhà tan
Đã đói nghèo giờ lê bước lang thang
Ôi đất nước một màu buồn tang trắng

Nơi xứ người tim con sầu trống vắng
Nỗi nhớ nhà luôn canh cánh trong lòng
Ngày phục quốc con vẫn dạ hoài mong
Mơ ngày về quê hương mình hùng mạnh

Cho đường phố rộn ràng không hiu quạnh
Cho nắng vàng nhảy múa rực nhành mai
Cho gió reo ru khúc nhạc mơ hoài
Cho sông núi từ nay thôi réo gọi

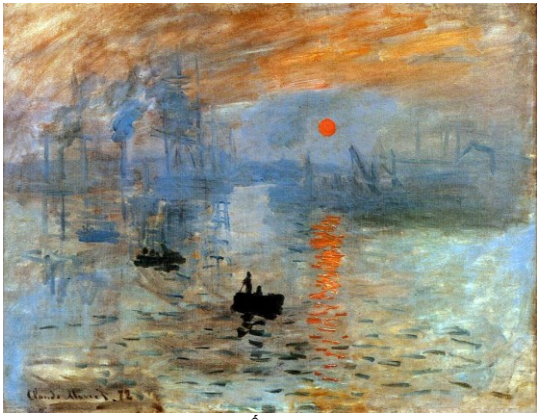
Rồi cờ vàng phất phơ dân mãi đợi
Ách độc tài đảng trị dứt từ đây
Em bé thơ xúng xính áo mới may
Xuân lại về tươi vui trên đất Việt.

Uyên Phương Minh Nguyệt

MÙA XUÂN
Ở NGÂN GIANG THÔN

Cứ mỗi lần từ sở làm về, đi ngang qua cầu Argenteuil, bà Liên không ngừng nghĩ tới nhà danh họa Claude Monet đã từng sinh sống nơi đây (1871 - 1878), khoảng thời gian đó những bức tranh tuyệt mỹ ra đời, nhưng ý niệm về trường phái ấn tượng do ông chủ trương với bức họa (Ấn Tượng Mặt Trời Mọc: Impression Soleil Levant) hãy còn mới mẻ, được đem ra tranh cãi. Vào đầu thế kỷ thứ 19, các tuyến đường sắt nối liền Paris và vùng phụ cận được mở mang do đời sống kinh tế, kỹ nghệ phát triển, dân cư tụ tập đông đúc. Lúc đó, người dân Paris đến Argenteuil vào những ngày cuối tuần hay những hôm đẹp trời để giải trí, thanh thản nghỉ ngơi, tham dự những cuộc du thuyền bên dòng sông Seine lặng lờ trôi chảy. Trên cầu, con đường sắt thẳng tắp nối liền hai tỉnh Gennevilliers-Argenteuil, chiếc xe lửa chuyên chở hàng hóa hoặc hành khách nhẹ nhàng phun khói. Dưới nước, các du thuyền qua lại, người thưởng ngoạn êm đềm nhìn ngắm dòng sông lấp lánh ánh bạc với những quầng sáng tối phản chiếu in bóng các chân cầu. Đó là lý do Claude Monet đã mướn ngôi nhà số 21 đường Karl Marx, để được gần gũi với quang cảnh thiên nhiên, thực hiện ước mơ vẽ nên những bức tranh tuyệt hảo của mình.

Không biết bởi nguyên do nào đưa đẩy,bà Liên tới định cư trong thành phố này, họa tính ra thời gian sinh sống cũng dài bằng cả một đời tuổi trẻ của bà nơi quê nhà, chất chồng thêm biết bao kỷ niệm để rồi bà thơ mộng đặt tên cho khu xóm nhỏ nơi bà ở là Ngân Giang Thôn. Căn nhà vợ chồng bà Liên mua cách đây trên hai mươi năm được xây cất vào



(Ấn Tượng Mặt Trời Mọc: Impression Soleil Levant)

khoảng 1925, trước thế chiến thứ hai, như thế nó đã rất xưa cũ nhưng nhờ ông Tùng, chồng bà chịu khó tu sửa lại nên còn đứng vững với thời gian. Nhà không rộng lớn lắm gồm ba phòng ngủ ở tầng lầu trên, một phòng khách, một nhà bếp và nhà tắm ở tầng lầu dưới, một kho chứa đồ đạc linh tinh, phía bên phải hông nhà là chỗ đậu xe lộ thiên ăn thông với nhà người láng giềng phía sau. Đây là một lối đi, đem xe ra vào mà họ có quyền mượn đất của nhà bà, về phương diện pháp lý gọi là "servitude". Phía trước nhà là một khoảnh sân độ mười mét vuông bà dùng để trồng vài thứ hoa cảnh, rau thơm vặt vãnh.

Khi mới dọn đến ở, vì còn ngỡ ngàng chưa quen biết ai, ông Tùng đặt tên cho mỗi người láng giềng của ông một tên gọi riêng. Phía sau nhà là ông Bung, người được quyền đi, đem xe ra vào trong sân nhà của vợ chồng

bà. Gọi là ông Bung vì đầu tóc ông lúc nào cũng rối rắm uốn quăn lên rồi bung xòe ra như tổ quạ, thật ra tên ông là Bonnet. Kế bên nhà phía bên phải là ông Bồ vì ông gốc người Bồ Đào Nha. Bên trái gọi là ông Vua vì ông có tên Le Roy, người Pháp quê ở Bretagne lên Paris sinh cơ lập nghiệp. Bà Leblanc ở bên kia đường đối diện với nhà vợ chồng bà được đặt tên Tuyết bởi da mặt bà mịn màng trắng trẻo, giọng nói ngọt ngào nhẹ nhàng như cơn gió thoảng. Kế đến là ông Đen vì nước da ông đen dòn người Madagascar, sau này nhìn hộp thư được biết ông tên Babou, ông Tùng cứ lầm lẫn đọc trại ra Bambou. Từ đó ông Đen trở thành ông Bambou, người duy nhất mang tên tiếng Pháp. Cùng một dãy nhà với bà Tuyết, gia đình ông Wertolini người Ý, cả nhà đọc mãi cũng không nhớ nổi nên đành rút ngắn gọn gọi tên là ông Quẹt. Rồi đến ông Rideau mang dáng dấp ốm yếu, mảnh khảnh làm người ta liên tưởng nếu gió thổi ông cũng muốn bay nhưng không biết tại sao được các con bà gọi là ông Hải Tặc! Có lẽ đối với chúng, mặt ông trông thật dữ dằn, thêm bộ râu mép uốn cong lên, gợi lại hình ảnh trong phim "Pirates des Caraïbes" của hãng Walt Disney do Johnny Depp thủ vai thuyền trưởng Jack Sparrow.

Lần hồi Ngân Giang Thôn của bà Liên trở thành một xóm nhỏ quen thuộc, gặp gỡ chào hỏi nhau có lúc thân tình có khi không, nhưng cho mãi tới bây giờ vợ chồng bà và các con vẫn quen gọi họ bằng những tên riêng, tuyệt nhiên họ không hề hay biết. Ông Tùng nói kể ra cũng tiện, mỗi lần vì lý do nào đó mà nhắc đến tên, họ sẽ không giận nghĩ rằng mình đang nói xấu họ. Nói là nói vậy chứ thật tình ông Tùng vốn bản tính dè dặt ít cởi mở, ông chui rúc trong cái vỏ ốc tự tạo của mình nên nhiều người cứ tưởng lầm rằng ông khó tính. Mọi việc giao tiếp bên ngoài đều do bà Liên thu xếp, bà làm thâu ngân viên ở một siêu thị lớn gần nhà, quen dần cách nói chuyện với khách hàng nên có vẻ dạn dĩ hơn ông, bản tính lại ham vui, dễ hòa đồng với tất cả mọi người. Tuy nhiên tình hàng xóm ở đây khó phân biệt do phong cách của người bản xứ, họ tôn trọng lẫn nhau, mạnh nhà ai nấy ở, ít khi tò mò soi mói vào chuyện của người khác.



Le Pont du chemin de fer à Argenteuil - Claude Monet (Tài liệu Internet)

*

Bà Liên không ngừng lau chùi quét dọn, máy hút bụi đưa vào tận cùng các ngõ ngách, ngay cả trên trần nhà, bà rất ghét mấy con nhện quái ác hay giăng tơ dọc ngang trên đó. Sau khi thay các màn cửa cho sạch sẽ tươm tất, bà bắt đầu nhìn ngắm và có vẻ hài lòng qua mấy giờ đồng hồ mệt nhọc. Ngồi ở bộ ghế nệm đặt trong phòng khách đã cũ kỹ dễ chừng nó xấp xỉ bằng tuổi con trai bà. Hồi mới dọn tới ở thằng Hiếu vừa tròn một tuổi, nay nó đã hai mươi bốn. Ba năm sau con Thảo mới ra đời. Nhìn ngắm chán rồi bà suy nghĩ mông lung, nhớ hết chuyện nọ đến chuyện kia… Mấy mươi năm trước khi còn ở quê nhà, công việc mà Mẹ phó thác cho bà là phải lau chùi bàn thờ, dọn dẹp nhà cửa, sạch như lau như li. Sau đó đến hai mươi chín hay ba mươi Tết, cả nhà xúm lại thức đêm gói và nấu bánh chưng, bánh tét, cho tới đúng mười hai giờ khuya lễ cúng giao thừa, bà lần lượt nghe tiếng pháo nổ đì đùng vang rân khắp ngõ, mùi thuốc pháo bay hăng hắc pha lẫn với

mùi khói nhang. Lúc đó những bản nhạc xuân phát ra từ chiếc radio nhỏ nhắn hiệu Sonny đặt trên bàn ở một góc nhà, tuổi thanh xuân của bà vui đón một năm mới với nhiều ước mơ tươi đẹp, bà ôm chiếc radio vào cả trên giường ngủ để sát bên tai làm bạn suốt đêm thâu. Qua sáng mồng một, mẹ của bà ra hiên nhà thắp nhang ở bàn thờ ông Thiên tạ ơn Trời Phật, rồi trở vào nhà tự xông đất, trước tiên để tránh khỏi bị rông cả năm vì gặp người vận xấu ít may mắn hay "nặng bóng vía". Cả nhà quây quần lại mừng tuổi, nhận tiền lì xì, cho đến trưa mẹ của bà bày mâm cỗ cúng ông bà rồi mời hàng xóm láng giềng đến chung vui. Tiếng cười nói bông đùa rôm rả, các món ăn ngày Tết bày ra thịnh soạn, kiệu chua, dưa giá, rau sống, bánh tráng, bánh chưng, bánh tét, thịt kho nước dừa, gà nấu cà ri, khổ qua nhồi thịt… bà còn nhớ chẳng bao giờ dám đụng tới món dưa giá, chắc là trong trí tưởng tượng của bà lúc đó, nó lên men, không tươi nên khó nuốt làm sao! Các em của bà đứa nhỏ nhất năm tuổi ngồi tụm lại chơi bầu cua cá cọp, đánh bài hoặc "vít hình" tùy thích. Tối đến, bà cùng mẹ và em Hồng thi đua cắn hạt dưa đỏ cả môi. Mẹ cắn hạt dưa ít khi nào bể nát, lúc nào cũng thua mẹ, mẹ không đòi gì cả chỉ cười nhỏ nhẹ phô hai hàm răng trắng đều đặn. Nghĩ đến mẹ, khi mẹ mất không về kịp quỳ bên mộ, bà lặng buồn đến rơi nước mắt.

Tuy là người ngoại đạo nhưng bà thường chưng bày cây thông đặt trong phòng khách vào mỗi mùa Giáng Sinh, để chìu lòng các con khi tuổi nhỏ, khao khát được nhận quà như chúng bạn. Bây giờ các con đã ra ở riêng, tung bay như đàn chim vỡ tổ, bận rộn với công việc ít khi về đúng hẹn. Khi nhìn phòng ngủ của hai con để trống không, bà có cảm giác căn nhà rộng thênh thang.

Ông Bung gõ cửa mang tặng gia đình bà một hộp kẹo sô-cô-la. Bà Liên cám ơn. Trời lạnh rùng mình nhưng ông chỉ mặc một quần sport rộng và một áo thun đã ngã màu, tai đeo bông, trên cổ xâm hình một mạng nhện. Trông ông cũng gần giống Jack Sparrow, sao tụi nhỏ không gọi là ông Hải Tặc? Ông vui tính, xuềnh xoàng, thích uống bia. Gương mặt tròn trịa, dáng người thấp nhỏ, hơi béo phì. Mùa hè thường thấy ông để ngực trần, thân mình đầy lông lá, trên ấy xâm hình đôi môi dầy đỏ thắm trông thật hấp dẫn! Ông Bung khoe với bà:

- Tôi đang giăng đèn kết hoa, làm cây Noël, trang hoàng trong nhà cho cháu của tôi.

- Vậy nó sẽ hài lòng lắm. Ông có cần chúng tôi giúp gì không?

- Không, cám ơn. Mấy đứa con của ông bà có về không?

- Chúng nó bận việc, có lẽ hôm sau mới đến.

Ông Bung chào bà thêm lời chúc cuối năm tiệc tùng vui vẻ. Ông vốn thích các món ăn Việt Nam như gỏi cuốn, chả giò… khi phát âm không bỏ dấu món bún thịt nướng, theo cách gọi ở các tiệm ăn: "Bo bun", hai má ông phồng lên trông thật ngộ nghĩnh. Ông cứ ao ước sau này Jean, con trai ông sẽ lấy vợ Việt để ông được thưởng thức các món ăn thuần túy Việt Nam. Mỗi năm đến Tết Nguyên Đán, bà thường đem tặng ông bánh chưng, bánh tét do bà nấu. Ông cám ơn, sau đó buột miệng kêu:

- Trời đất ơi, không biết bánh làm bằng gì mà ngon dữ vậy!"

- Tôi phải mất nguyên một ngày đi chợ, sửa soạn ngâm nếp và một ngày gói bánh, nấu bánh đó.

Để giải đáp thắc mắc của ông, bà cho ông xem videó hướng dẫn cách làm bánh, luôn tiện nói cho ông nghe về sự tích bánh chưng bánh dầy và các phong tục ngày Tết v.v… Ông trầm trồ khen ngợi rồi nói nếu có dịp sẽ đi du lịch Việt Nam một chuyến. Sylvie, con gái của ông Bung lấy chồng là một nhân viên

bưu điện ở cách nhà ông vài chục thước, mỗi buổi sau giờ làm việc thường đến dùng cơm chiều với ông, đứa cháu gái bảy tuổi, Clémentine, đẹp như thiên thần rất được cưng chìu, nó thường nhảy tung tăng chân sáo từ ngoài cổng và hát líu lo như chim vành khuyên, đôi mắt nó trong sáng long lanh màu nước biển, kèm theo mái tóc dài vàng óng ả chẳng khác nào những bông lúa dợn sóng trên cánh đồng vào buổi chiều tà.

*

Người ta trang hoàng thành phố bằng những dây đèn kết hoa nhấp nháy, giăng mắc vào tất cả những nơi nào có thể được, ánh đèn nhiều màu sắc sáng lấp lánh tạo nên không khí vui vẻ, mộng mơ. Tháng mười hai đêm dài ngày ngắn, mới bốn giờ chiều trời đã sâm sẫm tối nhưng kẻ qua người lại mua sắm tấp nập. Các cửa tiệm chưng bày thật lộng lẫy, khách hàng không thể không dừng chân nhìn ngắm. Bước vào khu trung tâm thương mại lớn nhất trong thành phố, bà Liên hỏi ông Tùng:

- Mình mua gì cho buổi chiều cuối năm?

- Tùy bà, sao cũng được. Tụi nhỏ chắc không về, chỉ có tôi với bà, đơn sơ giản dị thôi.

Tết ở quê nhà có bánh mứt, hạt dưa và những món ăn cổ truyền, có chợ hoa đủ màu sắc trên đường Nguyễn Huệ. Người ta đi lại dập dìu, thanh niên thiếu nữ tay đan tay ngắm hoa tình tự. Buổi sáng trời se se lạnh cho đến trưa là hết, hầu như trong gió, trong nắng, khắp nơi đều có không khí lẫn mùi vị của Tết. Tết ở quê người có các món hải sản tôm cua nghêu hàu sò ốc, cá hồi xông khói, gan béo, gà tây, caviar, bánh buche, bánh kem, kẹo chocolat, rượu sâm banh, cognac, whisky… thêm cả quần áo mới đẹp sặc sỡ, lóng lánh kim tuyến tím vàng để dự tiệc, sang trọng và muôn màu muôn vẻ. Siêu thị rộng lớn, khách hàng đông đúc, họ không chen lấn mà lặng lẽ lựa chọn những món hàng ưa thích, quà cáp biếu xén, rồi thản nhiên sắp hàng chờ tới phiên mình, các thâu ngân viên nhẫn nại chìu khách, tận lực tiếp đãi, trong lòng họ thoáng thấy một niềm vui hân hoan đón mừng năm mới. Niềm vui đó rất an lành vì họ đang sống trên quê hương của họ, năm này hết đến năm kia, không có gì thay đổi. Riêng bà Liên, đứng tần ngần nhìn quanh quất hồi lâu, bỗng nhiên nghe lòng hụt hẫng, mang cảm giác lạc loài như đang ở một thế giới nào khác. Bà chợt hiểu ra nơi đây chỉ là một chốn nương nhờ. Không khí Tết, mùi vị Tết, những tấm chân tình đầm ấm của thân bằng quyến thuộc, ông bà, cha mẹ, anh em, bạn bè, làng xóm, láng giềng… còn len lõi nằm mãi trong ký ức, bà mất mát đã bao nhiêu năm không thể nào mua được, không lấy gì thay thế được. Bà giơ tay gỡ đôi kính trắng lau chùi mắt, cảm giác xốn xang như đang vướng một chút bụi.

- Tôi cứ mua sắm đầy đủ, thằng Hiếu với con Thảo bận việc, có thể cuối tuần chúng nó sẽ về, mình ăn Tết muộn vậy.

- Bà điện thoại hỏi tụi nó xem.

- Vậy tôi chọn món cá hồi xông khói, ăn với bánh mì và một món súp nhẹ cho ông nhé.

Nói rồi, bà nhoẻn miệng cười với ông, lục lọi tìm trong túi xách chiếc điện thoại di động: "Allô, Hiếu đó hả, mẹ đây…". Nghĩ tới các con bà cảm thấy được an ủi, tạm quên đi nỗi buồn nhớ quê hương, len lỏi vào các dãy hàng của siêu thị, ông Tùng đẩy xe đi theo sau một cách khó khăn với buổi chợ cuối năm đầy chật người.

*

Đúng vào ngày sinh nhật của bà Liên, một tuần lễ sau Tết Dương Lịch, các con cùng về tụ họp đông đủ. Bà làm nhiều món ăn ngon miệng, nấu nồi bung nồi ba, một mớ dùng hôm nay và một mớ cho các con đem về, *"tụi nó bận việc thường ăn uống đạm bạc cho qua bửa"*, bà nghĩ vậy, cho nên tuy mệt nhọc bà vẫn không quản ngại lại cảm thấy vui hơn vì chẳng mấy khi gia đình được đoàn tụ. Lòng mẹ thương con bao giờ cũng *"bao la như biển Thái Bình dạt dào"*, lo lắng cho con

ngay cả khi đã lớn khôn… Thằng Hiếu đem tặng cho bà bộ đĩa DVD tổng hợp một số các phim xưa rất nổi tiếng. Nó biết tính bà thường yêu những điều xưa cũ, cũ rích nhưng giây phút một đời tưởng nhớ. Thời đó bà còn rất trẻ, tuổi đôi mươi vô tư hồn nhiên theo bạn học cùng lớp rủ nhau xem phim ở các rạp Rex, Eden, Văn Hoa, Casino Saigon… rồi mê các ngôi sao điện ảnh: Alain Delon, Paul Newman, James Dean, Ava Gardner, Elizabeth Taylor, Audrey Hepburn… Bà đã từng ngồi hằng giờ xem Cuốn Theo Chiều Gió với hai diễn viên chính Clark Gable và Vivien Leigh, sau này có Những Con Chim Ẩn Mình Để Chết do Richard Chamberlain và Rachel Ward thủ vai. Mấy loại phim này lấy hết không biết bao nhiêu nước mắt của bà. Con Thảo đem tặng cho bà một bộ nồi xoong chảo BEKA, sau đó nó mang ra một khung tranh mạ vàng, bản chụp bức tranh vẽ chiếc cầu Argenteuil của Claude Monet, rồi giải thích:



Le Pont d'Argenteuil - Claude Monet. (Bức tranh bị phá hoại ngày 07-10-2007 - Tài liệu Internet)

- Bức tranh này đặt ở viện bảo tàng Orsay, nhân dịp tổ chức "Đêm Không Ngủ" ở Paris, vào tháng 10 năm 2007, người ta đã cho một cú đấm phá hoại làm hư hại nó. Bà Liên ngỡ ý:

- Thật đáng tiếc! Nhưng cũng may còn nhiều tấm khác, Claude Monet vẽ rất nhiều tranh về chiếc cầu, con đường sắt ở Argenteuil.

Còn đang mân mê nhìn bức tranh, chợt ông Tùng chỉ vào đài truyền hình:

- Xem kìa, người ta tấn công vào nhà báo Charlie Hebdo!

Cả nhà cùng theo dõi và liên tiếp hai ngày sau đó, đài truyền hình thâu trực tiếp các cuộc diễn biến. Chao ôi, thật là không thể quên, đúng vào ngày sinh nhật của bà Liên, 17 mạng người phải chết oan uổng! Bà vô cùng thương tiếc bốn ông họa sĩ vẽ tranh biếm họa: Charb, Cabu, Tignous, Wolinski. Thế giới ngày nay nhiều bạo động với nạn khủng bố tràn lan đầy nguy hiểm. Chạnh nghĩ tới Claude Monet, bà Liên tự hỏi, có phải thời của ông người ta sống rất yên bình hay không? Còn ở thế kỷ văn minh tân tiến bây giờ, ngay cả tranh của ông nằm trong viện bảo tàng cũng đã bị xâm phạm.

Trời không còn lạnh se sắt như những ngày mùa đông ảm đạm. Cây sơ-ri bên nhà ông Wertolini nở từng chùm bông trắng, tia nắng buổi sáng mong manh như những sợi tơ chiếu nhẹ nhàng vào các khe lá, gió mùa xuân dịu mát nhưng cũng đủ thổi tung bay những cánh hoa xuân rơi la đà trên đường. Những đứa trẻ đồng tuổi với các con bà lần lượt lập gia đình rồi ra ở riêng. Ông Hải Tặc-Rideau không còn ghé nhà ông Bung thường xuyên để uống bia vào những ngày hè, mắt ông đã mờ, một bên chân bị cưa vì bệnh tiểu đường, ông chỉ ngồi ở ngưỡng cửa thềm nhà, thỉnh thoảng la rầy con chó Ja của ông hay sủa ủng ẳng mỗi khi có người đi qua. Bà Tuyết-Leblanc than phiền chịu hết nổi đứa con trai, Pierre, đã gần 30 tuổi mà cứ mê chơi game, "ăn không ngồi rồi" không giúp ích gì được cho bà. Ông Bambou-Babou đã bán căn nhà và dọn đi nơi khác. Bây giờ có lẽ ông Bung-Bonnet là người hạnh phúc nhất trần gian. Con gái, con trai, con rể, cháu gái, vợ và mẹ vợ… cả gia đình thân nhân đều ở gần bên, lại được tin con trai ông sẽ cưới vợ vào mùa hè sắp tới. Con dâu tương lai của ông sẽ là cô Diane có mẹ là người Pháp gốc Việt từ lâu

HUYẾT NGUYỆT

Trăng đỏ như lòng tôi đang chín tới
Mùa bay qua thương mây chảy cuối trời
Và em đến rực lên như nguyệt huyết
Ấm nụ cười, ôm ngày tháng vàng rơi.

Sương khói bạc dần tan và ngày đến
Cánh chim vui lờ lượn đón bình minh
Huyết nguyệt mơ trôi vào cõi vô cùng
Tôi bỗng có và yêu em yên tĩnh.

Ý Anh

sinh sống ở Cam Bốt, sau này mới hồi hương về Pháp. Ông hãnh diện nói với bà Liên: "Tôi sẽ được thưởng thức món chả giò, gỏi cuốn tùy thích".

Bỗng dưng một buổi trưa ông Bung đi ngang qua sân nhà, hối hả báo tin:

- Bà có hay gì không? Ông Wertolini chết rồi, tôi đang quyên tiền giúp cho gia đình ông ta. Bà Liên ngạc nhiên:

- Tôi vẫn thấy ông ấy ra vườn làm việc, đôi khi ho húng hắng nhưng có đau ốm gì quan trọng đâu.

- Vợ ông ta nói rằng: "Bác sĩ cho biết ổng đang mang chứng ung thư phổi, chỉ còn sống được sáu tháng, quá tuyệt vọng, ổng thắt cổ tự tử trên cây sơ-ri".

- Thảo nào tôi thấy nhiều xe cộ ngừng lại trước nhà ông ta sáng nay. Ông đợi chút, tôi gửi một ít tiền.

Buổi sáng buổi trưa buổi chiều. Mỗi khi buồn nhớ vọng tưởng đến quê nhà, từ khung cửa sổ trong phòng, bà Liên thường nhìn mông lung ra ngoài trời xa, tầm mắt không ngừng ngắm nghía cây sơ-ri ở nhà ông Wertolini, mùa xuân hoa nở từng chùm trắng ngát, mùa hè những con chim ríu rít đến ăn trái ngọt, rồi mùa thu về những chiếc lá tàn úa vàng nâu rơi rụng chắn hết cả lối đi, cho đến mùa đông vài nụ tuyết trong suốt như pha lê vương vấn đọng trên cành. Vậy mà tại sao bà không thấy được, lúc nào ông Wertolini đã máng sợi dây thòng lọng vào ngọn cây, để bà còn tri hô cho gia đình ông ta tìm cách giải cứu kịp thời. Bà thầm trách sao đời người ngắn ngủi, đôi khi bất lực với định mệnh khắc nghiệt.

Định mệnh có thể sẽ khắc nghiệt, nhưng nghĩ lại bà Liên không chịu nổi khi ngậm ngùi nhớ đến một ngày tháng tư năm bảy lăm. Đoàn người và xe tăng tiến vào dinh Độc Lập. Ngày ấy, đứng ở một góc đường nhìn thành phố Sài Gòn thân yêu thay đổi, bà không ngừng lau nước mắt. Thời gian đã trải dài qua bốn mươi năm. Hai mươi năm nương náu ở quê nhà và bốn mươi năm sống nhờ nơi đất khách. Cho tới bây giờ bà vẫn không ngừng lau nước mắt, thương cho phận đời lưu lạc, nhận nơi này làm quê hương, lấy tình bà con xa không bằng láng giềng gần làm vui, ông Bồ, ông Bung, ông Vua, bà Tuyết… là những người không cùng chung xứ sở, truyền thống văn hóa tổ tiên ông bà, nhưng đất lành chim đậu, họ sẵn lòng cưu mang, rộng lượng giúp đỡ, chia sẻ và vui sống hòa đồng. Bà Liên vẫn đếm từng ngày tháng xa quê rồi âm thầm mơ ước chờ mong cho có một ngày về.

Clémentine, sang năm mới lớn thêm một tuổi càng xinh đẹp hơn, nó vẫn hồn nhiên nhảy tung chân sáo, mỗi lần đến dùng cơm chiều bà đều nghe nó cất tiếng kêu trìu mến từ ngoài cổng: "Ông ơi, ông ơi, mở cửa cho cháu"…

Nơi đây, mùa xuân ở Ngân Giang Thôn cứ êm đềm trôi qua.

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 07-02-2015)

Bốn Mươi Năm Nhớ Lại

DIỆM-TRÂN

Tháng 2 năm 2015

Ngày tôi rời Sài Gòn, tôi còn là cô nữ sinh chưa thi tú tài. Tôi theo gia đình đi dưới sự hướng dẫn của bố mẹ. Thuở đó, tôi không có ý niệm là mình sẽ đi đâu hay có ngày nào sẽ còn trở lại căn nhà mình đã từng ở trong bao nhiêu năm, thành phố nơi mình sanh trưởng, quê hương mà tiếng mẹ đẻ đã được "yêu từ khi mới ra đời." Khi theo gia đình đặt chân xuống một chiếc tầu nhỏ ở bến Bạch Đằng bên bờ sông Sài Gòn buổi trưa hôm thành phố còn ngái ngủ trong giới nghiêm, tôi chợt nghĩ đến bạn bè và hốt hoảng không muốn bỏ đi. Nhưng dĩ nhiên tôi phải tuân theo quyền trên, và sau đó lại theo gia đình rời bỏ chiếc tầu chúng tôi lên đầu tiên vì không có người lái để qua một chiếc xà lan, và để rồi lênh đênh trên biển cả hai ngày mà không biết trong tương lai có dự trữ những gì cho gia đình và bản thân. Nhưng có bao giờ tôi nghĩ ngày hôm ấy, ngày 29 tháng 4 năm 1975, lại là một ngày quan trọng trong đời tôi, đánh dấu một sự đổi thay lớn lao mà tôi không thể nào tưởng tượng nổi. Và từ ngày ấy đến nay đã gần 40 năm chẵn.

Gia đình tôi bỏ đi một cách đột ngột nên tôi không đem theo hành lý và gia đình không chuẩn bị lương thực. Hai ngày trên xà lan chúng tôi phải nhịn đói trong khi vấn đề vệ sinh thiếu thốn. Tinh thần tôi rất thấp lúc đó. Nhiều người trên xà lan thấp thỏm, lo xà lan sẽ chìm vì ngày thứ nhì có thêm nhiều thuyền nhân leo lên. Rồi lại có tin thành phố đã mất vào tay Cộng Sản. Rồi những người có la bàn vì theo dõi hướng đi của xà lan mà lo lắng là xà lan đang trở ngược về địa phận Việt Nam sau khi đã ra ngoài địa phận quốc tế. Nhưng tôi không muốn lo, không thèm lo, không biết lo, và không sợ để lo. Sau này em tôi nhớ là có đạn bắn khi tầu trên đường trở về Vũng Tàu. Nhưng chắc tiềm thức tôi không muốn nhớ hết những gì đã xảy ra trong quãng thời gian này. Cuối cùng xà lan không chìm, không ai bị đạn bắn, và tất cả chúng tôi đã được cứu vớt.

Một tầu lớn đến kéo chúng tôi lên, từng đoạt từng đoạt một, mỗi đoạt họ kéo lên một số người đủ chứa trong cái hộc gỗ họ thả xuống xà lan. Khi tôi được kéo lên thì một cánh tay của tôi bị đè và tôi cứ phải chịu ở một vị trí không thoải mãi, không nhúc nhích gì được cho đến khi lên tầu lớn. Thằng em út của tôi bịnh nên bố mẹ tôi xuống hầm tầu nằm với nó. Chúng tôi đem đồ ăn được cấp phát đến cho bố mẹ tôi. Nhiều khi chúng tôi được cấp gạo chỉ cần hòa vào nước để thành cơm nhưng không có gì ăn chung với cơm, ngay cả muối cũng không có. Một lần cả gia đình tôi được cấp một trái táo. Dĩ nhiên chúng tôi để dành táo cho thằng em út. Phần đông tôi ở boong trên nhìn ra biển. Một người chị họ cũng đi chung với gia đình tôi. Gia đình chị cũng đến bến Bạch Đằng cùng gia đình tôi, nhưng trong sự lộn xộn rối rắm ở bến, chị bị tách khỏi gia đình nên đi theo chúng tôi. Chị biết nói tiếng Anh nên đàm thoại với những người thủy thủ Mỹ trên tầu. Tôi hơn chị một tuổi nhưng không giỏi tiếng Anh mà chắc cũng khù khờ hơn chị nên chẳng

làm bạn với ai. Tôi không biết chị có nhớ đã nói với tôi là chị sẽ đặt tên con chị là Mây Trắng, nếu nó không thích tên đó thì nó ráng chịu thôi chứ chị đã nhất định rồi. Mây Trắng, lãng mạn nhỉ – nhưng đời sống trên tầu xa với lãng mạn nhiều. Tình trạng vệ sinh chỉ hơn xà lan một chút thôi, nhất là cho giới phụ nữ chúng tôi vì chúng tôi có nhiều đòi hỏi cần thiết hơn đàn ông. Tôi ngồi đầu tầu trầm ngâm tự hỏi có dám nhảy xuống biển hay không. Nước biển xanh đậm điểm đạm không sóng gió như muốn thôi miên người nhìn. Hú vía. May là tôi không dễ bị thôi miên và cũng không có gan. Tôi nghĩ chắc tầu đi cũng cả tuần mới đến Subic Bay, Phi Luật Tân. Khi xuống Subic Bay, tôi được ăn một lát bánh mì mà tôi nghĩ chắc bây giờ tôi gọi là "white bread." Ôi chao sao mà nó ngon thế! Nó thơm, ngọt lịm, và chẳng có chỗ nào chê. Nó làm bao tử tôi mãn nguyện một cách cực kỳ. Tôi như từ địa ngục được lên thiên đàng khi bỏ vào miệng cái bánh mì này.

Sau đó có máy bay đưa chúng tôi đi Guam. Chúng tôi ngủ trên giường không nệm dưới lều trải ngoài trời. Mỗi bữa ăn chúng tôi sắp hàng theo trật tự để lấy đồ ăn. Người tỵ nạn dán yết thị tìm kiếm người thân. Thằng em út tôi còn nhỏ người tuy đã là "teenager" nên mấy tên lính Mỹ cười nhạo báng. Bây giờ biết hơn rồi thì nếu chuyện ấy có xảy ra tôi có thể nghiêm nghị hỏi tại sao các anh có thể "insensitive" và "bigoted" như vậy. Nhưng ngoài sự không thông thạo tiếng Anh, chúng tôi là người yếu thế cần sự trợ giúp của một cường quốc và những anh lính này hẳn là công dân của cường quốc chúng tôi nhờ cậy. Bố mẹ tôi làm thủ tục giấy tờ ở Guam qua những màn phỏng vấn. Tôi không nhớ gì nhiều trong những ngày trên đảo Guam.

Sau khoảng một tuần ở đảo thì chúng tôi tới Fort Chaffee, Arkansas bằng máy bay, với hai chặng ngừng tại Honolulu và San Francisco. Đến Fort Chaffee, chúng tôi mỗi gia đình được một "phòng" trong trại lính (army barracks). Gia đình bác tôi thì đi Florida. Chị họ tôi quay về với gia đình chị nơi đó. Chúng tôi ở đây một thời gian khá dài, hơn một tháng. Tôi không giữ nhật ký như hồi còn là cô nữ sinh trung học nên cũng không rõ ngày đến ngày đi, nhưng theo em tôi thì chúng tôi ở trại Fort Chaffee một tháng rưỡi. Tôi gặp lại một vài bạn cũ nơi đây, cùng với đứa bạn thân nhất mà tôi tưởng tôi đã bỏ lại ở quê nhà. Tôi đi học tiếng Anh và tình nguyện phục vụ phát đồ ăn trong những bữa ăn. Lâu lâu thì tôi đi nghe Khánh Ly hát. Tiếng Anh tôi vẫn yếu, nhất là về đàm thoại, nên nhiều khi tôi nói chuyện với một anh lính Mỹ bằng cách mỗi người viết xuống giấy cho nhau đọc. Tôi dàn xếp bố mẹ đến nói chuyện với anh ta vì anh nói gia đình anh có thể bảo lãnh gia đình tôi. Bố mẹ tôi không giỏi tiếng Anh nên tôi cũng chẳng hiểu vì sao bố mẹ lại quyết định là chuyện sẽ không thành. Bây giờ nghĩ lại thì cũng không có gì ngạc nhiên là chuyện không đi đến đâu vì anh linh Mỹ chắc cũng chỉ khoảng hai mươi mấy tuổi non và chắc cũng chẳng hiểu biết gì nhiều về chuyện bảo lãnh. Một hôm đi nghe nhạc Khánh Ly tôi thấy ông Tony, thầy dạy Anh ngữ, cũng đến nghe. Tôi ra nói chuyện với ông nên được biết ông là thầy giáo dạy Anh văn cho một trường trung học ở Kalamazoo, Michigan và đã tình nguyện đến dạy những người tỵ nạn trong mùa hè. Ông và tôi vẫn liên lạc với nhau hiện nay. Trong khi ở trại, anh tôi đi thi và kết quả của kỳ thi là anh

được học bổng và tuyển nhận vào Oklahoma State University. Tôi không thi vì vốn liếng Anh ngữ còn ít ỏi. Anh tôi giã từ gia đình để qua tiểu bang Oklahoma đi học.

Gia đình chúng tôi, trừ người anh lớn, được một nhà thờ bảo lãnh, đến cư ngụ Park Forest South, ngoại ô của thành phố Chicago, cuối tháng sáu năm 1975. Đầu tiên gia đình chúng tôi phải chia cách, tôi và em gái tôi đến ở với hai gia đình khác nhau, mỗi gia đình gồm một phụ nữ và hai cô con gái, còn hai em trai tôi ở với bố mẹ trong một apartment. Các em tôi vào trung học công cộng. Tụi tôi gặp vài trớ trêu và "culture shocks." Tôi nhớ em gái tôi kể nghe một lần trong lớp thay vì nói "sheet" thì em phát âm thành "shit." Em cũng kể là có một cô học trò trong lớp tỉnh queo hỏi thầy giáo có muốn cặp bồ với nó không. Tôi nhớ khi tôi nghe chuyện này, tôi "rụng rời" tâm trí, không ngờ học sinh bên đây lại dám gan và "hỗn" như vậy. Tôi vào học Prairie State College, xin được tiền trợ cấp (grant không phải trả lại), tiền mượn (loan sẽ phải trả lại), và chương trinh work study (làm trong trường và ăn lương mỗi giờ) kèm toán cho những học sinh yếu toán. Tôi hơi ghen với mấy đứa em được nếm mùi trung học Hoa Kỳ còn tôi phải học ngay đại học. Tôi làm quen với bà Marge trong trường. Bà giúp tôi trong vấn đề hòa hợp với xã hội mới. Vì trường chỉ hai năm cao đẳng, bà khuyên tôi nên xin vào những trường đại học tư. Nhưng thật ra tôi mới chân ướt chân ráo nào biết gì nhiều để xin vào trường tư. Sau ba khóa học ở Prairie State College, tôi chuyển qua Northern Illinois University. Trước khi chuyển trường tôi đi xe lửa Amtrak xuống Ocala, Florida thăm gia đình người chị họ đã cùng tôi lênh đênh trên đường biển Vũng Tầu-Subic Bay. Duyên số đưa đẩy tôi gặp chồng tương lai tôi trên chuyến xe lửa này (chuyện *Chuyến Xe Lửa Định Mệnh* đã in trên báo *Cỏ Thơm* Số 61 Mùa Đông 2012)

Xong đại học, tôi làm trong một phòng thí nghiệm của một ông bác sĩ ở University of Chicago, dưới sự hướng dẫn của một bà tiến sĩ dưới quyền ông. (Tôi vừa được tin ông qua đời ở Maine tháng 8 năm 2014). Chỉ sau vài tháng, tôi xin nghỉ để lấy chồng và theo chồng về tiểu bang Washington. Đáng lẽ tôi có quyền xin vào công dân Hoa Kỳ năm 1980, nhưng vì tôi đổi tiểu bang nên tôi phải đợi thêm một năm. Chưa là công dân nên tôi khó kiếm việc nơi tôi cư ngụ ở tiểu bang mới vì phần lớn các việc làm đòi hỏi nhân công phải là công dân. Trong thời gian đọc báo mỗi ngày để tìm việc, tôi khám phá ra một môn thể thao mà tôi rất thích, đó là môn bóng đá (soccer). Tuy không biết soccer là gì và chưa bao giờ chơi bất cứ một môn thể thao nào, với sự khuyến khích của chồng tôi, tôi đã hăng say gia nhập một đội nữ. Đội này đăng quảng cáo trên báo cần thêm cầu thủ. Tôi chơi khoảng một năm thì bỏ vì trở về Illinois cùng chồng đi học thêm và sau đó bận rộn con cái, không chơi nữa cho đến nhiều năm sau.

Những năm đầu sang Mỹ và ngay sau khi đã lập gia đình, tâm thần tôi không an ổn. Tôi cảm thấy tội lỗi đã thoát khỏi ách Cộng Sản trong khi bao nhiêu người phải ở lại Việt Nam. Tôi có những giấc mơ về nước rồi không ra khỏi nước được nữa. Sau nhiều tháng làm lụng, bố mẹ tôi có phương tiện mướn apartment rộng rãi hơn nên tôi và em gái đã về ở với gia đình. Bố mẹ tôi nhiều khi không hòa thuận vì cuộc sống khó khăn và quá đổi mới cho cả hai, nên tôi

cũng bị ảnh hưởng tâm thần. Có một anh chàng người Việt theo đuổi tôi, tôi nghĩ tại lúc đó ít người Việt quá chứ anh chắc chẳng mê tôi, nhưng tôi không hợp với suy nghĩ của anh ta, chúng tôi không có điểm tương đồng. Anh mua quà cho bố tôi chứ không bao giờ mua quà cho tôi. Anh bảo tôi con gái không nên học toán và không nên học cao. Tôi cảm thấy bơ vơ và cô độc. Tôi lạc lõng trong xã hội mới. Tôi không là người Mỹ, không hoàn toàn hòa đồng với xã hội Mỹ, nhưng cũng không hoàn toàn hỏa đồng khi sinh hoạt với người Việt. Tôi lơ lửng giữa chừng, không thuộc về một phần thể nào, một quốc gia nào, một thế giới nào. Nhiều khi tôi mơ ước có bạn tri kỷ để tâm sự và gần gũi. Thân thể tôi phản ứng với mề đay nổi khắp người, ngay cả trên mặt, nhiều khi mề đay làm sưng cả môi, và rồi lại thêm chứng đau bụng. Bác sĩ và thuốc men không đem lại hiệu quả. Bác sĩ cho tôi vào nhà thương chỉ để làm các thử nghiệm xem tôi bịnh gì mà bụng đau đến thế. Thử đủ thứ nhưng rồi bác sĩ cũng không kiếm ra bịnh. Đến khi tôi có con đầu lòng thì những triệu chứng này mới có phần nguôi ngoai. Khi tôi có bầu con đầu lòng thì cũng là lúc vợ chồng tôi quyết định về tiểu bang Illinois đi học lại để gần bố mẹ tôi. Chúng tôi đã bàn tính sẽ lái xe từ Washington qua Illinois, coi như hai vợ chồng sẽ có một phiêu lưu mạo hiểm với nhau. Đêm trước ngày khởi hành đi Illinois, tôi chuyển dạ và vỡ nước ối. Tôi vào nhà thương sinh con đầu lòng, sáu tuần non. Bác sĩ giữ con tôi vài ngày dưới lồng kính trong nhà thương để trị bịnh vàng da. Con đầu của chúng tôi sinh ra khi chúng tôi là người không cửa không nhà, vô gia cư vô nghề nghiệp. Khi con và tôi ra nhà thương, chúng tôi đến ở tạm một gia đình bạn. Chồng tôi lái xe đi Illinois một mình vì anh phải bắt đầu khóa học. Tôi ở lại. Bố mẹ chồng đến đón mẹ con tôi về ngoại ô Seattle nghỉ ngơi khoảng một tuần trước khi mẹ con tôi đi máy bay đến Illinois tái họp với chồng tôi. Bố mẹ chồng trước lơ là với tôi, nhưng rất mừng có cháu đầu tiên nên săn sóc tôi và cháu rất chu đáo.

Sau một khóa nghỉ ngơi ở nhà với con, tôi cũng bắt đầu đi học lại. Tôi chọn người trong campus chăm sóc con tôi để tôi có thể đến thăm con và cho con bú trong những giờ nghỉ. Cuối tuần bố mẹ và các em tôi thường lái xe hơn hai tiếng từ miền Bắc đến Urbana thăm chúng tôi. Có khi thì chúng tôi cũng lái xe lên miền Bắc thăm bố mẹ. Trong khi còn đi học, có một khóa tôi tưởng trường không cung cấp tiền teaching assistantship cho tôi nữa. Lúc đó tôi bàn với chồng có thêm một con. Tôi có bầu rồi mới biết trường vẫn cho tiền nên lại tiếp tục học. Con thứ nhì của chúng tôi cũng là bé gái. Tôi gửi tin nhắn vào trường là cháu sanh hôm thứ bảy. Vì tôi viết xuống "Sat" cho "Saturday" nên có bạn tưởng Sat là tên con tôi. Vì nhớ chuyện này nên tôi nhớ ngày đẻ là thứ bảy. Cuộc đời học sinh với con nhỏ cũng hơi lao đao. Có vài lần cả chồng tôi và tôi nản chí, định bỏ học, nhưng cuối cùng lại cắt công tiếp tục cho đến khi mỗi người có thêm một mảnh bằng. Anh học toán, tôi học thống kê.

Sau khi ra trường, chồng tôi có việc làm ở tiểu bang Virginia. Chúng tôi dọn đến đây, nơi ba đứa con chúng tôi lớn lên và cả ba ra trường trung học ở Quận Fairfax. Con út chúng tôi ra đời ở Reston Hospital. Bố mẹ và em út tôi sau cũng đến cư ngụ tiểu bang này, nơi ghi dấu rất nhiều kỷ niệm trong những

năm tháng sau khi tôi đã giã từ đất Việt. Cuộc đời của tôi ở đây đã kéo dài lâu hơn cuộc đời tôi ở Sài Gòn. Thời gian dần dà cho tôi hòa hợp với cuộc sống bên đất Mỹ, cho tôi niềm tự tin và bình an trong tâm hồn, không còn những giấc ác mộng hay bị nổi mề đay nữa. Tôi làm cho Bộ Lao Động một thời gian, rồi nghỉ làm để có thêm thì giờ với con khi con đầu trở thành thanh thiếu niên. Tôi trở lại chơi môn bóng đá với một đội nữ trong Quận Fairfax. Hiện thời tôi là cầu thủ của nhiều đội, chơi với cầu thủ trẻ hơn tôi và với cầu thủ lớn tuổi hơn tôi. Tôi rất phục những bà bạn đồng đội, có người hơn tôi cả 15, 20 tuổi.

Khi hai con lớn tôi đi đại học thì tôi cũng trở lại trường lấy bằng giáo dục ở George Mason University và dạy toán cho chương trình Adult High School của Quận Fairfax. Tôi nghỉ dạy sau khi có cơ hội trở lại làm thống kê cho Bộ Lao Động. Khoảng mười năm trước đây tôi bắt đầu liên lạc được với một số bạn bè và thầy cô Trưng Vương xưa. Tôi sinh hoạt Hướng Đạo một thời gian và quen nữ văn sĩ Cung Lan trong Hướng Đạo. Qua Cung Lan, tôi bắt đầu bước vào ngưỡng cửa dịch thuật và viết lách. Tôi dịch hồi ký đi tìm tự do tựa đề *Những Tấm Lòng Nhân Ái (Unforgettable Kindness)* và chuyện hai chị em lớn lên trong thành phố Nha Trang với tựa đề *Hai Chị Em (Two Sisters)*. Qua Cung Lan và nhóm Trưng Vương, tôi được hân hạnh gặp nữ văn sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung, chủ nhiệm tam cá nguyệt san Cỏ Thơm. Chị Ngọc Dung ủng hộ tôi rất nhiều trong bước đường vào ngưỡng cửa văn chương. Chị tặng tôi báo *Cỏ Thơm* và hồi ký *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của chị. Chị khuyến khích tôi viết bài cho Cỏ Thơm nên tôi đã cộng tác với chị từ báo Xuân 2012. Ngoài ra tôi cũng có cơ hội gặp các văn thi sĩ khác qua Cỏ Thơm, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Book Club Nhà Việt Nam, và các sinh hoạt cộng đồng khác.

Bốn mươi năm cuộc đời từ ngày xa nước có chìm có nổi, có đem cho tôi hạnh phúc cùng đau thương, thành công cùng thất bại, hoan hỉ cùng âu lo, mộng mơ cùng thất vọng, nhưng điều quan trọng là tôi không còn cảm thấy bơ vơ hay lơ lửng giữa hai xã hội mà không biết thuộc về bên nào. Tôi thuộc về cả hai. Tôi có thể tranh đấu cho đất nướcViệt Nam trong khi là một công dân Hoa Kỳ phục vụ cho quê hương thứ hai. Tôi yêu đất nước Việt Nam từ ngày tôi mở mắt và tôi yêu quê hương thứ hai từ ngày đặt chân lên mảnh đất này. Tuy tôi không còn cảm thấy tội lỗi vì tôi đã bỏ đi trong khi bao nhiêu người phải ở lại, lòng tôi vẫn quặn đau khi kinh tế, kỹ nghệ, kỹ thuật Việt Nam không phát triển như xứ người và dân Việt vẫn sống trong nghèo than dưới ách Cộng Sản. Tôi mong một ngày rất gần đất nước Việt Nam sẽ hưởng tự do dân chủ như quê hương thứ hai của tôi. Ngày đó tôi sẽ mừng như người trúng số và sẽ đưa mẹ tôi về quê hương chốn cũ để tôi theo Mẹ đi khắp nẻo đường nước Việt và đến thăm nơi Mẹ sinh thành, nơi mà tôi chưa bao giờ được biết.

DIỆM TRÂN (Virginia)

TẠP CHÍ CỎ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

LÀM SAO QUÊN?

Tôn Nữ Mặc Giao

"Văn phòng Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định xin trân trọng thông báo: Kể từ giờ phút này, lệnh ban hành giới nghiêm 24 trên 24 sẽ được áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam cho đến khi có lệnh mới". Tiếng của ai đó trên đài phát thanh, hay tiếng của một vị quân nhân nào đó trong văn phòng Tổng Trấn Sài Gòn Gia định đọc nha nhả trong suốt những ngày cuối tháng tư đen phát ra từ cái radio đã khiến tôi thuộc nằm lòng như một tiếng kinh cầu cho những ngày miền Nam đang trong cơn hấp hối.

Nhưng bây giờ sau lời kêu gọi đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh, chắc chẳng bao giờ tôi còn nghe được những tiếng "kinh cầu" quen thuộc đó nữa! Vì ngoài kia súng nổ vang rền chưa từng thấy, lúc đầu còn thưa thớt, rồi từ từ tôi nghĩ nếu đụng trận ngoài sa trường chắc cũng chỉ nổ đến thế là cùng? Lần đầu tiên tôi cảm nhận được "mùi" chiến tranh và một nổi lo sợ bất an dấy lên trong lòng. Cả nhà chúng tôi ngồi túm tụm dưới sàn bê tông cốt sắt của cái sàn sân thượng phía sau nhà bếp để tránh đạn đang nổ như ri trên đầu. Anh Hai tôi nắm lấy cái radio đã tịt ngóm chỉ còn tiếng tẹt tẹt… vô duyên của sự mất sóng, vừa lắc lắc như muốn nghe lại cho rõ lời của vị Tổng Thống mới, vừa nhắc lại như hỏi bâng quơ:

- "Đầu hàng vô điều kiện"? Vậy là thua rồi?

Không khí nặng nề như bao trùm khắp nhà, sự ngột ngạt khiến tôi khó thở nhưng cũng không dám nhúc nhích, chỉ đưa mắt nhìn mọi người quan sát. Bố tôi gục xuống bàn khóc nức nở rên rỉ:

_ Giời ơi! Tưởng chạy vào đây là thoát rồi! Bây giờ "chúng nó" đuổi vào đến đây thì còn biết chạy đi đâu nữa đây hở giời?

Tôi hiểu lời của bố tôi nói, ngày xưa còn trẻ, cụ đã từng "đụng" với "họ" và dắt díu cả gia đình chạy loạn không biết bao nhiêu lần, cuối cùng là phải di cư vào Nam để tránh nạn cộng sản. Yên ổn được bao nhiêu năm, xây dựng được cơ ngơi, tuy chẳng bằng ai nhưng cũng là một mái ấm gia đình cho vợ con yên ổn. Con cái học hành có gốc có rễ ổn định cuộc sống, đã ra riêng tự lập cả rồi, cộng thêm đã lớn tuổi cụ không muốn đi đâu nữa cả. Vã lại cụ không bao giờ ngờ là miền Nam sẽ mất, vì cụ rất tin tưởng vào sự "hoà hợp hoà giải dân tộc" của vị Tổng Thống cuối cùng có người em làm lớn "phía bên kia". Cho nên cụ cứ bằng chân như vại nằm dài ôm cứng lấy cái radio để nghe đài VOA, đài BBC và nói khi hai ông anh rể lớn và nhỏ của tôi có phương tiện di tản đem đến bàn luận với cụ:

- Bố lớn tuổi rồi chắc chẳng ai làm gì bố, vã lại chính phủ nào thì cũng phải giả hưu cho người ta sống (bố tôi là công chức hồi hưu), cũng phải nuôi dân chứ chẳng lẽ để cho dân chết à?

Tôi cũng thật thắc mắc khi thấy sự mâu thuẫn của cụ. Cụ biết nói như thế sao bây giờ miền Nam bị rơi vào tay cộng sản cụ lại khóc như vậy? Tôi sợ phải chứng kiến những đau khổ của người khác mà không giúp gì được nên rón rén rời khỏi chỗ ngồi đi lên lầu khi tiếng súng đã bắt đầu thưa thớt rồi dứt hẳn. Sau tiếng súng là một sự yên ắng đến rợn người, tôi mở cửa bước ra sân thượng trước nhà mà nín thở như đi ăn trộm, không dám gây tiếng động mạnh sợ vỡ oà một cái gì đó không biết trước được. Nhưng linh cảm cho tôi biết, nói cho nhẹ nhàng một chút là sẽ chẳng tốt đẹp gì ở ngày mai.

Tôi vịn vào bờ tường lan can nhìn xuống con đường số 1 của Cư Xá Đô Thành (CXĐT) mà thấy trong lòng buồn hiu hắt, nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm, không một bóng người qua lại. Bầu trời u ám, mưa bắt đầu lất phất đìu hiu như một thành phố chết. Trời ơi! Cũng con đường này, cũng vòm trời vùng CXĐT này, cũng với không gian thời gian lập đi lập lại mỗi ngày. Đường phố nhộn nhịp vui vẻ biết chừng nào, mà sao trưa hôm nay bỗng dưng buồn muốn khóc. Chỉ mới thay đổi một tích tắc thôi sao tôi có cảm tưởng như lâu lắm rồi. Tôi bỗng dưng thèm vô cùng sự nhộn nhịp của xe cộ qua lại dưới kia, thèm nghe tiếng cải vả của lủ trẻ trong con hẻm phía bên kia đường. Thèm nghe tiếng rao hàng lanh lảnh của chị bán xu xoa, của bà bán xôi, của ông đẩy xe khô bò hay của bác bánh giò mỗi buổi sáng để đường phố như có sinh khí trở lại. Tôi bỗng dưng nảy sinh sự so sánh, thử hỏi nếu Việt Nam Cộng Hòa giải phóng được miền Bắc thì dân chúng có đóng cửa trốn như bây giờ không? Chỉ thoáng so sánh vậy thôi, chưa cảm nhận được gì thì bỗng dưng một tiếng rú gầm gừ chồm lên thật mạnh của một chiếc xe díp đâu từ trên đầu cư xá chạy xuống suýt đâm sầm vào cây cột đèn phía bên kia đường cắt đứt ngang dòng tư tưởng của tôi. Trên xe là một toán người bé loắc choắc như những chú khỉ rừng xanh, mặc đồ ka ki màu xanh cứt ngựa, đội mũ tai bèo cùng màu, chân mang dép râu (làm bằng lốp xe hơi) ôm khư khư cây súng Aka mặt mày ngơ ngác đến tội nghiệp.

Có lẽ là choáng ngộp khi thấy miền Nam người ta quá giàu đâu cần chi giải phóng? Thấy xe díp của quân đội ta bỏ lại bên đường tưởng dễ lái, leo lên cho một đám rồi rú ga gầm gừ như chó điên thụt tới thụt lui thấy mà phát sợ. Cũng may chẳng có ai ra ngoài đường chứ nếu không thì thế nào cũng có người chết oan vì "con chó điên" đó. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy mặt mũi "Việt cộng" và tôi đã có câu trả lời cho sự so sánh của tôi ở trên. Tôi đứng như thế thật lâu dưới giàn hoa bông giấy tím phủ rợp như một mái che trên lan can lầu để đếm từng giọt nước mắt của ông trời rơi lất phất trên tóc, trên vai. Mưa không lớn lắm nhưng cũng đủ nghe thấm thía như cảm thông cho nỗi lòng của toàn dân miền Nam giờ như đàn con mất mẹ không biết ngày mai sẽ ra sao? Đường phố vẫn vắng tanh, "lũ khỉ" làm ồn ào một lúc rồi cũng rút đi đâu mất tiêu, trả lại sự im lặng đìu hiu của con đường số 1 dưới cơn mưa lệ ngày hôm nay: 30 tháng 4 năm 75 buồn hiu hắt…..

Bốn mươi năm rồi, tôi rời bỏ quê hương đúng 29 năm mà vẫn không tài nào quên được cái ngày lịch sử đen tối ấy. Cái ngày mà đồng bào tôi tràn ra biển Đông bất kể sống chết để lánh xa hai chữ "cộng sản".

Cái ngày mà biết bao vị Tướng của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa (QĐVNCH) miền Nam nước tôi phải tuẫn tiết hy sinh theo sự sụp đổ của quê hương để bảo toàn danh dự cho QĐVNCH. Liệu rồi sự hy sinh, cái gương oanh liệt của các vị tướng đó có được các thế hệ đời sau nhắc nhỡ và đền đáp? Quê mẹ có được thoát khỏi lầm than không bị dâng cho Tàu cộng? Đồng bào tôi có được cơm no áo ấm, có phương tiện học hành đến nơi đến chốn để nâng cao trình độ hiểu biết? Đem tài sức xây đắp nước nhà, làm rạng danh con Hồng cháu Lạc để đua chen cùng thế giới? Ôi! Bốn mươi rồi quê hương tôi vẫn một "Vũ Như Cẩn" sánh duyên cùng "Nguyễn Y Vân". Có nghĩa là "vẫn như cũ" và "vẫn y nguyên". Có chăng là sự phồn vinh giả tạo để che đậy đi những suy đồi luân lý và sự băng hoại của tuổi trẻ không có ngày mai. Ôi mẹ Việt Nam xin hãy che chở và phù hộ cho quê hương sớm ngày có ánh bình minh. Xin hãy xui khiến cho lũ con "đỉnh cao trí tuệ" của mẹ hãy mau thức tỉnh lương tâm đừng cắt dần thân mẹ mà dâng cho Tàu cộng. Sợ lắm câu: "Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu" có tái diễn lại không?

Bốn mươi năm mất nước, bị kẹt lại mười một năm với cộng sản. Tôi đủ kinh nghiệm để nhận thức được là cộng sản rất gian manh, lật lọng như trở bàn tay. Nói như con vẹt chứ chả làm được cái gì, chỉ giỏi tài chơi chữ để tráo trở trắng đen. Lừa người ta vào trại cải tạo nói chỉ 10 ngày hay một tháng rồi trắng trợn trớ đi là 10 ngày đi đường chứ không phải 10 ngày là được về. Bao nhiêu biệt thự, nhà lớn của người ta "ông" cướp trắng trợn rồi đem cấp cho những người mà ông phong cho là có công "đuổi cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào" (chứ không phải người ta bỏ ngõ Sài Gòn để các ông tự vào à?) Có đánh đếch đâu mà lúc nào cũng huênh hoang vỗ ngực tự cho mình là "đại thắng".

Ngày giờ này được cơm no áo ấm nơi xứ người, tôi vẫn không thể nào quên được hình ảnh hào hùng của những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Lòng tôi không khỏi bồi hồi xúc động mỗi khi bắt gặp lại hình ảnh từng đoàn binh chủng của QĐVNCH ngày xưa trang nhiêm trong những bộ quân phục chỉnh tề, đeo huy hiệu uy nghiêm đội mũ rất đẹp. Bồng súng hiên ngang đi duyệt binh qua các khán đài trên tivi trông hào hùng và khí thế làm sao. Ôi! 30 tháng 4 là một vết nhơ muôn đời không rửa sạch, và là một nỗi đau triền miên trong lòng những người lính VNCH. Xin nhỏ một giọt nước mắt để cảm thông nỗi đau cùng các anh, những người còn đang sống nhưng không được cầm súng để chiến đấu cho chính nghĩa nữa mà chỉ đành trơ mắt cho lệ chảy ngược vào tim nhìn quê hương tan tác mất dần về tay Tàu cộng. Xin một phút tưởng niệm và lòng kính ngưỡng sâu xa đến các vị tướng với tinh thần bất khuất đã tuẫn tiết theo nước để bảo tồn "Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm" cho QĐVNCH. Xin dâng lời cầu nguyện đến tất cả những người lính đã từng chiến đấu và bỏ mình vì nước để chúng tôi có được những ngày cơm no áo ấm trước khi nước mất vào tay cộng sản.

Ba mươi tháng tư lại đến trên xứ người. Đâu đâu cũng có người Việt Quốc Gia tị nạn khắp năm châu, họ không ngừng ráo riết chuẩn bị để tưởng niệm quê hương và nhắc nhỡ cho đời sau đừng quên tội ác của Việt cộng với những đọa đày mà hơn 90 triệu dân Việt Nam trong nước đang phải hứng chịu bây giờ. Riêng tôi trong giấc ngủ

chập chờn hằng đêm vẫn không quên cầu xin Mẹ Việt Nam có linh thiêng xin hãy phù hộ và khiến xui cho những đứa con bất hiếu của mẹ sớm thức tỉnh lương tâm, hãy nghĩ đến công sức chiến đấu khổ nhọc của Tổ Tiên ngày xưa. Những giọt mồ hôi, những giọt máu đào của bao vị tiền bối khi xưa, đã từng đổ xuống hy sinh để giữ từng tất đất vẹn toàn cho con cháu đời nay, đừng vì một chút lợi lộc riêng tư mà hèn hạ cúi lòn dâng đất cho Tàu cộng. Đừng quên câu: " Nước Việt Nam hình cong như chữ S chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau" đời đời không thay đổi. Cũng trong giấc ngủ chập chờn, mơ mơ hồ hồ tiếng của ai đó đi theo vào giấc ngủ của tôi: "Văn phòng Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định xin trân trọng thông báo……"

TÔN NỮ MẶC GIAO
(San Jose)



Tấm lòng Bà

Khi nghe nói con đang trên đường đến
Bà mỉm cười lau nước mắt rưng rưng.
Giọt lệ vui vì bà đã biết rằng
Tim bà đã dành cho con một chỗ.

Và mỗi ngày con lớn lên trong Mẹ,
Bà nghĩ hoài hoài, nghĩ mãi tới con.

Bà không biết con là trai hay gái,
Và đồ chơi thì con thích cái nào?
Tự hỏi cả ngày rồi sẽ ra sao,
Mình sẽ bầy trò chơi gì đấy nhỉ?

Sẽ làm bánh, chuyện trò hay đọc sách?
Bà cháu mình sẽ bổ bịch khỏi chê!
Mình sẽ ca, múa, chạy nhảy tứ bề?
Con sẽ muốn làm gì con thích nhất?

Mình sẽ ôm nhau , nựng chiều, hôn hít?
Những cái gì lôi kéo lại con tim?

Con chào đời, bà ôm chặt lấy con,
Đó là lúc mà bà mơ tưởng nhất.
Bà sờ ngón tay ngón chân, xinh thật,
Bà hôn đầu, hôn mũi, má thơm ngon.

Này bé ơi, bà đây nhé, chào con,
Tim rộn rã cùng chia vui đến vậy.
Bà nguyện với trời trăng trên ấy
Cho đời con một giai điệu tưng bừng.

Bà luôn ở gần, cưng ơi, có biết,
Bà sẽ làm mọi thứ hết cho con.

Khi nghe nói con đang trên đường đến
Bà mỉm cười lau nước mắt rưng rưng.
Giọt lệ vui vui bà đã biết rằng
Tim bà đã thuộc về con đấy nhé.

Thu Lê *phỏng dịch* (12-5-2010)

GRANDMA'S HEART

When I heard you were on the way,
I smiled and wiped a tear away.
I cried the tear because I knew,
My heart has held a place for you.

As each day your Mommy grew,
I thought and thought and thought of you.

I wondered if you were a girl or boy,
And what would be your favorite toy.
I wondered what games we'd play,
And how we would spend a day.

Would we talk or read or bake?
Oh, what special friends we'd make!
Would we dance or skip or sing?
What would be your favorite thing?

Would we cuddle, kiss and hug?
What would give my heart a tug?

When you were born, I held you close,
It's what I would dream of most.
I touched your tiny fingers and toes,
I kissed your head, your cheek and nose.

Hello little grandchild, it is me.
My heart as happy as can be.
I wish for you the sun and moon,
I wish for you a happy tune.

Know that Grandma's always near,
I'd do anything, anything for you my dear.

When I heard you were on the way,
I smiled and wiped a tear away,
I cried the tear because I knew,
My heart would always belong to you.

Author unknown

Làm Đẹp

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Trong nhà ồn ào hẳn lên khi thằng Tam Minh đi học về báo một tin nghiêm trọng:

- Minh mới thấy ba đi với cô nào trẻ măng, trẻ như chị Mai ở trong thương xá Eden, mà đẹp hơn chị Mai…

Nhất Mai trề môi:

- Ê, đụng chạm nghe mày… con nhỏ đó có đi thi hoa hậu chưa mà biết ai đẹp hơn ai? Với lại ba mình hành nghề địa ốc, thì đi với mấy bà mấy cô là chuyện thường, có gì đâu mà nói!

Tam Minh cãi:

- Ai mà không biết, nhưng lần nầy ba đi kỳ lắm….

Mẹ ngẩn đầu lên, bắt đầu chú ý đến câu chuyện:

- Đi kỳ là đi làm sao?

- Ba vừa đi vừa ôm eo cô kia!

- Ôm eo?

Miệng mẹ há to khi thốt câu đó, cặp lông mày bắt đầu nhăn tít lại!

- Minh có chắc không? Hay nói tầm bậy lại làm cho mẹ lên tăng xông bây giờ.

- Sao không, ba ôm eo cô đó, còn cô đó thì ôm eo ba!

- Are you sure (1)? Nói vậy có nghĩa là hai người vừa đi vừa ôm nhau?

- Chính xác.

Mẹ bắt đầu rên:

- Mày nói thiệt sao? Trời ơi là trời, sắp tới ngày tháng tư đen, người ta đang xôn xao kỷ niệm ngày đau buồn bỏ nước ra đi, còn ổng vợ con đùm đề lại chỉ biết ra đường ôm gái… nhục nhã chưa… đúng là đồ vô lương tâm!

Nhất Mai trấn an mẹ:

- Coi chừng thằng Minh nó nhìn lộn người thì sao mẹ… thằng nầy cận thị hay nói vớ vẩn… để con hỏi nó kỹ càng rồi mình tính.

- Còn hỏi gì nữa, lần trước mẹ đã bỏ qua cho ba bây vài lần rồi, bây giờ trò nầy lại tái diễn… sao thân tôi khổ quá vầy nè trời! Già mà không nên nết!

Nhị Long vừa chở con em út Tứ Qúy đi học về bước vào cửa, thấy trong nhà ồn ào, mẹ than thở như vậy, hai anh em ngồi xuống cạnh mẹ với đôi mắt dò hỏi. Minh khai báo:

- Chuyện là vầy… em đi học về, ngang qua khu thương xá Việt Nam, thấy ba đang ôm eo một bà, bà kia cũng ôm lại ba là huề!

- Nhiều khi họ là bạn bè cũ gặp lại thì sao?

- Phải đó mẹ, bạn cũ thì gặp nhau mừng, họ cũng hay ôm vậy…

Mẹ rống lên:

- Bạn cũ gì… thằng Minh nói con đó nhỏ chỉ nhỏ bằng chị con, bạn cũ nào của ba bây mà nhỏ nhít vậy? Thật không ngờ…

- Chuyện nầy thì mẹ phải hỏi ba cho rõ, nhiều khi nhìn thấy vậy mà không phải vậy!

Nhỏ Tứ Qúy nghe chuyện thở dài, nhích qua ôm lấy mẹ:

- Thôi mẹ đừng buồn, đừng giận mà có hại cho sức khoẻ… Mình đã biết chuyện thì cứ từ từ mà dò xét, đừng làm um xùm lên khi chưa có bằng cớ…

Miệng lưỡi nhỏ nầy đúng là Luật sư tương lai có khác. Mẹ lắc đầu không chịu:

- Từ từ cái gì… để ba bây cuỗm hết tiền cho gái rồi mới ngăn chận hay sao… Cái tính ông ấy "dại gái" từ hồi nào tới giờ…

Trong nhà Nhị Long là người chững chạc, tính nết đàng hoàng, đâu ra đó nên ngồi im suy nghĩ. Cậu rất ghét những gì mờ khuất trong cuộc đời. Cũng may là Long còn yêu thích nghệ thuật, nên nhờ vậy mà đầu óc đỡ căng thẳng!

Long vẫn sưu tầm trên Net những cuốn phim trinh thám, những giai thoại văn chương… và thường xuyên coi hai đề tài nầy. Cũng không lạ vì từ nhỏ, anh chàng hay hát mấy câu trong bài Bang Bang "Khi xưa đôi ta bé ta chơi, chơi công an đi bắt quân gian…", đúng y như ý thích của Long.

- Ông ấy mà về đây là mẹ phải hỏi cho ra lẽ…

- Con nghĩ mẹ khoan hỏi, cứ im lìm dò xét hay hơn…

Nghe Long nói, mẹ nổi cáu:

- Im lìm dò xét! Mẹ không biết lái xe thì dò làm sao được!

- Bởi vậy con mới nói từ từ, chúng con sẽ đòi lại "công đạo" cho mẹ…

- Con Út nhiễm phim bộ của mẹ hơi nặng! Rồi Út tính làm sao?

- Em nghĩ trước tiên anh Long phải làm thám tử, đi theo sát ba để rình coi ba làm gì?

- Rình ba… tao mắc đi học giờ đâu mà rình?

- Anh quên là chúng ta chỉ còn học một ngày nữa, rồi tuần tới nghỉ "spring break"(2) sao!

- Ờ há…

- Đó, anh là thám tử, còn tụi em phụ tá cho anh.

Minh cười phá lên:

- Anh Long sẽ là điệp viên "không không thấy"!

- Ừ, khi đi rình ba thì nhớ chú tâm vào một chuyện, chứ đừng có mơ mộng văn chương hay nhìn gái… là mệt đó nghe!

- Được rồi… Long chứ bộ giỡn sao! Nhưng để làm điều nầy mẹ đưa cho con ít tiền mua một cuốn sổ tay và cây bút chiến.

- Chiến với đấu! Thằng nầy chỉ giỏi đòi tiền… Nhưng phải, con nhớ ghi lại cho trung thực những gì ba làm là được rồi!

Cuối tuần đó, khi ông Tính tắm rửa, ăn mặc tinh tươm, thắt cà vạt và nói với vợ rằng ông đi dự một buổi ra mắt sách, chương trình sau đó nhà văn mời dùng cơm tối, thì bà Tính tươi cười khuyến khích đi chơi vui vẻ, chứ không cằn nhằn "sao cuối tuần nào ông cũng đi" như mọi khi.

Bà biết chắc chắn rằng, trong hoặc sau buổi nầy thế nào ông cũng giở trò! Hy vọng thằng con trai sẽ cho bà những tin tức chính xác.

Ông Tính vừa lái xe ra khỏi nhà, thì Nhị Long cũng đã ngồi sẵn trong xe đậu ngoài đường phóng theo. Đi làm nhiệm vụ "bất khả thi" do mẹ và em giao phó, nhưng Long cảm thấy mệt! Tối qua coi phim quá khuya, giờ cũng còn buồn ngủ!

Tới nhà hàng nơi ra mắt sách trong khu Việt Nam, Long thấy ba đậu xe vào bãi, và khi bước ra thì gặp một người đàn ông, có lẽ là bạn, hai người cùng sánh vai bước vào trong.

- Chắc họ đi dự ra mắt sách… vậy là ba sẽ không thể hẹn hò với ai nơi đây, mà là sau khi xong buổi nầy…

Nghĩ vậy, Long ngồi trong xe chờ đợi. Ra ngoài đi theo ba, không ít người biết mặt Long thì sẽ bị lộ! Chiếc xe của ba đậu ở xéo bên kia, có động tĩnh gì là Long biết liền.

Nhìn lên trời, mây trắng pha chút nắng vàng thật đẹp, Long hí hoáy viết vài dòng vào quyển sổ trong lúc chờ đợi… Được một lát, cơn buồn ngủ kéo đến, cuốn sách rớt xuống đùi và Long chìm vào giấc mộng…

Khi Long giựt mình thức giấc, thì chung quanh bãi đậu xe trống trơn, chỉ còn một hai chiếc lác đác!

- Ủa, họ đâu cả rồi? Chẳng lẽ xong rồi sao!

Thì ra buổi ra mắt sách không được đông, nên ban tổ chức nghỉ sớm.

Long uể oải lái xe về. Vừa bước vào nhà, Long đã thấy mấy khuôn mặt nhìn mình chờ đợi. Con Út hỏi trước:

- Sao, anh có thu thập được điều gì không?

Long nhăn nhó:

- Người ta đông như kiến… với lại có mấy ông bạn của ba biết mặt anh, nên anh phải núp ở ngoài xe!

Mấy cái miệng cùng kêu to:

- Núp ngoài xe! Vậy thì làm sao thấy được?
- Sao lại không… có ghi lại đây mà…
- Đưa cuốn sổ cho mẹ coi!

Mẹ nóng nảy giật cuốn sổ nhỏ trong tay Long, bà mở ra lẩm nhẩm đọc:

- Cái gì vậy trời!
- Mẹ đưa con coi…

Út đọc những dòng chữ Long ghi cho mọi người cùng nghe:

- *Trời xanh có nắng vàng*
Đậu xe giữa mù quang
Thiên hạ đi lang thang
Tôi ngồi đây ê càng!
Đôi mắt buồn mỏi mệt
Nhắm lại cho quên hết
Chuyện nhân thế chán chết
Không vui như ngày Tết…

hết rồi cả nhà ơi…

- Gì vậy trời! Thơ thẩn nghe cóc nhái thế, còn ba làm gì sao không ghi?
- Núp trong xe có thấy gì đâu mà ghi! Con đã ghi lại cảm nghĩ và khung cảnh chung quanh rồi!

Sau vụ đó, cả nhà tẩy chay Nhị Long và quay qua Tam Minh, khen cu cậu coi vậy mà khôn lanh hơn anh, dù chỉ đi xe đạp… làm cho Minh hứng thú nhận trọng trách không một tiếng phàn nàn, trong lúc Long thoát gánh nặng thở phào nhẹ nhõm!

- Con cứ vô ngay chỗ ba làm việc vì chung quanh đó có nhiều hàng quán, ba đi với ai là biết ngay, mà lại nhiều chỗ núp…
- Mẹ phải cho con tiền để con còn ngồi trong quán người ta mà rình…
- Lại tiền, hai chục được không?
- Mẹ đưa năm chục đi… nhiều khi ngồi cả ngày mà ăn có một lần kỳ lắm…
- Đứa nào cũng chỉ biết có tiền! Mà nầy, không cần phải viết sổ viết sách gì hết, cứ lấy phôn ra mà thâu nghe chưa…
- Trời, mẹ hay quá, thứ nầy tiện nghi vậy mà con quên… mà con xài phôn của mẹ hay sao? phôn của con ẹ lắm!

Bà Tính móc trong cạp quần ra cái phôn còn mới tinh nóng hôi hổi. Minh kêu:

- Nóng quá, mẹ tính luộc nó hay sao chứ… phôn "xịn" vầy mà có biết xài không?
- Mẹ chỉ biết gọi nói chuyện thôi, còn mấy thứ khác không biết…
- Nếu con làm thám tử hay, mẹ cho con cái phôn nầy nhá!
- Ê thằng nhóc kia, phôn đó chị tặng sinh nhật mẹ mà…
- Mẹ đâu biết xài, cho em đi… thám tử mà không có phôn cùi chết, người ta khinh là "thám tử vườn"!
- Ai biết mà khinh! Đúng là "chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng Tổng"…
- Cho em đi mà, mẹ chịu rồi…

Tam Minh sau khi được hứa hẹn sẽ có cái điện thoại, nên suốt một tuần lễ theo rình, đã đem về cho mẹ kết quả bất ngờ:

- Ba với cô Nhàn đang cặp kè nhau… mà con cũng không biết chắc chắn sự thật bên trong… con chỉ thấy họ đi với nhau, hay ôm bụng nhau, và thích hôn nhau….
- Cái gì mà nhau, nhau hoài vậy…
- Tóc cô Nhàn như dòng suối mát thơm…
- Ai bảo vậy?
- Đây, có chứng cớ hẳn hoi… hình ảnh và lời nói của ba, mẹ coi…

Qua những gì Minh ghi lại bằng cái phôn, quả thật ông Tính đã ngoại tình!

Bà Tính buồn, lúc đầu lồng lộn lên, sau đó nghe các con khuyên bảo, trấn an bà mới dịu xuống… Bà không thể ngờ một người già đầu như ông còn thích một đứa con nít như thế! Cái tính của ông là hay quơ quào chơi ngoài đường, chán lại mò về! Chắc ông thương mấy đứa nhỏ!

Bà vào trong phòng tắm đứng trước gương nhìn… Xưa nay bà chỉ là cái bóng âm thầm lặng lẽ sống bên cạnh ông, chưa bao giờ bà đi theo ông đến những nơi công cộng. Ở những nơi đó không thích hợp với bà, vì bà không biết ăn diện, ngoại giao, lại ít thích làm quen với người lạ!

Bà quen thuộc với căn nhà nhỏ bé của mình, nấu nướng hầu chồng nuôi con, tối ngày hết trong bếp, đến ra mảnh vườn cỏn con trồng những cây rau xanh mướt, lại trở vào phòng khách lau chùi nhà cửa, bếp núc…

Khuôn mặt của bà nhìn trong gương mới chán làm sao! Đúng là dung nhan "chị Doãn" của một nhà văn xưa, tức người đàn bà có nhan sắc của gã đàn ông không đẹp trai! Lũ con bà đã có lúc nói bà giống phù thủy, vì những khi tức bà hay trợn mắt la hét, cau có, cằn nhằn chúng nó… ai cũng ngán!

- Hay là nghe lời bà bạn đi sửa sắc đẹp cho ông chồng bỏ tật mê gái ngoài đường…

Phải rồi, bà cũng có hai ba bà bạn quen hàng xóm. Họ thường gặp nhau ở khu chợ Mễ bán thịt thà trái cây rất rẻ gần đây. Họ đi bộ và gặp nhau hai ngày mỗi tuần để nói dăm ba câu chuyện ở cái bàn đá trước chợ, với ly cà phê nóng hổi…

Những người bạn bà Tính quen là giới bình dân, nên kiến thức không nhiều… Lại thích a dua theo thời, chẳng hạn như khi phong trào xâm lông mày, mí mắt viền môi, và xâm cả đầu nhủ hoa… thì hai bà bạn đều hưởng ứng. Riêng bà Tính thì chưa.

Chưa làm theo vì những bà bạn ham của rẻ, đi trao mặt mình cho những người không biết thế nào là đẹp… để làm đẹp cho mình! Thế nên nhìn đôi lông mày của hai bà bạn, bà Tính cũng thấy không được mảnh mai cho lắm, mà nó đậm y như hai con giun nằm ngang trên trán!

Bà đã có quyết định riêng cho mình. Buổi chiều khi ông đi làm về, bà phớt lờ im lặng ở trong bếp dọn thức ăn lên bàn, làm như không có chuyện gì xảy ra. Ông nhìn có vẻ yêu đời lắm, miệng húyt sáo và luôn mỉm cười, đến nỗi thằng Minh còn khen:

- Lúc nầy nhìn ba đẹp trai ra phết…

Chưa bao giờ mà bà nghe mấy đứa con khen bà đẹp một tiếng. Nghĩ mà tủi trong lòng! Cha nó mất nết vậy mà cứ khen hoài… cho nên ổng mới lờn mặt!

Nhìn mấy cha con, bà lầm bầm: "Rồi cha con chúng mày sẽ thấy sự thay đổi lớn lao của bà".

Không lâu sau đó, bà Tính nói cho mấy đứa con biết vì bà buồn, nên muốn đi học khóa nấu ăn ở tiểu bang kế cận với một bà bạn. Khoá học trong vòng một tháng.

- Phải, mẹ đi chơi cho khây khoả, hồi nào tới giờ mẹ cứ ở nhà miết! Sống như vậy mất cả thi vị!

- Các con ở nhà tự lo cơm nước… nhớ lo cho ba với nhé.

Mấy đứa con vô tư:

- Trời, lâu lâu mới được ăn ngủ tự do… mẹ đừng có lo…

Hôm sau, khi chồng và mấy đứa con ra khỏi nhà, bà Tính cũng thay quần áo, rồi gọi điện thoại cho bà bạn:

- Bà qua đón tui ngay, cả nhà đi hết rồi…

- Đợi chút, tui qua liền.

Hôm nay, bà Tính quyết định đi cắt mắt, sửa mũi là hai thứ bà phải làm trước, nơi văn phòng một ông bác sĩ đến từ Phi Luật Tân, vì ông nầy tính giá rẻ hơn các bác sĩ khác!

Bà Tính cắt hai mí trên và dưới cho mắt hết bị bụp, độn mũi cao mà ông lấy có hai ngàn rưỡi, người dẫn mối được ăn 10% hoa hồng. Nhìn bà bạn đã sửa, bà Tính thấy an lòng, vì bà nầy trước kia con mắt xấu đui, da dư che gần sụp hết cả con mắt, nay thì to tròn, khi nhìn không còn khó chịu vì bị "mắt bèo" che lấp nẻo tương lai, lại đẹp hơn trước…

Sau khi sửa, bà Tính sẽ ở nhà của bà bạn trong một tháng để dưỡng thương, rồi các bà

rủ nhau đi học khoá trang điểm cho đẹp hơn… Nói chung, từ lâu rồi, bà Tính còn ao ước muốn độn ngực bự cho hấp dẫn, vì hồi nào tới giờ ngực bà xẹp lép! Bà nghĩ rằng đàn ông đa số thích cái đó!

Nhìn bà bạn, bà Tính nghĩ mình đẹp hơn bà kia. Sửa xong, chắc chắn bà sẽ còn đẹp hơn nữa…

Khi điền giấy tờ, chỗ ghi ai là thân nhân nếu trường hợp khẩn cấp phải gọi, thì bà Tính muốn ghi tên bà bạn, nhưng bà ta phản đối:

- Tui chỉ là người giới thiệu, chị phải ghi tên chồng hay con chị vô…

- Tui không muốn họ biết…

- Thì họ sẽ không biết, nhưng bắt buộc phải ghi tên người nhà vào…

Đắn đo một hồi, rồi bà Tính cũng điền tên ông Tính vô. Sau đó là thủ tục trao tiền, và bà được vào phòng mổ.

Thời gian hai tiếng sau, bà được đẩy ra nằm nghỉ ngơi vài tiếng ở phòng ngoài. Lúc nầy khuôn mặt bà bị sưng húp vì sửa hai thứ, ai mà trông thấy không biết bà sửa sắp đẹp, sẽ thất kinh hồn vía!

Bà Tính có da lành, nên dù đã năm mươi lăm tuổi, mà bà vẫn mau hồi phục hơn một số bà khác. Một tuần sau bà đã bớt sưng. Khi đi cắt chỉ, bác sĩ còn khen bà lành nhanh hơn nhiều người khác cùng tuổi.

Mỗi lần nghĩ đến chồng, là bà Tính lại nổi cơn tự ái… bà chỉ muốn mình đẹp, để cho "thằng chồng" sáng mắt ra… Nhưng khi sửa sắc đẹp xong, còn phải biết trang điểm khéo thì mới nhìn đẹp được. Dĩ nhiên bà Tính có khi nào biết make-up là gì! Bởi vậy, bà đang cùng bạn đi học lớp hướng dẫn tự trang điểm cho mình.

Học trang điểm không phải là ai cũng tự làm được, mà phải có khiếu thẩm mỹ. Đây cũng là một bộ môn nghệ thuật, phải có tài năng. Bà Tính cũng như hai bà bạn chỉ biết tô mặt xanh xanh đỏ đỏ… chứ nào có biết dùng màu phấn lên gương mặt sao cho đẹp, lại là một chuyện khác.

Khi theo hai bà bạn đi chụp hình kỷ niệm, đươc chuyên gia trang điểm làm mặt cho bà, nên trông cũng được lắm. Những tấm hình sau đó còn được cho vào "photoshop" chà kỹ trao chuốt, nên hình bà Tính nhìn láng o, trẻ lại cỡ hai mươi tuổi, dù bà phải chi cho mấy tấm ảnh chân dung cộng thêm tiền trang điểm khá bộn, nhưng bà rất vui lòng.

Một tháng đã qua. Bà Tính trước khi về còn ra tiệm cắt mái tóc ngắn chải phồng, và nhờ thợ trang điểm hộ… Thế là bà cũng nhìn được lắm.

Bà chọn về nhà lúc giờ cơm chiều, khi cả nhà thường có mặt đông đủ thì bà mới xuất hiện, gây cho họ sự ngạc nhiên. Đúng như sự suy đoán của bà. Nhìn gương mặt ông Tính trố mắt nhìn mình, bà hãnh diện ngồi vào ghế…

- Ở nhà bình yên chứ… sao, hôm nay cơm có gì đây?

Tiếng thằng Minh vang lên:

- Mẹ đi sửa cái gì trên mặt phải không? Sao mẹ sửa chi vậy?

- Cái thằng nầy, thấy mẹ đẹp không khen à?

- Không, con không thích…

- Minh… mầy ích kỷ vừa chứ… mẹ thích là được rồi…

Nhất Mai la em, thằng nầy con trai mà có sự suy nghĩ y như ba! chỉ thích mẹ ở nhà lo nấu nướng giặt giũ, làm như con người sinh ra là phải hầu hạ kẻ khác… mà không cần biết đến nhu cầu riêng của cá nhân người đó!

- Con không có ý kiến… với con … "lòng mẹ bao la như biển thái bình"… không phải là vẻ đẹp bề ngoài.

Tứ Quý nói câu nầy không hiểu là khen hay chê, còn Nhị Long thì lắc đầu nhè nhẹ…

Bữa ăn có nhiều gượng gạo khiến bà Tính phát chán! Bà tưởng khi thấy bà thay đổi dung nhan, xa nhà lâu ngày như vậy trở về, thì "chúng nó" sẽ ồ lên súyt xoa khen ngợi, chào đón ân cần… ai ngờ chẳng có gì là hồ hởi cả.

Buổi sáng hôm sau, bà Tính đợi mọi người đi hết mới ra bếp. Lúc nãy khi vào phòng tắm, bà đã nhìn mặt mình thật lâu trong gương… cái mũi cao nhòng, đôi mắt hai mí to lồ lộ, không được che giấu dưới lớp son phấn, trông nó làm sao ấy! Bây giờ mà trét phấn lên thì bà thấy khó khăn, vụng về. Vả lại, còn phải vẽ mắt, tô son môi… tất cả mọi thứ ấy trên khuôn mặt bà lại cảm thấy làm sao đó, hơi quá lố!

Bà cứ nghĩ ngợi về khuôn mặt của mình mãi! Từ khi đi sửa thẩm mỹ về, bà chỉ vui có hai lần, là khi được chuyên viên trang điểm làm mặt trước khi chụp hình, họ đánh phấn nhìn lịch sự với chỉ một gam màu kem và nâu, chút hồng trên môi, không như bà có mấy màu xanh, đỏ… lần thứ hai là lúc coi những tấm hình được in ra… Còn lại thì bà thấy mặt bà khác lạ quá! không thích chút nào, càng nhìn càng dữ… chắc trong nhà nầy chắc cũng chẳng ai thích!

Ông Tính thì ngày càng ở lại văn phòng lâu hơn, về nhà chẳng thèm nhìn bà một cái! Từ lúc đó, bà Tính dàu dàu, bà buồn nhưng mặt không thấy sầu, nhìn lại càng dữ hơn…

Cuối cùng, bà nhủ lòng:

- "Thôi, chắc phải tốn thêm mớ tiền làm bộ đi học gia chánh tiếp tục… để lấy cái mũi giả cao nhòng ra cho yên chuyện… còn cặp mắt, cắt lỡ rồi, dù sao bỏ lớp mỡ thừa nhìn đời cũng rõ ràng thấu đáo hơn"!!!

(1) Có chắc không?

(2) Kỳ nghỉ mùa xuân

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

NGÀY CUỐI NĂM VỚI BẠN BÈ

Văn Quang

Tết Nguyên đán là dịp đoàn viên, tụ họp anh chị em trong gia đình, sui gia và hàng xóm láng giềng, bạn bè gặp nhau. Những này trước Tết là những ngày tất niên hầu hết các công tư sở thường có buổi tiệc Tất Niên. Đôi khi có những người bạn thân mật hơn, họp mặt trong một gia đình nào đó cùng nhau thù tạc "chén chú chén anh". Sở lớn làm tiệc tùng ở những nhà hàng, khách sạn sang trọng, sở nhỏ làm ở quán bình dân, có khi làm tiệc tất niên ngay ở vỉa hè. Cứ sau giờ tan sở là quán xá bắt đầu nhộn nhịp, nhiều dẫy bàn ghế xếp ngay bên đường, các cô các cậu còn nguyên đồng phục kéo nhau đến ăn tất niên rất rôm rả, những tiếng "dzô, dzô" ầm ỹ, rượu vào lời ra cứ như chỗ không người. Lúc đó quên hết mọi ưu phiền trong năm vừa qua, cố đi tìm một hy vọng cho năm mới sắp tới dù chưa biết cái hy vọng nhỏ nhoi đó là gì.

Thời nay có nhiều gia đình có thân nhân ở nước ngoài về VN với nhiều lý do khác nhau, nhưng hầu hết là muốn thăm gặp lại những người thân, thăm viếng mộ tổ tiên hoặc mấy ông bà già đưa con cháu "thế hệ thứ hai thứ ba" về cho biết "cái xứ VN là như thế nào".

Trong bài trước tôi đã viết: *"Riêng cánh già chúng tôi, những ngày cuối năm ở Sài Gòn, thường là có bạn bè ở nước ngoài về ghé thăm hoặc "a lô" hẹn nhau ở quán cà phê nào đó rồi kéo nhau ra "đấu láo" chuyện xa xưa, chuyện bây giờ, kẻ còn người mất. Nhiều chuyện cũng "lâm ly" lắm, những lúc đó mới thật sự biết rằng cuộc đời còn đáng sống. Nếu bạn sống ở Sài Gòn như tôi, suốt một năm chỉ muốn nằm nhà, muốn "nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt" cho xong chuyện đời mới thấy được niềm vui hội ngộ ấy như thế nào".*

Bài này xin kể cùng bạn đọc đôi nét riêng tư về những cuộc hội ngộ ấy, gọi là chút tâm sự, ghi lại vài kỷ niệm vào cuối năm nay để bạn đọc cho vui trong những ngày cuối năm và thông cảm với "cánh già".

Nếu kể tất cả những người bạn có may mắn ra nước ngoài định cư về thăm tôi từ mấy năm qua thì quá nhiều. Bạn đồng đội, bạn làm báo, bạn ca nhạc sĩ, bạn "giang hồ", bạn tù mà chúng tôi gọi là "bạn cùng chung một mối căm hờn trong cũi sắt", tôi không thể kể hết. Tôi chỉ còn biết cảm tạ những tấm lòng của các bạn đã nghĩ đến "người ở lại". Ở đây tôi chỉ kể đến vài người bạn tôi đã gặp vào dịp cuối năm nay.

Quán café bên Hồ Con Rùa

Trước hết là gia đình ông tu bíp Hà Xuân Du đưa con cháu về VN trong kỳ nghỉ cuối năm. "Phái đoàn" của ông có tới gần 10 người đi từ Nam ra Bắc. Khi con cháu về Mỹ trước, ông bà ở lại thêm vài ngày thăm bạn bè. Bạn của ông hầu hết là gia đình không quân còn ở lại VN. Hai ông bà đến thăm nhà tôi trên cái chung cư cũ rích nghèo nàn "muôn năm cũ", hôm sau ông còn hẹn tôi ra quán café "Nghệ Thuật" bên Hồ Con Rùa để "tâm sự lẻ". Chúng tôi tôi chọn quán này vì không có những chân dài phục vụ nên vắng luôn cả những cô cậu choai choai, đầu tóc như tài tử Hàn Quốc, nhạc khua ầm ỹ. Quán này hầu như chỉ có những người đứng tuổi vào đây. Chúng tôi nói đủ thứ chuyện "bên này bên kia", ai sống thế nào, cuộc đời dâu biển ra sao. Nhờ đó có thể biết tin tức khá chính xác về hầu hết bạn bè xưa cũ. Kẻ còn người mất với nỗi ngậm ngùi, niềm nhớ nhung thương tiếc vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức, có những kỷ niệm tuy nhỏ nhặt nhưng không thể phai mờ. Ngồi từ 9 giờ sáng, mãi tới 12g trưa quên cả đường về, mới chợt nhớ đã ngồi "ám quẻ" chủ quán quá lâu.

Rồi cách đây vài hôm, Mai Bá Trác, gọi cho tôi cho biết đang ở Sài Gòn nhưng tất nhiên là "cậu Ba" còn về Đà Nẵng thăm mấy chục mẫu đất xưa. Thế nên chúng tôi đặt cho cái nick name "Cậu Ba Đà Nẵng".

Ngay sau đó là "thần đồng âm nhạc"… bây giờ đã có râu Hoàng Thi Thao cũng hiện diện tại Sài Gòn. Ông này quên địa chỉ mail của tôi nên phải "meo" về Mỹ hỏi ông Tạ Quang Khôi số điện thoại. Ngay hôm sau ông gọi lại và 2 chúng tôi lại hẹn nhau ở quán Nghệ Thuật, vẫn chuyện ca nhạc sĩ sống ra sao, chuyện đá banh, chuyện tennis. Ông khoái nữ danh thủ quần vợt Ana Ivanovic đẹp chín, dịu dàng; tôi khoái cô bé Bouchard của Canada trẻ khỏe, xinh đẹp như minh tinh màn ảnh. Nhưng chúng tôi cùng chung một nhận định là xem tennis bây giờ giảm thú vị rất nhiều vì giải lớn nào cũng vào tay mấy đàn anh đàn chị như Djokovic, S.Williams.



Người lính nhảy dù Hà Huyền Chi, nay vẫn còn là "ông lão nhảy dù"

Nhưng câu chuyện tôi muốn kể với bạn đọc hôm nay, đó là chuyện một bài thơ cũ với những con người mới.

Chuyện về bài thơ cũ

Hôm sau anh Hoàng Khởi Phong vừa về Mỹ trở lại VN, anh hẹn tôi ở quán café Gió Bắc, cũng lại bên Hồ Con Rùa. Biết có Hoàng Thi Thao ở đây nên anh "a lô" cho Thao ra chơi. Thao nói ngay vừa ở quán Nghệ Thuật về đến phòng ngồi với bạn, nhưng rồi anh em cũng kéo nhau ra ngồi "đấu láo". Trong lúc nhắc đến bạn cũ, Hoàng Khởi Phong hứng chí đọc ngay một bài thơ xưa mà anh cho là rất thú vị đối với anh. Tối về nhà, tôi vẫn còn thấy dư âm bài thơ như còn vương vấn đâu đây. Hôm sau tôi gửi "meo" nhờ anh HKP chép lại cho tôi bài thơ này, anh viết thư trả lời:

"Anh Văn Quang và anh Hà Huyền Chi thân. Bài thơ này có nhan đề là Hỏi Mộ, của anh Hà Huyền Chi mà tôi đọc lần đầu trong tập thơ Saut Đêm, xuất bản vào những năm cuối thập niên 60 của thế kỷ trước. Đó là một bài thơ dài hơi, nói về cuộc tình của một cô nữ sinh trong trắng, yêu một người lính Nhẩy Dù. Phần tôi đọc cho anh Hà Huyền Chi nghe cách đây cỡ hai chục năm, và đọc cho anh Văn Quang nghe mới cách đây vài ngày là phần cuối của bài thơ này. Tôi chép ra đây để mong là anh Hà Huyên Chi có thể tìm lại được nguyên bản. Đoạn cuối ấn tượng đến độ gần năm chục năm sau tôi còn nhớ đầy đủ, những đoạn đầu chỉ nhớ lõm bõm mà thôi".

Tôi lại phôn cho HKPhong nói ngay: "Thằng này là bạn chí cốt của tôi đấy ông ạ, để tôi meo cho nó gửi cho tôi nguyên con bài thơ đó".

Thế là hôm sau tôi "meo" cho Hà Huyền Chi và được trả lời ngay. Nhưng bạn tôi viết kiểu chữ như chữ Ả Rập. Tôi phải cho vào trang web "chuyển đổi font chữ Việt online" để đổi mã mới đọc ra chữ:

"VQuang, HKPhong thân,
A/ Máy hư ko bỏ dấu được
B/ Tay hư ko viết dài được (stroke)
C/ Bài Hỏi Mộ tao viết, có vài kỷ niệm vui sẽ kể sau.

Thì ra bạn tôi vẫn còn bị ảnh hưởng của cú stroke, tay chân còn loạng quạng. Tôi không phải giới thiệu thêm về bài thơ này, bởi bài thơ đã là một câu chuyện tình rất lãng mạn, rất đẹp và rất buồn và chỉ có thể là của một người lính và ra đời trong cuộc chiến của người lính VNCH. Mời bạn cùng đọc:

HỎI MỘ (Thơ Hà Huyền Chi – 1963)

Khi con chim đầu đàn chập chững bay xa
Để lại đằng sau đôi cánh mỏng
Những tiếng khóc em thơ
Những tóc trắng mẹ già
Chuyến độc hành ngày xưa đã trôi vào kỷ niệm
Mang tâm tình của một chàng lính chiến
Nhớ quê hương, thèm những phút giao tranh.

Có một người con gái băng trinh
Tuổi mười sáu, chưa xa lìa sách vở
Yêu phượng đỏ, yêu luôn mầu Mũ Đỏ
Hồn say mê theo dõi bước quân hành
Người con gái học trò
Men yêu vừa độ nở
Gối mộng cuồng si, đêm đêm thầm nhớ
Bóng dáng người yêu qua những canh dài
Và vẫn bâng khuâng lo sợ
Mỗi lần nghĩ đến tương lai.

Nhưng tình yêu của hai người
Không vì núi sông ngăn cách
Người lính Nhảy Dù sau những lần
hăng say đuổi giặc
Vẫn nhớ về đôi mắt người xưa
Và những nụ cười sao vỡ
Chiếc dao găm long chuôi
Mấy lần ghim trong xác địch
Giờ khắc sâu vào lòng đá lời nguyền
"Cho đến bao giờ cũng chỉ một mình em."

Người con gái học trò quên dần sách vở
Miệt mài chép những thơ yêu
Cuộc sống hai người thơ mộng biết bao nhiêu
Nhưng người chiến binh nghèo
Cay đắng ngậm mối tình dang dở
Lần đầu tiên cầu hôn
Gia đình nàng từ chối
Người lính Nhảy Dù ôm mối buồn cô độc
xin đổi đi xa
Cuộc sống âm thầm nơi hành lang biên giới
Mang theo niềm thương yêu vời vợi
Lời thề xưa trong nếp đá chưa mờ.

Người con gái học trò
Bây giờ mười chín tuổi
Lớn lên bằng tình yêu
Bằng những đau thương hờn tủi
Ba năm dài sống trong vô vọng
Viết hoài thư yêu rồi lại xé đi
Rồi một ngày kia
Người con gái không nguôi niềm thương đau
Nàng đi tìm người yêu cũ
Đẹp làm sao con đường
những kẻ yêu thương đang tìm về nhau
Chiếc cổng đồn rêu phủ
Giữa những hàng dương cao
Cuộc hành trình đã đến ga cuối cùng
Một nghìn hai trăm cây số
Từng bước chân ngập ngừng
Nói lên nhiều thương nhớ.

Nhưng rồi người con gái học trò
Ôm mặt mình nức nở
Vì người yêu không về
Không bao giờ về nữa
Cuộc hành quân sáng nay
Người lính Nhảy Dù đã đền xong nợ nước.

Người con gái cúi đầu lặng bước
Mái tóc tả tơi chiều gió bay
Con đường vào nghĩa địa
Không một vòng hoa trên tay
Bóng nhỏ đổ dài, hoàng hôn lịm chết
Hình ảnh người yêu ba năm về trước
Nhòe giữa bờ mi nước mắt đầy.

Người gác nghĩa địa sau một ngày mệt mỏi
Đã bỏ về uống rượu giải phiền
Nàng đi một mình âm thầm
giữa những hàng mộ mới
Bia vô tình chưa kịp khắc họ tên
Nàng hỏi mộ, không mộ nào chịu nói
"Anh đâu rồi, sao chẳng trả lời em?"
Nàng hỏi mộ, không mộ nào chịu nói
"Anh đâu rồi, sao chẳng trả lời em?"
Lời nguyền xưa gửi vào lòng huyệt tối.

(Trích trong tập "Saut Đêm"

Thưa bạn đọc, Hà Huyền Chi vốn xuất thân từ binh chủng nhảy dù, sau năm 1963

anh mới chuyển sang ngành Tâm Lý Chiến và làm trưởng Phòng Ấn Họa. Anh sáng tác bài thơ đó lúc anh còn là lính nhảy dù, khoảng 50 năm trước. Tôi muốn hỏi anh người con gái trong thơ là ai, nhưng thiết nghĩ điều đó không còn quan trọng nữa. Hãy cứ hình dung ra đó là một nữ sinh trường Trưng Vương, Gia Long hay Đồng Khánh… Bây giờ cô có thể đã yên phận bên một gia đình mới, gửi chuyện tình đầu đời vào "lòng huyệt tối" và cái "huyệt tối" đó nằm tận cùng trái tim thiếu phụ, không muốn tiết lộ tên thật. Cuộc đời này có biết bao nhiêu mối tình đầu tan vỡ,



Hà Huyền Chi trong phim "Người tình không chân dung"

nhưng không nhẹ nhàng như TTKh, chuyện "hỏi mộ" quá đặc biệt bởi cái tính cách sâu đậm, âm thầm không kém phần cuồng nhiệt. Cái thời mà các "em gái hậu phương thương anh trai tiền tuyến" nói lên giá trị của người lính VNCH đối với người dân còn vang vọng mãi cho tới ngày nay. Câu chuyện tình và hình ảnh trong thơ đẹp như một huyền thoại. Với tôi, đó là một bài thơ chỉ có thể có trong thời chiến, nhưng hay trong mọi thời đại.

Về tác giả Hà Huyền Chi, anh đã có hàng ngàn bài thơ trong hàng chục tập thơ đã xuất bản và có tới 80 pps do anh Hy Văn trình bày. Những nhà văn nhà thơ quân đội VNCH, mỗi người có một sắc thái riêng. Người ở không quân, hải quân, người ở bộ binh làm toát lên những màu sắc riêng của mình như Phan Nhật Nam với "mùa hè đỏ lửa" còn sống mãi với thời gian. Với Hà Huyền Chi có hàng ngàn đoản khúc, nhưng chỉ có người lính nhảy dù mới có thể có những rung cảm thật đặc biệt như thế này:

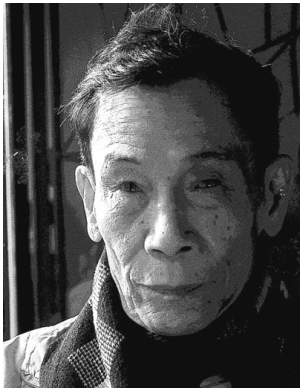
"…Thân tàu mây vương lắc lư đường trăng
Tôi tìm đâu đây một vết sao băng

Để nghĩ về em nhiều đêm không ngủ
Bóng gày ưu tư đôi mắt thâm quầng

Điếu thuốc truyền tay gắn trên môi nhau
Mắt thoáng âu lo nhìn cuối thân tàu
Ngọn đèn màu-xanh-yêu-tinh vụt sáng
Từng hồi chuông ngân rờn rờn da đầu

Vòm trời ngả nghiêng loáng chân mây xa
Ô hay tàu trôi theo sông Ngân Hà
Phóng mình tôi bay qua khuôn cửa nhỏ
Nghe mình chơi vơi lưng dù nở hoa
(Trích trong tập Saut đêm)

Tôi sẽ giới thiệu kỹ hơn về Hà Huyền Chi trong tập "Viết về bạn bè" cùng với những kỷ niệm giữa anh và tôi cùng nhiều bạn hữu sẽ do nhà xuất Tiếng Quê Hương ấn hành vào một ngày gần đây.



NV Văn Quang 2011

Ngày cuối năm được gặp lại bạn bè là một hạnh phúc lớn với tôi rồi, chẳng còn mong gì hơn nữa. Năm sau chẳng biết có được gặp lại không.

Nhân dịp này kính chúc quý bạn đọc cùng gia quyến một năm mới AN KHANG – MAY MẮN – HẠNH PHÚC.

Văn Quang
(12 tháng 2- 2015)
Ngày 24 tháng Chạp năm Giáp Ngọ

TIỂU SỬ NHÀ VĂN VĂN QUANG

Nhà văn Văn Quang: tên thật Nguyễn Quang Tuyến, sinh năm 1933, tại Thái Bình 1953: động viên, tốt nghiệp khoá năm Võ Bị Sĩ Quan Thủ Đức, phục vụ trong nhiều đơn vị tác chiến tại miền Bắc trước Hiệp Định Genève 1954.

1969 đến 30-4-1975 l1 Quản Đốc Đài Phát Thanh Quân Đội, cấp bậc Trung Tá. Sáng tác trên 50 tác phẩm hầu hết là truyện dài trong đó có 4 tác phẩm được quay thành phim là Ngàn Năm Mây Bay, Chân Trời Tím, Đời Chưa Trang Điểm, Tiếng Hát Học Trò.



NV Văn Quang khi viết *Chân Trời Tím*

Sau 30-4-1975 bị CS bắt đi tù qua nhiều trại từ Nam ra Bắc hơn 12 năm.

Tháng 9/1987 ra khỏi trại tù, trở lại Sài Gòn và từ chối ra đi theo diện H.O. tiếp tục ở lại Việt Nam.

Năm 1990 bắt đầu sáng tác trở lại với thiên phóng sự hằng tuần Lẩm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự.

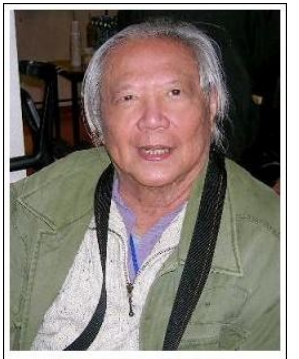
Tác phẩm của Văn Quang trong số 50 quyển được tác giả nhớ lại:

- Lẩm cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự (Hiện tại)
- Lên Đời - tiểu thuyết phóng sự (2004)
- Ngã Tư Hoàng Hôn (2001)
- Trong Cơn Mê Này (1970)
- Người Yêu Của Lính (1965)
- Những Bước Đi Hoang
- Tiếng Cười Thiếu Phụ
- Chân Trời Tím (1964); thâu thành phim 1970; đoạt giải vàng Văn học Nghệ thuật
- Đời Chưa Trang Điểm (1964)
- Đường Vào Bến Mê (1966)
- Nét Môi Cuồng Vọng (1964)
- Tâm Sự Người Yêu (1964)
- Những Người Con Gái Đang Yêu (1964)
- Những Tâm Hồn Nổi Loạn (1964)
- Người Lính Hào Hoa
- Những Ngày Hoa Mộng - phóng sự trên báo Truyện phim
- Sài Gòn Tốc - phóng sự trên nhật báo Chính luận
- Tiếng Gọi Của Đêm Tối
- Từ Biệt Bóng Đêm
- Vì Sao Cô Độc
- Những Kẻ Ngoại Tình
- Xuôi Dòng…
- Tiếng Hát Học Trò (1963); thâu thành phim 1970
- Ngàn Năm Mây Bay (1963); thâu thành phim 1963
- Nguyệt Áo Đỏ (1963)
- Thùy Dương Trang (1957)
- Những Lá Thư Màu Xanh (1953)
- …….

"EM TÔI" và Nhạc sĩ Lê Trạch Lựu

Được tin buồn từ Nhạc sĩ Trần Quang Hải: Nhạc sĩ LÊ TRẠCH LỰU đã qua đời tại Paris ngày 6 tháng 2, 2015, hưởng thọ 84 tuổi. Tang lễ được cử hành trong vòng thân mật gia đình với sự hiện diện của một số thân hữu và văn nghệ sĩ tại Paris ngày 11 tháng 2, 2015.

Nhạc sĩ Lê Trạch Lựu sáng tác bản nhạc nổi tiếng EM TÔI, cảm hứng có thật từ một cuộc tình lãng mạn với một thiếu nữ tên Kim Phượng năm 1946. Cuộc tình không thành khi Ông rời quê hương đi du học ở Paris năm 1951, cùng lớp với thi sĩ Nguyên Sa Trần Bích Lan và thi sĩ, đạo diễn Hoàng Anh Tuấn ... Bản nhạc "Em Tôi"



Nhạc Sĩ LÊ TRẠCH LỰU (1931-2015)

Ông sáng tác ở Pháp rồi chép tay gởi về Việt Nam, được Nhà Xuất Bản Tinh Hoa chọn và ấn hành năm 1955 (bản nhạc Tinh Hoa số 445).

Tôi hân hạnh được nói chuyện điện thoại nhiều lần với Ông, sau khi Ông gặp một số anh chị em Cỏ Thơm trong buổi họp mặt "Thu Tao Ngộ" ở Paris năm 2009. Ông mong ước được sự hỗ trợ để phổ biến một số nhạc phẩm của Ông. Nhờ vậy mà tôi được biết thêm: NHỚ, TÌM, KHI EM YÊU, CÀNH MAI TÓC NGẮN ... và thực hiện một trang về Ông ở website Cỏ Thơm cuối năm 2009:



Nhạc Sĩ LÊ TRẠCH LỰU 1953

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=809&Itemid=47

Tuy bị nhiều thứ bệnh trong vòng 10 năm nay nhưng giọng nói Ông rõ ràng, vui vẻ và có chút "tếu" trong đó. Ông vẫn thích học hỏi, tìm hiểu về kỹ thuật hòa âm, dùng keyboard v v

Mỗi lần nói chuyện, Ông luôn nhắc khéo về mong ước phát hành một CD nhạc tuyển. Rất tiếc chuyện ấy chưa thành thì Ông đã ra đi. Ông cũng hay nhắc vài kỷ niệm đẹp thời niên thiếu và thời Ông làm phóng viên cho một hãng thông tấn của Pháp: chụp hình, quay phim nhiều nơi trên thế giới.

Ông rất kỹ về cách dùng lời trong bản nhạc và yêu cầu ca sĩ để ý đến 3 chỗ trong bài "Em Tôi" mỗi khi hát:

1. *Cho anh **gót** thắm đem dệt nhớ nhung lời thơ* (không phải "rót thắm" hay "góp thắm");
2. ***Đèn** trăng phô sắc huy hoàng sáng hơn màu nắng* (không phải là "đàn trăng");
3. Này trăng, này sao **chia** nhé em (không phải là "này trăng, này sao kia nhé em").

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn trong "Bông Hồng Tạ Ơn, Tập I" đã viết:

"*Thực ra, sau Em Tôi, Lê Trạch Lựu còn một sáng tác nữa đã được các ca sĩ đem hát trên các đài phát thanh, cũng rất hay, nhưng hình như nó đã bị cái bóng của Em Tôi che*

khuất, nên ít người biết, và cũng chưa thấy một ca sĩ nào tìm hát lại, đó là bài:

Nhớ
Rừng thu ấp hơi sương
Say ru lòng người nhớ tới quê hương
Đàn vương bao nhớ thương
Sầu dâng mắt ai bóng hình thôn vắng.
Đời say gió muôn phương,
Tôi mơ thời gian
Chiều tắm ánh nắng tàn
Dần khuất bóng xóm làng
Diều khoan thai sáo ngàn,
Cùng than van ân tình cô lái xinh
Nhớ ngày xưa ngày tôi ra đi
Nước mắt em tôi thắm thiết trên mi chia ly.
Nhớ nhung còn lắm đôi khi
còn thắm câu thơ năm xưa
Xa vắng bao ngày tháng
Mùa thu lướt êm êm
Tôi nghe hồn người thức giấc cô miên
Tìm đâu thấy bóng em?
Đàn tôi nhớ nhung
một thời trinh trắng
Đừng mong đóa hoa tan
Nơi đây trầm tư
Thầm nhớ tới dáng người
Đời đã vắng tiếng cười
Làn môi hương phai rồi
Buồn nhớ tới dáng người yêu áo xanh



Thu Hội Ngộ Paris 2009 - Nhạc sĩ Lê Trạch Lưu du ngoạn sông Seine với Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, Thi sĩ Đỗ Bình ....

Tình ca được viết nhiều nhất vào giai đoạn được gọi chung là "nhạc tiền chiến" của chúng ta. Nhưng đây không phải là thời người ta hạnh phúc. Trái lại nữa là đằng khác. Chiến tranh đã lấy đi mọi thứ. Tình ca không còn chỉ là những lời tỏ tình, mà cùng một lúc, người ta còn bầy tỏ cả lòng yêu đời, tiếc đời, phản ứng trước những tang thương, đe dọa, người ta không làm gì được. Còn có thể coi là những lời minh oan vô tội trước trời đất nữa."

Xin được dâng một đóa hoa hồng để tưởng niệm Nhạc sĩ "Em Tôi" nhân ngày Lễ Valentine ở Hoa Kỳ. Kính mong Ông được an bình vĩnh cữu trên Thiên Đàng.

Chân thành cảm ơn Ông đã dâng cho tân nhạc Việt những tuyệt tác phẩm để đời.

Mời quý vị thưởng thức:

EM TÔI:
http://cothommagazine.com/nhac1/LeTrachLuu/EmToi-LTL-TN.mp3 - Tuấn Ngọc hát
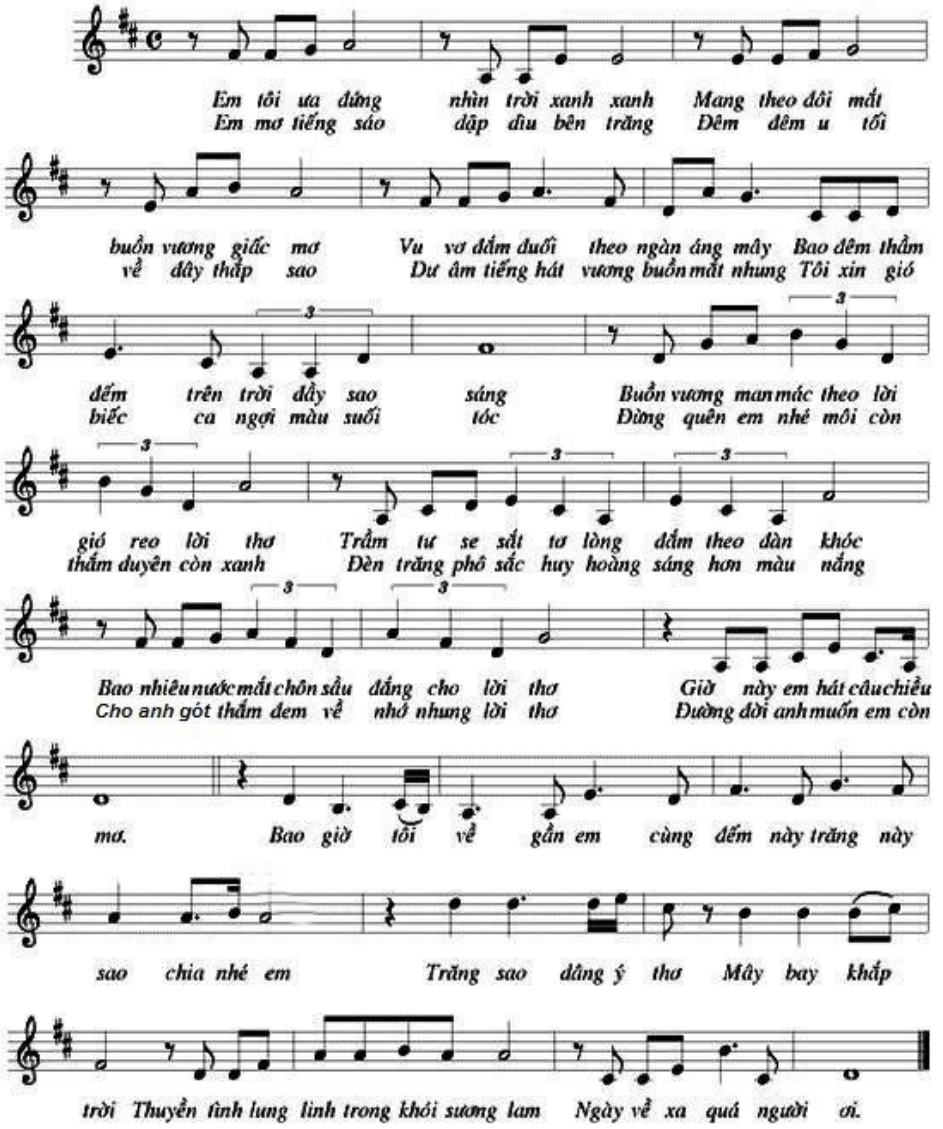
NHỚ:
https://www.youtube.com/watch?v=B_uAdsRF-3o - Tâm Hảo hát



Phan Anh Dũng
(Richmond, Virginia USA)

Em Tôi

Lê Trạch Lựu



Vài kỷ niệm với
NHẠC SĨ LÊ TRẠCH LỰU

Mùa thu năm 2009, Nhà Thơ Đỗ Bình mời tôi, Nhà Văn Phong Thu và Vũ Hối cùng một số nhà văn trong tuyển tập *Món Ăn Theo Bước Di Tản* sang Paris dự Thu Tao Ngộ của Hội Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại. Trong số đó có thêm các tác giả Cỏ Thơm khác như Tôn Nữ Mặc Giao, Duy An Đông ở San Jose, Tiểu Thu ở Canada, Vũ Nam ở Đức …

Dịp đó, tôi đã gặp Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu, tác giả bản nhạc "Em Tôi" mà tôi thường hát thời con gái. Trong ngày Đại Hội chính thức 4 tháng 10, 2009, Nhạc sĩ ngồi cạnh Nhà Văn Hồ Trường An, và Nhạc Sĩ Lê Mộng nguyên trên hàng ghế đầu. Cũng như một số diễn giả khác Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu được mời lên sân khấu nói chuyện về "Tâm Tình Mùa Thu" và "Người Tình Trong Âm Nhạc".

Trong chuyến du ngoạn trên Sông Seine tôi ngồi cạnh Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu và chuyện trò đôi chút với ông. Lẽ dĩ nhiên tôi lại nói tôi hay hát bài "Em Tôi" thời con gái và bây giờ vẫn thích. Ở vùng Hoa Thịnh Đốn có một ca sĩ tài tử hay được yêu cầu hát bài "Em Tôi" và được tán thưởng nhiều.

Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu rất vui và nói: "Tôi còn nhiều bản nhạc khác cũng ưng ý lắm để tôi sẽ gửi cho ND. Chắc ND đã nghe bản nhạc "Nhớ" của tôi nhỉ? Rồi anh hát nho nhỏ vài câu của bài hát này. Tôi reo khẽ: "Bài hát này quen thuộc lắm, ND biết mà." Và, tôi cũng "ư ử" theo vài câu.

Tôi sốt sắng nói thêm: "Website Cỏ Thơm có trang giới thiệu nhạc sĩ và tác phẩm. ND cho anh địa chỉ e-mail của Phan Anh Dũng, chủ biên Website Cỏ Thơm. Anh có sẵn tài liệu về tiểu sử và các tác phẩm của anh thì anh gửi cho Dũng"… Buổi chiều sau cuộc du thuyền trên Sông Seine, tôi lại gặp NS Lê Trạch Lựu trong bữa ăn tối cũng trong chương trình của Thu Tao Ngộ Paris.

Về đến Virginia, tôi nói chuyện với Chủ Biên Website Cỏ Thơm. Phan Anh Dũng liên lạc ngay với anh Lê Trạch Lựu và Trang Mục về Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu đã xuất hiện trên <www.Cothommagazine.com>. Tôi liên lạc qua e-mail và nhờ Mây Thu, đại diện Cỏ Thơm ở Paris gửi báo biếu Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu.

Có lần anh nói: "Đã lâu lắm anh chẳng có cô em nào. Bây giờ ND là người em của LTL đấy nhé. ND phải viết thư thường xuyên cho anh. Vài chữ cũng được, để anh biết rằng có cô em nhớ tới anh. Một thời gian sau tôi không nhận được e-mail của NS Lê Trạch Lựu nữa, tôi nghe nói anh không được khoẻ.

Bây giờ thì NS Lê Trạc Lựu đã ra đi vĩnh viễn. Một thương tiếc thấm thía cho giới yêu nhạc. Một mất mát sâu đậm cho nền âm nhạc Việt Nam. Nhưng niềm yêu "Em Tôi" và nỗi "Nhớ" … về anh vẫn bất diệt trên cõi trần. Chúc hương linh NS Lê Trạch Lựu thanh thoát nơi cõi Vĩnh Hằng.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

CƠN MƯA BẤT CHỢT

TIỂU-THU

Tiếng con nít khóc văng vẳng nửa khuya làm ông Xã Trung giựt mình tỉnh giấc.

Suốt mấy hôm đám cưới cậu hai Trực, con trai ông, ông đã mệt rã rời, nên đầu hôm vừa đặt mình xuống là đã ngáy vang như sấm. Tuy tròm trèm năm mươi, nhưng ông Xã còn tráng kiện lắm. Bằng chứng là vợ qua đời được ba năm, ông tục huyền với cô giáo Châu, gái lỡ thời và bà hai này vừa sanh cho ông một cậu trai khá khỉnh vừa đầy thôi nôi. Nghĩ là cậu út khóc nên ông lớn tiếng kêu:

- Con Nở đâu sao hổng coi em để bà bây ngủ?

Nhưng ông vừa dứt tiếng thì cậu hai Trực đã khoác tấm màn cửa ló đầu vô hấp tấp nói:

- Thưa ba, vợ con vừa mới sanh...

Ông Xã ngồi bật dậy như bị điện giựt:

- Hả??? Con nói vợ con...cái gì?

Thấy thái độ cha như vậy cậu Ba hoảng, đâm ra cà lăm:

- Thưa ba... vợ con mới... mới... sanh!

Ông Xã đứng dậy cái rột nắm tay thằng con, đang đứng như bị trời trồng, lôi đi:

- Đâu dẫn tao đi coi!

Cậu Ba lật đật dẫn cha qua phòng của mình, nằm phía bên kia của căn nhà nền đúc rộng lớn. Tới nơi, cậu ba hỏi vọng vô:

- Dì ơi, xong xuôi hết chưa?

Bà xã tay ẳm đứa nhỏ, tay khoác màn cửa bước ra. Nét mặt còn đượm nét mỏi mệt nhưng rất vui:

- Anh coi nè. Thằng nhỏ dễ thương hết sức.

Hơi nóng và mùi máu tanh từ trong phòng xông ra khiến ông nhăn mặt, nhưng khi nhìn thằng cháu nội, một món quà cực kỳ bất ngờ do con trai ông thân tặng, còn đỏ hỏn quấn trong tấm khăn lông, cặp mắt nhắm híp nhưng cái miệng nhỏ xíu mút mút như thèm sữa dễ thương quá sức, ông bỗng thấy lòng tràn ngập một niềm hạnh phúc vô biên. Đứa cháu nội đầu tiên của ông đây. Nhìn thấy nét mặt rạng rỡ của cha cậu ba mới yên lòng bước vô trong phòng thăm vợ. Tội nghiệp cô dâu mới mười tám cái xuân xanh, vừa chân ướt chân ráo về nhà chồng buổi trưa, buổi tối đã đập bầu nên tinh thần hoảng hốt, mặt mày tái xanh, tóc tai còn bê bết mồ hôi. May mà sanh dễ, mẹ tròn con vuông. Bà Xã sau khi trình diện thằng cháu đích tôn cho ông nội rồi thì đem cu cậu đặt nằm bên cạnh mẹ nó. Bà nói bất ngờ quá chưa kịp chuẩn bị gì cho cháu, thôi để ngày mai hãy xếp đặt lại cho đàng hoàng. Bà sai con Nở đem cái ghế bố vô ngủ trong phòng để coi chừng mợ ba. Còn cậu tạm thời đi ngủ chỗ khác! Cậu Ba sau khi cúi xuống hôn lên trán vợ một cách âu yếm rồi cũng nối bước ông bà Xã ra phòng khách. Đàng nào ông bà cũng cần biết một vài "chi tiết" về cái sự ra đời quá ư đột ngột của thằng cháu nội, ngoài sự mong đợi của mọi người. Thấy cha và bà dì ghẻ đang ngồi nơi bàn nước, cậu ba vội bước tới dở nắp bình tích rót ra hai chén nước trà, bưng mời hai người uống, rồi chấp tay xá xá ông Xã:

- Con xin ba và dì tha lỗi. Đầu đuôi chuyện này cũng tại con gây ra. Con xin

ba đừng rầy em Huệ Khanh tội nghiệp. Ba muốn đánh muốn chưởi gì con cũng chịu, nhưng ba đừng bắt lỗi vợ con nghen ba.

Ông Xã thở dài:

- Tới nước này chưởi mắng tụi bây cũng bằng thừa. Thôi thì mẹ con nó khỏe mạnh tao cũng mừng. Chỉ sợ làng xóm dị nghị...

Cậu ba cũng thở ra:

- Dạ lỡ rồi ba. Bây giờ ai nói gì con cũng phải chịu thôi, miễn ba đừng giận tụi con là được. Cậu quay qua bà Xã:

- Con cám ơn dì đã giúp đỡ tụi con. Thiệt tình lúc nảy con bối rối quá.

Bà xã cười hiền:

- Ối, có đáng gì mà phải cám ơn. Đây là bổn phận của dì mà.

Bà xã tuy chỉ lớn hơn cậu ba một giáp, nhưng với đức tính hiền lành, đôn hậu, kính trên nhường dưới, hay giúp đỡ kẻ nghèo khó... bà được mọi người chung quanh yêu mến lẫn kính phục. Ngay người con ghẻ là cô ba Phi Loan, ban đầu cũng ghét bà ra mặt. Cô cho rằng cô giáo Châu xuất thân con nhà nghèo, lấy ba cô vừa góa vợ, hai con vừa già hơn cả mười mấy tuổi là vì ham tiền. Thật ra giữa hai người đã có một chuyện tình khá thơ mộng.

... Sau khi vợ mất vì bịnh thương hàn, ông Xã Trung buồn lắm nên thường hay đạp xe xuống chợ Cao lãnh lai rai vài sợi với đám bạn thân. Người ta nói trà tam tửu tứ, uống rượu một mình đâu có vui. Một hôm uống quá chén, bạn bè cản không cho về một mình, nhưng ông gạt ngang nói năm bảy cây số nhằm nhò gì! Nhưng lúc đạp xe qua khỏi chợ Mỹ Ngãi một chút là ông thấy chóng mặt muốn mửa. Ông chỉ nhớ mơ hồ là có ngừng xe lại bên vệ đường, ói thốc ói tháo tới mật xanh mật vàng rồi sau đó thì gục luôn! Chừng tỉnh lại mở mắt ra, nhìn chung quanh thấy mọi thứ đều lạ hoắc. Ông đang nhíu mày cố gợi lại trí nhớ, thì một tiếng reo từ cửa bếp :

- May quá ông tỉnh lại rồi. Thiệt tình lúc trưa ông làm má tôi với tôi sợ quá!

Ông Xã Trung muốn ngồi dậy nhưng cái đầu nhức như búa bổ khiến ông nhăn mặt nằm vật trở xuống, đưa tay bóp hai bên màng tang. Người đàn bà trẻ vội bước lại đưa tay cản:

- Ý, ông đừng ngồi dậy. Chắc ông nhức đầu lắm phải không?

Tiếng nói dịu dàng pha chút lo lắng của nàng như giòng suối mát rượi làm ông cảm thấy dễ chịu. Một khuôn mặt không còn trẻ lắm nhưng trắng trẻo, mịn màng và đầy vẻ dịu dàng thùy mị. Nụ cười thật tươi. Mái tóc đen bới gọn thả lửng sau ót. Cặp mắt to nhìn ông lo lắng:

- Ông Xã thấy trong mình ra sao? Để tôi đi pha ly nước chanh cho ông giải rượu. Nghe người đàn bà kêu mình là ông xã, ông Trung giựt mình, ráng nhìn thiệt kỹ nhưng vẫn thấy nàng hoàn toàn xa lạ. Ông hỏi:

- Cô biết tôi? Sao tôi không nhớ là quen cô ở đâu vậy kìa...

Nàng lại nở nụ cười thật tươi:

- Dĩ nhiên là ông không quen tôi. Nhưng cô út Hương em gái ông có học thêu và làm bánh với tôi. Năm ngoái tôi có dịp lên Tân An ăn đám giỗ. Cô út chỉ cho tôi biết mấy người anh chị của cổ. Tôi nhớ ông vì cô út nói bà nhà đã mất. Cô bỗng đổi giọng đượm vẻ trách móc, có phải vì vậy mà ông định mượn rượu giải sầu? Ông biết

không, hồi trưa từ chợ về thấy ông nằm gục ngoài cổng, tôi hết hồn tưởng ông trúng gió. Má tôi với tôi khó lắm mới dìu nổi ông vô nhà. Sau thấy ông hôi mùi rượu nên tôi đoán ông bị say quá mà thôi. Nhưng ông yên trí tôi đã cẩn thận xức dầu gió cho ông rồi. Thôi để tôi pha nước chanh cho ông giải rượu. À, tôi tên Châu.

Nói xong cô quày quả đi xuống bếp. Ông xã Trung nhắm mắt cố nhớ lại đám giỗ năm ngoái tại nhà ông Cai tổng Thạnh, thân sinh của ông. Hình như có một khuôn mặt là lạ. Nhưng đây không phải là một khuôn mặt có nét gì đặc biệt có thể đập vào mắt người khác, nên chắc chắn là ông đã quên mất. Ông chỉ nhớ có món bánh Lưỡi Mèo (langue de chat) rất ngon mà cô Út nói do thầy cổ làm đem tới cúng. Ông Xã Trung may mắn được gia đình cho lên Sàigòn học trường thầy dòng Tabert nên có nhiều bạn học người Pháp. Vì vậy những món ăn Tây ông đều có thử qua. Tuy xuất thân nho học nhưng ông Cai tổng có đầu óc cấp tiến, cho con học trường Pháp hầu sau này dễ tiến thân. Ông có ý đưa người con lớn là ông Trung ứng cử ghế Hội Đồng tỉnh, nên trước tiên phải qua cái ải xã trưởng này. À thì ra đây là cô giáo gia chánh của út Hương.

Cô giáo Châu trở lên với ly nước chanh tươi. Ông Xã Trung ngồi dậy nói cám ơn rồi cầm ly nước uống một hơi. Nước chảy tới đâu mát rượi tới đó. Cơn nhức đầu cũng bớt nhiều. Cô Châu cầm ly không trở xuống bếp. Ông Xã đưa mắt nhìn chung quanh. Thì ra má con cô Châu để ông nằm trên bộ ván ngựa bằng cây gõ ở gian giữa, phía sau là bàn thờ có hình một ông già chắc là ông thân sinh của Châu. Bên trái có lẽ là phòng ngủ vì bức màn cửa thêu thật đẹp. Bên phải là nhà bếp. Căn nhà nhỏ nhưng sạch bóng. Trên vách treo rất nhiều tranh thêu, chắc chắn là những tác phẩm của cô giáo Châu. Sau này ông mới biết năm mười tám tuổi cô bị thương hàn rất nặng, tưởng đã đi chầu trời. May lúc đó có người bà con từ Cù lao Giêng qua chơi, khuyên ba má cô đem qua nhà thương Bà Phước chữa bịnh. Sau khi bịnh đã thuyên giảm các bà không cho Châu về sớm, sợ người nhà cho ăn bậy lủng ruột cứu không kịp. Trong thời gian tạm trú nhà các Sơ dưỡng bịnh, cô có dịp thấy những cô gái mồ côi, tục gọi là con bà phước, thêu quần áo, tranh ảnh đẹp lộng lẫy, sắc sảo. Cô mê quá xin ba má cho ở lại học. Ngoài nghề thêu cô còn học làm các thứ bánh tây. Sau khi rành nghề cô ở lại trường dạy luôn. Rồi thời gian ở đây cô có quen một thanh niên bên chợ Mỹ Luông. Gia đình cậu ta có xưởng đóng đồ gỗ nổi tiếng. Cậu này mặt mũi sáng sủa, nói năng hoạt bát, nhưng một tay đã bẻ gãy không biết bao nhiêu cành thiên hương! Cậu ta đã từng tuyên bố tuổi trẻ mà không "chơi" cho đã thiệt là lãng phí! Cô em gái anh ta là bạn học thêu thùa, bánh trái cùng lúc với Ngọc Châu. Thỉnh thoảng Chúa nhựt Châu xin phép các Sơ qua nhà Mỹ Liên chơi. Vì vậy mà quen với anh Bảo của Liên. Ngọc Châu tuy nhan sắc trung bình nhưng có dáng dấp cân đối và nụ cười rất tươi khiến khuôn mặt cô sáng rỡ. Tính nết lại hiền dịu, thật thà nên mọi người đều có cảm tình. Với

cái mã đẹp trai và tài ăn nói cộng thêm nụ cười nửa miệng rất tình tứ, Bảo thu phục con tim trong trắng của Ngọc Châu một cách khá dễ dàng. Mỹ Liên thương cô bạn hiền lành, cố ý nói xa nói gần cho Ngọc Châu đề phòng, nhưng đã nói tình yêu là mù quáng. Khi thương trái ấu cũng tròn mà! Hơn nữa vì không phải người địa phương nên cô chưa từng nghe "danh thơm" của cậu Bảo. Thấy bạn càng ngày càng tỏ ra có cảm tình sâu đậm với ông anh bất hủ của mình, Mỹ Liên đâm sợ không dám rủ Ngọc Châu về nhà chơi nữa. Nhưng mà như vậy là cô khinh thường cái đầu óc rất thông...manh của anh cô rồi. Vì một sáng Chúa nhựt đẹp trời, Bảo tà tà qua trường xin gặp Ngọc Châu, rồi nói với cô rằng anh em cậu bữa nay có chương trình lên chơi ở vườn soài của gia đình trên Chợ Mới. Vườn rộng với gần trăm gốc soài đủ loại. Lúc này đã có soài chín cây. Lên đó mặc sức hái ăn. Cậu có phận sự chở Ngọc Châu lên trước, Mỹ Liên có chút chuyện sẽ tới sau. Đang không biết làm gì cho hết ngày, thấy mục này hấp dẫn quá, Ngọc Châu hăng hái đi liền. Ngồi phía sau bọt ba ga, lòng cô như mở hội và trời hôm nay sao bỗng dưng đẹp lạ lùng!

Nửa giờ sau Bảo quẹo xe vô căn nhà lá của người giữ vườn. Một người đàn ông trung niên dáng vẻ lam lũ bước ra, tay cầm một cái giỏ xách bằng mây khá lớn. Ông ta chào Bảo rồi nói tui đã mua hết mấy thứ cậu dặn hôm qua. Bảo vui vẻ giao xe cho người này, xách giỏ mây nói Ngọc Châu đi theo cậu ta. Khu vườn rộng lớn không phải chỉ có soài mà còn xen nhiều thứ khác như nhãn, mãng cầu, mận, đu đủ... Hai người đi dưới những tàn cây mát rượi. Trên cành nặng trĩu những quả soài mập tròn đong đưa theo từng cơn gió nhẹ. Không khí vừa trong mát vừa tĩnh mịch. Đó đây có tiếng chim hót líu lo. Tới gần cuối vườn, Bảo dừng lại dưới gốc cây soài thanh ca. Cậu đặt giỏ xuống rồi lấy từ trong đó cái khăn trải bàn carô màu xanh khá lớn trải xuống chỗ mặt đất thật bằng phẳng. Cậu nói trong khi chờ Mỹ Liên tới để cậu đưa Ngọc Châu dạo quanh vườn cho biết. Bảo giải thích rành mạch cách trồng cũng như cách săn sóc các loại soài làm sao cho sai trái. Ngọc Châu nghe mà phục sát đất. Hai người đi song song, bàn tay Bảo như vô tình nắm nhẹ bàn tay mềm mại của Ngọc Châu. Nàng mắc cỡ muốn giựt tay lại nhưng Bảo làm như không biết càng nắm chặt hơn. Cậu chỉ tay ra phía ruộng giáp ranh vườn soài nói ba má anh đang trả giá mua luôn miếng ruộng này để lập vườn. Họ nói khi nào anh có gia đình, ngoài tiệm đồ gỗ ngoài chợ, miếng vườn rộng lớn này cũng sẽ thuộc về anh. Vừa nói cậu vừa đưa mắt nhìn Ngọc Châu, miệng mĩm cười một cách đầy ý nghĩa. Cô ngượng ngùng nhìn về phía cánh đồng nơi có mấy chú bò đang nhởn nhơ gặm cỏ. Vài chú cò trắng xoãi cánh bay về phía chân trời xa xa...Vài đám khói trắng bay la đà từ mấy thửa ruộng đang đốt rạ để bón đất. Bảo lên tiếng nói thôi mình trở lại chỗ cũ. Chắc Mỹ Liên tới rồi. Nhưng có thấy ai đâu ngoài cái giỏ mây lúc nảy? Bảo nhìn quanh quất rồi nói cái con nhỏ này kỳ thiệt. Đã hứa chắc là

XUÂN TRÊN ĐẤT KHÁCH

Lại một Xuân về trên đất khách
Tết buồn, Tết nhớ, Tết tha hương !
Ngày xanh như lá thu vàng rụng ,
Trở giấc đêm về mộng viễn phương .

Cố quận vời xa nghìn vạn dặm ,
Vời trông đăm đắm góc quê nhà .
Nhìn ra trắng xóa trời băng tuyết
Rượu đỏ tràn ly ta với ta !

Xôn xao tiếng gió đêm trừ tịch
Lả ngọn đào xuân lay giấc Xuân .
Lửa ấm sao nghe lòng buốt giá
Giao thừa năm cũ vẫn bâng khuâng...

Bao giờ trở lại quê xưa nhỉ ?
Chợt lắng tâm tư sầu gợi sầu
Đất khách, quê người Xuân lữ thứ
Se lòng trăn trở giấc chiêm bao .

Rót riêng một chén mừng kim cổ
Ta chuốc tâm bôi một chén này !
Em ở phương trời xa tít đó
Mộng thầm thao thức cánh chim bay?

Hoàng Song Liêm

tới rồi mà. Đàn bà con gái cứ thích bắt người khác chờ đợi phải không Ngọc Châu? Cô cười hiền:

-Dạ không phải đâu. À, em còn chưa biết Mỹ Liên bận chuyện gì sáng nay mà không đi chung với mình?

Bảo cằn nhằn:

- Thì tại má anh đó. Ngày nào không khui hụi lại nhè bữa nay! Bả cần tiền nên muốn hốt hụi. Sáng nay trong mình lại không khỏe nên sai Mỹ Liên đi Chợ Mới thế bả. Nó nói khui hụi xong là về đây với tụi mình liền. Anh nghĩ chắc có trục trặc gì đây. Vừa nói Bảo vừa ngồi xuống lấy đồ trong giỏ mây sắp ra.

-Thôi em ngồi xuống đi. Mình cứ ăn trước, Mỹ Liên tới ăn sau. Ăn xong mình còn phải hái ít soài chín cây cho em đem về tặng mấy Sơ. Nhìn những món Bảo xếp ra, Ngọc Châu tròn mắt:

- Trời ơi, có ba người mà anh mua chi nhiều dữ vậy? Gà quay nè, còn heo quay nữa. Rồi xôi, bánh hỏi... Bảo cười:

- Thì xôi ăn với gà quay. Bánh hỏi ăn với heo quay là đúng quá rồi. Còn cái này em biết là gì không? Bảo đưa tới trước mặt Ngọc Châu một cái chai thủy tinh dán nhãn hiệu thiệt đẹp, có chất nước màu đỏ bên trong- đây là loại rượu Quinquina nhập cảng từ bên Tây. Rượu này không giống rượu đế bên mình mà nó vừa ngọt vừa thơm. Chút nữa em nếm thử sẽ biết liền. Ngọc Châu nói hay đợi Mỹ Liên thêm chút nữa, nhưng Bảo nhăn mặt kêu đói quá, rồi cầm chén đũa đưa tận tay Ngọc Châu. Mới ăn được vài miếng Bảo đã rót rượu ra hai cái ly thủy tinh. Cậu đưa cho Ngọc Châu một ly biểu uống thử. Từ chối không được cô đành cầm lấy. Chất rượu đỏ óng ánh như san hô. Thấy cô ngần ngại, Bảo khích vô:

- Uống thử đi. Anh bảo đảm em sẽ thích mà. Coi anh nè. Nói xong Bảo cầm ly rượu của mình hớp một hớp lớn rồi khà một tiếng đầy vẻ khoái trá. Ngọc Châu cẩn thận đưa ly rượu lên mũi hít thử... Chà, thơm thiệt! Cô đưa xuống môi nhấp một chút xíu. Ủa mà ngọt lịm! Thấy Ngọc Châu cười, Bảo nói:

- Thấy chưa, anh có gạt em đâu. Bây giờ cứ mạnh dạn uống đi. Rượu này người Pháp uống để ăn cơm cho ngon miệng hơn.

Mà thiệt lạ, càng uống Ngọc Châu càng thấy tâm tình vui vẻ, thoải mái. Cô nói chuyện tự nhiên không còn e dè như trước nữa. Cô cũng quên luôn không thắc mắc tới sự vắng mặt của Mỹ Liên. Rượu thơm, rượu ngọt, đồ ăn ngon, người nói chuyện có duyên...Ôi đời sao bỗng dưng vui quá! Cô không nhớ là mình đã uống tới ly thứ mấy,vì Bảo cứ châm đầy hoài. Cho tới khi trước mặt Ngọc Châu có tới hai cậu Bảo. Cô muốn lên tiếng hỏi cho rõ mà sao cái lưỡi nó không chịu nghe lời và cặp mắt cũng nhướng lên hết nổi. Cô đưa tay dụi mắt nói nhừa nhựa: em buồn ngủ quá! Cô nghe mơ hồ tiếng Bảo nói để anh dẹp mấy thứ này, em cứ nằm xuống ngủ một chút đi, rồi thiếp mất...Trong cơn mê thiếp Ngọc Châu có cảm tưởng như có người hôn lên mặt, lên cổ khiến cô nhột nhạt. Cô cố đưa tay đẩy ra nhưng tứ chi bủn rủn mềm như bún thiu! Rồi có cả những tiếng thì thầm bên tai mà cô nghe không rõ lời. Trong lúc mơ màng, Ngọc Châu thấy mình bị một con quái thú tấn công. Nó cấu xé làm cô đau đớn và cô kêu lên thất thanh. Cô nhớ mình đã chạy...chạy rất lâu, mệt đứt hơi! Lúc mở mắt thì trời đã xế bóng. Ngọc Châu cảm thấy thân thể rã rời, đầu nặng như treo đá. Bảo ngồi bên cạnh thấy cô tỉnh dậy vội nói:

- Thấy em ngủ ngon quá nên anh không dám kêu. Anh đã nhúng sẵn khăn ướt cho em lau mặt đây rồi. Ngọc Châu chợt nhớ lại bữa ăn trưa nên ngồi bật dậy hốt hoảng:

- Chết, thiệt bậy quá. Em ngủ có lâu không? Cô mắc cỡ không dám hỏi Bảo về chuyện như có ai hôn mình, tuy rất thắc mắc. Bảo đưa Ngọc Châu cái khăn tay nhúng nước lạnh rồi trả lời:

- Không sao. Mới có ba giờ chiều thôi. Nếu còn đói em ăn thêm chút gì nữa rồi anh đưa em về.

Nhưng Ngọc Châu lắc đầu, cầm khăn ướt lau mặt rồi đứng lên. Không biết có phải tại đứng lên vội quá hay không mà cô thấy phía bụng dưới đau nhói khiến cô nhăn mặt. Bảo thấy Ngọc Châu nhăn mặt, tay đè phía bụng dưới vội quay mặt ngó chỗ khác. Trên đường về, khác với lúc đi ban sáng, hai người nói chuyện cầm chừng, rời rạc. Ngọc Châu vẫn còn thấy đầu óc choáng váng, cơ thể rã rời. Nhứt là phía bụng dưới như có điều gì không ổn. Nặng trình trịch như lúc hành kinh. Nhưng cô vừa mới dứt mà. Huống chi sáng nay vẫn bình thường đâu có gì khác lạ?! Hai người từ giã nhau trước cổng trường. Ngọc Châu về phòng lật đật lấy quần áo đi tắm, hy vọng nước mát làm cô tỉnh táo. Nhưng cô xiết đổi kinh hoàng khi thấy chiếc quần lót bằng vải trắng của mình loang lổ vết máu tươi. Chưa hết, trên gò ngực trắng hồng có vết bầm như dấu răng! Dù ngây thơ cách mấy Ngọc Châu cũng hiểu chuyện gì đã xảy ra. Mắt không rời những dấu máu trên chiếc quần, toàn thân Ngọc Châu run bần bật. Như vậy là con ong đã tỏ đường đi lối về! Đầu óc cô bấn loạn, nhưng cuối cùng cũng ráng tắm rửa sạch sẽ. Nước lạnh khiến cô tỉnh táo hơn. Bây giờ chỉ còn nước đợi Bảo tỏ thái độ. Biết đâu vì yêu cô quá mà cậu ta không kềm chế nổi và sẽ tính chuyện hôn nhân với cô...

(Còn tiếp)

TIỂU-THU

VỀ BÀI HÁT
"TÔI ĐANG MƠ GIẤC MỘNG DÀI"

+++

Kim-Vũ

Mới đây, tôi tình cờ đọc được trên internet một bài thơ có tên là "***Năn Nỉ***" của L. L. Lan, một nhà thơ rất lạ, sáng tác từ năm 1959, và được đăng trên tạp chí Bách Khoa số 307, xuất bản năm 1969. Đó chính là bài mà Phạm Duy sử dụng để viết ra bản nhạc "***Tôi Đang Mơ Giấc Mộng Dài***", được Thái Thanh diễn đạt rất "tới" vào khoảng năm 1971.

Phạm Duy có đặc tài thiên phú là biết chọn những bài thơ xuất thần để phổ nhạc. Nhưng có một điều đáng tiếc là ông hay có khuynh hướng sửa đổi lời ca mà không được tác giả bài thơ đồng ý. Theo tôi, lời thơ trong "***Năn Nỉ***" đầy đủ và hay hơn lời nhạc nhiều lắm.

Dù sao, cũng phải công nhận, nếu không có Phạm Duy chọn và phổ biến những lời thơ hàm súc dưới hình thức "dễ tiêu", thì có thể chúng ta sẽ không bao giờ biết đến những bài thơ tuyệt hay và những tác giả của chúng, như trường hợp L. L. Lan đối với riêng tôi.

Đọc xong bài "***Năn Nỉ***", tôi thấy quá dễ thương, bèn dịch ngay ra Anh ngữ. Xin phép tác giả chép lại nguyên tác, và sau đó xin giới thiệu bản dịch Anh ngữ của tôi, để chia sẻ cùng bạn đọc:

Năn Nỉ

Tôi đang mơ giấc mộng dài
Đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh
Tôi đang nhìn thấy mầu xanh
ở trên cây cỏ rất lành rất thơm
Tôi đang nhìn thấy mầu hồn
của tôi thay đổi luôn luôn theo trời
hoàng hôn mầu đỏ mây tươi
bình minh nắng trắng ấm trôi vào lòng
những vì sao tím rất trong
mảnh trăng vàng rỡ chờ mong tôi nhìn
Tôi đang nhìn thấy trong tim
tình yêu bay những con chim tuyệt vời

Đừng lay tôi nhé cuộc đời
Tôi còn trẻ quá cho tôi mơ màng.
L.L.Lan

Pleading

I'm dreaming a long, long dream
O life around me, please don't stir me up.
I'm seeing the cool, green color
of the healthy, scented trees and grass.
I'm seeing the color of my soul
constantly changing with the astral shades.
The red, radiant clouds at sundown.
The white light of dawn pouring warmth
into my flesh.
The purple stars, ever so pure.
The shining yellow moon waiting for me to watch.
I'm seeing deep in my heart
love as wonderful birds flying high.

Please don't stir me up, o life,
I'm so young, leave me be with my charade.

JOYEUX VALENTIN!

Phương-Duy Trương Duy Cường

Tokyo ngày 14 Février 2009
Anh Nguyễn thân mến,

"Joyeux Valentin!". Từ nước Nhật Bản xa xôi, bên kia bờ Thái Bình Dương, em gửi về cho anh yêu "quả tim nhỏ bé" của Michiko với câu chúc bằng tiếng Pháp ghi trên. Một ngày lễ "Tình Nhân" em sống xa anh. Em rất nhớ Anh. Em đã đi học. Em đang tiếp thu văn hóa, văn học... mà em mơ ước từ lâu nay.

Trong thời đại tin học phát triển hiện nay, nhưng em không muốn dùng computer để E-mail nhanh đến anh lá thư này vì em muốn anh cầm trong tay một lá thư do chính chữ của em viết cho anh, đọng chút hơi thở, chút mồ hôi tay của người viết nếu anh cảm nhận được. Một phong bì có dán con tem Nhật Bản và nhật ấn bưu điện in ngày em đi gửi thư. Anh muốn giữ làm kỷ niệm thì giữ cho em sau này. Nên nếu thư này có đến trễ vài ngày sau lễ Tình Yêu mong anh đừng buồn nhé!

Được nghỉ mấy ngày cuối tuần, Midori, cô em họ của em đã đưa em đi một chuyến du lịch ngắn ngày tại vùng Tây Honshu thăm thành phố Kobe. Anh đoán tại sao em lại chọn địa danh Kobe để làm chuyến xuất hành đầu năm không? Em muốn nhớ lại tên của nhà hàng Kobe ở thành phố Santa Clara mà lần đầu tiên em được anh đưa em đi ăn cơm tối với anh tại đó. Thật thơ mộng và nhớ đời!

Bây giờ em nói đến Kobe "của em".

Từ thế kỷ thứ 8, Kobe là hải cảng giao dịch thương mại giữa nước Triều Tiên, Trung Hoa với Nhật Bản và cũng là một trong những hải cảng sầm uất khi được mở lại để giao thương với các nước phương tây từ năm 1868. Ngày nay thành phố này là nơi có nhiều cộng đồng người Triều Tiên, Trung Hoa đã từ xa xưa nhiều thế hệ đến lập nghiệp cũng như những người phương tây đến từ các nước bên Âu châu, người Mỹ, người Ấn độ. Dân số Kobe là 1,528,000 người.

Ai cũng biết Kobe nổi tiếng với loại thịt bò rất ngon bán với giá đắt nhất thế giới đấy. Anh và em đều thích món thịt bò steak mà chúng mình thường hay đến ăn tại tiệm *Chez Christina* ở thành phố Milpitas, nhưng ngay tại Kobe, em lại không dám thưởng thức món đặc sản thượng hảo hạng này, vì túi tiền của một cô sinh viên có giới hạn, tuy nói thế, nhưng nếu có anh bên cạnh em sẽ sẵn sàng và thích thú để mời anh dùng beefsteak bằng loại thịt bò "Kobe chính hiệu" tại ngay Kobe này xem như một kỷ niệm đẹp nữa giữa chúng mình.

Ngoài loại thịt bò nói trên thành phố này cũng được nổi tiếng từ rạng sáng lúc 5:46 ngày 17 tháng Giêng năm 1995 vì một trận động đất rất lớn đo được 6.9 mang tên "The Great Hanshin Earthquake" làm sụp đổ hơn 100,000 ngôi nhà và làm chết hơn 5,000 cư dân.

Trong nhiều địa điểm du lịch, Midori đưa em đến thăm khu phố Tàu Chinatown ở hướng đông nam của thành phố. Có thể hơn 40,000 Hoa kiều tập trung cư ngụ ở khu vực rộng lớn này. Người dân Nhật gọi nơi này với tên "Nankin-machi" có nghĩa là thành phố Nam Kinh. Những sinh hoạt về thương mại, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật của người Hoa Kiều đã làm cho thành phố Kobe thêm sinh động hơn và nhiều hấp dẫn hơn. Những cổng xây thật lớn theo lối kiến trúc đặc thù Trung Hoa làm du khách phải chú ý. Quanh khu này, các tiệm ăn, các tiệm bán hàng lưu niệm, những siêu thị, khách sạn và những cảnh hàng hóa bày dọc theo khu phố người mua, người bán tấp nập của khu phố trung tâm. Công viên Nam kinh "Nankin park " với những pho tượng, tượng trưng cho mười hai con giáp của người Trung hoa cũng hấp dẫn dân cư tại đây. Ngoài ra, phố Tàu là một địa điểm chính mà dân chúng Kobe hàng ngày thường đến ăn uống vui chơi.

Trung tâm thương mại của Kobe sầm uất với những cửa hàng rộng lớn, những đại siêu thị hàng hóa đủ loại hàng nội địa và nhập cảng đầy ắp, rộn rịp ban ngày, đèn sáng hấp dẫn về ban đêm. Khu Kitano-cho kế cận khu phố Tàu, với những ngôi biệt thự, những ngôi nhà đồ sộ kiến trúc theo lối Âu châu thời Trung cổ kiểu Gothic Victorian mà người Nhật gọi là "ifinkan". Nguyên khu này, ngày xưa là nơi cư ngụ của những đại gia rất giàu của người ngoại quốc và các nhà ngoại giao ngoại quốc đã xây dựng vào thời đại Minh Trị Thiên Hoàng canh tân Nhật bản.

Sau đó, em đi xem viện bảo tàng "Kobe City Museum". Đây là một bảo tàng giới thiệu đầy đủ lịch sử, văn hóa, kiến trúc ... từ những ngày mới thành lập thành phố, trận động đất năm 1995, những trận động đất nhỏ khác cũng như các công trình trùng tu, tái thiết cho đến ngày nay. Trong viện bảo tàng này có trình bày một sa bàn khu Kitano-cho, những cổ vật thu thập được từ thế kỷ thứ 16, mà người Nhật gọi là "nghệ thuật Nanban". Danh từ Nanban trong tiếng Nhật có nghĩa "Southern Barbarian" dùng để chỉ những người ngoại quốc từ các vùng hướng nam đến cư ngụ tại nước Nhật trước đây. Gần như danh từ này có một nghĩa không tốt mà phần lớn ám chỉ dân Bồ đào nha nhập cư trước tiên và kể cả những người ngoại quốc từ Âu châu đến thời gian sau này.

Về phía nam của thành phố, khu công viên Meriken Park cũng là địa điểm hấp dẫn du khách với tàu điện "monorail" chuyên chở khách bằng toa tàu treo bằng dây cable trên không đi đến đỉnh núi Rokko cao nhất của vùng này. Ngồi trong toa tàu di chuyển trên không, du khách có thể quan sát vùng biển rất đẹp và toàn cảnh thành phố phía dưới.

Rời thành phố Kobe, trên đường về lại Tokyo, em ghé thăm thành phố Yokohama, thuộc vùng Trung Honshu. Yokohama là thành phố rộng lớn thứ nhì của nước Nhật. Dân số tại đây lên đến 3,600,000 người. Yokohama là một trung tâm buôn bán có tính cách quốc tế kể từ giữa thế kỷ 19. Trước kia, Yokohama chỉ là một làng đánh cá nằm dọc theo lộ Tokaido trở thành hải cảng năm 1859, khi những đợt dân ngoại quốc như Trung Hoa, Anh quốc đến sinh sống, đã biến hải cảng này thành hải cảng lớn nhất vùng châu Á từ những năm đầu 1900. Năm 1923, một trận động đất mang tên Kanto đã làm hư hại 95% thành phố, sát hại 40,000 người. Tiếp theo trận đại chiến thế giới lần thứ II với những trận dội bom của lực lượng đồng minh đã hủy hoại hết nửa thành phố. Sau khi, Nhật hoàng đầu hàng năm 1945, chiến tranh chấm

dứt. Quân đội Hoa kỳ đặt căn cứ quân sự tại đây. Cho đến thập niên 1970, Yokohama trở thành một trong những hải cảng lớn nhất Nhật bản.

Khi đến Yokohama, Midori đưa em đến thăm Minato Mirai 21 là một bến tàu hiện đại, với lối kiến trúc sáng tạo tân kỳ có thể chống động đất. Nơi này với "Landmark Tower" khánh thành năm 1993 do kiến trúc sư Stubbins, người Hoa kỳ xây dựng cao 296 mét (971 ft), đó là một cao ốc cao nhất của Nhật bản, nơi đây sử dụng thang máy tân kỳ có tốc độ nhanh 750m/ phút (2,500 ft/ per minute). Cao ốc có tầm nhìn 360 độ quang cảnh chung quanh.

Anh Nguyễn thân mến,

Đi đến đâu, em có thói quen thích viếng thăm: Viện Bảo Tàng, Khu Phố Tàu, Khu chợ trung tâm, khu ăn uống, vui chơi... trước khi đến những thắng cảnh khác. Biết ý thích của em nên Midori đã rủ em đến Yokohama Museum of Art. Bảo tàng viện này trưng bày những sưu tập nghệ thuật hiện đại, những tấm ảnh in lớn cảnh thành phố xưa và nay. Em thích nhất là bảo tàng NYK Maritime Museum trình bày đầy đủ lịch sử những tàu thuyền với nhiều chi tiết và mẫu thu nhỏ các loại tàu thuyền, cảnh động đất năm 1923.

Đi dạo theo công viên Yamashita Park, du khách có dịp ngắm xem những chiếc thương thuyền hiện đại rất lớn tấp nập ra vào bến cảng kể cả chiếc Hikawa Maru là thương thuyền chở khách rất nổi tiếng phục vụ đường thủy nối liền hai thành phố Nhật-Mỹ Yokohama-Seattle trong những năm 1930-1960 và chiếc cầu màu trắng "Yokohama Bay Bridge" dài 860 mét (2,800 ft) khánh thành năm 1989.

Người Hoa Kiều đến cư ngụ tại một nơi nào ngoài nước Trung Hoa của họ củng cố gắng xây dựng một khu "Chinatown", phố Tàu với cổng tam quan, cổng chào, chùa chiền theo lối kiến trúc đặc thù của họ. Tại thành phố này, theo tài liệu cho biết chỉ có chừng 2,500 Hoa Kiều mà vẫn có một Chinatown rất lớn. Rất nhiều tiệm thuốc Bắc, tiệm chạp phô, tiệm kim hoàn, kim cương, ngọc trai, quán ăn, hơn 150 nhà hàng ăn (restaurants), những siêu thị, khách sạn do người Tàu xây dựng và làm chủ. Người dân bản xứ gọi nơi này với một tên thân thương " Chinatown, the largest of Japan's few Chinatowns". Ăn điểm tâm, ăn trưa, ăn tối, ăn khuya... trong những quán ăn không giờ nào, ngày nào đóng cửa nghỉ xả hơi cả.Thức ăn ngon nhưng tương đối rẻ tiền so với giá rất đắt đỏ tại Nhật bản.

Khu chính của chùa Kanteibyo Temple, xây dựng năm 1887, là nơi thờ phượng vị anh hùng của Trung Hoa là tướng Quan vũ " Kwan-yu " tức Quan Công, ngày xưa tượng trưng cho vị Thần chiến tranh, nhưng theo quan niệm của Hoa kiều tại đây ông là vị thần hộ mạng về tiền bạc, buôn bán và thịnh vượng. Khi vào đền thờ Quan Vũ, em cũng theo mọi người khách hành hương, quỳ xin một lá xăm, bói quẻ cho em và một lá xăm riêng cho anh. Cả hai đều TỐT trong năm Kỷ Sửu này.

Anh Nguyễn thân mến,

Đứng trước những thành phố mà em đã viếng thăm, em tự nghĩ: nước Nhật, dân Nhật của em rất cần cù làm việc, có nhiều sáng kiến, có kỹ thuật... nhưng cứ gặp thiên tai, động đất liên miên. Công trình xây dựng lên

một thời gian lại bị tàn phá, phải bỏ ra rất nhiều của cải, công sức tái thiết lại. Em chợt nhớ những câu chuyện nói về nước Việt của anh mà anh đã kể cho em nghe. Hàng năm cũng thường bị thiên tai, bão lụt tàn phá. Đặc biệt thành phố cổ Hội An về mùa mưa bão, nước dâng cao trong các đường phố, phải dùng phương tiện như ca nô, ghe thuyền đi lại rất thơ mộng như thành phố Vénice bên Italie, còn có một di tích của Nhật kiều từ nhiều thế kỷ trước đây là "Nhật Bản Kiều" (Chùa cầu Nhật bản). Theo truyền thuyết nơi đây do Nhật kiều xây dựng với mong ước thờ một vị "Trấn Võ Bắc Đế "(Emperor of The North), theo Lão giáo tôn xưng "Taoist God" để kiểm soát Mưa, Gió, Bão, Lụt, Động Đất, Sóng Thần... cho xứ "Phù Tang Tam Đảo" có thanh gươm thần "ếm bùa" để trừ con Cù (?) có cái đuôi hay quậy nằm bên nước Nhật mà cái đầu hay mình gì đó ở bên Việt Nam, gây ra những trận động đất bên xứ Phù Tang.

Nhờ vậy, nước Nhật cũng bớt động đất!

Em mới đọc báo Nhật đăng tin Hoàng Thái Tử Nhật Bản lần đầu tiên sang thăm chính thức Việt Nam, đã đến viếng "Lai Viễn Kiều" hay "Nhật Bản Kiều " (Pont du Japonais).

Khi nào em học xong, trở lại Hoa Kỳ, anh có muốn đưa em về thăm di tích cổ này không? Mà em muốn cùng anh đi thuyền ngắm nước lụt đó! Thật "Romantique!" phải không anh?

Nhớ anh nhiều! Hôn anh. *Michiko*

PD – Trương Duy Cường
(MICHIKO"Bút ký du lịch)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

KHÚC CHIỀU XUÂN

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Họa bài Khúc Chiều của Nguyễn Vô Cùng.

Ướm hỏi bao giờ tàn dấu cũ?
Vết đà in bước dặm chân qua
Đỉnh sầu phơi nắng mưa vàng võ
Nước mạt chìm sương khói nhạt nhòa
Biển réo sóng gầm vang tiếng dội
Gió lùa mây lướt vọng lời ca
Hắt hiu nỗi đoạn trường tăm tối
Nhợt nhạt loang theo bóng xế tà

Xế tà chậm rãi xuống bờ tây
Cánh nhạn bơ vơ lạc cuối ngày
Sương với mù cao tầng lững thững
Mây đùn đỉnh biếc ngọn lung lay
Chiều hồn hoài vọng u hoài mắt
Hát khúc tương giao méo mó mày
Quán trọ mỏi mòn thương cố quận
Chiều rơi buồn bã thấm men say

Men say gợi một khung trời nhớ
Bóng phố xa xăm rướm lệ sầu
Nào núi rừng im chìm bóng tối
Và sông biển động lạc đêm thâu
Vườn heo vắng vẻ hiu bờ ngõ
Núi tạnh chon von hắt đỉnh đầu
Nỗi đắng cay cùng trăm vạn nẻo
Ngập tràn chất ngất triệu niềm đau

Niềm đau nhức nhối sáng trưa chiều
Bóng tối u hoài phủ tịch liêu
Con tim khắc khoải ù cơn nhức
Thân thể tiều suy vẹo bước xiêu
Chén rượu trần tình ly chuốc cạn
Bát cơm dâng tạ hạt bòn thiu!
Kiếm gãy tay cùn thân diện bích
Đành thôi ôm hận nói chi nhiều

Nói chi nhiều oái oăm tàn cuộc!
Tiếng vọng hồn thiêng mãi thét gầm
Thì đã tỏ - phường gian: ngọng... điếc
Và còn biết - lũ bạo: mù... câm
Qua sông nín thở đời im ắng
Xô đất vùng lên sóng cuộn ngầm
Cơn bão xoay chiều vần thế cuộc
Tiếng hờn nhược tiểu khắt lời ngâm

Ngâm kỹ niềm đau, ván đóng thùng
Góp bao cay đắng nỗi niềm chung
Đời xưa phá Tống qua toàn cõi
Mà tại... dâng Quan, rút cả vùng
Bán nước phường chèo mong giữ ghế
Ham quyền đám hát hám ăn lung
Lòng căm âm ỉ từ trăm họ
Sẽ đốt lên cao lửa cháy bùng

Bùng lên oanh liệt khắp nơi nơi
Đứng thẳng hiên ngang giữa cõi trời
Xé đám mây mù che ánh thắp
Vun bầu nhiệt huyệt quét tàn vơi
Người đi lớp lớp dâng hồn nước
Sóng dậy trùng trùng ngập tiếng đời
Xoay bước ngoặc nhanh quay trở lại
Muôn lòng thanh thản với làn hơi

Làn hơi nhận bản chuyển sang mùa
Vẽ lại cơ đồ non nước xưa
Đường làng bướm lượn hoa trêu gió
Ngõ xóm cây vương chắn bão lùa
Xế bóng tà dương còn mẫn cán
Vẽ vòng nhật nguyệt dẫu già nua
Gom bao chí lớn trong thiên hạ
Nên lũy thanh cao chận gió mưa

Gió mưa thuận hướng đời hoan hỷ
Chung đắp bồi xây mộng tốt lành
Giữa cõi thênh thang trùng hoa thắm
Một trời rộng rãi điệp rừng xanh
Nghe trong lòng đất đâm chồi nụ
Và giữa nhân gian trẩy lá cành
Máu mủ rồng tiên quay lại cội
Thiết tha hoài vọng bỏ chi đành
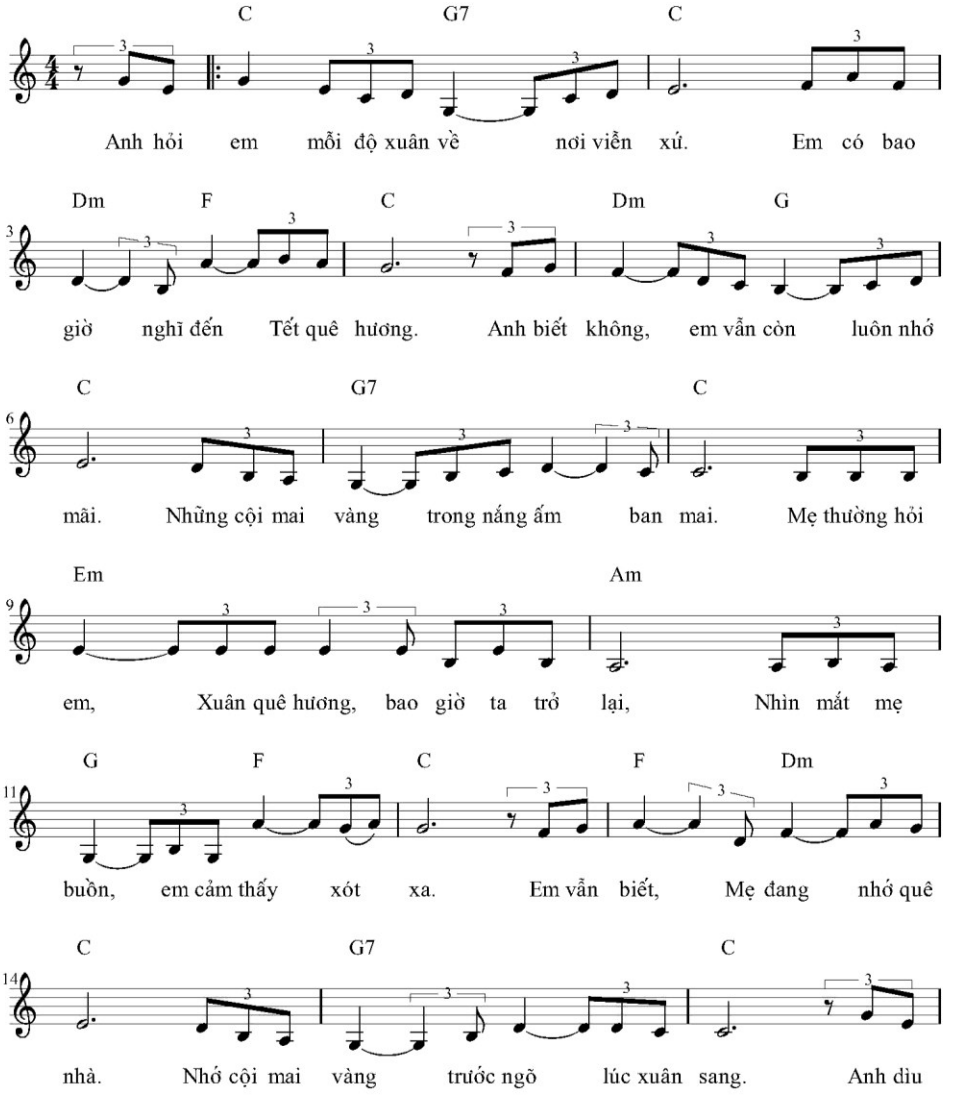
Đành bỏ đằng sau, hỡi những ai
Bao nhiêu gian khổ tháng năm dài
Sử xanh hậu thế còn ghi lại
Tà thuyết giáo điều hết sống dai
Gấm vóc giang sơn cần bảo vệ
Sộng hồ biển cả phải vun mài
Vần thơ vỡ rạn từ tâm huyết
Rạng ánh xuân nồng một sớm mai.

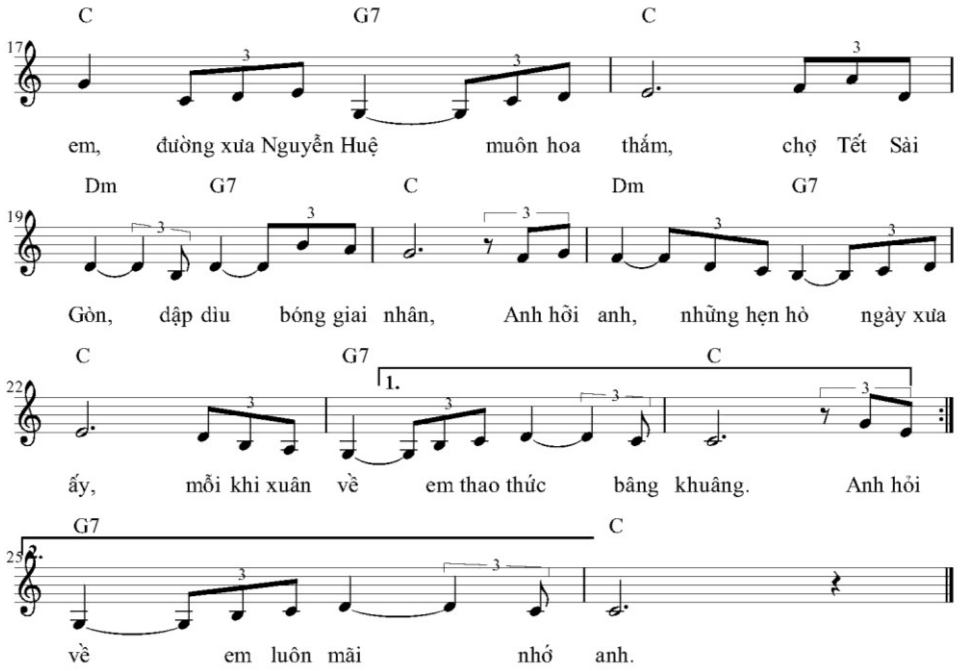
Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
San Jose

Xuân Viễn Xứ

Thơ: Hồng Thủy

Nhạc: Nguyễn Ánh 9





SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

PRINCIPAL BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

BÀN SÁCH BÁO CỎ THƠM CHỢ TẾT ẤT MÙI

Tôi đã từng theo Nhà văn Trương Anh Thuy và Biên khảo gia Nguyễn Ngọc Bích bán sách báo ở Chợ Tết Hội Cao Niên nhiều năm. Lần nào cũng giữ một bàn cạnh Tô Hợp Xuất Bản Miền Đông và Cành Nam. Nhưng mấy năm gần đây tôi chỉ đi chơi chợ Tết với con cháu xem hoa, mua quà và sách báo mới của Tổ Hộp và Cành Nam vì tôi và các tác giả Cỏ Thơm khác cũng không có sách mới.

Năm nay, Biên khảo gia Phạm Văn Tuấn xuất bản hai bộ sách "Nhà Văn Và Tác Phẩm" và "Danh Nhân Trong Lịch Sử" mỗi bộ gồm 2 quyển gần 1000 trang. Tôi rủ anh Tuấn đem sách ra chợ bán với sách báo Cỏ Thơm khác, anh đồng ý. Chúng tôi mời và được một số tác giả Cỏ Thơm hưởng ứng tham dự sinh hoạt này. Hứng khởi anh Tuấn muốn có bàn bán sách báo cả hai ngày tại chợ Tết Hội Cao Niên và chợ Tết Cộng Đồng, 14 v à 15 tháng 2, 2015. Tôi nhờ chị Thụy và anh Bích đặt giùm một bàn bên cạnh bàn của Tổ Hợp và Cành Nam tại mỗi chợ Tết cho vui. Anh, chị cũng là tác giả Cỏ Thơm kỳ cựu nhất mà.

Thế rồi tôi nghĩ đến bên Tổ Hợp-Cành Nam có một cái giá sách nhỏ mỗi năm vẫn đem ra chợ để bầy sách rất đúng cách. Cái giá bằng nan sắt, sơn trắng có mấy tầng cao và năm ngả ra phía sau. Quyển sách nào bầy lên giá cũng được nhìn thấy toàn diện nếu không bị để chồng lên nhau. Tôi hỏi chị Thụy mua cái giá đó ở đâu. Chị nói, chị không mua nó ở đâu cả. Một hôm đi qua cái tiệm Best Buy chị thấy mấy cái giá đó bị vứt ra ngoài đường chờ xe đổ rác tới đem đi. Chị vào hỏi, thì họ nói lấy hết đi cũng được. Thế là chị chở tất cả về. Nhưng thường là chị chỉ dùng có một cái. Mấy cái còn lại cứ để đống trong *garage*. Anh Long chồng chị đã vứt đi hết chỉ còn có một cái rất bụi bẩn.

Tôi mừng húm, hỏi mượn chị và vội vàng đòi đến lấy ngay hôm hỏi chị vì hôm đó trời mùa đông sau New Year rồi nhưng nắng ráo và không lạnh lắm. Những ngày khác trong tuần tôi đều có công chuyện bận. Đến nhà chị tôi lùi xe vào drive way cả chục lần mới đúng vị trí để dễ đặt giá sách vào *trunk* xe. Nhưng than ôi, chị Thuy và tôi hì hục mãi cũng không nhét cái giá sách vào thùng xe hay ghế sau của xe được. Chị Thụy cứ la lên: "Cô hành cái xe của cô quá… Sát sướt hết xe rồi!" Thế là tôi và chị Thụy lại khệ nệ khiêng cái giá trở lại vị trí cũ của nó trong nhà để xe. Tôi nói với chị Thụy, tôi sẽ nhờ cậu con trai ở gần nhà có cái xe *van* lớn, hôm nào tới lấy cái giá sách vậy. Khi đem nó ra chợ Tết cũng sẽ phải nhờ đến cậu con thôi.

Chị Thụy tội nghiệp Ngọc Dung: "Cô vất vả thế này thì tôi tặng cô luôn. Thôi vào nhà, tôi có món này cho cô ăn trưa, khỏi đi đâu ăn cả". Trước khi đến chị, tôi tưởng cho cái giá sách vào xe dễ lắm nên mời chị sau đó đi ăn trưa. Nhưng chị cũng đã từ chối vì mỗi lần đi ra ngoài đối với chị và tôi không phải dễ vì đấng phu quân đã trở lại tuổi trẻ thơ cả rồi. Trưa đó chị đã cho tôi ăn món cà chua nhồi thịt, rau riếp trộn *sauce* cà chua thật ngon miệng. Mẹ tôi ngày xưa hay làm món này vì bố tôi rất thích, từ ngày xa xứ tôi đã quên đi. Vài ngày sau tôi cũng làm cà chua đó cho vợ chồng tôi ăn. Nhưng tôi đoảng quá, mua lầm thịt lườn gà tây, nên thịt nhồi thịt vừa khô vừa cứng công cốc, không nuốt nổi. Tôi hẹn với mình sẽ làm lại món cà chua *farci* này.

Trở lại chuyện cái giá sách. Hôm đó trên đường về nhà, tôi ghé qua một tiệm bán các

đồ dùng trong nhà. Họ có rất nhiều giá sách nhưng không có cái nào nhỏ và nhẹ như cái của chị Thuỵ. Về đến nhà tôi lấy thước đo chiều ngang bên trong cái xe của tôi rồi e-mail cho Nhà văn Phạm Văn Tuấn kể lể sự tình. Tôi hỏi bên trong ghế sau của xe anh rộng bao nhiêu? Xe tôi rộng 56 inches mà nhét cái giá sách không lọt. Anh trả lời, xe của anh cũng chỉ rộng cỡ đó. Nhưng anh có cưa sắt, cưa nó ra làm hai, rồi làm cho mỗi nửa thêm một cái chân gỗ chống nó lên vững chắc. Anh đã có đủ đồ nghề ở nhà rồi.

Tôi gọi chị Thuỵ và xin một ngày trong tuần sau sẽ đi cùng với anh Tuấn đến cưa cái giá sách. Hôm đó anh đến đón tôi đúng 9 giờ sáng. Đến nhà chị Thuỵ, Anh Tuấn cũng mời chị:

"Xin mời anh chị đi ăn trưa sau đây. Chị có biết tiệm nào gần đây không?"

Chị Thuỵ nói ngay:

"Tôi có biết một tiệm rất gần mà anh không phải đi một bước nào cả. Tôi đã có sẵn món ăn cho hai người rồi.

Trời mùa đông vẫn lạnh, không thể làm việc ngoài *garage* được. Chị Thụy bảo chúng tôi mang cái giá sách vào trong nhà. Chị trải một cái bạt lớn giữa phòng khách để chúng tôi đặt cái giá sách lên. Cái cưa thì nhỏ. Cái nan sắt thì cứng. Cưa được hai ba cái nan, anh bỗng nói:

"Quên mất không thử để vào xe xem có vừa không trước khi cưa nó."

Nhưng lỡ rồi thì phải cưa tiếp. Và, chỉ nửa giờ sau Biên khảo gia Phạm Văn Tuấn đã cưa cái giá sách rời làm hai nửa. Anh đem chúng để vào đệm sau xe một cách dễ dàng, nhẹ nhõm. Hôm đó chị Thụy có món cari gà hết sẩy, bánh chưng chiên thơm ròn. Món đậu phụ rán ỉu sìu do tôi phụ chị chiên. Tôi bầy chuyện đậu phụ không chấm tương Cự Đà làm ở Maryland mà chấm thử soy sauce bỏ hành lá nên tôi chiên đậu còn non nên trông nó mới nhăn nhúm xấu xí là vậy, nhưng ăn thì vẫn ngon ngậy… Anh Tuấn cứ thắc mắc chúng tôi nợ chị Thuỵ một bữa ăn, sẽ phải tìm dịp mời trả nợ.

Hai tuần lễ trước chợ Tết ngày nào tôi cũng coi thời tiết trên xem ra sao. Hồi hộp nhưng tôi vẫn tự trấn an, mình bán sách chứ đâu phải bán thức ăn. Trời tuyết lưa thưa thì đi, bão tuyết thì ở nhà, Cuối cùng ông thời tiết cho biết ngày 14-2 trời lạnh 40F^{o}, có mây, có nắng. Ngày 15-2 hàn độ xuống 20F, tuy ết 1-2" nhưng gió mạnh lắm.

Thế rồi trước ngày chợ Tết 14-2, anh Tuấn báo tin chợ Tết không có bản đồ xếp chỗ cho bàn nào cả. 7 giờ chợ Tết mở cửa cho bạn hàng vào, mạnh ai người đó chiếm chỗ thôi. Tôi khổ sở nói:

"Tôi không thể đi sớm như thế được, vì còn phải lo cho ông chồng trước khi ra khỏi nhà. Và tôi cũng vừa hẹn với Nhà văn Diệm Trân đến tôi cùng đi lúc 8 giờ 15.

"Đừng lo, tôi sẽ đến giữ chỗ 7 giờ sáng mà, chị và Cô Diệm Trân cứ đến đó trước 9 giờ khi chợ Tết mở cửa cho khách hàng là được. Thế bây giờ nên chọn chỗ nào?"

Tôi lại điện thoại hỏi chị Trương Anh Thuỵ mọi điều và nói lại với anh Tuấn giữ hai bàn cho Cỏ Thơm và Tổ Hợp-Cành Nam liền nhau, ngoài hành lang cho thoáng khí, đỡ ồn ào.

Vì trời lạnh Nhà văn Diệm Trân đã gọi tôi và nói "Em sẽ không mặc áo dài vì trời lạnh lắm."

Tôi đồng ý, nói thêm: "Nhưng chúng mình mặc màu mè một chút cho có vẻ Tết."

Đêm đó, tôi treo sẵn ra ngoài tủ, cái quần ống loe, dầy màu đen, cái áo len *cashmere* màu sen hồng, . àng tơ sống sọc ngang nhiều màu với cổ áo, tay áo và gấu áo gắn cườm màu vàng. Nhà văn Ỷ Nguyên cũng dặn tôi phải mặc đẹp để phu quân nàng là anh Phạm Bá chụp hình cho chúng tôi.

Về sách báo, tôi đã để sẵn hai nửa thùng và cái kéo thùng sách có bánh xe vào - xe từ mấy hôm trước. Tiền thối, giấy 1 đồng, 5 đồng 10 đồng tôi cũng để vào bao riêng trong xách tay. Tôi yên trí lên giường kiểm với cái *mini iPad* và đi vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Sáng 02/14 là Valentine's Day, tôi tỉnh ngủ lúc hơn sáu giờ, với tay lấy cái *mini iPad* ở đầu giường xem thời tiết và mừng hôm nay trời lạnh, âm u sáng sớm, nắng lên buổi trưa. Tôi lo sạch sẽ cho ông chồng, dọn bàn ăn sáng với hai cái bánh *waffles* và ly cà phê cùng tấm thiệp Valentine cho ổng. Trên bàn đã có sẵn một bình hoa cẩm chướng màu đỏ. Tôi ôm nhẹ ông chồng ngồi xe lăn và chúng tôi cùng chúc nhau "Happy Valentine's Day!" Tôi để lại cái giấy dặn dò cậu con trai cả trong tủ lạnh có bún bung cho hai người ăn trưa. Món gì có rau, cà chua, hành ngò là chồng con tôi thích lắm. Nguyên Thủy sẽ đến coi Daddy vào lúc 10 giờ.

Tôi vừa trang điểm, quần áo tươm tất xong thì Nhà văn Diệm Trân cũng vừa tới rung chuông ngoài cửa. Dặn dò ông xã đang coi báo và xem TV vài câu, tôi ra xe ngay. Trời âm u, gió lạnh nhiều hơn ông thời tiết thông báo. Tôi mặc cái áo bông không thấm mưa tuyết và có mũ, phòng xa chiều nay về muộn có tuyết rơi. Diệm Trân đem một giỏ sách vào xe tôi. Tôi vặn cái máy chỉ đường GPS phòng hờ loanh quanh vùng chợ Tết có thể lạc.

Xe của chúng tôi chạy một lèo trên xa lộ và theo GPS tới bãi đậu xe của trường học không có vấn đề gì. Chưa tới 9 giờ, giờ mở cửa chợ Tết, nhưng xe bạn hàng đã gần đầy bãi đậu xe. Tuy nhiên chúng tôi cũng tìm được chỗ đậu gần cửa sau cho bạn hàng đưa đồ bán chợ. Hai bà tác giả nhỏ bé đang loay hoay với hai thùng sách báo trong xe thì một cậu Phật tử sốt sắng tới giúp kéo luôn hai thùng sách báo của Cỏ Thơm và giỏ sách của Diệm Trân vào tận chợ.

Chợ Tết là phòng ăn khá rộng của trường học. Đã đông bạn hàng nhưng cũng còn nhiều phòng trống. Chúng tôi gặp ngay Nhà văn Phạm Văn Tuấn và Biên khảo gia Nguyễn Ngọc Bích ngoài hành lang. Tôi reo lên vui mừng khi thấy hai nửa cái giá sách xinh xắn, vững vàng trên bàn có khăn trải màu xanh lơ. Anh Tuấn kiêm cả thợ mộc khéo léo đã làm cho mỗi nửa giá sách một cái chân gỗ vững chắc.

Bàn bên cạnh cũng trải khăn cùng màu của anh Tuấn. Anh Nguyễn Ngọc Bích đang lui cui với sách báo ngổn ngang trên bàn và thùng này thùng nọ dưới đất. Tổ Hợp-Cành Nam có nhiều sách cũ, sách mới xuất bản và sách của nhiều tác giả các nơi gửi bán.

Chúng tôi bắt tay vào sắp xếp sách báo Cỏ Thơm lên giá và lên bàn: *Tác Phẩm Và Tác Giả, Danh Nhân Trong Lịch Sử* của BKG Phạm Văn Tuấn; *Văn Khảo* của BKG Trần Bích San; *Náo Nức Hội Trăng Rằm, Thập Thúy Tầm Phương*: của NV Hồ Trường An. *Ca Dao* của BKG Nguyễn Văn Nhiệm; *Unforgettable Kindness, Two Sisters* của DG Diệm Trân; *Tìm Một Cõi Về* và *Sôi Nổi* của NV Nguyễn Lân; *Non Nước Đá Vàng, Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội, Một Thoáng Mây Bay,Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, *Trúng Số Độc Đắc,Tuyết Aka Elizabeth* của NV Phạm Hữu Bính; *Khúc Vô Thanh, Trăng Nhớ Đêm Rằm, Giấc Mơ Đời* của NT Bùi Thanh Tiên; *Hoài Cảm* thơ xướng họa của Hồ Trường An, Phan Khâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung; *Giữ Mãi Giùm Anh* của NT Uyên Phương Minh Nguyệt; *Cỏ Thơm* số Tết và nhiều số báo đặc biệt cũ.

BKG Phạm Văn Tuấn kiêm cả NAG bắt đầu sử dụng máy ảnh và chụp bàn sách báo và cho chúng tôi nhiều hình rực rỡ màu Tết. Một lát sau anh chị NV Nguyễn Lân- Diễm Hoa, anh chị NV Phạm Hữu Bính, Nhà Thơ

Bùi Thanh Tiên đem sách tới. Thế rồi cặp uyên ương NV Phạm Bá, Ỷ Nguyên, Nhà thơ Phan Khâm, Nhà báo Nguyễn Thiệp, BKG Phạm Trọng Lệ, NAG Nguyễn Quốc Khải tới. Tiếng chào hỏi, bông đùa, tiếng cười rộn rã.

Ỷ Nguyên cho Ngọc Dung một lọ ô mai gừng cam thảo *crensberries* và một cái bánh chưng rền nếp vuông vắn do chính nàng làm. Tôi thử ngay ô mai, ngon tuyệt trần đời và để vào cái đĩa nhỏ đưa mỗi người nhón nếm một chút tị, cho biết cái ngon cái khéo của Ỷ Nguyên thôi. Nhà văn này đang đà tiến triển viết hồi ký trong báo Cỏ Thơm. NAG Anh Bá và Nguyễn quốc Khải cũng bắ đầu hành nghề, chụp hình đủ kiểu bàn sách báo và chúng tôi. Anh Lệ lì- sì cho Cỏ Thơm một bao thư xanh với tờ giấy $100 mới tinh, thơm phức. Anh Lệ cũng như anh Tuấn luôn luôn hào sảng với Cỏ Thơm.

Anh Phạm Văn Tuấn, Diệm Trân và tôi đi mua bánh bao, chả giò, sôi, gỏi cuốn, paté shaud, bánh phồng tôm trong chợ để mời các quý vị tác giả Cỏ Thơm. Sau bàn sách báo chúng tôi để thức ăn và thay phiên nhau ngồi xuống ghế nghỉ chân, ăn quà Tết. Dù có nước của anh Tuấn cung cấp, nhưng những món này khô khan quá, Mùi bún riêu, bún bò, bánh canh trong phòng bán thức ăn đưa vào khứu giác, thèm quá, sẽ không bỏ qua được.

Nhờ Diễm Hoa, Nguyễn Lân, Ỷ Nguyên và Bùi Thanh Tiên bán hàng, tôi và Diệm Trân rủ nhau đi một vòng phòng ăn. Hàng Tết bánh chưng, giò chả, chả giò, bánh cuốn, thịt bò khô đu đu, bánh mứt trái cây la liệt, không thiếu thứ gì. Hoa cúc đại đoá, hoa mai đào đỏ bonsai, chậu quất trĩu quả, phong bao, tràng pháo đỏ, màu Tết quê nhà. Tiếng ca, tiếng hát, tiếng quảng cáo từ loa phóng thanh hòa tiếng chảo hỏi của bạn hàng và khách dạo chợ. Mùa đông giá lạnh tuyết băng mà có một nơi để đồng bào tụ họp náo nức tống cựu nghinh Tân, chờ Tết đến, đón xuân sang là may mắn lắm rồi. Chúng ta phải cảm ơn Hội Cao Niên và Cộng Đồng đã bỏ rất nhiều công sức và thời giờ tổ chức chợ Tết cho chúng ta tìm hương vị tưởng nhờ quê hương.

Mùi bún riêu hấp dẫn nhất trong chợ, Diệm Trân và tôi đồng ý ngồi xuống hàng bán món này. Hai tô bún riêu nóng bốc khói, thơm mùi gạch cua vừa đặt lên bàn thì loa phóng thanh kêu gọi mọi người đứng lên làm lễ chào cờ. Tổ quốc trên hết, mọi người đều ngừng ăn uống, nói chuyện và đứng nghiêm chỉnh hướng về hai lá cờ Mỹ, Việt đặt hai bên bàn thờ tổ tiên có cây nêu, cành pháo, câu đối, hương trầm nghi ngút Một em gái hát bài quốc ca Hoa Kỳ rất suất sắc và đồng bào cùng hát quốc ca Việt Nam.

Xong nghi lễ chào cờ và mặc niệm, tô bún riêu của chúng tôi vẫn còn nóng và vẫn ngon ngọt như vị nhà nấu. Phải có lời khen các bà mẹ của gian hàng bún riêu Hướng Đạo vùng Hoa Thịnh Đốn đã nấu bún riêu rất khéo và đậm đà, có cả rau riếp, rau bắp chuối, mắm tôm, chanh, ớt. Diệm Trân và tôi thưởng thức tận cùng vì đang đói. Chúng tôi bảo nhau, ngày hôm sau họp chợ nếu có bún riêu lại ăn nữa. Nhưng ngày hôm sau hàn thử biểu xuống tới 16 độ F, gió thổi 60 mph (dặm giờ) , buốt da sẻ thịt. TV chiếu nhiều tai nạn xe cộ trơn trượt trên đường và khuyến cáo mọi người không nên ra khỏi nhà. Nếu bắt buộc phải ra đường thì phải che đậy tất cả các phần thân thể. Diệm Trân, anh Tuấn và tôi đều đồng ý ở nhà. Chợ Tết hôm trước đã gặp đông vui văn thi hữu và hào hứng bán sách báo rồi. Thời tiết ác nghiệt như vậy, nên ở nhà tránh tai nạn rủi ro.

Trở lại với bàn bán sách báo Cỏ Thơm hôm trước. Người đông chen chật lối đi. Có những lúc hành lang đông chật, chúng tôi phải đứng lên ghế đặt sau quầy hàng cho cao

hơn giá sách để mời chào người quen biết và khách đi chợ. Nhờ sự mau mắn của Diễm Hoa, Diệm Trân, Ỷ Nguyên và sự có mặt của các văn thi hữu khác, tác giả Cỏ Thơm nào cũng bán được vài cuốn sách. Có người mua hai tập thơ của Nhà thơ Bùi Thanh Tiên $25 nhưng ủng hộ luôn cái giấy $50, không lấy tiền thối. BKG Tuấn bán được hai bộ sách. Có người mua báo Cỏ Thơm vì có thơ của Diễm Hoa, truyện của Nguyễn Lân. Diệm Trân cũng bán được sách cho vài người quen. Bà Chi người Hà Nội xưa, mua *Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội* vì Diễm Hoa giới thiệu. Anh Nguyễn Thiệp chọn mua quyển *Một Thoáng Mây Bay* của Nguyễn Thị Ngọc Dung vì chưa có. Thực ra tôi chỉ định trưng bày quyển sách này cho thêm mặt hàng vì còn 6 cuốn trong tủ sách. Nhưng vui quá, tôi quên ý định, để *Một Thoáng Mây Bay* luôn. Một ông bố trẻ tay dắt con, tay túi to, bịch nhỏ vừa ghé mắt nhìn bàn bàn sách báo cũng bị Ỷ Nguyên, Diễm Hoa, Diệm Trân tới tấp mời kéo. Độc giả trẻ này phải thích đọc, yêu sách nên mua luôn 5 cuốn Cỏ Thơm mới và cũ… Đa số sách báo của tác giả Cỏ Thơm đã bán được nhiều trong vùng. Chúng tôi có bàn bán sách để vui gặp gỡ nhau và chào hỏi độc giả mà thôi.

Khoảng hai giờ chiều cô con dâu tôi đưa hai con tới thăm chợ Tết Việt Nam. Múa lân vẫn còn trống chiêng rộn rã quanh chợ mấy lần. Các em trong đoàn múa lân khoẻ mạnh, khôi ngô tuấn tú, ăn mặc rất lộng lẫy như đầu lân, mình rồng vậy. Hai cháu tôi mấy năm về trước thấy múa lân sợ, ôm chặt hay úp mặt vào người mẹ không dám nhìn lân. Năm nay một cô 13 tuổi một cậu 10 tuổi đã dám chăm chú nhìn lân múa. Tôi đi một vòng chợ với con dâu và hai cháu nội. Con dâu Mỹ của tôi cũng theo một chút phong tục bên chồng, chọn mua một xấp phong bao đỏ để về bỏ tiền mừng tuổi ngày mùng một Tết cho hai con và bạn bè chúng qua chơi. Cậu cháu nội tôi thì chỉ thích trò chơi ném tên lên bàn xoay để lấy giải thưởng. Nhưng ném cả ba lần toàn được đồ chơi rẻ tiền. Cậu cháu tôi năm nào cũng đòi mẹ mua cho cung kiếm bằng nhựa cứng, nhưng mẹ chỉ cho mua một cái kiếm bằng ny lông thổi phồng như bóng thôi. Cô cháu nội tôi chỉ e lệ nhìn các mặt hàng nữ trang, khăn quàng, quần áo nhưng chẳng mua gì. Con bé đã trổ mã ra phết. Trở về bàn sách báo của Cỏ Thơm, tôi biết ngay hai cháu tôi sẽ dừng lại hàng *cotton candy* của mấy cậu cỡ học trò trung học, bên cạnh bàn Cỏ Thơm. Có lẽ bàn *cotton candy* này đắt hàng hơn tất cả các bàn khác trên hành lang.

Lúc này đã 3 giờ chiều. Vài bạn hàng đã thu dọn bàn ra về. Hôm nay là ngày Valentine, nên Diệm Trân cũng muốn về nâng ly rượu hồng với đấng phu quân. Anh Tuấn cũng đồng ý, chúng tôi đủ vui ngày hôm nay rồi và thu dọn bàn sách báo. Anh Tiên phụ anh Tuấn đem sách và hai cái giá sách nhỏ ra xe. Ngày mai lại đem đến. Nhưng như đã nói trên, ngày hôm sau chúng tôi không ra chợ bán sách báo nữa. Con dâu tôi kéo giùm hai thùng sách nhẹ hơn lúc mang đi. Đó là lý do con cháu hai giờ mới tới chợ để phụ tôi lúc ra về.

Trời âm u, gió lạnh nhiều hơn buổi sáng. Chúng tôi ra đến xa lộ và ngạc nhiên hôm nay là ngày nghỉ mà sao xe cộ đông đảo thế. Diệm Trân nói: "Bây giờ người ta mới đi mùa qua Valentine tặng nhau đấy." Quả nhiên đến đường rẽ vào một cái Shopping Mall lớn, xe cộ biến mất, Xa lộ lại thênh thang vắng. Chân trời mây kéo màu tro. Lất phất vài hạt tuyết bay nhẹ.

Về đến nhà, chờ Diệm Trân lên xe đi khỏi, tôi mới vào nhà và cảm động thấy cậu con trai tôi vẫn còn đó chờ mẹ về. Nguyên Thuỷ đến từ 10 giờ sáng, ăn trưa và coi đá banh với daddy, rồi đưa ông vào giường ngủ

đến lúc tôi về ổng cũng chưa dậy. Nguyên Thủy muốn đem bún bung về ăn với vợ nữa nên tôi đổ bún và bung vào đầy hai lon với hành ngò, chanh cho con trai. Bung của tôi chỉ có sườn, dọc mùng và cà chua thật nhiều. Cô con dâu Mỹ không ăn sườn. Tôi may mắn có dâu hiền, con trai biết lo cho gia đình và ở gần lo cho cả mẹ và Daddy. Nếu không có con trai giúp về vấn đề computer, chắc chắn là tôi không thể viết văn và làm báo được.

Xem ra các văn thi hữu Cỏ Thơm trong vùng hào hứng ra chợ Tết họp mặt nhau, bán sách báo, cười toe chụp hình, chụp ảnh, chào hỏi người thân quen và cho độc giả biết mặt, nhớ tên. Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn hẹn rằng sẽ cho in sách mới nữa để đem ra chợ Tết sang năm. Mong rằng các văn thi hữu khác sẽ có thêm tác phẩm mới. Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng hy vọng có một quyển sách trình làng để chúng ta cùng hội ngộ tại chợ Tết Bính Thân 2016.

Để kết thúc câu chuyện Cỏ Thơm bán sách báo chợ Tết Ất Mùi vừa qua, xin mời quý vị xem vài hình ảnh dưới đây.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

BÀN SÁCH BÁO CỎ THƠM CHỢ TẾT ẤT MÙI 2015
Hình: Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Quốc Khải, Phạm Bá



Từ trái: DG Diệm Trân, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NT Bùi Thanh Tiên, BKG Phạm Văn Tuấn. Bàn sách báo Cỏ Thơm có *tác phẩm của các tác giả* Phạm Văn Tuấn, Trần Bích San, Hồ Trường An, Nguyễn Văn Nhiệm, Diệm Trân, Nguyễn Lận, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phạm Hữu Bính, Bùi Thanh Tiên, Uyên Phương Minh Nguyệt, *Cỏ Thơm* số Tết và nhiều số báo đặc biệt cũ.

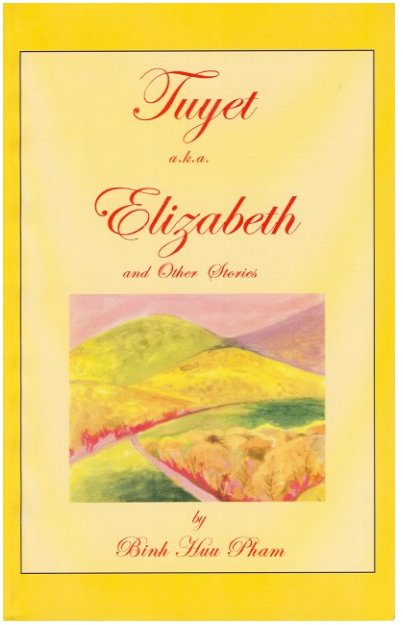


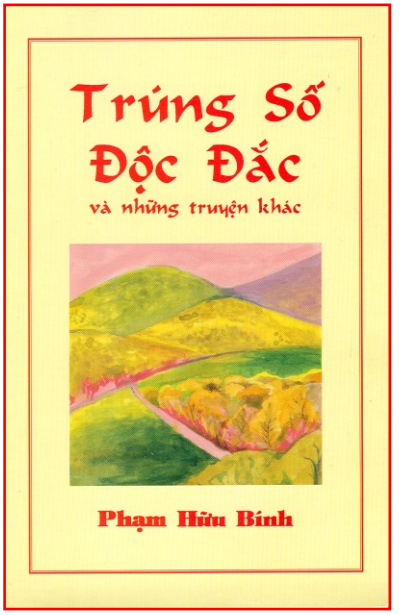

NV Bùi Thanh Tiên, NV Nguyễn Lân, NT Diễm Hoa, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung,
DG Diệm Trân. BKG Nguyễn Ngọc Bích, NV Trương Anh Thuy
tại bàn sách báo Canh Nam - Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông.



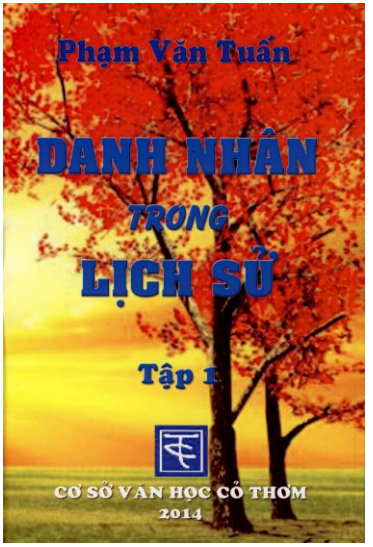

Bùi Thanh Tiên, Phạm Bá, Diệm Trân, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ỷ Nguyên,
Thuy RS, Kelly, Dzung và Mai.





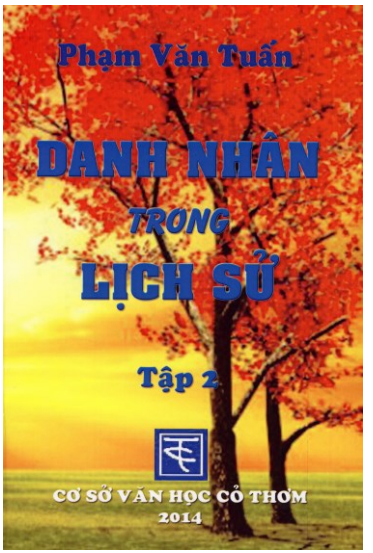


LIÊN LẠC TÁC GIẢ
familypham@aol.com



DANH NHÂN trong LỊCH SỬ - Tập 1.
Tác Giả: Phạm Văn Tuấn

1- Julius Caesar. 2- Napoleon Bonaparte. 3- George Washington.
4- Thomas Jefferson. 5- Benjamin Franklin. 6- Abraham Lincoln.
7- Franklin D. Roosevelt. 8- Dwight D. Eisenhower.
9- Douglas MacArthur. 10- Adolf Hitler. 11- Winston Churchill.
12- Joseph Stalin. 13- Vua Louis 14- Charles de Gaulle.
15- Thái Hậu Từ Hi. 16- Viên Thế Khải.
17- Các Đốc Quân Trung Hoa. 18- Tôn Dật Tiên.
19- Tưởng Giới Thạch. 20- Mao Trạch Đông.
21- Đặng Tiểu Bình. 22- Marco Polo.
23- Christopher Columbus. 24- Francisco Pizaro.
25- Mohammed. 26- Ptolemy.
27- Roger Bacon. 28- Antoni van Leeuwenhoek.
29- Nicolaus Copernicus.
30- Johannes Kepler. 31- Galileo Galilei.
Tập 1: 503 trang, giá bán $20, kể cả cước phí bưu điện (trong nước Mỹ).



DANH NHÂN trong LỊCH SỬ - Tập 2.
Tác Giả: Phạm Văn Tuấn

1- Blaise Pascal. 2- Rene Descartes. 3- Isaac Newton.
4- Charles Goodyear. 5- John Ericsson. 6- Simon Lake.
7- Rudolf Diesel. 8- Alfred Nobel. 9- Lee de Forest.
10- Guglielmo Marconi. 11- Marie Curie.
12- Albert Einstein. 13- Lise Meitner. 14- Niels Bohr.
15- Robert Oppenheimer. 16- Enrico Fermi. 17- Edward Teller.
18- Albert A. Michelson. 19- Konstantin Tsiolkovsky.
20- Robert Goddard. 21- Hermann Oberth.
22- Wernher von Braun. 23- George Eastman.
24- Henry Ford. 25- Igor Sikorsky. 26- Thomas A. Edison.
27- Nikola Tesla. 28- Charles Darwin.
29- Louis Pasteur. 30- Johann Sebastian Bach.
31- Wolfgang A. Mozart. 32- Ludwig van Beethoven.
33- Frederick Chopin. 34- Frank Schubert.
35- Leonard da Vinci. 36- Michelangelo. 37- Francisco Goya.
38- Claude Monet. 39- Pierre August Renoir. 40- Paul Gauguin.
41- Vincent van Gogh. 42- Amedeo Modigliani.
43- Henri Matisse. 44- Pablo Picasso. 45- Marc Chagall.
Tập 2: 510 trang, giá bán $20, kể cả cước phí bưu điện (trong nước Mỹ).

Liên lạc Tác Giả:
Mr. Tuan V. Pham, 13870 Rembrandt Way, Chantilly, VA 20151.
Email: tuanpham1387@hotmail.com

TỦ SÁCH CỎ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA
Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẰM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BÊN DÒNG THẠCH HÃN (2002) - Thơ Phan Khâm
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lân; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao Mỵ Nhân, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tằng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng
PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẰM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN về các tác giả
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tằng Giao
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm –
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM & DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ - Biên khảo của PHẠM VĂN TUẤN



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sàn nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày
- Lunch: $7.95
- Dinner: $9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

Giá báo: US$7:00